

JEAN GUISNEL VÀ BERNARD VIOLET

CÁC CƠ QUAN

TÌNH BÁO



PHÁP

(Thời tổng thống F.Mitterand)



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

-A.16-

LỜI GIỚI THIỆU

Xưa nay việc tìm hiểu và giới thiệu về hoạt động của các cơ quan tình báo, phản gián đều bị coi là vi phạm bí mật quốc gia, bị luật pháp cấm kỵ.

Đã có không ít cuốn hồi ký, bút ký, trần thuật, tự sự của nhiều quan chức tình báo Anh, Pháp, Mỹ... viết xong bị kiểm duyệt cắt xén nội dung, bị thu hồi, đình bản hoặc bị thiêu hủy. Đã có nhiều tác giả bị truy cứu trách nhiệm, bị trừng phạt nặng nề, bị dôi xir thô bạo và cuối cùng đành phải im hơi lặng tiếng.

Vậy mà Jean Guisnel và Bernard Violet đã vượt qua tất cả để viết cuốn:

CÁC CƠ QUAN TÌNH BÁO PHÁP - thời Tổng thống François Mitterrand" (Services Secrets le pouvoir et le Services de Renseignements sous la Presidence de François Mitterrand) do nhà xuất bản Khám Phá- Paris in và phát hành năm 1988.

Trong lời mở đầu, tác giả đã viết:

"... Để viết cuốn sách này, chúng tôi phải tiếp xúc, gặp gỡ nhiều nhà hoạt động đã nghỉ việc hoặc đang công tác tại các cơ quan tình báo và phản gián Pháp. Họ là

những nạn nhân của bản tính quá khích, quá hăng hái của các cơ quan bí mật, những viên chức dân sự, quân sự, các vị quan tòa, các chính khách, các thành viên Chính phủ, các thương gia tầm cỡ... Sự tiếp đón, giúp đỡ nhiệt tình và đầy ý tứ, tế nhị của họ đã tạo điều kiện cho chúng tôi hiểu rõ hơn các lĩnh vực hoạt động bí mật của nước Pháp – một lĩnh vực riêng biệt mà trước đây do thiếu thông tin nên bị hiểu sai lạc, méo mó..."

*

* *

Chỉ mới đọc qua thì chủ đề cuốn sách hơi bị hẹp, nhưng đọc xong mới thấy nội dung được đề cập khá hệ thống, đa dạng và phong phú.

Viết về tình báo, nhưng các tác giả đã không dừng lại ở những gì hoàn toàn của cục tình báo chiến lược Pháp mà đụng chạm, quan hệ tới cả nhiều "Vùng cấm", nhiều "đối tác" thuộc các cơ quan bí mật khác nữa. Viết về tình báo nhưng không phải để ngợi ca những chiến công, hoặc sa vào mô tả những sự kiện động trời, ly kỳ để gọi trí tò mò. Trái lại đã tập trung vào những rắc rối, tồn tại, những điều nhứt nhối cần được quan tâm giải quyết.

Có thể tóm lại trong ba vấn đề lớn sau đây:

I. NHỮNG VỤ ÁN:

Tác giả chọn vụ gián điệp *Ariane* để mở đầu cho tập sách. Đây là một vụ án mà về tính chất rất nghiêm trọng, để lại tác hại và hậu quả lớn cho nước Pháp. Nó đã làm đổ vỡ, làm băng giá mối quan hệ Nga – Pháp vốn đã gần bó hàng mấy chục năm trời. Nó hủy bỏ chuyến đi thăm nước Nga của Thủ tướng Jacques Chirac. Ảnh hưởng của nó kéo dài từ 1982 đến 1988 và để lại dư âm dai dẳng. Vụ án này là một thất bại thảm hại của Cục An ninh lãnh thổ Pháp (DST) – một con át chủ bài trong làng tình báo. Một vụ án "chết người" do tính đa nghi và đầy thủ đoạn – một vụ án vừa kỳ cục khó chịu, vừa làm rối tung lên tất cả. Tuy nhiên với DST thì còn một số vụ khác cũng chẳng trong sáng, hay ho gì mà đến ngay cả Tổng thống Pháp cũng phải lắc đầu, khó chịu.

II. CÁC DIỄN VIÊN

Không phải chỉ có Cục an ninh lãnh thổ mắc sai lầm mà cả một dàn diễn viên trên sân khấu chính trị nước Pháp đều dính líu vào các vụ bê bối, bị "lệch pha".

Vụ đánh đắm tàu "chiến sỹ Cầu Vồng" của tổ chức Hòa Bình Xanh ở quần đảo Nam Thái Bình Dương lại xảy ra trong một hoàn cảnh khác. Sai lầm chủ yếu của Cục tình báo chiến lược Pháp (SDECE), của Tổng cục an ninh đối ngoại (DGSE) là ở chỗ đã châm ngòi nổ cho hàng loạt cuộc khủng hoảng trầm trọng trong những năm 1985-1987.

Với Cục tình hình chung (RG) – cục được coi là tai mắt của chính quyền cũng không hoàn thành tốt nhiệm vụ. Họ được giao toàn quyền trong việc nghe, nhìn, thăm dò, vận động, tổng hợp để đưa ra những đánh giá chính xác. Vậy mà làm không nổi vì đã có những kết luận, những dự báo, những ước đoán sai lầm không thể dung tha được.

Với Hiến binh quốc gia (GICN) cho dù được ưu tiên đặc biệt về tổ chức biên chế, về quyền lực, phạm vi hoạt động để vô hiệu hóa các tổ chức khủng bố đang ngày một gia tăng. Vậy mà cả cỗ máy đồ sộ ấy vận hành ỉ ạch, kém hiệu quả tới mức tệ hại.

Không dừng lại ở đây, Cục An ninh quốc phòng, Tổng Văn phòng quốc phòng, Tổng cục Cảnh sát, An ninh Phủ tổng thống... đều chưa phải đã phát huy hết tác dụng và không còn những lỗ hổng đáng kể.

Mùa hè năm 1961 John Kennedy đã nói tại trụ sở CIA ở Langley rằng:

..." Thành tích của các bạn dù to lớn, vĩ đại đến đâu cũng đều nằm trong bóng tối, vì đó là loại chiến công thầm lặng. Nhưng sai lầm, thất bại của các bạn thì dù nhỏ cũng vang vọng khắp năm châu".

Những sai lầm của tình báo Pháp hẳn không nhỏ và đã nhiều người biết tới. Nay lại được viết thành sách thì số người biết chắc sẽ còn nhiều hơn...

III. NHỮNG ĐIỀU KHÓ CHỊU

Có lẽ trong 2 phần trên, các tác giả đã kìm nén, gìn giữ để việc phản ánh được trung thực và khách quan hơn. Nhưng sang phần 3 thì họ đã bộc lộ rõ quan điểm, thái độ và tình cảm của mình. Các út lớn và nhỏ ở đây đều nói lên điều đó. Đến đây việc phân tích nguyên nhân, phê phán, mổ xẻ đã thể hiện dứt khoát, rõ ràng.

Cứ nhìn vào đề mục lớn đầu tiên của phần này cũng đủ thấy được ý định của tác giả muốn gì nói, muốn nhấn mạnh điều gì rồi:

"Sự tranh giành quyền lực giữa các cơ quan tình báo". Rõ ràng các tổ chức tình báo, phản gián Pháp thì rất nhiều nhưng cồng kềnh, cách bức, chông chéo lên nhau. Lực lượng, biên chế thì đông nhưng năm bè, bảy mảng. Quyền lực thì lớn, có những ưu tiên đặc biệt nhưng lại tranh giành, chèn ép, bị lạm dụng, thao túng quá nhiều. Không có sự chỉ đạo điều hành thống nhất. Vì thế mà không mạnh, không đồng bộ, kém hiệu lực.

Không hiểu đây có phải là nguyên nhân của mọi nguyên nhân làm cho tình báo Pháp yếu kém hay không? Thực ra thì qua các đời Tổng thống, đã rất nhiều lần người ta muốn chấn chỉnh, cải tổ, hoàn thiện nó, muốn có một **"Hội đồng tình báo hỗn hợp"** để thống nhất chỉ đạo, tạo ra sức mạnh mới mà chưa làm được.

Tác giả đã đưa ra sự so sánh giữa tình báo Pháp và tình báo Anh, chắc cũng chẳng phải để khen ngợi hoặc đề cao nó, mà có lẽ còn nhằm một dụng ý khác:

"... Dù cơ quan tình báo Anh có bị thâm nhập, bị bê bối mang tính toàn cầu do "bốn tên cỡ bự" phản bội (Kim Philby, Grey Burgess, Athony Blunt, Donald. Mc. Lean). Dù bị một cú đánh cực mạnh vào uy tín bởi cuốn Spycatcher đã tố cáo Roger Hollis để cho 300 điệp viên thâm nhập vào cơ quan Intelligence Service. Dù không dự báo trước được sự kiện Achentina xâm lược quần đảo Mavinat năm 1982... thì cơ quan tình báo Anh vẫn là một mẫu mực tuyệt vời. Các điệp viên của Intelligence Service vẫn được đánh giá rất cao. Nghề tình báo và phản gián Anh vẫn được coi là một nghệ thuật bậc thầy.

Trong khi ấy tình báo Pháp bị coi là một nghề ô nhục, hèn mạt và xảo trá...!! (13)

Thật là một tấm gương soi không lấy gì làm trong sáng nhưng dù có bị hoen ố, mờ nhạt thì đó vẫn là "tấm gương!!"

Còn một nội dung nữa cũng được tác giả quan tâm – đó là vấn đề "giữ bí mật". Có thể sẽ là thừa một khi nói về hoạt động tình báo mà lại đề cập tới việc giữ bí mật. Bởi lẽ nếu không còn bí mật thì chắc chắn hoạt động tình báo cũng sẽ bị thủ tiêu. Và lại không riêng gì đối với tình báo mà rất nhiều lĩnh vực khác cũng rất

cần giữ bí mật: quốc phòng, an ninh, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... tuy mức độ và phạm vi có thể khác nhau nhưng tất cả đều không thể buông lỏng. Từ lâu, các chế độ bảo mật đã được xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh ngày một chặt chẽ, nghiêm ngặt hơn. Vậy mà ngày nay, trong tình hình mới; trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển, thông tin bùng nổ, trong cơ chế thị trường, bí mật được coi là hàng hóa đắt giá nhất thì người ta lại đưa ra những lập luận, những lý giải mới đang làm cho sự tranh cãi, bàn luận ngày càng nhiều và càng gay gắt hơn. Dưới đây là một trong những nội dung đó:

"... Vào những năm cuối thế kỷ 20 này, bí mật rất khó giữ được lâu bền trước sự phát triển ồ ạt của các phương tiện thông tin và giao thông đại chúng, trước khả năng xâm nhập rất nhanh vào các đường vô tuyến điện, trước các máy tính giải mật mã..."

Một quan chức DGSE cũng khẳng định:

"... Trong xã hội hiện đại của chúng ta, 98% thông tin có ích đã được công khai hóa, không cần phải dùng tới những phương pháp thu thập cổ điển. Chỉ còn lại 2% thông tin là thực sự bí mật mà cả "ta và kẻ thù" đều cố giấu mà thôi" (13)

Chắc 2% ấy là nằm vào những vấn đề cốt lõi nhất, sống còn nhất thuộc loại "top secret". Cũng vì thế mà ở Pháp, bất cứ ai muốn hiểu rõ về trường đào tạo các sỹ quan cao cấp Saint Cyr thì chỉ cần bỏ ra 145 quan là sẽ có một cuốn niên giám dày 780 trang. Đó là cuốn sách kỷ

niệm 100 năm ngày thành lập trường. Trong đó chứa đựng trên 30.000 tên tuổi, địa chỉ, chức vụ, cấp bậc, tính cách của các sỹ quan được đào tạo từ 1887-1987. Thật là một tài liệu lý thú, hẳn là chẳng cần phải giữ bí mật làm gì nữa!

Dù đã được mô tả khá nhiều, khá kỹ nhưng các tác giả còn đưa vào tập sách những phụ lục, sơ đồ để hệ thống hóa, minh họa thêm giúp người đọc dễ hình dung và có cái nhìn khái quát hơn.

Sẽ là thiếu sót nếu không nói lên nhược điểm và tồn tại của cuốn sách khi những người viết ra nó là những phóng viên báo, những người "ngoại đạo". Họ hiểu rất ít về tình báo, lại bị bao vây, cấm đoán, cản trở... nên không tránh khỏi những hạn chế về cách nhìn nhận, đánh giá, kết luận...

Nhưng bỏ qua tất cả những hạn chế trên chúng tôi cho rằng đây là một tài liệu tham khảo bổ ích và lý thú không chỉ dành riêng cho lĩnh vực an ninh. Bởi các tác giả đã rất khách quan, nói có sách, mách có chứng, cách viết tổng hợp, rõ, gọn có sự phê phán hóm mà sâu. Các tư liệu được chọn lọc kỹ và chứa đựng nhiều thông tin thực sự bổ ích đối với nhiều người, nhiều lĩnh vực.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc và mong nhận được nhiều ý kiến góp ý.

HOÀNG HÀ

I

CÁC VỤ ÁN

I

VỤ "GIÁN DIỆP" TÊN LỬA ARIANE

Thành phố Rouen (Ru - ăng), mười giờ sáng ngày thứ tư 18-3-1987, ba chiếc xe Peugeot 305 và một xe có còi hú lao vút ra khỏi trụ sở cảnh sát theo phố Brissour de Barneville. Vài giây sau, đoàn xe chạy qua cầu vắt qua sông Seine. Còi rú ầm ỉ. Đoàn xe phóng qua Sở Giao dịch và chạy như điên ngược chiều đường Jeanne d'Arc.

Sáng hôm đó, hè phố rất đông kẻ hiếu kỳ và trẻ con. Đoàn xe tiến vào sân tòa án. Còi rú tắt, bảy bị cáo bị lôi xồng xộc ra khỏi xe. Hàng tá cảnh sát mặc thường phục vội vàng đưa họ vào trại giam của tòa án để chờ dự thẩm hỏi cung từng người một.

Đoàn xe ầm ầm qua thành phố càng gây thêm sự tò mò của thiên hạ. Nhà báo Pierre-Henri Marin của đài Châu Âu I may mắn bắt gặp đoàn xe và tự nhủ "Bọn cảnh sát chắc chắn muốn làm cho thiên hạ biết đến sự

kiện này đây". Sau khi đoàn xe đi khuất, anh trở nên thận trọng. Anh nghĩ ngay đây có thể là một vụ bắt cóc con tin hoặc một vụ cướp gì đó. Anh đi về phía nhà ga và qua các phố lớn. Chẳng tìm thấy gì. Không còn cách nào khác, anh đi về tòa án và bắt gặp đoàn xe cảnh sát mà anh trông thấy. Pierre hỏi mấy viên chức có mặt nhưng họ đều từ chối trả lời. Anh gọi điện thoại vô tuyến cho các đồng nghiệp làm ở AFP là Jean-Noel Gillet và Loic Muller, hai bạn này liền đi lùng tin ngay. Sự hợp lực của ba nhà báo này đem lại kết quả nhanh chóng. Cơ quan cảnh sát cho họ biết "Đó là việc của cơ quan DST (cục phản gián của Bộ Nội vụ Pháp). Họ cũng được biết rằng từ mấy hôm nay các quan chức phản gián ba thành phố Lille, Paris và Rouen đã sử dụng cả một tòa trụ sở hiện đại của sở cấm không cho cảnh sát bén mảng tới.

Mấy tiếng sau, ba nhà báo lại được tin rằng phản gián Pháp vừa mới khám phá và bắt một lưới gián điệp công nghiệp quan trọng. Vào lúc 19 giờ 12 phút ngày thứ năm 19-3, hãng AFP phát ra bản tin "khẩn cấp" như sau cho các máy têlêtip trên toàn nước Pháp:

NĂM SAU NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI LÀM GIÁN DIỆP CÔNG NGHIỆP CHO MỘT NƯỚC NGOÀI ĐÃ BỊ GỌI HỎI VÀ GIÁM SÁT NGAY TRƯỚC MẶT TẠI ROUEN. MỘT NGUỒN TIN VỮNG CHẮC CHO BIẾT ĐÂY LÀ MỘT VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH BÁO NƯỚC NGOÀI VỀ BÍ MẬT ĐỘNG CƠ TÊN LỬA ARIANE CHẾ TẠO TẠI VERNON (TỈNH EURE).

Vụ án gián điệp tên lửa Ariane bắt đầu...

"Những nhân vật không đạo đức"

Trạc tam tuần, tóc nâu, sống độc thân, Elisabeth Sénot chẳng nổi tiếng là một vị quan tòa dịu dàng. Người ta nói cô thuộc loại "cứng rắn". Được cử đến Rouen cách đây vài tháng, cô quyết tâm hoàn thành đúng thời hạn việc lập hồ sơ vụ án gián điệp đầu tay của mình.

Cô đọc đi đọc lại nhiều lần tập hồ sơ đặt trên bàn giấy của cô. Những lời thú tội của những bị can trước cơ quan phản gián càng làm cho cô vững tin vào nhận định của mình: kẻ chủ mưu chẳng phải ai khác ngoài Pierre Verdier, viên trưởng phòng viện INSEE thành Rouen tốt nghiệp kỹ sư bách khoa mới kết hôn với Ludmilla Varyguine cách đây vài tháng. Cô quan tòa Sénot nhận định viên kỹ sư này bị sức ép vì vợ anh ta là người Liên Xô.

Đôi vợ chồng trẻ này nằm trong các đối tượng của vị quan tòa. Theo báo cáo sơ kết của DST "nhiều nhân vật vô đạo đức với tâm lý và hành vi bất bình thường" có liên quan đến vụ án này. Trong số đó có Antonetta Manole, vợ của Serge Notheaux, anh chàng thợ lành nghề bị thất nghiệp mấy năm qua. Manole sinh năm 1946 tại Rumani cũng là nhân viên kỹ thuật tại INSEE Rouen. Bà này bị coi là thủ mưu. Vốn là người tình trước đây của Paul Verdier, Manole bị DST coi là "nhân vật chủ chốt" của toán gián điệp này. Các điều tra viên của DST khẳng định

Manole qua quan hệ với nhiều nhân vật Rumani và Xô-viết tại Paris nhất là tùy viên quân sự Valéry Konorev của Liên Xô, đã góp sức vào việc KGB tuyển dụng Verdier làm trung gian cho việc thu thập tình báo.

Nhân vật trung tâm của vụ gián điệp này là Jean-Michel Hauri, sinh năm 1933 tại Montargis, thợ vẽ công nghiệp, được coi là tên nội gián vì anh là người duy nhất (trong toán gián điệp) được làm việc tại trung tâm Vernon thuộc công ty phân lực châu Âu chuyên sản xuất các động cơ đẩy tên lửa Ariane của châu Âu. DST đánh giá Hauri là một tên nội gián lọt vào công nghệ Ariane. Để mua chuộc, tính lừa đảo, đa dâm, đó là những điểm yếu của một con người mà tình báo đối phương rất chú ý khai thác.

DST còn nhận xét với quy chế chi là nhân viên tạm tuyển, Hauri chẳng phải dẫn do gì mà không đánh cấp tài liệu tình báo, và rất dễ lọt khỏi những biện pháp kiểm tra của cơ quan tuyển mộ,

Nhận định của quan tòa Sénot phù hợp với đánh giá của DST: Chính vì tình yêu đối với Ludmilla Varyguine mà Verdier bằng lòng làm việc cho KGB. Cũng vì tình yêu bị phụ bạc mà Manole đã viết nhiều thư nặc danh tố cáo Verdier với chính quyền Pháp và Liên Xô. Cuối cùng để lấy lòng Manole mà Hauri đồng ý chuyển tài liệu cho Verdier. Còn Verdier trước sức ép của cảnh sát đã thú nhận tội, nhưng rồi lại phản cung.

Còn các bạn của Verdier ở Paris. Kỹ sư bách khoa đồng khóa với Verdier là Michel Fleury cũng làm việc tại INSEE. Philippe Maillard làm cho tờ báo Le Figaro đối

với DST, hai người này chỉ làm nhiệm vụ khai thác, giải thích tài liệu và tin tức thu lượm được từ những nguồn mờ ám. Khâu cuối cùng của tổ chức do thám này là Serge Notheaux, chồng Manole, anh đốc công thất nghiệp.

Những kết luận buộc tội thật là nghiêm khắc. Bản buộc tội đầu tiên là dút 'khoát: "Thu thập những tài liệu có tính phương hại đến quốc phòng, thông đồng với kẻ thù". Những điểm chính để buộc tội theo Bộ Luật Hình sự sẽ bị mức án tù mười đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Đối với các bị cáo đang bị giam tại nhiều nhà giam khác nhau thì tấn trò hề này đang chuyển thành tấn thảm kịch.

Chuyến đi thăm của thủ tướng Chirac bị đe dọa.

Tình ái, gián điệp, phản bội những tư liệu cần thiết cho báo chí lợi dụng để viết trong mấy tuần lễ liên về vụ gián điệp Ariane. Một vụ án đặc biệt béo bở đối với một số nhà báo nào đó đã thừa cơ cha mẹ Verdier bối rối về người con rể, cưỡng đoạt bức ảnh cưới của Verdier tại Liên Xô rồi đem công bố trên một tờ báo Paris lấy món tiền 110.000 quan.

Báo chí cố đuổi theo tin riêng đặc biệt, pháp luật lồng lên, và... ngón bịp của cơ quan phản gián Pháp vận hành thật trơn tru. Trong bối cảnh nước Pháp đang còn bị chấn thương bởi nạn khủng bố mù quáng xuất phát từ Trung Đông và trong khi cơ quan "phản gián cừ khôi nhất thế giới" đang "khủng bố" lại bọn khủng bố (1), việc

(1) Tháng 3-1989, tân bộ trưởng Nội vụ Pasqua tuyên bố "ta sẽ khủng bố lại bọn khủng bố".

phá một lưới gián điệp này của khối phương Đông thật là đúng lúc. Sau những thất bại mùa thu, DST đang lấy lại uy tín một cách đường hoàng.

Đối với giới báo chí, cảnh sát và tư pháp, vụ án này coi như dẫu vào đấy rồi. Nhưng trong viện INSEE tại Rouen dư luận không đồng tình. Tuy thừa nhận chức vụ thống kê địa phương và có thể quan tâm đến hoạt động của các xí nghiệp vùng Thượng Normandie, song người ta không thể hiểu tính chất của các tin tức bí mật mà viên kỹ sư này có thể chuyển đi. Vì không thể đưa ra được lời giải thích nghiêm túc, nên các thủ trưởng của Verdier không chịu đưa đơn khiếu tố, ngược lại họ quyết định bảo lãnh cho Verdier.

Những người lãnh đạo công ty Phản lực Châu Âu lúc đầu cũng sững sốt, sau khi vụ án được công bố, họ cũng tham gia khiếu tố vì họ nhận thấy rằng "trong khoảng ba năm qua có những con người như Verdier chẳng kể cả người nước ngoài đã thu lượm những tin tức về công nghệ, các biện pháp công nghiệp và tài liệu một cách bất hợp pháp"... Những tháng tiếp theo họ tiếp tục theo dõi một cách lơ là những biến động của vụ án có tác dụng làm cho dư luận không chú ý đến những thất bại của việc phóng tên lửa Ariane vào mùa xuân năm 1986.

Những biến đổi bất ngờ đã làm cho tác phẩm mỏng má của cơ quan phản gián Pháp rung chuyển. Cố tình hay vô ý, vụ án nhanh chóng chuyển sang lĩnh vực chính trị, ngoại giao; ngày 2-4 nhiều nhân viên sứ quán Liên Xô bị trục xuất. Hôm trước Jacques Chirac đang thăm Hoa Kỳ đã ngầm công bố lệnh này. Trả lời câu hỏi của đài

châu Âu I về việc khám phá ra lưới gián điệp Ariane. Thủ tướng Pháp đã cả quyết rằng "Chúng tôi sẽ xử lý nếu có nhà ngoại giao nước ngoài nào nhúng tay vào vụ án này". Vài giờ sau, sự việc đã rõ ràng khi ngoại trưởng Pháp tuyên bố sáu nhà ngoại giao Liên Xô là những người không được hoan nghênh, trong đó có Valeri Konorev, phó tùy viên không quân, vì trong báo cáo mật của DST đã tố cáo "Konorev, đại diện cục tình báo quân sự GRU, đã rất quan tâm lôi kéo Verdier, vì ông ta đã có thể kiểm kê khả năng, triển vọng và cách thức xâm nhập vào công nghệ nhằm mục tiêu quân sự".

Thật kỳ quặc, chính quyền Pháp cẩn thận về hình thức nên không trục xuất ngay các nhà ngoại giao Xô-viết mà cho thi hành trong vòng tám ngày. Trong giới ngoại giao người ta bình luận rằng quyết định này dĩ nhiên khích Liên Xô. Còn một vài chuyên gia thì cho rằng liệu Liên Xô có thực sự liên quan đến vụ án này không?

Ở Paris, đại sứ Liên Xô, Ryabov đích thân can thiệp về trường hợp người phụ nữ trẻ Xô-viết, nhưng ở Matxcova thì phản ứng ngay, chỉ sau 48 tiếng đồng hồ, Liên Xô ra lệnh cho sáu kiều dân Pháp phải ra khỏi nước Nga. Đây là một biện pháp có ý nghĩa vì năm 1983, sau khi trục xuất 47 nhà ngoại giao, lãnh tụ Andrôpốp chẳng đã trả miếng với những nhà ngoại giao Pháp làm việc tại Matxcova đó sao?

Kèm theo biện pháp trục xuất, báo chí đã kích cay độc nước Pháp. Điều này ít khi xảy ra ở Liên Xô. Trên các báo hàng ngày và trên vô tuyến truyền hình đều đưa

bản phản kháng của sứ quán Xô-viết tại Paris. Hãng thông tấn Tass lên án trong nhiều ngày "chính phủ cánh hữu" của Pháp và công kích đích danh bộ trưởng Nội Vụ Charles Pasqua với luận điểm "nhân quyền ở Pháp đã nhường bước cho hiệu lực của cảnh sát". Luận điểm nhẹ nhàng này đối với một nước biểu tượng cho nhân quyền, và cũng là một sự đánh giá về tính hiệu quả của cảnh sát không quá xa với thực tế như chúng ta sẽ biết sau đây.

Trước mắt, chuyến thăm quan trọng ở Liên Xô của ông Chirac vào trung tuần tháng năm bị đe dọa. Chính phủ Liên Xô không xác định ngày tiếp Chirac. Giới thân cận của thủ tướng hiểu rằng "vụ gián điệp Ariane" và việc bắt giam người phụ nữ Xô-viết trẻ (người được Liên Xô coi như nữ anh hùng) có nguy cơ làm hỏng cuộc đàm phán Pháp-Xô về tài giám binh bị ở Châu Âu. Nhưng bỗng xảy ra hai sự kiện làm giảm sự căng thẳng giữa hai nước.

Trước hết, một bức thư mật gửi nữ dự thẩm Sénol tại Rouen hôm 8-4, ký tên phó cục trưởng DST Jean-Pierre Brut, thông báo cho nữ dự thẩm rằng trong sáu nhà ngoại giao bị triệu hồi "không liên quan một chút nào với vụ án DST đang điều tra" và "Koronev cũng như năm người Xô-viết khác bị triệu hồi cũng chỉ vì lý do hành chính". Sự hiệu chỉnh của lãnh đạo DST khác hẳn với những khẳng định của những viên chức DST khiến cho nữ thẩm phán mơ mộng và buộc phải thả Ludmilla Varyguine cũng như Michel Fleury, bạn học của Verdier tại đại học bách khoa.

Một tháng sau, Elisabeth Sénot ra lệnh miễn tố nhà báo Philippe Maillard. Ông này cũng như Fleury chẳng hiểu tại sao lại bị bắt rồi được tha. "Khi DST đến khám nhà tôi, một điều tra viên tìm thấy vài đoạn ghi chép về Boris Goudonov (1). Anh ta đọc ác chất văn, đây có phải là một người bạn của tôi hay không! Từ đó tôi bắt đầu thấy lo ngại", đó là lời kể của nhà báo Maillard sau khi anh mất việc tại tòa báo Le Figaro và trở thành tổng biên tập tờ họa báo tài chính kinh tế: *Sống sung sướng hơn*.

Cũng như Maillard, Ludmilla Varyguine được miễn tố. Vụ án kết thúc tốt đẹp đối với người phụ nữ Xô-viết trẻ này mà DST mô tả cách đó mấy tuần lễ là "Yếu tố quyết định và cần thiết trong quyết định tuyển dụng Verdier của KGB. Việc kết hôn với người nước ngoài vẫn là thủ đoạn cũ kỹ nhưng có tính thời sự của tình báo Xô-viết"!

Suy đoán và nhận định của các điều tra viên phản gián hình như không thuyết phục được tòa án, cho nên trong các tháng sáu và mười 1987 tòa đã tha Manole và Verdier. Quyết định này khiến cho các luật sư của hai bị can phải đặt ra những câu hỏi về cơ bản. "Ai thao túng ai? Ai kiếm lợi bằng cách bi thảm hóa một vụ án mà cho đến giờ phút này dự thẩm không tìm ra được một chứng cứ khách quan nào là gián điệp?" Luật sư của Manole đặt câu hỏi như vậy; còn luật sư bào chữa cho Verdier thì

(1) *Sa hoàng xứ Maxcôvi thế kỷ 16*.

bực tức kết luận: "Vụ án gián điệp này chỉ là chuyện tầm phào!".

Cái bẫy vây Verdier

Khổ người cao hơn mức trung bình, dong dong, tóc nâu, trán hơi hói, Pierre Verdier là một trí thức rất giữ gìn ý tứ. Nhà chuyên nghiệp giỏi, nhà bách khoa xuất sắc này là mẫu người trái với loại kỹ trị lạnh lùng và vô sĩ.

Xuất thân trong tầng lớp xoàng xĩnh, người con một giáo viên được giáo dục theo truyền thống cộng hòa. Tính trung thực nghề nghiệp của anh khiến cho bạn bè quý mến anh. Những sở thích, tính nhạy cảm của anh trong các lĩnh vực nghệ thuật, trong âm nhạc và sân khấu làm cho anh gặp được những quan hệ bạn bè vững chắc tại vùng Normandie, tại Paris và ở nhiều nước Châu Âu mà anh thường đi thăm đều đặn từ khi anh còn trẻ. Vì thế anh đã nhiều lần đi nghỉ tại Liên Xô rồi anh gặp Ludmilla Veryguine vào buổi giao thừa 31-12-1984. Hai người si mê nhau đột ngột. Họ bắt đầu viết thư cho nhau. Nhiều lần Verdier trở lại Liên Xô và hai người cưới nhau ngày 29 tháng 7 năm 1986. Cũng vì nàng mà Verdier học tiếng Nga.

Tuy nhiên mối tình của đôi lứa suýt nữa tan vỡ khi Ludmilla nhận được một bức thư nặc danh vu khống vị hôn phu của cô. Verdier hiểu ngay tác giả của bức thư "nực cười" này chẳng phải ai khác ngoài một trong những

người bạn gái cũ của anh, đó là Manole. Cô nàng Rumani này chắc chắn không thể chịu nổi sự "phụ tình" của người yêu cũ nên không dừng lại ở đây. Cô ta gửi một lá đơn tố cáo điểm tình của cặp Verdier-Varyguine với chính quyền Xô-viết rằng Ludmilla là gián điệp của Đức và buôn bán những tác phẩm nghệ thuật trái phép. Manole còn điên hơn nữa khi tố cáo Verdier với chính quyền Pháp rằng anh chàng này làm gián điệp cho phương Đông. Cô ta gửi đơn tố cáo này đến Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng Văn phòng quốc phòng (SGDN) là cơ quan chỉ có các chuyên gia mới biết tên. Một điều bí ẩn trong quá trình điều tra của chúng tôi sau này nhờ chiếc chìa khóa để mở do chính Manole nắm.

Đến đây thì cái bẫy sập xuống Verdier. DST Rouen gọi anh ta đến trụ sở. Anh kỹ sư này kể lại cho chúng tôi: "DST gọi tôi lần đầu tiên vào tháng 6 năm 1986. Lúc đầu họ gọi tôi với lý do thông thường của những người kết hôn với người nước ngoài ở phương Đông. Họ hỏi tôi về những hoạt động nghề nghiệp, về các chuyến sang phương Đông và nhất là sang Liên Xô. Họ không tỏ vẻ gì là ác ý, cho nên tôi trả lời một cách vô tư. Hai ngày sau, họ gặp tôi lần thứ hai. Tôi kể cho họ nghe một sự việc xảy ra trong chuyến thăm Liên Xô mới đây. Hai người lạ tự xưng là quản lý khách sạn Bêôgrat, nơi tôi tạm trú, đưa cho tôi xem một bức thư của Manole gửi cho chính quyền Nga. Vài tuần sau, họ gặp tôi và hỏi tôi về những tình hình của những tổ chức chống Xô-viết ở Pháp. Tất nhiên tôi từ chối. Tôi giải thích cho DST rằng tôi không thể phản bội. Câu chuyện dừng lại đó và không liên quan

lại với tôi nữa. Tôi kết hôn và sau nhiều xin xỏ, vợ tôi mới được phép có thị thực ba tháng nhập cảnh Pháp. Cô đến Pháp vào tháng Giêng năm 1987"!

Trước khi Ludmilla về Liên Xô ba ngày, để kịp thi cử nhân Đức văn, DST Rouen lại gọi Verdier lần nữa. Đó là ngày 16-3-1987. Lý do gọi dưới hình thức để hiệu chỉnh. Verdier kể tiếp: "Bắt đầu họ tóm tắt câu chuyện từ đầu, nhưng giọng điệu bỗng thay đổi. Họ lên án tôi thông đồng với "quân thù"! Lỗi làm khá nặng nề đến nỗi trong bản buộc tội đầu tiên của viện kiểm sát cũng nhắc lại lỗi này. Họ quyết định giám sát tôi ngay. Tổng cộng họ hỏi cung tôi trong ba mươi tiếng đồng hồ, tôi không được nghỉ. Thật là gay go, thậm chí khủng khiếp. Tùy lúc, bốn năm viên thanh tra hỏi cung tôi. Họ rất hung hăng. Họ luôn luôn đe đuổi vợ tôi. Sau ba mươi giờ bị hỏi cung, tôi hoàn toàn kiệt sức cả thể xác lẫn tinh thần. Tôi đành sẵn sàng nhận hết, ký hết theo ý kiến của họ, kể cả những điều vô lý xấu xa nhất...".

Sự hỗn hợp và phỏng chừng

Tám tháng sau những kết luận đầu tiên dẫn đến việc buộc tội và bắt giam bảy con người với làn sóng thông tin âm ỹ như chúng ta đã thấy, giám đốc DST Rouen, Jean-Francois Richard quá tự tin với những "lời thú tội" của Verdier, đã chuyển lên cô Sénot bản báo cáo thú nhĩ. Trong văn bản mật này có ghi các kết quả cuối cùng của việc ủy thác xét xử số 25-87 chưa được công bố. Ông

Richard công nhận một cách vô sĩ rằng ông không đưa ra được "yếu tố nào có khả năng cáo giác" Serge Notheaux, chồng của Manole, và Michel Fleury, bạn của Verdier, mà ban đầu bị tố là hai đồng phạm trong một lưới gián điệp quan trọng.

Sau khi miễn tố Ludmilla Varyguine và Philippe Maillard, DST chỉ còn giam giữ hai "thủ mưu" là Manole và Verdier về tội lấy cắp tài liệu về INSEE và về động cơ Vulcain của tên lửa Ariane đang được chế tạo.

Đối với DST, Verdier "đã tiếp xúc với toàn bộ thông tin của INSEE và tất cả các phương tiện in sao trong đó có một số phương tiện giúp thu gọn tài liệu". DST không nói rõ rằng mọi nhân viên của INSEE đã tiếp xúc với những thông tin đó cũng như được dùng các phương tiện in sao. Ông chánh cấm Richard viết thêm: "Những tài liệu này gồm các bản câu hỏi điều tra về những quan hệ công nghiệp địa phương để giúp cho viện INSEE nắm được cơ cấu công nghiệp địa phương... Đã tìm thấy bản sao những tài liệu đó tại INSEE và tại các doanh nghiệp mà Verdier nêu ra. Những phần quan trọng nhất của các tài liệu này được bí mật thống kê bảo vệ." Ông chánh cấm cũng không giải thích rằng bí mật thống kê chỉ là một điều lệ chung của INSEE áp dụng cho mọi cuộc điều tra. Nó tuyệt đối không gắn gì với tính chất thông tin chứa trong tài liệu, gắn với tầm "quan trọng" hoặc không quan trọng.

Ông Richard lại chơi chữ lần nữa khi ông khẳng định rằng "Verdier phụ trách việc phân tích bộ máy sản xuất địa phương. Y theo dõi tình hình các xí nghiệp, sản

xuất, đầu tu, xuất khẩu và nói chung tất cả cơ cấu kinh tế". Đây là kết luận mau lẹ bởi vì Verdier không phụ trách việc phân tích bộ máy sản xuất chỉ là một phần việc mà thôi; loại việc phân tích này chỉ là một bộ phận chức trách của mọi cơ quan nghiên cứu địa phương của viện INSEE. Viên cảnh sát tiếp tục việc hỗn hợp và phỏng đoán khi ông ta đề cập chương kế hoạch và tài liệu về động cơ Vulcain của tên lửa Ariane mà Verdier với đồng phạm là kỹ thuật viên tạm thời Hauri có lẽ đã chuyển giao cho "kẻ thù". Cũng là những điều trái với sự thực khi ông viết rằng "Liên Xô chỉ chọn cách cơ giới hóa làm lạnh tên lửa của họ vào những năm tám mươi trong khi châu Âu đã lựa chọn ngay từ năm 1973". Nhà báo Stéphane Chérard của tạp chí KHOA HỌC và ĐỜI SỐNG viết rằng: "Người Xô-viết đã tiến hành việc đó từ thập kỷ sáu mươi đạt những thành tựu bắt đầu từ thập kỷ bảy mươi". Lời chứng này khớp với lời chứng của những nhà khoa học và chuyên gia như tướng Brachet (1) đã nhắc rằng tên lửa NĂNG LỰC của Liên Xô có thể đưa lên quỹ đạo hai trăm tấn, bằng trọng lượng của toàn bộ tên lửa Ariane. Và lại, động cơ gây lạnh Xô-viết SLX 16 được phóng những năm 1985 và 1986 có sức đẩy sáu trăm tấn trong khi đó động cơ gây lạnh của Ariane còn nhiều trục trặc chỉ đẩy được có 6,2 tấn!

(1) Cựu kỹ sư pháo binh hải quân và kỹ sư công binh hàng hải, tướng Brachet là động tác giả cuốn Từ điển bách khoa quốc tế về khoa học kỹ thuật, nhà xuất bản Presse de la Cité in năm 1973.

Nói tóm lại, làm thế nào để tin rằng vào năm 1986 Liên Xô cần tìm hiểu những bí mật mào xung của loại động cơ gây lạnh yếu hơn động cơ của họ gấp trăm lần và sự vận hành thường rối loạn? Đối với những nhà khoa học và chuyên gia mà chúng tôi gặp họ, họ đều cho rằng những lý lẽ của DST đưa ra đều không đúng đắn. Nhà báo Michel Chevalet, trưởng ban khoa học và công nghệ của đài TFI, thẳng thừng tuyên bố rằng đây chỉ là một "vụ án do cơ quan phản gián Pháp bịa đặt"!

Dù sao ta buộc phải nhận xét rằng qua hai chục trang báo cáo của DST cố chứng minh điều huyền hoặc bằng cách nhấn mạnh những điều kiện khẳng định đã lộ sự cố ý làm sai lệch sự thật hoặc cố ý nói dối trắng trợn, thậm chí mâu thuẫn thô kệch. Ví dụ khẳng định Hauri dễ dàng tiếp cận tài liệu về động cơ Vulcain trong thời gian nghỉ vào tháng tám 1986 trong khi ở trang trước tài liệu nêu rằng Verdier đã chuyển những tài liệu vào tháng sáu!

Những vị thanh tra kỳ cục của DST

Những điều huyền hoặc đó không làm cho quan tòa Sénot bối rối quá đổi, nhưng bị luật sư của Verdier ép, cô đành phải công nhận rằng trong hồ sơ điều tra của cảnh sát có những điều bất bình thường. Đáng chú ý nhất là biên bản hỏi cung lạ lùng trong đó nhiều công chức lẫn lộn giữa những lời họ khẳng định với những câu trả lời của Verdier. Hơn nữa biên bản chỉ có chữ ký của hai

trong ba cảnh sát có mặt. Đây là một sự sai sót bất hợp pháp hoàn toàn.

Nữ dự thẩm chẳng mất thì giờ đã tìm ra viên cảnh sát thứ ba: Patrice Chandelier, sinh năm 1949, thanh tra chính của DST tại Rouen. Cô Sénot gọi anh này đến văn phòng của cô ngày 23-9-1987. Qua thẩm vấn, anh thừa nhận có mặt trong buổi hỏi cung đó và ngồi ngay bên cạnh Verdier.

Sau cuộc đối chất này, luật sư Paul Walter của Verdier hài lòng vì bắt quả tang DST vi phạm luật. Ông giận dữ. Luật sư này vốn là phó thị trưởng Rouen bên cạnh Lecaunet, là người theo tướng Dờ Gôn từ ngày đầu tiên và là một người kháng chiến có tiếng. Tấm lòng chung thủy với lý tưởng và bản lĩnh mạnh mẽ khiến cho ông nổi tiếng dũng cảm và liêm khiết tại địa phương. Ông không che giấu sự bất bình hoàn toàn của ông đối với một số phương pháp của cảnh sát.

Manole cũng khó chịu với những cuộc hỏi cung của DST... Manole thích thơ và tình yêu, ông không giấu diếm tâm sự của mình: "Cuộc đời chỉ là dục vọng hoặc không!" Một số người quen biết cô đều nhận xét người con gái duy nhất của vị quản lý cửa hiệu là người phụ nữ phức tạp, hay thay đổi, thích mảnh khốc. Với những tính cách như vậy cho ta thấy rõ rằng vì sao nàng lại đóng "vai trò chủ chốt" trong vụ án.

Sinh vào tháng 9 năm 1946 tại thôn nhỏ Sinaia ở Rumani, Manole lấy Serge Notheaux năm cô 23 tuổi. Anh công nhân Pháp này gặp cô vài tháng trước trong một chuyến đi du lịch. Là sinh viên xuất sắc, Manole tốt nghiệp

đại học cầu cống năm 1969 tại Bucarét. Năm 1970, đôi vợ chồng trẻ này cư trú tại Rouen, Manole vào viện INSEE làm nhân viên kỹ thuật và lập hội văn hóa Rumani - Normandie năm 1977 với mục đích trao đổi về văn hóa giữa Rumani và vùng Normandie.

Bà chủ tịch hãng hái này chẳng mấy chốc đã thu hút được hàng trăm hội viên, mỗi năm tổ chức hai ba đêm thơ mà bà thường là người nổi bật. Chính thời gian này bà kêu gọi Verdier, trưởng phòng của bà tại viện INSEE. Theo Manole họ hợp nhau vì cùng yêu thích thơ cũng như văn học phương Đông. Những năm sau, Manole mời Verdier đi du lịch với bà sang Áo và Rumani ba lần. Anh kỹ sư nhút nhát này công nhận rằng mình khó cưỡng nổi tình bằng hữu số sảng của người đàn bà trẻ cho nên trong một thời gian đã có "mối quan hệ nghiêm túc".

Khi Verdier cho Manole biết tình cảm của mình với cô Xô-viết trẻ tuổi Varyguine, bà Manole tỏ ra chấp nhận một cách cao thượng mối tình của "anh chàng được bà che chở" kia. Bà có lúc trở thành người tâm phúc của người tình cũ, còn Verdier lại không nhận thấy sự hờn dỗi của Manole vì đã bị phụ bạc; sự ghen tuông này chính là cái ngòi nổ của âm mưu sắp chôn vùi anh trong mấy tháng trời.

Óc tưởng tượng của Manole những tháng đầu năm 1985 chỉ giới hạn trong những mẹo trả thù ti tiện. Nhưng ý đồ này cần có Hauri trợ lực. Học viên công nghiệp Hauri quen Manole cách đây mười năm qua một tin quảng cáo. Manole vốn có uy tín lớn với Hauri nên bà tưởng rằng anh này sẽ thực hiện mưu kế của bà. Hauri kể rằng:

"Bà ta yêu cầu tôi làm bộ chìa khóa giả để khi Verdier đi vắng thì đột nhập căn hộ của Verdier để lấy trộm tài sản như bộ Hi Fi, đài truyền hình, v.v..." Âm mưu thất bại, Manole quay ra nói xấu Verdier bằng cách rêu rao rằng Verdier là kẻ dốt nát, trụy lạc. Bà ta nói với các hội viên trong hội của bà, rồi nói với một nhân viên phản gián DST kỳ cục, ông này vội vàng nắm ngay lấy những thông tin này để lợi dụng con người không kiên định Manole.

Ông thanh tra chính của DST mang những tên là Schneider, Sabot hoặc Schmitt, thực tế "điều khiển" bà chủ tịch hội Rumani-Normandie từ 1981. Năm đó, ông ta đến thay viên thanh tra DST mà Manole chỉ biết tên là ông "ông Michel". Đó là bí danh của Bernard Ruckewaert. Manole phát hiện cả tên thật cũng như chức vụ là thanh tra DST tại Rouen.

Việc kiểm soát hoạt động của một tổ chức như hội của bà Manole chính là chức trách của DST cũng như của Cục Tình hình chung (1). Cũng là bình thường ông Michel đến gặp bà hội trưởng và quan tâm đến những bản tin cũng như khách qua lại của hội này. Mỗi quan hệ đặc biệt này trong năm năm của người đàn bà trẻ với vị quan chức "mắt xanh xám đẹp trai" đó là nguồn cảm

(1) Cục tình hình chung (*Direction des Renseignements généraux*) cũng là một cục phản gián nội địa thuộc Tổng cục cảnh sát quốc gia Pháp (Bộ nội vụ) như DST, nhưng chủ yếu theo dõi dân Pháp, còn DST phụ trách chống gián điệp nước ngoài xâm nhập vào Pháp. (ND).

hứng cho bà nhà thơ Rumani sáng tác tập thơ "*những bài thơ tình*" (được in năm 1983). Viên thanh tra kế tiếp mà chúng tôi gọi là Schneider cho đề viết và cũng vì cái tên này được dùng với dự thẩm Sénot, chẳng mấy chốc cũng trở thành nguồn cảm hứng cho nữ thi sỹ Manole, "tóc đen nhánh như hạt huyền".

Tính lãng mạn cổ hủ của Manole bị thử thách gay go vào buổi sáng tháng ba năm 1987 khi bà ta bị gọi hỏi rồi bị buộc tội "liên hệ bí mật với nước ngoài". Lời chứng dài dòng của bà mà năm sau chúng tôi mới được biết là một trong những chìa khóa chủ yếu giúp ta hiểu được toàn bộ vụ án. Nó cũng cho ta thấy các thủ đoạn của một số nhân viên phản gián Pháp đối với những con người xuyên tạc hoặc gây gổ như trường hợp sau đây.

"Thứ hai 16-3-1987, ông Michel tức Bernard Ryakewaert đã gọi tôi từ viện INSEE đi uống cà phê. Trên đường đi, ông nói cho tôi biết đã bắt giữ Verdier. Trên thực tế ông ta cũng bắt tôi luôn. Đến trụ sở cảnh sát, ông ta để tôi lại cho ba anh chàng to lớn hỏi tôi. Tôi không ngờ họ hỏi tôi đến tận bốn giờ sáng. Điều này thật là nặng nề! Trước hết họ hỏi tôi về Konorev mà tôi gọi là Volodia vì tôi quên mất họ anh ta. Tôi chỉ gặp anh ta có một lần trong một cuộc chiêu đãi. Từ lần gặp đơn giản đó với tám danh thiếp anh ta cho tôi, DST đã dựng nên một chuyện tình.

"Đó là ba viên thanh tra. Anh trẻ nhất là con người to lớn, tóc vàng, rất đáng yêu. Anh thứ hai đeo kính và giống một linh mục. Anh thứ ba dọa quăng tôi qua cửa sổ nếu tôi không chịu khai. Anh chàng giống linh mục

bảo tôi khai như anh bảo, và nói thêm: "Nếu bà không khai như thế, bà không thoát nổi đầu!" Một nhòai, tôi bảo họ ghi ví dụ như Hauri và Verdier đã gặp nhau để trao tài liệu. Tôi không nhìn thấy, nhưng sự việc phải như vậy... Họ có thể gặp nhau khi tan sở bởi vì Hauri thường chờ tôi buổi tối và Verdier cũng về nhà vào giờ đó...".

Họ làm hầu như bất cứ điều gì

"Sau khi đã khai như thế, tôi mới được ăn. Tôi hài lòng, nhưng viên thanh tra thứ tư xuất hiện, ông này tuyên bố mọi khách thuộc hội của tôi đều là gián điệp, rằng Hauri và Verdier đã bán tài liệu rồi chuyển tiền vào tài khoản của tôi ở ngân hàng. Tôi suy nghĩ và cho rằng có thể như vậy... Tôi khai như họ móm. Tôi bốn lần khai làm chứng như vậy dưới sức ép đe dọa...

"Hôm sau, họ khám nhà tôi. Họ lục soát mọi thứ. Họ thu hàng đồng giấy tờ riêng của tôi và những tài liệu của hội. Họ không lập một biên bản nào. Tôi tin rằng họ hầu như muốn làm gì thì làm. Tuy thế, họ cũng thu nhầm. Khi tôi bị nhốt vào nhà giam Caen, tôi lại thấy những giấy tờ đáng lẽ họ phải tịch thu. Mười lăm ngày sau, họ mới tìm tôi để thu những giấy tờ đó trong nhà giam. Cuối cùng, tôi nhận xét họ chẳng giám sát Verdier. Tôi không hiểu vì sao họ lại đổ diệt mọi thứ cho tôi. Từ 1985, ông S - tức thanh tra Schneider - biết mối quan hệ giữa Verdier và Ludmilla..."

Khi chúng tôi hỏi bà Manole về những bức thư bà gửi cho chính quyền Pháp và nhất là cho cơ quan SGDN thì cái lưỡi thao thao của bà bỗng im bật. Hít thở thêm, bà nói tiếp nhưng lời duỗi ra bằng những lời chối cãi hoặc bằng công thức bóng gió: "Tôi rất quý trọng ông S, tôi không muốn làm phiền ông ta...". Thực tế bà ta xác nhận điều mà chúng ta đã biết: Chính viên thanh tra Schneider đã xui bà ta viết đơn tố cáo và thúc đẩy nhiệt tình đến mức cho bà ta biết cả địa chỉ của cơ quan SGDN (Tổng văn phòng quốc phòng).

Bản khai của Manole xác nhận những tuyên bố của bà ta trước nữ dự thẩm Sénot. Phải mất nhiều tháng ngồi tù và vì vỡ mộng bà ta mới hiểu ra rằng vai trò lộ bịch ấy rút cục đã làm hại bà ta. Ngày 11-1-1988, bà ta tuyên bố tại văn phòng dự thẩm: "Lúc đầu tôi thấy khả nghi về Verdier. Rồi bị DST đe dọa và dụ dỗ, tôi viết đơn tố cáo lên SGDN... Tôi nghĩ rằng DST sẽ thẩm tra điều tôi đã nói mà không bắt giữ tôi...".

Căn cứ vào tuyên bố đó, Elisabeth Sénot quyết định gọi viên thanh tra Schneider thóc mách mấy tuần sau. Dĩ nhiên viên thanh tra DST này kiên quyết chối cãi mình không hề đe dọa chỉ điểm viên, nhưng thừa nhận: "đã nhiều lần tôi đặt trách nhiệm cho bà ta...". Nữ dự thẩm không bắt ông ta khai đi khai lại và cũng chẳng tìm hiểu vì sao nữ thi sĩ kỳ dị kia biết địa chỉ của SGDN.

Những đòn đau đánh vào các quan chức DST vẫn không làm suy xuyến thủ trưởng phản gián Rouen là ông

Richard. Sinh năm 1946, ông này chọn nghề phản gián năm 1974. Tám năm sau ông thăng chức chánh thanh tra. Sau đó ông được chuyển sang Gabông trong khuôn khổ hợp tác kỹ thuật cảnh sát. Khi trở về Pháp vào tháng 9-1986, ông được cử phụ trách DST Rouen. Vụ "gián điệp" Ariane là cơ hội để leo cao chứ ông không chịu quanh quẩn vùng Normandie.

Sau loạt miễn tố và cáo giác các thủ đoạn của các thuộc cấp mình, Richard không thể tự dỗi quyết định khi Sénot yêu cầu ông kết thúc ủy thác xét xử mà cô đã ủy cho ông. Trong bản báo cáo kết luận mà chúng tôi đã nhắc đến, ông ta vẫn giữ ý kiến khẳng định Manole là nguồn gốc của việc KGB tuyển dụng Verdier". Nhưng ông không xác định như mười tháng trước đây rằng đại tá Konorev, tùy viên không quân Xô-viết tại Paris, là kẻ đã tuyển dụng Verdier, bởi vị đại tá này đã bị trục xuất bởi một "lý do khác" như chúng ta đã biết. Ông ta còn cố ghép tội Manole là "gián điệp cấp thấp của phương Đông". Để chứng minh lời buộc tội đó, Richard dựa vào cuốn lịch bàn từ năm 1968 của bà Rumani trong đó có đoạn ghi về đại tá Iancu mà Richard cho rằng đó là người phụ trách cơ quan An ninh Rumani về văn hóa". Cứ để mơ hồ như thế, viên thanh tra DST lại tung thêm hỏa mù về con người Manole, bằng một căn cứ mong manh vì Iancu tuy ở ngành cảnh sát nhưng là cảnh sát giao thông... mười năm trước khi ông ta chết ở Ploiesty năm 1983!.

Sự trùng hợp

Những khẳng định có dụng ý, những mớ lộn xộn và ám chỉ xảo quyệt khiến cho ba người bị can cuối cùng có quyền đặt ra câu hỏi về các thủ đoạn của cơ quan phản gián Pháp. Cái môi trường đa nghi và cái lôgich hiếu chiến bao trùm thường xuyên những quan chức tình báo đã đủ sức cắt nghĩa vụ gián điệp Ariane chưa? Chắc dù một phần, nhưng nó cũng là sản phẩm của cơ cấu tâm thần đặc biệt. Theo một dự thăm Paris thường làm việc với DST cắt nghĩa là: "DST đi tìm những niềm tin. Điều họ quan tâm là xuất phát từ một vài dấu hiệu hoặc một trực cảm mà đi ngược lên các sự việc mà suy đoán ra ít nhiều có khả năng đúng. Phép quy nạp thường biến dạng. Đôi khi họ cũng có những đòi hỏi cấp bách như các nhà báo và như vậy họ sa vào xu hướng muốn làm theo sự dễ dãi."

Nhưng vụ đó còn có một tầm vóc khác mà người ta không thể coi thường, nhiều chuyên gia và nhà chính trị chú ý: có sự trùng hợp kỳ cục về thời gian giữa việc công bố âm ý về vụ án với cuộc họp của ủy ban Pháp-Xô dự kiến họp vào tháng 5 năm 1986. Trước khi Jacques Chirac sang thăm Liên Xô mấy tháng, François Mitterrand đã báo cho thủ tướng rằng: "Ngài sẽ thấy... DST sẽ tung ra cho ngài một vụ án!" Tổng thống Pháp không chỉ trực cảm. Vài tháng sau khi vụ án xảy ra, ông triệu tập cục trưởng DST Bernard Gérard đến dinh tổng thống. Cuộc gặp gỡ giữa hai người đặc biệt căng thẳng...

TỔNG THỐNG VỚI CÁC CƠ QUAN BÍ MẬT PHÁP

Theo tục lệ, cuộc gặp gỡ này không có người thứ ba. Hai người ngồi đối mặt nhau trong phòng Tổng thống trên tầng hai điện Élysée, một vị thì bề vệ nhưng có phần bị xúc phạm, còn vị kia tuy là người có nhiều kinh nghiệm nhưng cũng phần nào e sợ. Vốn là Tỉnh trưởng, Bernard Gérard được đề bạt cục trưởng DST sau cuộc bầu cử năm 1986, nay là cuối năm 1987, được Tổng thống mời lên vì Tổng thống không hài lòng mà còn tệ hại hơn nữa. Những quả mẫn của nhân vật đứng đầu nước Pháp thật là nghiêm túc. Tổng thống mẫn vị thủ trưởng cơ quan phản gián trong vụ án Ariane đã buộc tội những con người vô tội. Lý lẽ của Tổng thống vẫn tắt thôi. Bực mình, ông đập mạnh vào thời điểm đưa ra vụ án trùng vào dịp Thủ tướng Pháp sắp đi thăm Liên Xô; rồi ông nói đến tính huyền hoặc của hồ sơ rõ nhất là ý đồ gán cho Liên Xô đánh

cấp tại Pháp công nghệ của động cơ gây lạnh mà họ đã có từ lâu và đã sử dụng tốt công nghệ đó. Bước thăng trầm trong quan hệ Pháp-Xô là có cả cái lợi cũng như cái hại, nhưng theo Tổng thống nhìn chung vụ án này đã làm hại đến uy tín của nước Pháp.

Tổng thống Pháp "bị thông tin sai"?

Tổng thống đã tiếp thu được quan điểm đó từ đâu và ông đã tin rằng DST đã dựng ra một vụ án giả như thế nào? Liệu ông có giả vờ mù tịt về mục tiêu của tình báo công nghiệp không chỉ nhằm đánh cắp công nghệ: cũng có thể bằng những thủ đoạn không đáng chê trách tìm hiểu đâu là đối thủ. Lịch sử không nói điều đó... Nhưng một chuyên gia phản gián Pháp được cục trưởng DST thông báo về vụ rắc rối lại cho đây không phải là một bí kịch, ngược lại còn nhận xét ông cục trưởng là mấu mực. Bởi vì DST đưa ra định đề rằng DST không thể sai lầm, ngoài ra DST còn tin rằng mình đã khám phá tại Rouen một lưới gián điệp đích thực, vậy chính Tổng thống mới sai lầm. Sai lầm vì Tổng thống đã ăn phải bả tuyên truyền của Xô-viết và tin là thực những bài của hãng Tass hoặc của tờ báo Nhân đạo của DCS Pháp đã giám chắc rằng đây là một vụ dàn dựng nhằm phá hoại quan hệ Pháp - Xô... Ở phủ thủ tướng và trong "giới tình báo" thạo tin về vụ tai tiếng này đều bực mình bàn tán về những đảng viên xã hội rõ ràng say đắm quan điểm thân Liên Xô một cách tai hại... Quên đi một cách đơn

giản rằng chính vì sơ hở của việc lập hồ sơ qua quýt đã gây ra một sự bức tức cho Tổng thống.

Dưới thời Tổng thống trước - Giscard d'Estaing - liệu có xảy ra cuộc gặp gỡ sóng gió như thế không? Câu trả lời chắc chắn là không: bởi vì suốt nhiệm kỳ bảy năm, Giscard không hề tiếp bất cứ viên cục trưởng DST nào, dù là Marcel Chalet hoặc người tiền nhiệm của Chalet là Jacques Chartron, theo kiểu tay đôi. Còn François Mitterrand đối mới bằng cách thỉnh thoảng tiếp thủ trưởng DST nhất là vào những năm cuối của nhiệm kỳ đầu của mình. Để bàn về những vụ án đang đấu tranh và cũng nhằm xác lập quan hệ cá nhân giữa hai vị mà Tổng thống cho là có ích cho guồng máy nhà nước quay đều; bởi vì ông rất cần được thông tin đúng đắn và nếu có thể thì đầy đủ. Về mặt đó, ông cần biết thủ trưởng cơ quan phản gián là người tuy về nguyên tắc chỉ phụ trách việc phản gián nội địa nhưng cũng nắm được cả tình hình nước ngoài nữa. Để có thể gặp gỡ thường xuyên như thế, Tổng thống phải bãi bỏ tập quán cũng như sự ngập ngừng từ năm 1981 của Bộ trưởng Nội vụ Gaston Defferre vì ông này không thông về việc một thủ trưởng - dù là cục trưởng phản gián - thuộc quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ lại trực tiếp quan hệ với Tổng thống mà không qua Bộ trưởng.

Tập quán vận hành của phủ tổng thống dưới nền Đệ Ngũ cộng hòa muốn rằng thủ trưởng DST không có những thói quen gặp Tổng thống, còn thủ trưởng cơ quan tình báo đối ngoại lại được Tổng thống cho rộng cửa đón tiếp nhiều lần. Tổng thống Mitterrand thường kỳ gặp tổng cục trưởng DGSE (Tổng cục an ninh đối ngoại) như Pierre

Marion - người dân sự đầu tiên được đề bạt vào cấp này dưới thời Mitterrand; đô đốc Lacoste, và các tướng René Imbót và François Mermet. Tất cả các vị đó đã được gặp Tổng thống thường kỳ và chính Tổng thống đã xác nhận: riêng năm 1984 ông đã tiếp đô đốc Lacoste tám lần.

Nội dung những cuộc gặp gỡ đó chủ yếu gắn với tình hình thế giới và những vùng xung đột trên quả đất. Nhưng đôi khi lại bàn về tình hình trong nước. Khi Mitterrand nêu trên đài RTL việc ông gặp đô đốc ngày 21-5-1984 là để nhấn mạnh tính nghiêm trọng của vụ Luchaire là do thủ trưởng DGSE nêu ra trong số những vấn đề khác, và rằng đô đốc Lacoste đã nói với ông về "những tin đồn" và những "ngghi ngờ" hơn là nói về những tin tức chắc chắn. Giữa hai con người quyền lực này có sự tin tưởng lẫn nhau. Và đặc biệt là Tổng thống tin Lacoste đến mức chỉ cần dựa vào tiếng tăm chú chưa quen biết gì mà Tổng thống đã bổ nhiệm đô đốc phụ trách DGSE. Nhưng liệu một viên tướng đến trình bày với Tổng thống về những sự "ngghi ngờ" về một vụ án trong đó có tên của một số bạn chính trị thân cận của Tổng thống như vụ Luchaire thì viên tướng có dám nói thật và nói hết không? Chưa chắc....

Tính chất chức trách của Tổng thống Pháp, và vị trí hoàn toàn ưu thế của nguyên thủ đó về chính sách đối ngoại và quốc phòng, lĩnh vực dành riêng của ông, khiến cho thủ trưởng cơ quan tình báo quân sự DGSE trở thành người đối thoại biệt đãi của Tổng thống và của những cộng sự thân tín nhất của ông. Trong số cộng sự này, tham mưu trưởng riêng của phủ Tổng thống là người tiếp

tổng cục trưởng DGSE hàng ngày. Từ năm 1981, các tướng Jean Saulnier, Gillbert Forray và Jean Fleury thay nhau làm tham mưu trưởng, sau đó hai vị Saulnier và Forray trở về quân đội giữ những chức vụ rất cao. Vì quy trình ra quyết định, tức là quyền lực, trong lĩnh vực tình báo rất ngắn, người đối thoại trực tiếp thứ hai của DGSE là Tổng thư ký phụ Tổng thống, cánh tay phải của Mitterrand. Vào tháng 5-1981, Pierre Bérégovoy nắm chức vụ này trước khi tham gia Chính phủ và nhường ghế cho Jean-Louis Bianco vào tháng sáu 1982. Chức vụ tổng thư ký buộc phải đứng gần Tổng thống về địa lý và về trí tuệ.

Điều kiện thứ nhất được bảo đảm bởi việc đặt phòng giấy của tổng thư ký trước phòng làm việc của Tổng thống, cho nên thủ trưởng DGSE phải qua tổng thư ký rồi mới đến văn phòng Tổng thống. Bàn giấy tổng thư ký là một căn buồng rất rộng trên tầng hai điện Élysée nhìn ra những thảm cỏ cây, hoa lá rất đẹp, buồng này thử nghe những lời lẽ sắp trình lên nguyên thủ quốc gia. Điều kiện thứ nhì: tổng thư ký, một nhà "chính trị" chứ không phải là quân nhân có chức năng kỹ thuật, phải là người đủ thân cận với Tổng thống để có thể nghe hết, cũng như tiếp các thủ trưởng cơ quan trong trường hợp khẩn hoặc khi Tổng thống bận. Bérégovoy và Jean-Louis Bianco đã hoàn thành chức trách của mình một cách đầy đủ, đó là nhận xét của những người gặp họ, một số người nhận xét Bianco "say mê" về những vụ khó khăn này. Ngược lại François Durand de Grossouvre rất quan tâm đến công việc vào giai đoạn đầu của nhiệm kỳ Tổng thống, nhưng sau được bớt dần công việc tổng thư ký.

Thông tin của nguyên thủ quốc gia.

Người ta bàn gì trong cuộc gặp của Tổng thống với thủ trưởng cơ quan tình báo đối ngoại? Thường là những vấn đề tầm thường, nhưng đôi khi là những vụ án rất quan trọng. Khi phụ trách DGSE, ông Pierre Marion đã chọn việc làm gấp trước là trang bị cho phủ Tổng thống những thiết bị thông tin hữu hiệu. Ông đánh giá trang bị trước kia của phủ Tổng thống do tổng cục trưởng de Marenches lo thật là thiếu thốn cho nên ông quyết sửa sai. Hàng ngày, ông tiếp tục trình lên Tổng thống bản tin riêng của DGSE lấy từ những nguồn bí mật của DGSE. Nhưng cứ thứ ba hàng tuần, Marion lại mang trình Tổng thống bản nhận định tình hình thế giới dày chừng hai đến ba chục trang đánh máy sau khi lấy ý kiến của tổng thư ký và tham mưu trưởng của phủ Tổng thống. Chất lượng của tài liệu này ra sao? Tại DGSE đánh giá là tốt lắm, nhưng tại phủ Tổng thống đánh giá là tốt vừa thôi...

Tổng thống và các cộng sự phản nản về "nhận định" của tài liệu này - ngày nay không còn loại tài liệu này nữa - chủ yếu là ít thông tin. Quan điểm này là không cứng nhắc: DGSE có những nguồn tin thường rất tốt về tình hình châu Phi nổi tiếng Pháp là nơi điệp viên DGSE vừa đông, vừa nắm những vị trí cận vệ cho các Tổng thống do Pháp tổ chức, trang bị và trả tiền. Ngược lại, tin tức

của DGSE về Đông Âu từ trước đến nay vẫn nghèo nàn, đặc biệt tình hình Liên Xô là nơi theo một số nhà phân tích của DGSE cho rằng các cuộc tranh cãi công khai và cải tổ chỉ là những biến dạng đơn sơ của chủ nghĩa Xtalin. Còn nói tin tức từ trong lòng bộ máy nhà nước Xô-viết, hoặc từ những "nội gián" thì đừng hòng. DGSE vẫn coi như một vết nhơ trong danh dự của mình việc điệp viên nổi tiếng "Farewell" nhận làm việc cho DST chứ không làm việc cho mình. Thiên hướng của nhiều thủ trưởng của DGSE vẽ ra một bức tranh về tình hình chiến lược địa - chính trị trước nguyên thủ quốc gia hoặc trước những cộng sự của Tổng thống thường làm cho các vị này bực mình. Điều các vị muốn là sự việc, nhất là những sự việc chưa đăng trên báo... Người ta còn nhớ việc phủ Tổng thống đã phải gọi điện rất khẩn và rất mật cho DGSE để hỏi tin tức về một cuộc đảo chính bất ngờ ở châu Phi trong khi hãng thông tin AFP đã đưa tin cách đó mấy phút rồi!

Cũng trong những cuộc gặp Tổng thống, thủ trưởng DGSE báo cáo kế hoạch của mình ra nước ngoài và trình bày tình hình thu lượm làm việc của mình tại nước ngoài. Trong những việc như thế, chu trình thường như sau: khi thủ trưởng cơ quan tình báo đến thăm thủ trưởng một cơ quan tình báo nước ngoài, phải đến trình diện nguyên thủ quốc gia đó và nếu có dịp thì chuyển một văn kiện của Tổng thống Pháp cho vị nguyên thủ đó. Tổng thống Pháp rất ít dùng cách này cho nên các thủ trưởng DGSE

rất chán. Mitterrand coi nhẹ các quan hệ qua trung gian DGSE, mà thường cử một nhà ngoại giao tin cậy hoặc trong trường hợp rất quan trọng - cử một phái viên riêng như lần cử ngoại trưởng Roland Dumas sang Lybi năm 1984, hoặc cử ông Eric Rouleau sang Iran năm 1986.

Liệu trong những cuộc gặp gỡ tay đôi tại văn phòng làm việc của Tổng thống, hai vị có bàn luận "chi tiết" về những kế hoạch tình báo không? Không, tất cả những chứng cứ chúng tôi thu thập được đều khớp nhau như vậy. Vấn đề này đã được tranh luận gay gắt khi xảy ra vụ đánh đắm chiếc tàu Cầu Vồng của tổ chức Hòa Bình xanh, nhưng phải đợi khá lâu để một số nhân vật chủ chốt của vụ này - đặc biệt là những nhân viên hành động của DGSE và những người phụ trách họ - cho biết trung thực những tình tiết. Mọi nguồn tin đều cho thấy lệnh đánh đắm con tàu đó không phải do Tổng thống đưa xuống mà do Bộ trưởng Quốc phòng Charles Hernu khi ông này - theo công thức của một chuyên gia - bỗng quyết định theo một "xung năng an ninh" thúc đẩy. Cũng theo chuyên gia này ông Hernu lúc đó phấn khởi, bốc đồng nên không lường trước được các hậu quả của mệnh lệnh ban ra. Bộ trưởng Bộ quốc phòng không chỉ thị về các thể thức kỹ thuật của kế hoạch, ông giao việc đó cho đô đốc Lacoste, cục trưởng cục hành động là đại tá Jean Claude Lasquer và cục phó hành động là trung tá René Faberon. Phủ Tổng thống không ngăn cản trò hề này, vì tướng Saulnier, tham mưu trưởng phủ Tổng thống nhận

rằng chính ông đã cho phép tiến hành kế hoạch tình báo đó thì DGSE mới được phép chi mật quỹ của phủ thủ tướng.

Chết người với mưu tính trước.

Là người quyết định những nét lớn về đường lối của các cơ quan tình báo, Tổng thống thực sự chi quyết định những kế hoạch nóng bỏng nhất. Trong đó, nếu có dịp, Cục hành động thực hiện cả việc hành quyết. Đây là lĩnh vực gay cấn nhất của bí mật quốc gia đôi khi có thể làm cho nước Pháp bị liên lụy nghiêm trọng, cho nên người thi hành ít khi dám lộ ra. Ta vẫn nhớ rằng ông Marion đã có lần công khai nói rằng Mitterrand rất dè dặt dùng thủ đoạn này: "Cách đây năm năm, tôi đã xin Tổng thống cho phép "vô hiệu hóa", tức là thủ tiêu theo lối nói nhà nghề của chúng tôi, ba người mà chúng tôi biết rõ nằm trong tổ chức khủng bố, nhưng ông Mitterrand đã từ chối".

Vụ đó xảy ra vào mùa thu năm 1982 có sự phối hợp chặt chẽ giữa cục Tình báo và Cục Hành động của DGSE dựa vào nguồn tin của cơ quan tình báo Mossad của Ixraen và đáng ngạc nhiên hơn là dựa vào cả nguồn tin của Tổ chức Giải phóng Palextin của ông Araphát. Kế hoạch này được đề ra sau các vụ ám sát vợ chồng mật mã viên của DGSE tại Libăng ngày 15-4-1982, sau các vụ khủng bố trên phố Mabeuf hôm 22-4-1982, rồi sau vụ khủng bố ở phố Rosiers ngày 9-8-1982, nhằm tiêu diệt một bộ phận hậu cần của toán Abunidan ở châu Âu. Sau nhiều

tuần lễ, DGSE theo dõi liên tục đã phát hiện ra những đường dây khủng bố tại Thụy Sĩ, Bỉ và Italia. Các nhân viên tình báo - hành động của DGSE bám chặt đối tượng, leo cả lên xe khủng bố, chỉ còn chờ lệnh là hành động. Lần này không có lệnh phát ra; một số cộng sự của Tổng thống qua mấy tháng sau đó rút ra kết luận rằng Mitterrand về nguyên tắc không tán thành chủ trương cho các cơ quan bí mật Pháp được phép ngấm thủ tiêu "con người" ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Điều này chỉ đúng một phần thôi.

Con người đã có hành động lịch sử là sau khi được bầu làm tổng thống Pháp, đã ra lệnh bãi bỏ hình phạt tử hình, nhưng khi đụng đến lợi ích quốc gia ông không phản đối thủ tiêu con người. Một người mà tôi đặt tên là Victor rất am hiểu chức trách của Tổng thống đã khẳng định có quyền được giết người, quyền mà bao giờ Tổng thống cũng che giấu trước công chúng... Trong căn phòng lộng lẫy có những đồ gỗ sẫm, những cuốn sách quý, giọng của Victor hơi dần xuống, những lời nói nặng trĩu ý nghĩa, nhiều ý: "François Mitterrand đã suy ngẫm về chức trách của ông. Như việc dùng vũ khí hạt nhân, ông sẵn sàng gánh trách nhiệm. Tức là về trí tuệ và đạo đức, ông sẵn sàng ra lệnh nếu cần cho việc lãnh đạo công việc của quốc gia. Tuy ông chống tử hình, nhưng không có nghĩa là tuyệt đối không sử dụng hình phạt đó". Và Victor nói thêm để nói lên quan điểm của mình: "Đó là một chính khách có tinh thần trách nhiệm".

Không có thông tin về vấn đề này. Tuy nhiên chúng ta nhớ lại những năm gần đây ở Libăng đã có những phần

tử hòi giáo chống sự có mặt của nước Pháp đã bị giết chết. Còn ở châu Phi Đen, có một nước mà Pháp làm mưa làm gió, đã có một số nhân vật quá thân đại tá Kadaphi (1) nên đã bị sát hại. Trong vấn đề toàn cầu này mà các chuyên gia gọi là "những xung đột nhỏ", có những cái chết vì tai nạn xe cộ trên những con đường vắng người, chết vì bệnh hiểm nghèo, vì chất nổ, hoặc vì P.38, ra quyết định cuối cùng để giết người vì lợi ích quốc gia không dễ dàng đâu.

Gợi ý không phải là giết chết

Thời kỳ sống chung từ ngày 16-3-1986 đến 8-5-1988⁽²⁾ có tác dụng ghìm những kế hoạch hành động hơn là tăng số lượng kế hoạch. Bất chúc cách phàn nàn của Marion về sự bất động của Tổng thống, tướng Imbot (3) nhiều lần cầu nhàu công khai hoặc kín đáo về tình trạng do dự ở cấp cao nhất của Pháp. Lần này, thủ trưởng DGSE mới được đề bạt sau vụ Hòa bình Xanh nhằm vào Thủ tướng hơn là Tổng thống. Với sự hỗ trợ của các cộng sự thân cận, Tổng thống đã nhiều lần gợi ý thủ trưởng DGSE

(1) Đại tá Kadaphi là Tổng thống nước Libi.

(2) là thời kỳ Đảng xã hội Pháp nắm chức Tổng thống, còn Đảng tập hợp nhân dân nắm chính phủ.

(3) Tổng cục trưởng DGSE.

chuyển cơ quan của mình trực thuộc Thủ tướng như trước khi xảy ra vụ Ben Backa; thời kỳ sống chung, Tổng thống còn xác định quan điểm đó với tướng Imbot.

Theo nhiều nhân chứng, Imbot chắc chắn rằng ông được phép nhận những mệnh lệnh "hành động" từ tả ngân sông Seine. Vào tháng 11, 12 năm 1986, chưa ai biết rõ lần sóng âm sát do Ủy ban ủng hộ tù nhân chính trị Arập còn tiếp diễn hay không. Vào tháng chín Jacques Chirac đã rõ ràng đe dọa bọn khủng bố rằng ông sẽ cho diệt viên giáng trả những đòn sấm sét. Nhắc lại bọn đặt bom đã gây ra bốn vụ nổ trong mười ngày ở Paris và sẽ còn tiếp tục. Thủ tướng đã tuyên bố vào ngày 16-9: "Những kẻ gây ra tội ác phải biết rằng chúng tôi sẽ nhẫn tâm; những quốc gia nào chỉ đạo bọn khủng bố sẽ phải trả giá cao nhất". Trước đó vài phút, một quả bom đã nổ tại Pub Renault trên đại lộ Champs-Élysées. Hôm sau, hiệu Tati ở phố Rennes lại bị đánh bom. Ngày 18-9, đại tá Christian Gouttière, tùy viên quân sự Pháp tại Libăng, bị ám sát. Đất nước bị chấn thương nặng nề, nhưng chính phủ vẫn tiếp tục nói lòng gọng kìm khủng bố. Phủ thủ tướng tiếp tục cử phái viên sang nhiều nước vùng Trung Đông cả trước, trong và sau các vụ khủng bố, các cuộc đàm phán tiếp tục không ngừng, trực tiếp hoặc gián tiếp với Iran.

Những phát biểu mạnh mẽ của Thủ tướng đã làm tướng Imbot yên lòng. Thủ tướng nói ông sẽ phản ứng một cách không thương tiếc thì tổng cục trưởng và các tham mưu của ông cho là tốt vì ông dự định dùng những

phương pháp hành động "không chính thống". Tin tưởng, Imbot đến phủ thủ tướng mang theo những kế hoạch mà bộ tham mưu của ông đã chuẩn bị cùng cơ quan Mossad⁽¹⁾ để đánh phá vài đường dây khủng bố ở nhiều nước. Thủ tướng đã dứt khoát bác bỏ khiến cho vị tướng vô cùng thất vọng. Những tình tiết chứng minh rằng Chirac biết rất rõ những lời tuyên bố như sấm vang của mình sẽ không có hiệu quả. Rõ ràng nước Pháp phản ứng như thế vào lúc đó, vì sinh mệnh của các con tin Pháp ở Libăng. Nhưng Imbot lại muốn hạ sát nữa...

Dĩ nhiên người ta quyết định giết người không như bổ nhiệm một tình trường. Dù người đó là một vị Tổng thống. Vậy thực ra người ta có quyết định như thế không? Alexandre de Marenches quen nói với các bạn thân rằng ông đã đặt ra một luật mật mã phức tạp bằng những cái nháy mắt và lắc đầu để duyệt chủ trương cho những kẻ thù độc ác của nước Pháp về châu tổ tiên mà không cần phải trao đổi một lời giữa hai vị. Cách giải thích lịch sử một cách tiểu thuyết hóa này vẫn che giấu một sự thật: loại quyết định này chắc thuộc loại tệ hại nhất mà một chính khách phải ban hành. Trong lĩnh vực này, thái độ của Mitterrand ra sao? Theo Victor thái độ đó tùy thuộc vào tình hình, ông khẳng định một cách khó hiểu: "Chùng nào tính chất sự việc hiểm nghèo bao nhiêu buộc Tổng thống phải ra quyết định một cách lạnh lùng bấy nhiêu đó chính là do sự thúc bách khác nhau bấy nhiêu."

(1) Cơ quan tình báo của Ixraen.

Bao giờ cũng thế, khi người ra quyết định chưa bị thúc bách thì người chờ lệnh rất sốt ruột. Về mặt này, sự do dự thật là bực mình. Trên thực tế, ta không thể phê phán Tổng thống do dự, mà chỉ phê phán việc chậm ra lệnh. Rồi với thái độ cơ bản là xảo quyết, ông sẽ tuyên bố rằng loại quyết định đó không thuộc cấp bậc của ông. Ông không từ chối, nhưng với điều kiện ông không hay biết việc đó... Thái độ của Tổng thống trên đây phù hợp với ý kiến một số người thân của ông: họ khẳng định rằng trong tình huống như thế, Tổng thống thường cho rằng đây là việc của Thủ tướng hơn là của Tổng thống. Tại sao trong khi lưỡng lự như thế, Tổng thống không chuyển giao những đặc quyền ra lệnh giết người như thế cho Thủ tướng từ năm 1981? Một cộng sự của Tổng thống thờ dài và nói: "còn bạn một vài việc khẩn cấp phải giải quyết trước".

Ám sát một người không phải và không thể là một quyết định đặc biệt. Còn ám sát nhiều người.... Để trả thù vụ ám sát Đại sứ Pháp Louis Delamarre tại Libăng ngày 4-9-1981, Tổng thống hoặc một cộng sự thân tín của Tổng thống, ai là người đã cho phép phá hoại trụ sở Đảng Baas tại Damat ngày 29-11-1981? Mặc dù có những tin đồn rằng cơ quan tình báo Pháp đã nhúng tay vào vụ đó, nhưng câu trả lời bỏ lửng. Để bù lại, Cục Hành động của DGSE đã ám sát ba thủ phạm của vụ hạ sát ông Delamarre (1983 tại Báyru-t).

Đôi khi có nhiều con bài cũng có ích cho những trường hợp phức tạp. Đầu năm 1986 tình hình các con tin Pháp ở Libăng trong nhiều tháng thật là khó gỡ. Tổng

tuyên cử tại Pháp đã tới gần, các kế hoạch thương lượng tại thực địa bị thất bại. Cho nên Chính phủ xã hội sốt ruột muốn dùng ngay biện pháp mạnh: cuối tháng 2-1986 một đơn vị mạnh của Cục Hành động của DGSE do một sỹ quan giỏi chỉ huy đã đến miền nam Libăng bằng đường Ixraen vào khu vực do lực lượng Thiên chúa giáo kiểm soát và được quân đội Ixraen bảo vệ. Mục tiêu của đơn vị hành động này là nhằm vào nơi giam giữ các con tin Pháp do cơ quan tình báo Ixraen phát hiện dựa vào các nguồn tin từ Đông Tây rút. Ngoài ra dân quân Si-ri của Amal theo xu hướng thân Xiri do Nabith Berri chỉ huy - tuyên bố sẵn sàng tiến đánh kẻ thù không đội trời chung của họ là Hezbollah (Điên vì Chúa, thân Iran) bất chấp khó khăn nguy hiểm.

Cuối cùng lương tri không cho phép tiến hành kế hoạch đó: nó chắc chắn sẽ giết chết những tên bắt cóc cũng như các con tin. Trong thời gian đó trong DST cũng có ý kiến trả miếng những thân nhân của phái Hezbollah sống tại Pháp. Không phải giết họ, mà chỉ dọa cho những tên khủng bố "phải sợ" sẽ bị trừng phạt nặng nề.

Theo dư luận thì kế hoạch này đã đưa lên Tổng thống nhưng bị bác nên DST phải tìm kế hoạch khác.

Một danh ngôn: tính đa nghi.

Những nhà chính trị Pháp có trên bốn chục năm kinh nghiệm hoạt động là hiếm. Lại còn hiếm hơn nữa là những người gặp nhiều trở lực như François Mitterrand

và biết cách vượt qua trở ngại rồi dùng những cái đó làm bậc thang leo lên đỉnh cao. Để làm nên sự nghiệp phải có nguyên tắc; và trong số nguyên tắc mà đương kim Tổng thống giữ vững ba mươi lăm năm qua nói chung là ông ngờ vực cảnh sát, và nói riêng các cơ quan tình báo. Nguồn gốc của thái độ đa nghi này là "vụ để lộ bí mật", một mưu đồ bần thiêu được sắp xếp để dả kích ông vào năm 1953, khi ông đang làm bộ trưởng Bộ Nội vụ, do những tay cảnh sát phản nghịch làm cho ông bị coi là "tên phản bội" trước Quốc hội và "tay sai của Liên Xô" trước nhiều nhà báo.

Khi đảng Xã hội lên nắm chính quyền năm 1981, qua cuộc bầu cử Tổng thống mới, phần lớn đảng viên xã hội coi cảnh sát ít nhiều không thiện cảm chủ yếu khác nhau về quan điểm hơn là về thực hành quyền mà chỉ sau này mới dần dần xóa được. Theo ông Grimaud - nguyên chánh văn phòng - Bộ Nội vụ thì "tình hình không dễ dàng. Đảng Xã hội mang nhiều thành kiến và oán hận, và rất ngờ vực đối với cảnh sát. Đối với họ, DST là nơi kết tinh của mọi sự khiếp sợ. Đó là một ý kiến quá đáng, nhưng chỉ gán cho những kẻ giàu có..." Thực tế giữa phe tả lên nắm chính quyền và cảnh sát không ăn ý nhau. Theo nhận xét của một quan chức cấp rất cao sau này thân với chính quyền mới thì: "một bên mang tính nghiệp dư, biệt phái và tinh thần chiến đấu bị hiểu lầm", còn phía bên kia ngờ vực, không tin và lo sợ trước việc có đảng viên cộng sản vào chính quyền và sự kinh ngạc trước nhân cách của một số cố vấn của Tổng thống.

Sự khó chịu giữa cảnh sát và phủ Tổng thống chỉ tiêu tan sau nhiều năm khi các Thủ tướng mới được Mitterrand bổ nhiệm đã quen việc. Những người có công nhất đóng góp cho sự hòa hợp phải nói đến cục trưởng DST, Yves Bonnet, được bổ nhiệm ngày 14-11-1982, ông tổng giám đốc cảnh sát quốc gia Pierre Verbrugghe, được bổ nhiệm ngày 8-6-1983. Việc bổ nhiệm ông siêu hiến binh Christian Prouteau vào phủ Tổng thống cũng góp phần vào việc hòa hợp dù kết quả của "ổ" hiến binh do ông lập vào tháng tám năm 1982 không mỹ mãn như mong đợi. Trong khi nạn khủng bố nổi lên năm 1982, thì năm 1983 quan hệ giữa chính quyền xã hội và cảnh sát lại xấu nhất. Đối với Mitterrand, một số sự kiện có vẻ không quan trọng lại có tính chất báo hiệu giông tố sắp đến. Tuy ngày nay người ta hoàn toàn quên lãng, cuộc biểu tình ngày 25-5-1983 tiếp sau nhiều tuần lễ sinh viên phản đối nằm trong bối cảnh đó và in trong trí nhớ của một số cộng sự của Tổng thống như một trong những ngày xấu nhất của thời gian đầu của nhiệm kỳ Tổng thống.

VỤ ĐỂ LỘ BÍ MẬT

Năm 1953 và 1954, ủy ban quốc phòng – nay là Hội đồng quốc phòng, tập hợp quanh Tổng thống những thành viên chính của Chính phủ và những thủ trưởng chính của quân đội – là nạn nhân của những vụ để lộ bí mật nghiêm trọng. Vụ thứ nhất xảy ra ở bộ biên tập nhật báo Pháp

+ Người Quan sát, trong tờ báo tháng bảy đã đăng nguyên văn những lời phát biểu của tướng Navarre về cuộc chiến tranh Đông Dương. Cách đó vài ngày, Bộ trưởng Mitterrand lúc đó 37 tuổi là bạn thân của tác giả bài báo đó, Roger Stéphane. Mitterrand không che giấu tham vọng với công thức "Làm thủ tướng lúc 60 tuổi thì ai cũng làm được. Điều cần làm là lên chức Thủ tướng vào năm 40 tuổi mới đáng". Bộ trưởng Tư pháp Léon-Déplat tung tin Mitterrand phản bội. Vì lý do khác, ông xin từ chức, nhưng không được chấp nhận để nghị lập hội đồng danh dự của ông.

Năm 1954 tình hình rõ ràng nghiêm trọng hơn. Viên cảnh sát Jean Dides báo cáo Chính phủ rằng Ủy ban quốc phòng lại để lộ bí mật cho lãnh đạo Đảng cộng sản: Chỉ điểm viên Bénane phát hiện trên bàn giấy của ông Jacques Duclos nguyên văn biên bản một cuộc họp của ủy ban này. Nhân định có hai người phạm tội: Edgard Faure và François Mitterrand, ông này mới được Thủ tướng Mendès-France bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ Nội vụ. Được báo cáo từ 2-7 về lời tố cáo này, nhưng 7 ngày sau Thủ tướng mới cho người

Nguồn: Claude CIÉMMET, vụ án làm lộ bí mật, Olivier Orban, Paris 1980.

bạn thân Mitterrand biết tin... Mitterrand bị làm nhục, bị quy tội "phản bội" và "tay sai của Liên Xô" bởi các nhà báo và nghị sỹ đối lập, kể cả trên diễn đàn Quốc hội. Ông trao việc xác minh vụ việc làm lộ bí mật cho cục trưởng Roger Wybot của DST. Ông Wybot tìm ra nguồn gốc của vụ làm lộ là Jean Dides đã nhận được thông tin từ hai cộng sự của tổng thư ký ủy ban quốc phòng Jean Mons tên là Jean Turpin và Roger Labrusse. Toàn bộ vụ này là một vụ dàn dựng, không có tài liệu nào của ông Jacques Duclos... Vụ này sinh ra hai tác động lớn vào Tổng thống hiện nay của nước Pháp: mỗi oán hận cá nhân đối với Mendès-France vì không báo cho ông biết tin và lòng nghi kỵ lâu dài đối với các nhân viên cảnh sát có khả năng dàn dựng vụ oan...

Hôm đó, cuộc biểu tình đến được Quốc hội và hai trăm cảnh sát cơ động đã phải đánh nhau kịch liệt để ngăn đám đông trên cầu Alexandre III không cho vượt qua sông Seine. Tổng thống không muốn nói rõ cho Phủ thủ tướng và Bộ Nội vụ rằng ông không muốn đám biểu tình đến được đó. Rất đơn giản là ông nghĩ rằng nguyên tắc đầu tiên của người phụ trách trật tự công cộng trong một thành phố miễn tiện như Paris phải ngăn được những mọi sự lộn xộn. Ngày hôm đó ông ngại rằng các thầy thuốc và quan tòa tương lai sẽ đến hò hét dưới cửa sổ của ông nên ông đã quát các cộng sự của ông: "Từ năm

1934, ai cũng biết rằng không một cuộc biểu tình nào được vượt sang bờ sông Seine; ta đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng khi để sinh viên đến được trụ sở Quốc hội rồi để chúng suýt nữa vượt qua được sông". Từ đó mọi đơn xin biểu tình đưa lên Bộ Nội vụ và các biện pháp giữ gìn trật tự đều phải trình lên phủ Tổng thống và ông phó văn phòng kiêm cố vấn về cảnh sát của phủ Tổng thống là ông Gilles Ménage đều phải xét duyệt.

Tất cả các biện pháp trên đều chưa đủ để tránh làm cho tâm trạng khó chịu tăng nặng hơn. Cái chết của hai cảnh sát viên bị ám sát ngày 1-6-1983 ở phố Trudaine do tổ chức "Hành động Trực tiếp" gây ra đã làm cho cảnh sát phản ứng mang tính chất chống chính phủ. Hai cuộc biểu tình ngày 3-6 chứng minh cuộc khủng hoảng đến mức nghiêm trọng. Buổi sáng 1.500 cảnh sát dự đám tang ở trụ sở cảnh sát đã hô khẩu hiệu "Badinter hãy từ chức!" ngay dưới cửa Bộ Tư pháp, ở quảng trường Vendôme. Đến chiều, "Liên đoàn nghiệp vụ độc lập Cảnh sát", thân phe cực hữu, tập hợp 2.500 viên chức. Một lần nữa, họ tiến về quảng trường Vendôme, vào đại lộ Champs Élysées, vài trăm cảnh sát vào được cổng Bộ Nội vụ ở quảng trường Beauvau. Khi điều Cảnh sát đến ngăn cản đoàn biểu tình thì có những người đi theo đoàn biểu tình! Thật là nghiêm trọng...

Lần này Tổng thống tức giận thật sự và nhiều quan chức bị kỷ luật. Tổng cục trưởng cảnh sát quốc gia Paul Cousserand không hoàn toàn chấp thuận ra đi. Ông bị

thải hồi, và Pierre Verbrugghe lên thay... Ngay chiều hôm đó, cục trưởng cảnh sát Jean Périet xin từ chức và được chấp thuận ngay; tuần sau Guy Fougier lên thay. Nếu ông này ngờ vực không biết Tổng thống có thật đích thân quan tâm theo dõi vấn đề trật tự ở Paris hay không, thì ông đã nhanh chóng vỡ lẽ. Giai thoại ngày đó là tháng hai 1984, sáu nghìn lái xe tải chặn lối vào thủ đô ở Garonor, gần sân bay Roissy. Tất cả những người phụ trách an ninh Paris đều rất lo về một tình hình mà phải giữ hoàn toàn bí mật: họ chỉ còn có hai đại đội hiến binh cơ động dự trữ - khoảng 200 người - đề phòng số lái xe tràn vào thủ đô. Chính phủ và Tổng thống đều lo sợ "hội chúng Chilê" xuất hiện, nhớ lại những cuộc biểu tình của lái xe đã thúc đẩy Salvador Allende sụp đổ năm 1973. Để dùng khi cần, và để chắc dạ rằng Guy Fougier đã nhập tâm vấn đề này, Tổng thống đã đích thân gọi điện để nói cho ông rõ: "Việc giữ gìn trật tự tại Paris là việc của ông!"

Vào thời kỳ đó, hiện tượng ngờ vực là phổ biến: Khi Tổng thống Mitterrand mới nhậm chức, trong khi DST bắt đầu chăm lo nghiêm chỉnh đầu mối phản gián Farewell, mà chúng tôi nói đến sau này, các thủ trưởng phản gián còn quan tâm đến một việc khác: Làm thế nào báo cho Tổng thống thấy rằng ông đã chọn nhầm một cộng sự quá non kém để phụ trách những chức vụ rất cao? Một số đó làm việc cho François de Grossouvre, phụ trách về tình báo trong phủ Tổng thống, số khác không có quan hệ trực tiếp với các vấn đề an ninh. Trong số đó có Régis

Debray, người được hưởng một chế độ rất đặc biệt đã bị CIA cũng như phản gián Pháp theo dõi từ lâu vì có một quá khứ sôi động: đã từng tham gia du kích ở Bôlivia cùng Chê Ghêvara rồi bị bắt ngày 20-4-1967 tại Muypampa, trong tỉnh Oriente, và sáu tháng sau bị kết án 30 năm tù.

Ông được ân giảm và trả tự do vào tháng 10-1970, nhưng 11 năm sau CIA vẫn theo dõi. Cơ quan tình báo này của Hoa Kỳ chê trách Debray đã cư trú lâu dài ở Cuba, theo tư tưởng của cuốn "Cách mạng trong cách mạng", kinh thánh của du kích thân Cuba trong châu Mỹ La tinh. Nhưng chủ yếu CIA căm tức Debray đã cộng tác với tên "phản bội" Philip Agee, cựu sỹ quan CIA, năm 1968 đã ra khỏi CIA và bảy năm sau xuất bản cuốn sách nổi tiếng TRONG LÒNG CIA. Cuốn sách này đã gây nên tai tiếng rất lớn cho CIA vì nó đã phanh phui nhiều chuyện. Cho nên Agee đã bị CIA tung hàng loạt điệp viên để theo dõi khiến cho ông phải lang thang quanh thế giới và ở mọi nơi đi qua ông đều vạch mặt chỉ tên những nhân viên CIA hoạt động tại địa bàn mà ông phát hiện một cách khéo léo bằng phương pháp sử dụng danh bạ cũng như danh sách niên giám của Bộ Ngoại giao Mỹ phát hành.

Agee đã đến Paris vào cuối năm 1970 với ý định xuất bản một từ điển nhân vật CIA chứa khoảng 7.000 tên và lý lịch điệp viên Hoa Kỳ. Dự chi khoảng 250.000 Mỹ kim mà ông cần có người cho vay tiền. Agee đã nhờ Régis Debray là người mà ông nghĩ rằng có thể thu góp /

được món tiền đó tại Pháp. Agee viết hai trang mô tả dự án và kêu gọi trợ giúp khoảng 150.000 Mỹ kim. Ông sẽ gửi dự án này cho những người quen để quyên tiền. Tuy không chối rằng mình có quen Agee, nhưng Debray cho rằng dự án đó là ngông cuồng... Sau khi Debray được bổ nhiệm vào phủ Tổng thống, nhiều đơn cảnh báo tới tấp đến Tổng thống và tất nhiên cũng qua các cố vấn của Mitterrand. Và tất nhiên cũng có đơn qua Regis Debray khiến ông này phản đối DST và một số quan chức vẫn còn phần nể khi nhắc lại sự kiện này... Đến bây giờ người ta vẫn còn nhạo báng vụ đó tại điện Elysée khi thấy DST vẫn coi Debray là phần tử "không rõ ràng" mặc dù ông là nhà văn rất được tôn trọng đang công tác tác trong Hội đồng Nhà nước.

Ở giữa lĩnh vực giành riêng

Trong khu vườn rộng mênh mông, lễ hội đã xong; các dàn nhạc đã thu xếp nhạc cụ và dưới những cái bàn, những mâm bánh nướng, thịt lợn và bánh ngọt đã phải nhường chỗ cho những thức ăn thừa là công việc vất vả của hàng chục người phục vụ phải giải quyết. Trong khi các người bán món ăn đặt sẵn, lái xe tài nhỏ rời đại lộ Elysée, thì những vị khách cuối cùng của bữa quốc yến do tân Tổng thống mời chưa rời khu vườn. Trong ngày 14-7-1981 này, để đánh dấu thắng lợi bầu cử không phải

là thắng lợi của riêng Đảng Xã hội của mình, Mitterrand tiếp bốn lãnh tụ của bốn chính Đảng quan trọng nhất: Lionel Jospin, bí thư thứ nhất Đảng xã hội, đến phủ Tổng thống trước hết vào lúc 15 giờ. Jacques Chirac, chủ tịch Đảng tập hợp nhân dân Pháp, đến tiếp theo và trước tổng bí thư Đảng Cộng sản Georges Marchais là chủ tịch Đảng liên minh Dân chủ Jean Lecanuet. Các nhà báo đã gặp họ, camera đã quay họ và các vị đã ra những tuyên bố trên bao lơn phủ Tổng thống. Nghĩa là chỉ mấy hôm sau, chẳng còn ai để ý đến điều đó nữa...

Ngược lại không ai trông thấy một con người kín đáo, vận bộ quần áo màu sẫm - đây là một quy luật - vừa mới vào bằng cổng phố Thánh Honoré. Ông ta lặng lẽ vượt qua vài chục mét giữa phòng làm việc của ông ở 11 phố Saussaies với điện Élysée, nếu có ai trông thấy ông cũng tưởng đó chỉ là người đi dạo chơi bình thường. Con người đó đã trải qua 36 năm, nghĩa là suốt cuộc đời công tác, tại Cục kiểm soát Lãnh thổ (DST), nơi ông đã leo hết các bậc từ khi ông bắt đầu làm việc vào năm 1946. Với chức vụ một viên cầm trẻ tuổi, và đến năm 1975 ông đã leo lên chức Cục trưởng. Ở Pháp, chỉ những người am hiểu mới biết tên ông. Nhưng đối với các cơ quan đặc biệt trên thế giới từ Đông sang Tây đều biết tên ông rõ hơn cả Tổng thống Pháp. Tên ông là Marcel Chalet, và khi ông đi thăm Mitterrand nghĩa là ông có việc cần báo cáo...

Việc này đã lộ hết quy mô trong thời gian giữa hai vòng bầu cử Tổng thống, và viên thủ trưởng phản gián này đã sốt ruột chờ gần hai tháng mới được gặp Tổng thống. Ông cho rằng DST từ nay đã cài đặt được tại Matxcơva ở trong lòng cơ quan lãnh đạo nhà nước Liên Xô một người sẽ cung cấp tin tức trong nhiều tháng và sẽ chuyển cho DST toàn bộ kế hoạch của Liên Xô thu thập công nghệ phương Tây. Thật là một việc to lớn mà các cơ quan phản gián phương Tây đến nay vẫn còn dùng làm căn cứ quan trọng cho công việc của mình; nhân vật đó là Farewell nổi tiếng, sau này biến mất một cách bí ẩn và không bao giờ biết rằng mình đã cống hiến to lớn thế nào cho nước Pháp và... cho Tổng thống Mitterrand. Vài ngày sau, trong cuộc hội nghị Nhóm Bảy Nước giàu nhất thế giới tại Canada, Mitterrand đã bàn và cho Tổng thống Reagan những tin báo mà Chalet đã báo cáo với ông; những phát hiện này đã làm cho Tổng thống Hoa Kỳ tươi hẳn lên. Reagan chưa quen biết Mitterrand và mới được bầu và lên làm Tổng thống từ 20-1 nhưng đã chú ý đến việc Pháp để cho cộng sản tham gia Chính phủ Mauroy.

Vài tuần sau, Mitterrand phái Chalet sang Mỹ. Ông cục trưởng DST được đón tiếp nồng nhiệt và những tin báo của DST được đánh giá cao đến mức Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ dùng một đoạn tin báo này để đưa vào lời tựa một văn bản đưa ra công khai cho công chúng đọc: "Trong

những năm qua, Chính phủ Hoa Kỳ đã biết Liên Xô tổ chức một kế hoạch quan trọng và chặt chẽ để thu thập bất hợp pháp và hợp pháp công nghệ phương Tây về vũ khí và các dự án về quân sự... Nhưng chỉ gần đây chúng ta mới được biết cận kề về quy mô kế hoạch thu thập bất hợp pháp của Liên Xô". Người tiếp ông Chalet là phó Tổng thống Georges Bush, người đã đến Paris để phản đối việc Pháp đưa cộng sản tham gia Chính phủ. Nhưng cuộc gặp Chalet-Bush trong không khí bạn bè thân mật, hai người đã biết nhau từ thời Bush làm cục trưởng CIA (1976) trước khi bị Tổng thống Jimmy Carter cho nghỉ vì CIA bị đánh giá là một trong ba nỗi nhục của nước Mỹ, hai nỗi nhục khác là vụ Watergate và Việt Nam... Chalet trở về Pháp mang theo bức thư khen ngợi gửi cho Mitterrand.

Sau khi đã gây được tín nhiệm với Hoa Kỳ, nhờ tên nội gián mang bí danh Farewell, Mitterrand có ý định đưa ra một sáng kiến về phía Liên Xô. Gần như thói quen, DST lúc nào cũng trữ sẵn một bản danh sách điệp viên của các cơ quan tình báo Xô-viết có thể trục xuất. Năm 1983, trong khi đầu mối Farewell chỉ có một số rất ít thủ trưởng cảnh sát và nhà chính trị biết, bản danh sách đó lên tới còn số 160 người. Và DST thấy chẳng có trở ngại gì về sự phát hiện quan trọng của Farewell, nếu cần đuổi thẳng số điệp viên đó về Matxcơva. Cục trưởng mới của DST là Yves Bonnet (cục trưởng Chalet đã về hưu vào

tháng 11 năm 1982), trình danh sách này lên Tổng thống, và chỉ được duyệt có 47 tên. Ngày 5-4, lệnh xuống và 47 người Liên Xô cùng gia đình phải rời Paris. Bộ Ngoại giao Pháp đề nghị giữ kín biện pháp trục xuất này, nhưng một "sự tiết lộ" đã phá hủy chủ trương này, và nhiều tờ báo đã tung vụ trục xuất này lên trang đầu các báo phương Tây...

Ý muốn làm suy yếu lực lượng gián điệp Xô-viết ở Pháp - trở trêu thay - lại không phải là mục tiêu thứ nhất của Tổng thống. Một trong những người đã tham gia trục xuất này kể rằng: "Năm đó cần khẳng định bằng một hành động vang dội quyết tâm của Chính phủ về khái niệm quyền lợi của nước Pháp và để cho Liên Xô thấy quyền lực mạnh mẽ của Pháp. Tổng thống có trách nhiệm nặng nề nhất, trách nhiệm phát lệnh bắn tên lửa đầu đạn hạt nhân. Rất cần làm cho Liên Xô biết rằng chính quyền Pháp rất kiên quyết, biết ẩn nút nguyên tử khi cần thiết; điều đó là một quyết định nghiêm khắc nhằm chứng tỏ rằng ngay khi Mitterrand mới làm Tổng thống, người ta đừng đùa với ông ta". Quyết định trục xuất các nhà Ngoại giao Xô-viết nằm trong một chiến lược rộng hơn, bởi vì ngày 20-1, Tổng thống Pháp chấp nhận trước Quốc hội Tây Đức cho triển khai tên lửa Mỹ Persing, đối diện với tên lửa SS 20 của Nga.

Nhiều năm sau, Mitterrand xác nhận sự phân tích đó trong khi vận động bầu cử Tổng thống năm 1988 với

lời tuyên bố rằng thái độ của ông cách đây năm năm cho ông được phép tán thành những sáng kiến giải trừ quân bị của Reagan và Gorbachev mà không bị coi là thiếu sáng suốt đối với Liên Xô. Vì suy nghĩ đến lệnh trục xuất 47 nhà ngoại giao, mà ông tuyên bố trước Quốc hội Tây Đức rằng: "Chính biết treo giá ngọc đối với Liên Xô năm 1983 mà chúng ta đạt được những kết quả như ngày nay".

Giữa các lĩnh vực giành riêng, ở ngã tư của Quốc phòng và Ngoại giao, các cơ quan bí mật giữ một vị trí chính trị quan trọng trong tay Tổng thống. Vừa là công cụ thông tin và điều tra, trạm chuyển tiếp hoạt động và sở giao dịch đối chác với các Chính phủ khác, công cụ đối thoại và gây sức ép, các cơ quan bí mật theo lời một người thủ trưởng cũ của DGSE là: "Một trong các phương tiện của Tổng thống với một khả năng chủ yếu kín đáo và không làm hại mình". Tránh khỏi con mắt của báo chí, và công luận, tránh khỏi sự kiểm soát của Quốc hội và của luật pháp, thậm chí của Chính phủ, các cơ quan bí mật dù sao cũng là loại cơ quan rất mạo hiểm. Bởi vì tất cả những mối lợi tiềm tàng mà cơ quan này mang lại đều có thể tan thành mây khói chỉ vì một "sơ hở nhỏ". Giới hạn rất chật hẹp của Tổng thống trong phạm vi mà việc kiểm soát những cỗ máy chiến tranh tập trung trong tay chưa đến nửa tá con người, có thể dẫn những cơ quan đó hoặc một số thành viên của chúng, che giấu một phần hoạt động của chúng, có thể tiến hành một chính sách tự

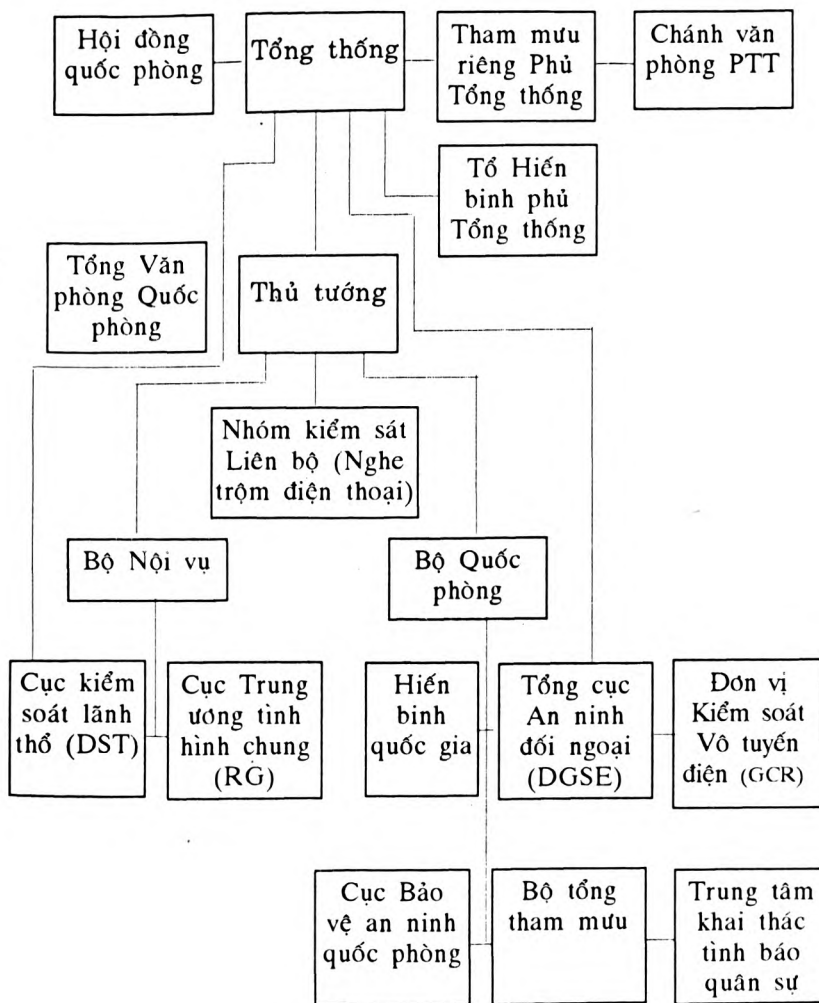
trị không liên hệ với chính quyền. Dương kim Tổng thống có nhiều mối lo nhất, trong đó mối lo về xu hướng tự trị của các cơ quan bí mật, điển hình là vụ đánh đắm tàu của Hòa bình Xanh. Cho đến lúc này, Tổng thống đối phó được, nhưng bộ máy lúc nào có thể trực trặc...

Đó là một bộ máy rất phức tạp, sẽ trình bày những cơ quan chính trong sơ đồ tổ chức sau đây. Những cơ quan này, bí mật hoặc ít bí mật, chúng tôi sẽ trình bày sự vận hành và lịch sử gần đây của chúng trong những chương tiếp theo.

II

CÁC DIỄN VIÊN

BIỂU ĐỒ TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN TÌNH BÁO VÀ PHẢN GIÁN PHÁP



3

NHỮNG ĐÔI TAI CỦA CHÍNH QUYỀN

8 giờ 15' thứ tư tháng tư viên thanh tra bước vào trụ sở Sở cảnh sát, trên đảo de la Cité. Pierre đến muộn. Trạc ba mươi tuổi, vạm vỡ, anh bước vội lên cầu thang dẫn về cánh trái phía tây của ngôi nhà cổ giành riêng cho Cục Tình hình chung RG (Renseignements Generaux).

Tất cả các bạn đồng nghiệp đều đã đến. Pierre chào họ rồi bước vào phòng giấy của mình, một phòng giấy hư nát, vội quét đã nhặt, có đến tám bàn giấy.

Viên thanh tra trao đổi vài câu chuyện ngò ngò mà ông được nghe trộm hôm trước. Như mọi buổi sáng, anh nhấm nháp tách cà phê do viên thanh tra có tên là Henri vừa mới mang tới. Đôi khi chính Pierre mời một hai đồng nghiệp đến quán Mặt trời Vàng cạnh trụ sở, nơi các nhân viên cảnh sát thường lui tới.

Pierre đứng dậy và bước sang văn thư. Ông liếc nhìn ô kéo dành riêng cho nhóm người công tác của ông. Như mọi buổi sáng ông thấy ở đó có những tờ báo do ban báo chí cung cấp, những bản tin của AFP, một số tạp chí, những truyền đơn của những kẻ tổ chức biểu tình gửi tới, vài giấy mời dự mít tinh, mời họp hoặc dự đêm văn hóa. Rồi anh cau mày, điều này thường xảy ra. Anh vừa thoáng trông thấy hai công lệnh ký tên ban chỉ huy cục. Công lệnh thứ nhất yêu cầu điều tra lý lịch một thành viên quan trọng của một tổ chức quốc tế. Công lệnh thứ nhì cũng là yêu cầu cung cấp thông tin về một nguyệt san của một chính đảng.

Pierre cau nhàu vì anh không thích những việc điều tra hành chính vô vị. Anh rên lên như cái máy, nhưng thôi không thắc mắc từ lâu về ý nghĩa công việc của mình. 28 tuổi, sau năm năm công tác, anh đã tinh ngộ như các bạn đồng nghiệp. Anh thường thích phát biểu: "Bệnh hoại nghi từ lâu đã được nâng lên thành triết học hàng ngày của cuộc sống của nhân viên RG".

Sau một năm thực tập trường cảnh sát quốc gia ở Cannes-Écluse, anh đã chọn RG, vì anh nghĩ rằng có thể có một môi trường công tác thực sự về thông tin và tình báo. Anh cảm thấy mình không thích hợp với nghề "vũ phu" như nghề cảnh sát hình sự. Anh thích tham gia loại trình sát chính trị, loại "tai to" như cảnh sát hình sự vẫn gọi.

Nếp cũ của viên thanh tra RG

Về thông tin và tình báo, Pierre sớm nhận thấy những việc mà cấp trên yêu cầu anh đều "thiếu tính nghiêm túc". Anh khó tin rằng việc điều tra cá nhân như hôm nay anh phải điều tra về ông M., một nhân vật có tiếng, chẳng có ích lợi thiết thực gì.

Pierre đặt lên bàn lệnh của ban lãnh đạo Cục về ông M. Như cái máy, anh lục tìm các thẻ để trong tủ phía sau lưng. Các thẻ xanh, hồng, vàng hoặc trắng tùy theo tính chất đối tượng: Sổ hồ sơ để xác minh xem ông M. đã bị kết án chưa, bộ thẻ phiếu hình sự xem ông ta có phạm pháp hình sự hoặc dân sự. Hộp thẻ trung ương của cảnh sát quốc gia tập hợp tất cả các thông tin từ địa phương đưa lên, hoặc thông tin của cảnh sát hành chính. Pierre đặt tất cả các phiếu yêu cầu điều tra vào chiếc khay công văn để đến cuối ngày sẽ có tùy phái mang đi. Anh không hy vọng nhanh chóng được hồi âm. Anh biết rằng phải kiên nhẫn chờ từ một tuần đến một tháng.

Viên thanh tra trẻ lúc này rời bàn giấy, bước xuống tầng dưới, nơi đặt tầng thư trung tâm của RG. Anh đi theo một hành lang dài khắc khổ rồi ngừng chân trước cửa tầng thư. Anh rút chùm chìa khóa để mở bằng chiếc "hình vuông". Anh nhớ lại cái ngày thủ trưởng đưa cho anh cái "hình vuông" quan trọng đó: thực ra đây chỉ là một cái chìa vuông. Đó là nguồn gốc từ "hình vuông". có chiếc chìa này mới đi khắp cánh phía tây của Sở cảnh sát

vì các ổ khóa ở đây đều không có tay vặn. Đây là một biện pháp không cho người lạ, kể cả nhân viên cảnh sát thuộc đơn vị khác, ra vào tầng thư. Pierre khoái việc được trao chiếc chìa khóa này, đồng thời cũng ngạc nhiên về cách bảo vệ khi thấy giám đốc dặn mình rằng nếu mất chìa khóa anh dễ dàng xin cái khác ở bộ phận khóa BHV...

Khi viên thanh tra vào tầng thư, một trong ba viên chức có mặt tiếp anh. Pierre không thích đến tầng thư vì anh có cảm giác khó chịu khi làm phiên đồng nghiệp. Sau vài câu trao đổi vô hại, anh đưa chiếc thẻ vàng sưu tra. Nhân viên tầng thư tiến về phía các ngăn tủ xếp theo thứ tự abc. Đến ngăn chữ M, anh ta nhanh chóng xác định các ký hiệu giúp anh tìm xem nhân vật M có hồ sơ hay không. Sau vài phút, anh tìm thấy và đưa hồ sơ ông M cho Pierre. Viên thanh tra nhận ngồi đọc nhanh nội dung hồ sơ và thấy có nhiều "bản điều tra" do RG lập cách đây nhiều năm. Cũng thấy vài tin báo về những can thiệp chính trị của ông M, vài ghi chép về bài báo ông ta viết trong và ngoài nước. Pierre chú ý đến những tin về hoạt động chính trị của "đối tượng".

Đến trưa thì Pierre trở về phòng làm việc. Anh rủ hai bạn đồng nghiệp đi ăn trưa. Ba anh chàng đi đến căng tin của Tòa án cách cơ quan cảnh sát hai trăm mét. Trong bữa ăn, ba cảnh sát nhắc chuyện "thuyền chuyến một cách kỳ lạ K. ở Marseille vì có sự can thiệp của ông Y", rồi mối oán hận của Z đối với cấp trên vì ông ta tức giận khi Z nắm được một số thông tin... Z cho rằng cấp trên bất công và dự định sẽ dùng những thông tin mình có để

"chơi" lại thù trường...." Pierre thờ dài khi nghe những chuyện xoi mói, tin đồn và những oán hận trong cơ quan.

Chiều nay có nắng xuân, Pierre và hai người bạn cho rằng làm việc không thuận lợi, nên rủ nhau đi uống châu cà phê cuối cùng ở quán cạnh nhà thờ Đức Bà. Viên thanh tra trẻ rất hợp với các đồng nghiệp. Họ đều vào lứa tuổi 25 đến 30 và cả ba đều cùng trình độ học vấn: vài năm đại học luật hoặc văn chương. Kiến thức đại học của họ và tâm tính của họ là một phần nguyên nhân khiến cho cảnh sát hình sự cười nhạo coi viên chức RG như những "trí thức" và đôi khi họ khinh thường không coi chúng là những cảnh sát thực thụ.

Một thứ bậc phụ thuộc vào Đảng Tập hợp Dân chúng

Trước tách cà phê, ba viên thanh tra RG chuyển câu chuyện sang những sự lộn xộn chính trị của nước Pháp. Hai đồng nghiệp coi mình thuộc cánh tự do, còn Pierre không giấu diếm tình cảm đối với phe tả. Trước mặt những cảnh sát khác, họ tự kiềm chế, thậm chí giữ khoảng cách thận trọng. Họ biết trong các viên chức cấp thấp có nhiều xu hướng, nhưng trong các "thứ bậc" nói chung rất "hữu" và đối với Pierre, các thứ bậc đó "thần phục" đảng Tập hợp Dân chúng (RPR). Một trong những thành viên thanh tra đã kể hiện tượng viên cảnh trưởng ban 6 đã cất bức ảnh François Mitterrand vào tù. Pierre còn cao giọng kể có một viên cảnh khác không chịu nổi

việc Mitterrand được tái cử Tổng thống!" sau ngày 8-5-1988, hắn đã ném chiếc ảnh Mitterrand xuống đất và lấy chân đi lên trong cơn tức giận. Khi hồi hận hoặc thấy lỗi mình, hắn đặt bức ảnh không kính vào chỗ cũ với những vết giày của hắn trên ảnh khiến cho cấp dưới chú ý nhưng cũng không dám có ý kiến về việc này". Những trường hợp như các viên cầm kẻ trên không phải là hiếm.

Pierre và các đồng nghiệp vẫn còn nhớ những bài diễn văn của những người can dự của RGPP (Renseignements généraux de la préfecture de la police: đơn vị tình hình chung của sở cảnh sát) đọc tại Trường cảnh sát năm 1983 với ý kiến nhất quán rằng chó đặt RG như một cơ quan cảnh sát chính trị, mà phải coi nó như một cơ quan có chức năng thông tin lên chính phủ về tình hình kinh tế, xã hội của đất nước.

Trong những ngày tiếp theo, Pierre tiếp tục sưu tra theo yêu cầu của cấp trên. Để cho bản báo cáo có chất lượng cao, anh quyết định gặp một số "quan hệ" hoặc chỉ điểm. Trước hết anh nghĩ đến cô thư ký làm việc ở một cơ quan gần ông M tại tổ chức quốc tế. Anh đã gặp cô này qua những người bạn chung. Anh gọi điện mời cô ta ăn cơm trưa. Người phụ nữ trẻ này biết phẩm chất của Pierre. Cô cho Pierre một số chi tiết về nhân vật nhưng không nói lộ một bí mật nào. Cô hạn chế cung cấp vài nét về ông Tổng thư ký đó. Cô cũng kể về một mối ngờ vực của ông ta. Một số bạn ông ta chê trách ông thiên về thế giới thứ ba hoặc những quan điểm quá rõ là tiến bộ. Có người còn nhận xét ông ta "ăn phải bả của Nga".

Pierre không bao giờ ghi chép trước mặt khách để "tránh làm cho họ sợ về tâm lý". Trí nhớ tốt giúp anh có thể ghi chép sau bữa gặp những ý chính. Nói chung, anh ghi lại buổi nói chuyện trên xe điện ngầm khi trở về cơ quan, trên những tờ giấy rời.

Mấy tuần lễ sau, anh làm báo cáo tổng hợp thành những tình hình thu thập được từ các "quan hệ" hoặc các hồ sơ. Phải mất từ nửa đến cả ngày để chép lại những tin tức theo một công thức quy định trước. Trước hết anh viết lý lịch đầy đủ ông M, rồi đến những công tác, kèm theo nhận xét khách quan thu về từ các chỉ điểm về nghề nghiệp ông M. Tóm lại anh báo cáo về những việc bình thường không có hại cho ông M. Bản báo cáo này theo anh sẽ xác định rõ hơn về nhân vật so với hình ảnh mà đài báo đã vẽ nên. Anh cảm thấy một số tin báo sẽ làm sáng tỏ nhân vật hơn, nhưng anh không được biết kết quả và cách sử dụng bản báo cáo của anh, đây là điều thường thấy ở RG. Dù sao đi nữa, viên thanh tra trẻ từ lâu đã không tự đặt ra vấn đề lương tâm nữa...

RG: cảnh sát chính trị chẳng?

Công tác sưu tra là công việc hàng ngày của các viên chức RG. Sưu tra theo lệ rồi làm báo cáo sơ sài và cấp dưới chẳng hiểu mục tiêu và ích lợi ra sao. Đó là bạn thân của Tình trường? Hay là một bộ trưởng chuẩn bị bước vào bầu cử? Một chủ hăng cần biết rõ người mình sắp thuê? Các viên chức khẳng định tất cả các mục đích

đó." Những điều tra hành chính rất nhiều. Lãnh đạo cảnh sát đưa quá nhiều yêu cầu điều tra không có ích gì về mặt tình báo xuống các cơ quan sưu tra". Đó là điều khẳng định cách đây mấy năm của Công đoàn Tự trị Quốc gia Cảnh sát không sắc phục" khi công đoàn này yêu cầu phải tôn trọng hơn nữa chức trách giao cho các viên chức RG.

Trong sắc lệnh 17-11-1951 đã quy định chức trách của RG là thu thập và chuyển lên Chính phủ những tin báo cần thiết về chính trị, xã hội và kinh tế. Việc săn tin này trao cho trên ba nghìn viên chức trải trên khắp nước Pháp phụ thuộc vào một toán (antenne), hoặc ban chỉ huy tỉnh hoặc vùng, tất cả các cấp này đều dưới quyền chỉ huy Trung ương RG đóng tại Paris. Chính ban chỉ huy trung ương này hàng ngày, hoặc mỗi ngày mấy lần báo cáo lên Bộ Nội vụ là bộ trực tiếp chỉ đạo RG những bản tin về tình hình chính trị, xã hội và chính trị của nước Pháp. Nhờ những "đôi tai lớn đó", về nguyên tắc Chính phủ có những yếu tố cần thiết cho việc giữ gìn trật tự, biết phản ứng hoặc bình luận về một chủ trương nào đó. Trên lý thuyết, nhờ cái công cụ có một không hai ở châu Âu đó, mọi Chính phủ có thể thấy trước và như vậy việc quản lý, cai trị tốt hơn. Tuy nhiên cần xác định liệu trên thực tế đối tượng của thông tin này có phải có đủ hiểu biết tình hình nhằm phục vụ cho lợi ích chung không? Hay là chỉ nhằm bao vây, chống lại hoặc thậm chí bóp chết mọi hình thức đối lập? Nói cách khác, RG có phải là cảnh sát chính trị không? Ông cảnh sát trưởng Emile

vào các tôn giáo theo nghĩa từ nguyên. Nhưng theo ông cựu cục trưởng RG, chức năng của RG không giống như ở các nước độc tài: "Chúng tôi không bao giờ bắt bớ và tra tấn. RG là Gestapo dân chủ". (1)

Nhiều viên chức chúng tôi gặp đều nhất trí với khái niệm của ông Vié về chức năng của nó. Sự phân tích của họ cũng thẳng thắn và trực tiếp về tình hình chính trị của RG, khiến cho họ thường bị coi như những tên đầy tớ của Chính quyền. Ngoài cấp trên của RG mà chúng tôi đã đề cập ở trên, mọi cảnh sát viên đều thừa nhận thành phần của RG là đại diện cho toàn xã hội Pháp: "Ngày nay ai chọn RG để thi thố xu hướng chiến đấu của mình vẫn được tiếp nhận..." đó là lời khẳng định của viên thanh tra người Paris. Vị này không muốn nhắc lại một số vụ việc mới xảy ra như việc viên thanh tra Durand, thành viên tích cực ở Bộ Chính trị nhóm fát-xít mới FANE. Tháng tư năm 1980 xảy ra cuộc bút chiến chính trị - báo chí về vấn đề này khiến cho Paul-Louis Durand phải chuyển từ RG sang cảnh sát hình sự Versailles theo lệnh của Bộ trưởng Nội vụ Christian Bonnet.

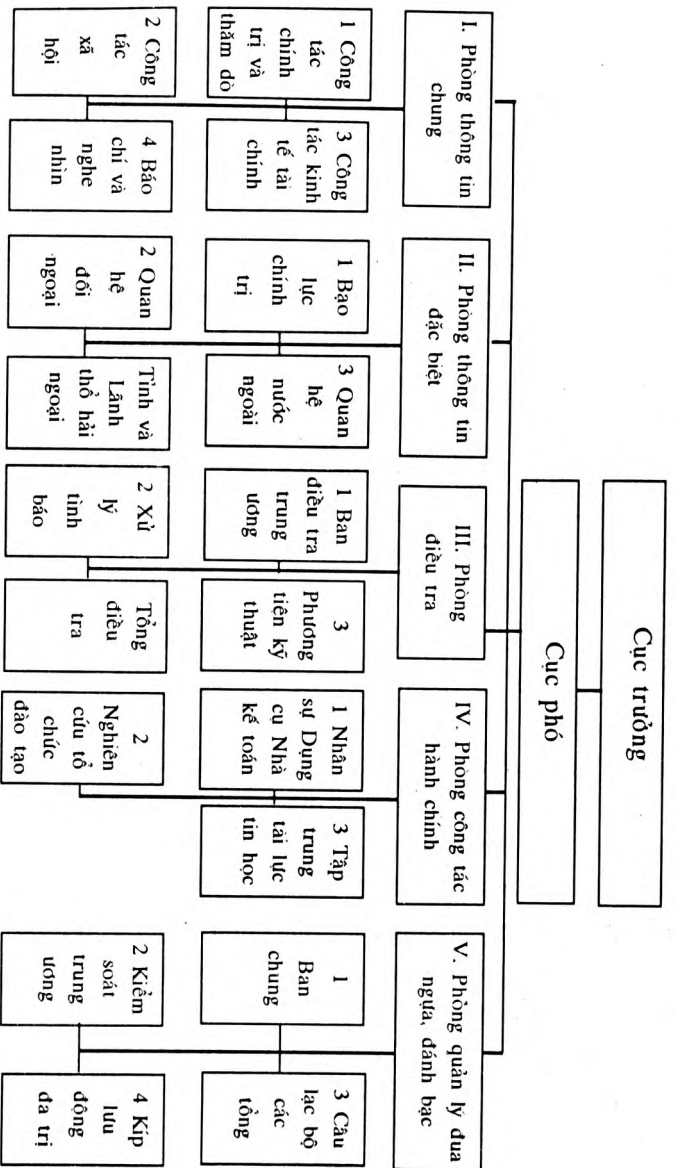
Cái máu chiến đấu đó đã biến khỏi hàng ngũ RG tuy chưa được bao lâu. Nói chung cảnh sát và nói riêng RG tuyển lựa nhân viên thực sự theo màu sắc của họ;

(1) Thủ đoạn của mật thám Pháp nhất là mật thám chính trị như RG, thường thường dùng tra tấn để lấy khẩu cung rồi truy tố. (ND).

cho đến thời Tổng thống Giscard nếu anh có cha là Cộng sản, hoặc là Đảng viên xã hội, thì anh đừng hòng được vào cảnh sát", đó là lời của một viên thanh tra. Người ta xác định khởi đầu của sự thay đổi bằng việc Giscard lên nắm chính quyền vào năm 1974, phù hợp với sự thay đổi thực tế về chính trị có tầm quan trọng trong bầu cử, đã chia nước Pháp làm đôi: một nửa nước Pháp là phe tả ngang sức nước Pháp của phe hữu, thể hiện trên nhiều mặt: "Từ thời kỳ đó, nhất là từ năm 1981, ông thanh tra này khẳng định, ta có thể nói không ngoa rằng đã có chủ nghĩa đa nguyên, có thể chưa có trong cảnh sát nói chung, nhưng gần như chắc chắn trên lĩnh vực tuyển dụng. Tìm kiếm thế cân bằng đã bắt đầu làm thay đổi tư duy đang bao trùm lên cảnh sát."

Những người xin vào RG đông hơn trước. Hình ảnh viên chức RG khác rõ rệt hình ảnh vốn có của cảnh sát viên, như chúng ta thấy, viên chức RG mong tránh xa cái chất "cao bồi" của tên mật thám. Hẳn không có cái năng khiếu di sản là đặc tính của viên chức cảnh sát hình sự. Như chúng tôi đã nêu, họ thường được coi là "trí thức" hoặc chính trị. Viên cựu thanh tra này nói thêm: "Thực ra họ thích đi trong những lâu đài hoặc trong những xa-lông hơn là phải đứng rình trước nơi ở của những tên lưu manh trong những điều kiện khó khăn, gian khổ hơn nhiều; họ thấy bổ ích khi bàn luận với một nhà chính trị hoặc một người phụ trách một tổ chức văn hóa hơn là một con người vô dụng, hiểu biết hạn chế."

BIỂU ĐỒ TỔ CHỨC **CỤC TÌNH BÁO CHUNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG (R.G)**



Sự nghèo nàn của những người hàng tỉnh

Cũng như các cơ quan hành chính, viên chức được RG tuyển ít nhiều có quyền chọn nơi làm việc. Tùy theo yêu cầu và khả năng của cơ quan, viên chức này có thể được để làm việc ở ban chỉ huy trung ương RG, tức là bộ tham mưu quốc gia của Cục này, hoặc ở một phòng ở địa phương. Ban chỉ huy trung ương phân thành năm phòng, mỗi phòng có ba đến bốn ban. Ở địa phương giữa cảnh sát Paris với các phòng ở tỉnh khác nhau rất nhiều.

Chấp nhận làm việc ở trung ương hay ở địa phương tức là chấp nhận sự chuyên môn hóa. Ở sở Cảnh sát tỉnh có các ban: các chính Đảng phải tả và phải hữu, Công đoàn, Báo chí - nói cách khác là các báo và các nhà báo - mới đây lại thêm ban Kinh Tài. Ngoài ra Ban 6 có chừng bốn chục nhân viên, Ban này theo dõi người nước ngoài (cộng đồng và kiều dân). Ban này lại chia thành các tổ: Phương Đông, Trung Đông, Mỹ la-tinh v.v... Tiếp đến là Ban quản lý "đua ngựa và đánh bạc". Rồi đến một Ban bí mật mang bí số Ban 8 phụ trách những việc điều tra "đặc biệt", thành phần gồm toàn những nhân viên "tin cậy", có lý lịch chính trị vững vàng" đó là lời của viên thanh tra nói với chúng tôi.

Phòng RG tại vùng do biên chế và địa bàn điều tra có hạn nên không thể chuyên môn hóa được. Viên chức Tỉnh theo khái niệm phải ôm đồm nhiều việc như giám sát nông dân biểu tình hoặc điều tra về đơn xin lập tổ

chức văn hóa. Thông thường phòng SR này phụ trách một khu vực địa lý nhất định đôi khi là cả một tỉnh.

Điều kiện làm việc của những nhân viên đó không phải lý tưởng đâu. Như bản báo cáo của phòng RG thành Nice năm 1982 gửi Ban chỉ huy trung ương có viết: "Khi một xe ô tô bị hỏng, chúng tôi phải chờ hai đến ba ngày, thậm chí lâu hơn nữa mới được chữa; về phương tiện chụp ảnh, từ hai năm qua không được cung cấp giấy cũng như thuốc rửa ảnh, và phương tiện hiện có như máy phóng, do thời gian, đều hỏng hết. Văn phòng phẩm cũng gay go vì mỗi năm chỉ được cấp một món tiền... 540 quan! " Làm thế nào cung cấp đủ cả năm cho ba chục viên chức với món tiền 540 quan?" "phương tiện cũ kỹ, không đồng bộ, khiến cho đơn vị phải móc ngoặc hoặc xin xỏ những đồ dùng cũ của các cơ quan khác thanh lý..." Tất cả những thiếu thốn đó tất nhiên chẳng tạo điều kiện cho các viên chức làm việc tốt được.

Thu thập tình báo

Nghị sỹ Jean-Hugues Colonna của Đảng Xã hội tỉnh Alpes-Maritimes từ 1981 đến 1988 nói với chúng tôi rằng: "Việc thay đổi Chính phủ năm 1985 không thay đổi cái gì, một hoặc hai nhân viên RG vẫn tiếp tục đến thăm tôi đều đặn."

Việc quan hệ chính thức với các nhà chính trị hàng tỉnh vẫn là công việc hàng ngày của nhân viên RG nhằm nắm bắt được tình hình chính trị trong tỉnh, hoặc về sự

phát triển của du luận đối với hoạt động của Chính phủ. Việc nhân viên RG đến gặp nói chung làm cho những nhà chính trị yên tâm. Họ tự nhủ: "chúng quan tâm đến tôi!..." Và khi họ không đến thăm thì các nhà chính trị lại dâm lo, đó là ý kiến của viên thanh tra này. Ông thanh tra còn nhớ đến một thời kỳ mà "một viên chức RG đến nhà người Cộng sản hoặc nhân viên cực hữu thì không nên"; và thừa nhận rằng: "cho đến năm 1974-1976, thực ra có những vụ bắt thiu, như tổ chức mật thám SAC của phe Đờ Gôn, việc nghe trộm trong trụ sở công đoàn, việc xâm nhập một số tổ chức hoặc cản trở những cuộc biểu tình v.v... Nhưng RG chỉ có thể hoạt động theo Chính phủ..." Người ta khẳng định thời kỳ đó đã qua rồi. Ngày nay việc tiếp xúc chính thức với những người phụ trách các Đảng, Công đoàn, nhóm gây sức ép truyền thống được tiến hành công khai. Những người đối thoại hiểu phẩm chất của viên chức tiếp xúc với mình. Dù nói chung họ tỏ ra kín đáo, nhưng không còn là những cảnh sát mặt của thời trước nữa.

Những quan hệ này không cứng nhắc. Thực ra có hai loại: "Loại người có thể trở thành đồng nghiệp và loại không trở thành đồng nghiệp" người viên chức cũ nói với chúng tôi như vậy. Ông giải thích cho chúng tôi rằng những phẩm chất mang tính người, tư cách cá nhân, sự cảm thông có thể gọi là đóng một vai trò chủ yếu trong việc thu thập tình hình. Viên chức RG có thể khó thoát cảnh mặc cả. Anh ta biết rõ rằng ví dụ một nhà chính trị chỉ tiếp anh khi ông thấy có lợi. Vị viên chức RG đã công tác mười lăm năm ở tỉnh này cất nghĩa cho

chúng tôi: "Nghệ thuật của viên chức cảnh sát lúc đó là cho cái gì cho được, rồi dù sao đi nữa cũng phải thu nhiều hơn cho". Những tin tức của các viên chức ít khi bí mật. Người đối thoại của RG thường chờ ý kiến khuyên bảo, sự phản ứng của "chuyên gia" trước một tình huống hoặc một sự kiện nhất định nào đó. Sự tinh tế của viên chức RG trong trò chơi này là phải vừa chính xác, vừa thận trọng để giữ được lòng tin của người đối thoại.

Trong số các tin tức mà các nhà chính trị ưa thích trên phạm vi toàn quốc hoặc địa phương, những nhận định về bầu cử chiếm một vị trí riêng.

Thăm dò và giật dây

Những cuộc thăm dò dư luận chủ yếu mở ra trong thời kỳ sắp bầu cử. Lúc đó RG hoạt động nhộn nhịp đến tột độ vì Chính phủ đòi hỏi phải dự báo kết quả trước mấy tháng.

Vào năm 1964, Bộ trưởng Nội vụ Roger Frey thôi thúc, nên RG phải lập ra cơ quan thăm dò dư luận: Cơ quan Trung ương thăm dò dư luận và Thống kê (OCSS). Công cụ này bắt chước những nguyên tắc của các tổ chức thăm dò tư nhân có khả năng vận hành khá tốt.

Ông nguyên nghị sĩ xã hội tỉnh Alpes-Maritimes Jean Hugues

Colonna khẳng định tất cả những nhà chính trị phe tả cũng như phe hữu đều lo thu thập một số thông tin

từ các viên chức thân tín về chính trị. Ông này xác nhận với chúng tôi qua hai ví dụ khác hẳn nhau về tính có khả năng khá tốt của RG về thăm dò dư luận: "Trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1986, RG đưa ra kết quả thăm dò: 17,53 % bỏ phiếu cho Đảng xã hội, ông đánh giá số lẻ... Thực tế tỷ lệ là 24%! Thật là sai lầm lớn. Ngược lại cách đây mấy ngày, tôi lấy nguồn thăm dò của RG biết rằng Mặt trận quốc gia sẽ vượt trên Đảng Xã hội trong cuộc bầu cử bộ phận. Tỷ lệ này rất đúng", ông nguyên nghị sĩ nói với chúng tôi vào tháng hai năm 1988.

Những sai lầm khác đã để lại trong quá khứ những kỷ niệm thấm thía hơn cho một số nhà chính trị. Năm 1969, khi trưng cầu ý dân về chủ trương phân quyền cho địa phương, RG không dự báo trước được ý dân phản đối chủ trương đó nên tướng Đờ Gôn phải ra đi.

Dự báo sai vào cuộc bầu cử năm 1978 khi Cơ quan điều tra dư luận và Thông kê đã dự báo phe tả sẽ thắng, hoặc năm 1981 khẳng định Valéry Giscard d'Estaing sẽ thắng François Mitterrand. Những sai lầm nặng nề đó do các viên chức RG thiếu tính chính xác khi họ bỏ rơi địa bàn mà quá tin vào sự tinh ý của họ mà thôi. Cũng có nguyên nhân nữa là sự chao đảo tự nhiên của một bộ phận cử tri, như mấy cuộc bầu cử mới đây cho thấy. Ngay các viện tu nhân cũng không dự báo tỉ lệ 14% của Mặt trận Dân tộc ở vòng đầu cuộc bầu Tổng thống năm 1988. Nhưng nguyên nhân đó có thể chấp nhận được là "tính chính xác của thống kê thô nhường bước cho việc giải thích về chất lượng và cho những hệ số uốn nắn phụ thuộc vào sự phân tích cũng như chủ nghĩa theo thời của

các viên chức". Nhiều cảnh sát viên thừa nhận riêng tư rằng dần dần tùy theo sự truyền tin theo đường tổ chức, kết quả mất tính trung thực vì cần làm yên lòng ngài Bộ trưởng Nội vụ.

Song song với những yếu đuối của con người, cũng có kiểu sử dụng vô si những cuộc điều tra dư luận của RG, coi như thứ vũ khí chính trị. Trong lĩnh vực này, chắc chắn Charles Pasqua là điển hình vì đã lộ cho một nhà báo đài Châu Âu vài con số mật có lợi cho người ứng cử RPR là Jacques Chirac trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1988. Bộ trưởng Nội vụ không giữ gìn khi nói một cách bóng gió những cuộc điều tra dư luận của RG vào tháng ba năm 1988, trong buổi phát của đài truyền hình Giờ phút của Sự Thật. Các bạn bè của Raymond Barre và những người phụ trách Đảng Xã hội đã phản đối "hoạt động đầu độc thô bạo có ý đồ thao túng", còn ủy ban điều tra dư luận thì phản nản rằng đồn ngoại vì "đã không thận trọng trước khi thông báo về cuộc điều tra dư luận gán cho RG". Cách này không phải là mới: ngay từ năm 1974 khi phe hữu trong vòng đầu đưa Giscard d'Estaing được Jacques Chirac ủng hộ ra tranh cử với Chaban-Delmas, coi như là thắng thế, một sự làm lộ đúng lúc giúp cho nhà báo đưa ra đầu đề: "Theo cuộc điều tra dư luận của Bộ Nội vụ, Giscard đánh bại Chaban".

Những con số của thăm dò dư luận không phải là đối tượng duy nhất để người ta thao túng. Những con số người dự cuộc biểu tình của nông dân, công nhân hoặc sinh viên bao giờ cũng làm cho các nhà báo thận trọng khi họ công bố số lượng người tham gia. Để thông tin

cân bằng, phần lớn báo chí không ngần ngại đưa con số bớt đi của cảnh sát và con số khuyếch đại của những người tổ chức biểu tình, giành cho người đọc, người xem truyền hình tự tìm lấy con số mình muốn.

Nhưng ngoài những con số những tin tức do các viên chức cung cấp - thông thường rất nhiều cảnh sát được phái tới các cuộc biểu tình - lại rất quý báu đối với lãnh đạo ngành an ninh công cộng. Nhân viên của RG có mặt đông đảo hoặc chỉ là tượng trưng trong tất cả các cuộc biểu tình trên đường phố. Viên cảnh sát nhớ lại những cuộc tụ họp hàng tuần trước sứ quán Achentina hoặc những cuộc biểu tình ủng hộ những người Nga là Xakharóp hoặc Begun hoặc cả những cuộc biểu tình đòi thả nhà báo của đài Antenne 2 tên là Jacques Abouchar bị bắt giữ tại Apganixtăng mấy tuần lễ: "Đúng là trong trường hợp nhà báo và trong vài cuộc biểu tình chống Liên Xô, chúng tôi đã cố ý khuyếch đại số lượng người tham gia. Đó là thủ đoạn của Ngoại giao Pháp muốn tỏ cho Liên Xô biết rằng ta kiên quyết. Ta không được quên bối cảnh của cuộc biểu tình đòi thả Abouchar; tên lửa Pershing, Hoa Kỳ bắt bình về việc phái tả lên nắm chính quyền ở Pháp và không chấp nhận việc cộng sản tham gia Chính phủ Pháp... Dần dần nền Ngoại giao của Pháp cố chuộc lỗi bằng cách thi hành chính sách thân Hoa Kỳ. Những cố gắng của Chính phủ Đảng xã hội qua một số vụ việc như vụ Abouchar đã làm thay đổi được những quan hệ xấu lúc ban đầu...".

Nghe trộm và điều tra

Việc nghe trộm điện thoại mà chúng tôi sẽ giành một chương cuối cuốn sách này (chương 14) cũng thuộc vào loại công cụ giúp cho RG đôi khi thu thập được kết quả hiệu nghiệm về tình báo. Cũng ở lĩnh vực này, thời đại nghe trộm một cách thô lỗ hoặc nửa chính thức giúp cho việc phát hiện chiến thuật của đối thủ chính trị, ý đồ của các công đoàn hoặc chỉ điểm của nhà báo, hình như cũng đã qua rồi. Người ta khẳng định với chúng tôi rằng ngày nay nghe trộm của RG được thực hiện trong khung cảnh hoàn toàn hợp pháp. Viên cảnh sát này nói: "Hiếm có việc can thiệp vào đời tư con người và nếu có thì phải có những trường hợp chính đáng". Bản báo cáo của Thượng nghị sỹ Masson nói về những phương tiện chống khủng bố năm 1984, nhận định rằng "trong 700 người được RG tình sử dụng, chỉ có 70 người được sử dụng vào việc chống khủng bố, và 80 bản nghe trộm điện thoại hàng ngày đều tập trung vào mục tiêu đó". Phải thừa nhận rằng ở lĩnh vực này trong hầu hết các kết quả đạt được kể từ việc triệt phá tổ chức Hành động Trực tiếp vào tháng ba năm 1980 đến việc bắt giam Jean-Marc Rouillan và Nathalie Ménigno vào năm 1988, những tin tức do RG thu thập được có tác dụng quyết định.

Hàng trăm tin báo của các viên chức RG chuyển hàng ngày dưới nhiều hình thức. Tin báo đơn giản thường được ghi dưới hình thức một báo cáo ngắn. Những tin báo khác làm theo yêu cầu thường ghi dưới hình thức hồ sơ đầy đủ. Nội dung báo cáo cũng khác nhau.

Chúng tôi đã nói về những cuộc sưu tra hành chính quá nặng nề của RG. Nhưng RG cũng còn phải nghiên cứu về chính trị hoặc về công đoàn rất chính xác. Mục đích nghiên cứu về một khu hoặc một tổng sẽ giúp cho người phụ trách chính trị cắm vào hoặc giữ lại một ứng cử viên của một hoặc của nhiều đảng đa số. Ví dụ tháng 9-1984, Bộ trưởng Nội vụ dự định cắm Edgar Pisani vào tỉnh Alpes-Maritimes. Bộ Nội vụ tất nhiên phải yêu cầu phòng RG của tỉnh đó nghiên cứu địa bàn để dự báo phản ứng có thể có của các Đảng đối lập khi tung Pisani đến, nhất là vai trò của Fernand Icart, Ủy viên hội đồng, cựu Bộ trưởng của đảng Liên hiệp Dân chủ, Ủy viên hội đồng thành phố Nice và là đối thủ thân thiết của chúa đất bá tước Jacques Médecin. RG làm bản báo cáo nghiên cứu khả năng cắm ông Pisani như sau: "Ông Icart được ông Médecin ưu ái hơn trước vì trong bài diễn văn mới đây ông Médecin đã bày tỏ lòng tôn trọng đối với ông ủy viên hội đồng thành phố. Nếu ông Pisani ứng cử ở khu vực 3, ông Icart sẽ trở thành ứng cử viên tốt nhất đối với một số người đối lập trúng cử của địa phương. Ông Médecin cũng tán thành nhận định đó. Nếu ông Pisani

trúng cử, ông sẽ trở thành kẻ thù đáng gờm trong những cuộc tranh cử thành phố sau này. Vì thế cần ngăn ông Pisani. Để đề phòng mọi tình huống và trung thành với chiến thuật bất cá nhiều tay, ông Médecin vẫn khuyến khích vị phụ tá thứ 17 của ông là ông Calza, ủy viên hội đồng UDS-CDS thuộc tổng 9 của Nice, ông này đã bắt đầu vận động tranh cử tại khu 3... Tuy nhiên, nhiều dấu hiệu cho thấy ông Médecin có đủ khả năng trực xuất hẳn ông Icart ra khỏi sân khấu chính trị địa phương trong dịp bầu cử Tổng thống". Trước hàng rào chống đối của phe hữu, ông Pisani cuối cùng thôi ứng cử tại tỉnh Alpes-Maritimes. Những báo cáo của RG gửi lên

Bộ Nội vụ đóng vai trò không nhỏ trong quyết định của ông này.

Bên cạnh những cuộc điều tra chính thức như trên, cũng không hiếm những cuộc điều tra nửa chính thức. Loại này thường do trưởng cơ quan tự ra lệnh, hoặc theo yêu cầu của cấp trên nữa, và thường xuyên bằng miệng... Loại điều tra này nhằm phục vụ cho những quan hệ chính trị hoặc cá nhân; nó là loại trao đổi ít nhiều hợp lý. Những báo cáo điều tra loại này được đặt tên là loại "báo cáo trắng", hoặc "trắng", hoặc là "văn bản bộ trưởng", đây là tên do các viên chức cảnh sát Paris đặt cho những loại báo cáo chỉ có một bản, không lưu trữ.

Cũng cần biết rằng có một số tin tức bí mật cũng được xếp vào loại trắng để nhân viên RG giữ bí mật chu

đáo vì họ không phải tuyên thệ hoặc làm cho đủ tu cách được tiếp xúc với "bí mật quốc phòng" như nhân viên DST. Đối với những người phụ trách, nghĩa vụ giữ gìn bí mật của cơ quan chưa đủ để chống tình trạng làm lộ, cho nên phải dùng đến biện pháp "trắng". Theo viên cảnh sát này nói thì "có khi tôi đi sưu tra được một tin báo đặc biệt rồi tôi làm một bản báo cáo như lệ thường, báo cáo này lên tham mưu rồi nó quay lại qua trưởng đơn vị, ông này bảo "anh hãy làm cho tôi một báo cáo trắng". Bản báo cáo đầu tiên sẽ bị hủy và bản trắng lại lên cấp trên. Trong số bản trắng tôi đã làm, ví dụ có một tin về một nhà ngoại giao Ixraen cho tôi biết sắp có một nhân vật Palextin đến Pháp. Cũng có khi tôi được tin rằng sứ quán Bungari mới bị mất trộm, hoặc một nhà ngoại giao nào đó vừa mới diễn thuyết trước một nhóm nhỏ người. Những tin tức được đánh máy một bản như thế không khi nào được xếp vào hồ sơ cá nhân trong tàng thư."

Những điểm yếu của những bộ phiếu:

Với hàng vạn hồ sơ, hàng chục vạn tin báo, tàng thư của RG được coi là "vũ khí chiến lược" của cục Tình Hình chung. Đôi khi vũ khí này suy yếu khi biên tập báo cáo hoặc nghiên cứu không nghiêm túc khiến cho hồ sơ cá nhân mất tác dụng.

Đó là trường hợp đối với Gilles Bergeas, giáo viên, 25 tuổi, chủ tịch tổ chức chống phân biệt chủng tộc hàng tinh (Viên) là người bị Bộ Tư pháp cấm dạy học trong nhà giam Poitiers vào tháng chín 1986. Thủ trưởng nhà giam vùng Bordeaux biện bạch cho quyết định này khi viết rằng Bergeas đã tham gia vào "phong trào cáo giác tổ chức nhà tù".

Chàng giáo viên không hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao. Anh không tin rằng hoạt động công đoàn chống phân biệt chủng tộc của anh đã gây ra việc như thế. Phải mất nhiều tháng tìm hiểu qua lời tâm sự của ông Chánh văn phòng tỉnh trường anh mới được biết rằng vì anh tham gia tổ chức giúp đỡ những tù nhân CRI mà anh bị xử lý, tin anh tham gia CRI do RG báo cáo. Bergeas dễ dàng thanh minh vì anh chẳng bao giờ tham gia tổ chức đó và anh ngạc nhiên khi thấy một người như anh được Bộ Tư pháp trợ cấp hàng năm lại bị ghép tội oan như thế... Sau hai năm, chàng giáo viên vẫn chẳng được khôi phục công tác cũ, anh đành chờ Hội đồng quốc gia về tin học và tự do (CNIL) kiểm tra hồ sơ của anh tại RG.

Đôi khi có công dân được ưu đãi nên được xem hồ sơ cá nhân của mình hoặc của đối thủ, nhưng cũng có khi gặp rủi ro. Đó là trường hợp một quan chức cấp cao đã có quan hệ với nhiều nguyên thủ quốc gia hoặc lãnh tụ chính trị tiến bộ trong và ngoài nước Pháp, vì thế ông đã trở thành mục tiêu đã kích số một của mấy tờ báo cực

hữu như tờ National Hebdo và tờ Minute. Những tờ báo này đã tố cáo quan chức đó trong nhiều tháng với giọng càn khịa và ác ý rằng ông ta đã dự thảo một đạo luật "ân xá" trên cơ sở luật này Chính phủ thời đó đã muốn thiết lập một loạt quan hệ mới với những kẻ đang hoặc đã chủ trương đấu tranh vũ trang trên đất Pháp, quan hệ này nhằm tháo gỡ ngòi nổ! Nói gọn lại ông bị tố cáo là định tha những tên khủng bố và thương lượng với chúng.

Một bài vu cáo nặng nhất đăng trên tờ National Hebdo có in ảnh quan chức cao cấp đó gắn với ảnh một tên khủng bố Italia, buộc quan chức này mở cuộc điều tra xem vì sao ông bị dả kích mạnh như thế. Trước hết ông điều tra ra kẻ viết bài báo đó đã dùng bút danh. Ông nhờ một người phụ trách RG mà ông quen. Hôm sau, ông được trả lời bằng một thẻ của RG cho biết tên thật cùng loạt tên tác giả của người viết bài báo, Christian de B. Cuối thẻ ghi chú: "Đặc biệt chú ý đã viết những bài báo sau đây..." Cộng là hai chục bài đặc biệt càn khịa trong đó có một bài điều tra dài mà RG tóm tắt như sau "Vai trò của ông cố vấn X trong các cuộc đàm phán giữa..." Ngay lập tức quan chức cao cấp hiểu rằng họ nói mình. Ông sống sờ mấy phút khi đọc những dòng ghi cộc lốc của cảnh sát ở cái thẻ này. Ông kể cho chúng tôi: "Họ không xác định: "vai trò tôi có thể đóng" tức là họ dùng lối điều kiện để vạch ra khoảng cách họ nhận định so với những tin báo sai đã công bố, mà họ lại dùng "vai trò của

ông X! Ta thù tưởng tượng xem nếu người kế vị tôi một ngày nào đó tìm đọc hồ sơ của tôi và dùng nó để chơi lại tôi... Anh ta có thể công bố: "Ông X đã đóng một vai trò với bọn khủng bố vào năm 198...!" Tất cả cái đó làm cho tôi khiếp sợ khi xem hồ sơ của tôi. Một vị chánh văn phòng đã khuyên tôi chớ có động dấy. Tôi chẳng có thể tự xin xỏ hoặc nhờ người trung gian can thiệp mà không gây ra nguy cơ có người nói: "A, X có vấn đề, ông ta bị mật thám chú ý! Vì thế tôi cũng để đấy thôi!

Cộng đồng Do Thái bị theo dõi.

Về nguyên tắc chi cảnh sát mới được tiếp xúc với tàng thư. Tuy nhiên "liên đoàn tự trị Cảnh sát mặc thường phục" đã tố cáo ở tạp chí Cảnh sát mới việc "tàng thư RG bị cướp bóc bởi nhân viên tuyển mộ của các doanh nghiệp tư nhân, các thanh tra cảnh sát cũng làm như thế".

Lời cảnh cáo đó cũng chưa kết thúc được sự tranh cãi và ngờ vực về việc sử dụng tàng thư của RG. Do đó trước vòng đầu của cuộc bầu cử Quốc hội tháng sáu 1988, tờ "Con Vịt bị trời" đã phát hiện một số lớn cử tri gốc Do Thái của quận I thủ đô đã nhận được tại nhà thư mời của một tổ chức đang thành lập đến dự tiệc của ông Jacques Mominati, "ứng cử viên rất thân Chirac của Tập hợp Dân chúng" trong quận này. Và tờ Con Vịt đặt câu hỏi: "Danh sách địa chỉ lấy từ tàng thư nào?". Nhiều quan

chức trả lời chúng tôi rằng: "Chắc chắn từ tàng thư của RG!..." và họ nói rõ rằng Ban 6 phụ trách ngoại kiều trong đó có kiều dân Do Thái đã lập hồ sơ tất cả các cộng đồng dân tộc, văn hóa và tôn giáo nước ngoài cư trú tại Pháp! Viên thanh tra cảnh sát, phụ trách nghiệp đoàn nói thêm: "Giữa cộng đồng đó thường có sự phối hợp. Điều đáng chú ý là những cộng đồng đó khớp nhau, chống nhau hoặc tập hợp nhau như thế nào. Đây là một truyền thống đã có từ Thế chiến thứ hai..."

Cơ cấu của RG không phải lúc nào cũng phù hợp. Nhân viên ở dưới bị khổ vì bộ máy nặng nề. Họ tố cáo tình trạng thiếu phương tiện và những nhiệm vụ chệch hướng - khi bắt họ phải làm, ví dụ như, bảo vệ sát những nhân vật hoặc thậm chí bảo vệ những ngôi nhà đã bị phá hủy mấy tháng trước... Tóm lại, RG cũng không thoát khỏi tâm trạng u uất. Nhân viên RG rất hay bị sử dụng sai hoặc kém dẫn đến bệnh khoan hòa mà họ chẳng muốn, Dù cấp trên đánh giá thế nào thì năng suất của họ cũng chẳng ra gì. Dù pha chút chủ nghĩa đa nguyên, hình ảnh phi chính trị của RG chẳng rõ ràng. Tất cả cái đó cắt nghĩa một phần tại sao các nhà chính trị ngò vực RG khiến họ thích phớt lờ cho "văn phòng đen" của họ hoặc "tổ chức" khác do họ lập ra.

4

QUÂN NHÂN DÂN SỰ NHẤT: HIẾN BINH QUỐC GIA

Sáu người chết và 27 người bị thương. Bốn tên sát nhân đã hoạt động lạnh lùng, có phương pháp: trước hết tung lựu đạn, rồi lia hàng loạt tiểu liên vào khách hàng và nhân viên nhà hàng. Jo Goldenberg mở hiệu ăn Do-thái đông khách nhất Paris, chính nhà hàng phố Rosiers của ông đã bị bọn khủng bố chọn làm nơi giết người đẫm máu nhất trong các vụ tấn công người Do-thái lúc 13 giờ rưỡi ngày thứ hai mùng 9-8-1982. Bọn giết người là ai? Các cơ quan an ninh chỉ định đó là toán của Abou Nidal. Chúng đòi hỏi gì? Khó mà trả lời được. Nhưng vào tháng ba, François Mitterrand là nguyên thủ quốc gia châu Âu đầu tiên đi thăm Ixraen. Tình hình Trung Đông bỗng trở nên nghiêm trọng vào ngày 6-6 khi quân đội Ixraen tiến vào Nam Libăng mở chiến dịch "Hòa bình ở Galilê": từ mấy tháng qua, Pháp đã đóng vai trò động lực để lập lực lượng đa quốc gia làm trung gian.

Cuộc tàn sát ở chỗ Rosiers gây nên xúc động to lớn ở Pháp và trên thế giới, cộng đồng người Do-thái bị kích động. Để tỏ bày sự ủng hộ, cũng như để tránh sự phản ứng không kiểm soát được, Mitterrand đã đến dự buổi lễ cầu hồn những nạn nhân tại nhà thờ Do-thái ở phố Pavée, ngay buổi tối hôm đó gần phủ tổng thống. Khi ông đến, một đám đông chửi rủa ông là phản bội: trước đó mấy hôm, phối hợp với Tổng thống Ai-cập Mubarak, ông định trình Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc văn kiện đề nghị rút hết "các lực lượng nước ngoài" ra khỏi Libăng...

"Viên hiến binh siêu hạng" tại phủ Tổng thống

Nhiệm kỳ Tổng thống Pháp mới bắt đầu cũng giống như nhiệm kỳ Tổng thống cũ kết thúc: trong máu; vụ tàn sát ở phố Rosiers đánh dấu sự kết thúc "tình trạng khoan hồng", là vụ tàn sát khủng khiếp nhất của năm 1982. Khốn thay nó chưa phải là vụ duy nhất. Ở Pháp và ở Paris, nạn khủng bố đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng (xin xem: "Những vụ mưu sát khủng bố tại Pháp" từ 1981 đến 1986). Chính phủ Pierre Mauroy muốn hành động, phải hành động; nhưng làm gì được một khi các cơ quan an ninh hình như hoàn toàn bất lực, đến mức phủ tổng thống tự hỏi có phải những sự chòng chéo có tính chất đầu cơ chính trị có thể là nguyên nhân của tình trạng tháo chạy trước bọn đánh mìn và xả liên thanh không? Bản thân Mitterrand cũng ngờ vực: ông tin vào bộ máy cảnh sát và nhận thấy không có cộng sự nắm chắc được các hồ sơ.

**NHỮNG VỤ MƯU SÁT KHỦNG BỐ TẠI PHÁP TỪ
1981 ĐẾN 1986**

1981

*Tháng 1: một nhà ngoại giao Thổ-nhĩ-kì bị bom
cài vào xe làm bị thương (Paris)*

4-4: hai nhà ngoại giao Thổ-nhĩ-kỳ bị ám sát.

*14-4: nhà ga sân bay Ajaccio bị đánh bom khi
tổng thống Giscard d'Estaing đến thăm, 1 người
chết, tám bị thương.*

*21-8: khách sạn Intercontinental (Paris) bị đánh
bom, 15 người bị thương.*

*29-10: rạp chiếu bóng Berlitz (Paris) bị đánh bom,
ba người bị thương.*

*16-11: nhà ga phía Đông (Paris) bị đánh bom,
ba người bị thương*

*20-11: Hiệu ăn McDonald's đại lộ Thánh Michel
(Paris) bị đánh bom, 1 người bị thương.*

1982.

*18-1: tùy viên quân sự Mỹ Charles Ray bị ám sát
(Paris)*

*3-2: hai lính lê dương bị tấn công ở Aléria (Corse),
một người chết, một bị thương.*

*29-3: chuyển xe lửa Le Capitole bị đánh bom,
năm người chết 27 người bị thương.*

3-4: bí thư thứ hai Ixraen tên là Yacob Barsimentov, bị ám sát.

22-4: phố Marbeuf (Paris) bị đánh bom, 1 chết, 63 bị thương.

21-7: phố Thánh Michel bị đánh bom, 15 người bị thương (Paris)

23-7: Fadl Dali, nhân vật số 2 của OLP ở Pháp, bị đánh bom.

19-8: bom nổ trước sứ quán Irắc tại Paris, 5 người bị thương.

17-8: xe hơi bị đánh bom trước trường Carnot, 45 người bị thương.

21-8: hai thợ làm pháo hoa bị chết trong vụ xe hơi của tùy viên thương mại Hoa Kỳ Roderick Grant, bị nổ.

1983

22-3: doanh nghiệp du lịch Thốnhĩkì (Paris) bị phá hoại: 1 người chết, bốn người bị thương.

15-7: sân bay Orly bị bom nổ, 8 người chết, 60 người bị thương.

27-8: cơ quan sứ quán Pháp ở Bon bị bom: 1 chết, 23 bị thương.

19-9: hiệu ăn Orée du Bois (Paris) bị bom, 33 người bị thương.

30-9: hội chợ Marseille bị bom nổ một người chết, 26 người bị thương.

23-12: hiệu ăn Grand Véfour (Paris) bị bom: 12 người bị thương.

31-12: ga thánh Charles (Marseille) bị bom: 2 chết, 34 bị thương.

– Bom nổ trong tàu siêu tốc Marseille-Paris: 2 người chết 20 người bị thương.

1984

8-2: đại sứ các Tiểu vương quốc Arập Khalifa Áhmei Mubarak bị ám sát (Paris)

19-3: mưu sát chống người Ac-mê-ni ở Marseille, 2 người bị thương

3-5: ám sát người Ac-mê-ni ở Alfortville, 13 người bị thương.

1985.

25-1: tổng công trình sư René Audran bị ám sát (Paris).

23-2: hiệu Marks và Spencer (Paris) bị bom: 1 người chết, 14 người bị thương.

29-3: lễ hội điện ảnh (Paris) bị đánh bom: 18 người bị thương.

3-9: Pierre-Jean Massimi, tổng giám đốc tỉnh Corse Thượng, bị ám sát.

7-12: Cửa hiệu Lafayette và Printemps (Paris) bị đánh bom, 35 người bị thương.

1986

3-2: hiệu Clarigge (Paris) bị bom, tám người bị thương.

4-2: hiệu sách Gilbert Jeune (Paris) bị bom, 4 bị thương.

5-2: hiệu FNAC – Thể thao (Paris) bị bom, 9 bị thương.

17-3: xe lửa cao tốc Paris-Lyon bị bom: 2 người chết, 28 người bị thương.

20-3: hiệu Point-Show (Paris) bị bom, 2 người chết, 28 bị thương.

15-5: hai người bị ám sát tại Cargèse (Corse)

9-7: trụ sở cảnh sát hình sự (Paris) bị đánh bom: 1 người chết, 22 người bị thương.

8-9: trạm bưu điện Sở Thị trường (Paris) bị bom, 1 người chết, 41 người bị thương.

12-9: hiệu Quatre-Temps (La D'efense) bị đánh bom: 41 bị thương.

14-9: Pub Renault (Paris) bị bom: 3 người chết.

15-9: Sở Cảnh sát (Paris) bị đánh bom, 7 người chết, 51 người bị thương.

17-9: phố Rennes (Paris) bị đánh bom, 7 người chết, 51 người bị thương.

17-11: Georges Besse, chủ tịch tổng giám đốc Renault, bị ám sát.

13-12: xe của Alain Peyrefitte (Provins) bị bom, một viên chức thành phố bị thương.

Vào đầu tháng tám năm 1982, ông chỉ thấy có một người nghiêm túc chăm chỉ lui tới điện Élysée từ mấy tuần lễ vừa qua và đã làm cho ông chú ý, đó là Christian Prouteau.

Đó là một anh chàng cao 1.85 mét, vận đồng phục thiếu tá chững chạc của lực lượng hiến binh, nơi ông đã lập ra một đơn vị mới và độc đáo vào năm 1947: Toán can thiệp của Hiến binh quốc gia (GICN). Đơn vị này có hai tác dụng: là công cụ cảnh sát mới chuyên trách việc truy lùng bọn bắt con tin và lao vào những vụ "hóc búa" và cũng là chiếc tù kính của lực lượng hiến binh đang bị mai một vì già cỗi. Từ cuộc tuyển cử Tổng thống vào tháng năm năm 1981, anh ra sức tìm mọi cách tranh thủ tình cảm của Tổng thống thuộc Đảng xã hội nhằm chủ yếu giữ cho GICN được tồn tại mãi mãi. Ông phát biểu: "Năm 1981, lúc đầu người ta chưa nhận thức được khi có sự thay đổi Chính phủ. GICN bị coi là một đơn vị hơi nguy hiểm vì nó biểu hiện khả năng tấn công trong tay các nhà quân sự, do đó nó dĩ nhiên không có những quan điểm chính trị phù hợp với chính phủ".

Đến tháng ba năm 1982, cùng với người phó của mình là Paul Barril, Prouteau đã tranh thủ được bộ trưởng Quốc phòng Charles Hernu. Ông này đã dẫn Prouteau vào điện Élysée nhằm nghiên cứu về an ninh của Tổng thống: trước đó ít lâu, cục Hành động của DGSE cũng đã được trao trách nhiệm nghiên cứu về vấn đề đó với kết luận rằng binh chủng hiến binh là đơn vị có khả năng nhất để xem xét bộ máy an ninh của Tổng thống. Từ khi vào phủ tổng thống, mặc dù đã thanh minh rằng mình

không hề dùng thủ đoạn nham hiểm hoặc xảo quyết nào, Prouteau dùng thời giờ vào việc phá hoại một cách khoa học danh tiếng của "Cơ quan bảo vệ các chuyến đi chính thức" phụ trách bảo vệ Tổng thống, bằng cách dăng ra một loạt cạm bẫy và mưu lừa. Viên siêu sen đầm này chẳng mấy chốc đã làm cho tướng Jean Saulnier và ông de Grossouvre là hai người đã tiến cử viên đó, rằng cảnh sát thực sự làm ăn lơ mơ...

Sự ra đời của tổ hiến binh phủ Tổng thống

Tổng thống muốn gặp viên sen đầm mà các cộng sự của ông đã nhận xét là tốt. Ông đã triệu tập viên đó đến trại nuôi cừu của ông tại Latche' vào cuối xuân, và đến cuối tháng sáu Prouteau được chỉ định thành lập Nhóm an ninh Tổng thống (GSPR). Giữa đứa con của vị đại tá say mê đồng hồ cũ, cựu sinh viên sỹ quan trường quân sự liên binh chủng Coetquidan, và tân Tổng thống ngay tức khắc phát sinh mối thiện cảm nồng nhiệt. "Guồng mặt sỹ quan đẹp dễ" như trong các bản tuyên dương quân sự, liệu đã phát hiện cho François Mitterrand là người còn chưa tin, được thấy rằng những cốt cán trẻ của quân đội - Prouteau lúc đó mới 38 tuổi - có thể toàn tâm toàn ý phục vụ hoàn toàn và riêng biệt cho Tổng thống hay không? Dù sao cũng vẫn là nhiều cộng sự của Tổng thống phát hiện thấy ở Mitterrand có một sự "say mê ngược" đối với viên sỹ quan xuất sắc này, xuất sắc về thể chất cũng

như Tổng thống xuất sắc về trí não, xuất sắc về chuyên môn với khẩu súng ngắn, như ông xuất sắc với chiếc bút...

Một tuần lễ sau vụ ám sát ở phố Rosiers, ngày 17-8, phủ tổng thống triệu tập lãnh đạo các cơ quan an ninh để kiểm điểm và bàn kế hoạch phối hợp chống lại nạn khủng bố. Cuộc họp mang đủ hình thức của một hội đồng chiến tranh tập hợp các "nhà chính trị" cũng như "các nhà kỹ thuật". Trên thực tế, trước khi hội nghị khai mạc, Tổng thống đã biết về kết luận của cuộc họp... Thủ tướng Pierre Mauroy có mặt cùng với chánh văn phòng Michel Delabarre và ba thành viên Chính phủ: Charles Hernu, Gaston Defferre có Maurice Grimaud đi theo và bộ trưởng Tư pháp Robert Badinter. Về phía chuyên môn đi dự đầy đủ: Pierre Marion, tổng cục trưởng DGSE, Marcel Chalet, cục trưởng DST và những đồng nghiệp khác phụ trách cảnh sát: Paul Roux (RG): Jean Périet, chánh sở cảnh sát; Michel Guyot, cục trưởng cảnh sát hình sự. Về phủ tổng thống có các ông Jean-Louis Bianco, Grossouvre và tướng Jean Saulnier phụ tá cho Tổng thống.

Tùng thủ trưởng cơ quan phát biểu cảm tưởng của mình về tình hình; tuy họ giữ gìn để khỏi lộ sự yếu kém nhưng cũng đủ liều lượng để chứng tỏ cơ quan mình giữ được vai trò phối hợp; còn Tổng thống im lặng. Đến cuối phiên họp, ông mới nói: "Thưa các ông, tôi đã nghe các ông, ngày mai các ông sẽ biết ý kiến của tôi..." Ngay tối hôm đó, ông đã nói rất lâu và thẳng thắn trên đài truyền hình. Trước hết ông phát biểu việc Đảng Xã hội lên nắm chính quyền không liên quan gì đến làn sóng khủng bố dâng lên: "nguồn gốc của nạn khủng bố mà chúng ta đang

gánh chịu là quốc tế. Chúng ta phải gánh chịu trên lãnh thổ nước Pháp sự vươn dài của những cuộc xung đột mà nước Pháp không tham dự. Những phần tử cực đoan thuộc mọi khuynh hướng đều đánh vào nước Pháp bởi vì Pháp là nhân tố hòa bình chính trong cuộc xung đột hiện đang diễn ra ở Cận Đông..."

Giọng điệu kiên quyết và trang nghiêm. Tổng thống nói tiếp: "Điều quan trọng là ý chí làm cho luật pháp được tôn trọng, được thực thi, phải kiên quyết và nghiêm khắc khi thi hành pháp luật. Điều quan trọng phải là ý chí đẩy lùi nạn khủng bố bất cứ nó ẩn náu ở đâu, phải tiến đánh nó đến tận gốc.

Người Pháp phải biết rằng nạn khủng bố đó cũng như những nạn khác sẽ phải đương đầu với đích thân tôi". Sau đó ông công bố hai quyết định nhằm thành lập một công cụ chiến đấu: trước hết thành lập một thứ Bộ công an do bạn thân của Tổng thống là Joseph Franceschi phụ trách, đó là người đã từng phụ trách công việc bảo vệ Mitterrand trong hai cuộc vận động bầu cử 1974 và 1981, và làm cho Gaston Defferre là cấp trên của Franceschi bực tức ngay. Biện pháp thứ nhì: Tổng thống trao cho Christian Prouteau "trách nhiệm phối hợp, thông tin và hành động chống lại nạn khủng bố". Đó là giấy khai sinh của "tổ hiến binh phủ tổng thống". Về phía các nhà chuyên môn đã dự cuộc họp buổi sáng và không được thông báo quyết định đã có ngay trước khi họp, đều rụng rời chân tay. Những bình luận ở văn phòng bộ trưởng Nội vụ, trong lãnh đạo DST hoặc trong chỉ huy DGSE đều chua chát. Họ chế diễu: "Prouteau chỉ có mỗi một đức tính: biết tiến

thân nhanh. "Cách cảnh sát tìm không ra miếng đánh trả. Còn Defferre là người không bao giờ sợ khó đã lại đến khuyên Tổng thống bạn mình rằng quyết định trên không hay, nhưng Mitterrand không thay đổi ý kiến vì ông tin rằng quyết định của mình có tính thể ki và sẽ gây ra phản ứng tốt. Hơn nữa ông tin vào hiến binh nói chung và vào viên chỉ huy nhóm hiến binh phù tổng thống nói riêng cho nên đã cho Prouteau toàn quyền và những phương tiện vật chất cũng như nhân sự. Chủ trương đó là của chính ông, ngay sau này các sự kiện xảy ra nhiều lần cho thấy tổ hiến binh này là nơi hứng những tai ương như cột thu lôi hút sét, nhưng Tổng thống vẫn giữ nguyên chủ trương của mình...

Barril bão táp

Hiến binh được sử dụng: công chúng chỉ biết hiến binh qua 3653 đội hàng tinh dàn khắp đất nước và 130 đại đội lưu động phụ trách giữ gìn trật tự mùa đông và quản lý các bãi biển vào mùa hè. Lần này báo chí chú ý đến nó. Đơn vị can thiệp của hiến binh được đề cao lên hàng đầu và những tay cận vệ lực lưỡng chuyên trách bảo vệ Tổng thống luôn luôn xuất hiện trên báo chí với đôi kính Ray Ban đen bên cạnh Tổng thống khi nguyên thủ đi lại. Trong thời gian đó, tổ chuẩn bị "những trận lớn". Trận thứ nhất là trận tồi tệ hàng đầu và kết thúc một cách thảm hại do đại úy Barril thực hiện ở Vincennes nhằm chống lại số gọi là khủng bố Ailen (xem những vụ

muu sát: Vụ người Ailen ở Vincennes). Paul Barril là cánh tay phải của Prouteau trong Đơn vị can thiệp của Hiến binh quốc gia đồng thời cũng là bạn chiến đấu và bạn thân của Prouteau. Từ 29-6-1982, anh thay thủ trưởng đứng đầu số hiến binh ưu tú và đi theo thủ trưởng lên phủ tổng thống và trở thành phó của Prouteau. Tiếp theo là những thành tích thất bại nữa: thất bại trong ý đồ thương lượng với tổ chức khủng bố Hành động Trực tiếp, ủng hộ âm mưu đảo chính tại Haiti, những cuộc "tiếp xúc" với những phần tử quốc gia Corse...

Chỉ huy những vụ đó đều là Barril; trước khi tiến hành kế hoạch anh ta đều cố tìm cách che chắn, nhưng rõ ràng chưa đủ kín kẽ. Đến tháng 7-1983, chàng ngổ này bị bộ trưởng Charles Hernu bắt thôi việc và anh đã viết cuốn "Những công tác rất đặc biệt" kể lại - mà chủ yếu là để thanh minh - những thất bại của anh. Sau gần một năm tồn tại, mất uy tín vì môi trường độc hại bao quanh, tổ này dần dần bị lãng quên. Nhưng không bị giải thể... bởi vì một số thành viên của tổ sau có tham gia vào vụ con tin ở Libăng và tìm cách can thiệp vào diễn biến các sự kiện. Không thành công, nhưng đủ phô bày để làm khó chịu mọi cơ quan bí mật chính thức - đặc biệt cho DST và DGSE - là các cơ quan hoạt động hàng ngày và vất vả tại chỗ. Trong quốc sách "Sự Đe dọa", Pierre Péan kể chi tiết vai trò trong những vụ án kế tiếp nhau với danh nghĩa của Tổ hiến binh phủ tổng thống theo lời của đại tá Jean-Louis Esquivié.

Vào tháng 5-1988, Prouteau vẫn chưa hề có ý định tự phê bình và theo ông, kết quả làm việc của tổ là tích cực: "Việc lập ra tổ này trong phủ tổng thống đã tạo nên

một sự quan tâm nhiệt tình đối với vấn đề khủng bố. Nó đã hoạt động như cách điều trị xung kích, và đó là điều quan trọng nhất". Còn về chi tiết... Tuy chính thức giải thể ngày 1-10-1983, đến tháng bảy năm 1988 tổ này vẫn tiếp tục. Cho đến lúc chúng tôi viết những dòng này, tổ đó vẫn có ba sĩ quan hiến binh do đại tá Esquivié chỉ huy và ba cán bộ cảnh sát trong đó hai là người của RG và một là của DST biệt phái sang. Nhiệm vụ của tổ làm công việc về tương lai và nhận định cho phủ tổng thống, có tiếp xúc với các cơ quan bí mật nước ngoài.

Ê-kíp của Prouteau tiếp tục hoạt động như một cơ quan tình báo nhỏ phục vụ riêng cho Tổng thống và thậm chí có riêng một tầng thư lớn về nạn khủng bố quốc tế khiến cho có người thắc mắc. Trong dịp tổ chức lại phủ tổng thống sau khi Mitterrand được bầu lại làm Tổng thống, một số thân cận của Mitterrand đã khuyên ông nâng cấp cho Prouteau rồi chuyển ra khỏi điện Élysée. Cuối tháng chín 1988, Tổng thống quyết định bãi bỏ Prouteau bằng cách để bộ trưởng Quốc phòng Pierre Joxe bổ nhiệm Prouteau phụ trách công tác bảo vệ an ninh Ôlympic mùa đông tại Albertville vào 1992.

NHỮNG NGƯỜI AILEN Ở VINCENNES

Sau khi lập tổ hiến binh chống khủng bố ở phủ tổng thống chưa đầy một tuần, ngày 28-8-1981, có thông báo của phủ tổng thống ra lúc 22 giờ 42 phút, cho biết Toán Can thiệp của Hiến binh Quốc gia GICN do đại úy Paul Barril chỉ huy đã

bắt được trong một căn hộ ở Vincennes ba "tên khủng bố nguy hiểm" người Ailen tên là Michael Plunkett, Stephen King và Mary Read. Khám nhà thấy tài liệu, vũ khí và chất nổ. Mau chóng nhận thấy cảnh sát Anh không quan tâm đến "những con cá lớn" trong bọn khủng bố này. Vào tháng 5. 1983, một hiến binh ở Vincennes là người có rắc rối với tòa án về một vụ án khác, đã phát hiện trong vụ bắt bớ trên có những vi phạm pháp luật. Vài hôm sau "những tên khủng bố" được tha. Đến tháng sáu, thiếu tá Beau, phụ trách về mặt luật của vụ bắt bớ, công nhận có sự lừa bịp trong việc can thiệp và các thuộc cấp của ông đều nhất trí đưa ra một báo cáo chặt chẽ cho tòa án.

Sau này, trước dư thẩm, ông khẳng định rằng theo lệnh của giám đốc Prouteau nên ông đã hành động như vậy, rồi ông cáo giác ông cố vấn của Tổng thống là François de Grossouvre, và ông phó văn phòng phủ tổng thống là ông Gilles Ménage. Tháng 10 năm 1985, vụ bê bối càng to ra khi người chỉ điểm của Paul Barril tên là Bernard Jegat đã đích thân đưa vũ khí và các chứng cứ "phát hiện" ở Vincennes cho Barril. Bộ trưởng quốc phòng Charles Hernu ra lệnh điều tra vụ này cho tướng Boyer. Ông này kết luận rằng thiếu tá Beau "đã bị chỉ huy buộc phải làm một việc mà Beau không lường trước được hậu quả" và ông thực tâm tin rằng mình đã tham gia vào một trong những vụ việc Quốc gia mà không ai đặt

vấn đề. Vụ án này, rồi các vụ án tiếp theo đã làm cho đại úy Barril mất chức chỉ huy rồi buộc phải ra khỏi hiến binh. Ngày nay ông lại quay về phục vụ công tác an ninh. Cuối cùng, bị buộc tội trong vụ 29 tháng 10 năm 1987, giám đốc Prouteau vẫn kêu lên rằng ông vô tội.

"Người Pháp sẽ học yêu mến và tôn trọng đại tá Prouteau"

Tại sao trong năm đầu tiên, tổ này không hoạt động một cách đúng đắn? Có nhiều cách giải thích: cách thứ nhất cho rằng tính chất quái dị trong chủ trương đặt tại phủ tổng thống một cơ quan hành động quá ít người như thế. Rất được chú ý vì đã lập tổ hiến binh trong khi vị trí của Tổng thống chỉ nên đứng ở tuyến chiến đấu đằng sau, Mitterrand buộc phải che đỡ sơ hở, che đỡ những thất bại được quyết định với danh nghĩa của ông. Việc lập ra tổ đó còn bị coi như một lời chửi rủa đối với những cơ quan đã có cho nên nhân viên các cơ quan này tăng cường tiết lộ cho báo chí để cung cấp chứng cứ về sự bất lực của tổ hiến binh phủ tổng thống. Theo dòng phát hiện các bất hạnh liên tiếp của tổ hiến binh, thiếu tá Prouteau sau được đề bạt trung tá, rồi giám đốc, tự thấy mình được củng cố chức vụ và đặc quyền, tiếng tăm tăng lên do được Tổng thống tin nhiệm trái với dư luận của những nhà

chuyên môn. Theo một người thông thạo phong tục phủ tổng thống, thì lý do cũng đơn giản thôi: "Một khi Tổng thống đã quyết định điều gì đó và đã thực hiện quyết định đó, thì rất khó thay đổi. Và không có chuyện một người nào đó nói với Tổng thống rằng ông đã làm một điều ngu ngốc: đành phải chịu đựng thôi. Trong trường hợp đó thì hiệu quả ngược lại đã xảy ra: khi báo chí đã công kích, hơn nữa khi Tổng thống đã bị nhằm vào, vai trò của tổ đó càng không thể thay đổi được. "Một chứng cứ rõ ràng về thái độ đó do Mitterrand chứng minh ngày 17-9-1987. Vài ngày trước đó, nghĩ rằng sẽ giành được một lợi ích chính trị bằng cách xói lại vụ những người Ailen ở Vincennes sau năm năm xảy ra vụ đó, bộ trưởng Tư pháp Albin Chalandon đã đề xuất Tổng thống truy tố Prouteau, kẻ đã dàn dựng toàn bộ vụ đó và che chắn các điều trái luật như đơn tố cáo của thiếu tá Beau là một trong những người chủ chốt.

Trên truyền hình, Tổng thống đã hết lời khen ngợi người cộng sự: "Tôi buộc phải nói với khán giả rằng tôi vô cùng quý mến, tôi rất yêu mến đại tá Prouteau, người cộng sự trung thành của tôi mà tôi hoàn toàn tin nhiệm. Mong các vị hãy nghĩ rằng đó là một con người đặc biệt!... Người Pháp hãy học yêu mến và tôn trọng đại tá Prouteau, đó là sản phẩm điển hình của quân đội ta. Tôi quý mến ông ở tính vô tư, tin ông vì tính dũng cảm và trung thực". Những người thân của Tổng thống nhận xét rằng Tổng thống không sợ xét xử Prouteau trước pháp luật và ông sẵn lòng làm cho dư luận ủng hộ Prouteau, như đại tá

hải quân Olivier North đã làm cách đó mấy tuần lễ khi viên sỹ quan này bị tố cáo là đã tổ chức buôn lậu vũ khí cho Iran nhằm gây quỹ mật cho du kích chống Xandinô ở Nicaragua. Nói thực ra những lời công kích của báo chí hoặc của những nhà chính trị đối với tổ hiến binh cũng chưa là cái gì so với những điều đã xảy ra trong thế giới tình báo, thế giới đã thấy từ khi tổ đó được thành lập nhưng "con dao găm" giấu trong túi. Chắc chắn không phải ngẫu nhiên mà hiến binh Prouteau đã chọn đối tượng để chống lại là DGSE ngay từ khi mới nhận chức bằng cách đòi DGSE phải nhận một số nhân viên của tổ và cung cấp cho họ những "giấy tờ giả". Mùa thu 1982, Paul Barril đã xin gặp đại tá Jean Moreau, cục trưởng cục phản gián của DGSE, để xin giấy giả cho thanh tra Pelegrini và cho bản thân ông.

Được tin, Pierre Marion (tổng cục trưởng DGSE) đã từ chối và bàn với ông Dubos là quan chức phụ trách công việc tình báo của bộ trưởng Quốc phòng, ông này theo yêu cầu khẩn thiết của bộ trưởng đã nhắc Marion dùng từ chối. Cuối tháng 10, trong một cuộc họp bàn riêng về vấn đề giấy tờ giả này, Prouteau và Marion đã cãi nhau kịch liệt, Marion nói thẳng rằng loại giấy tờ đó không ai được dùng lâu dài và nhất là người ngoài DGSE không được dùng. Một số thân cận của Tổng thống cãi chính tin này và cho biết không hề có cuộc họp như thế. Buộc phải ghi nhận rằng sau đó mấy ngày, Pierre Marion bị thải hồi và giấy giả được cấp cho những vị hiến binh phủ Tổng thống.

An ninh của Tổng thống.

Tổ Hiến binh phủ tổng thống và Prouteau trước những con mắt hay phê phán ở trong điện Élysée, đạt được một thành tích lớn: giữ an toàn cho Tổng thống. Mitterrand vờ không chú ý đến việc bảo vệ ông, cũng nhanh chóng hiểu ra rằng trong những năm rất rối loạn, cái nghề nguyên thủ quốc gia trở nên rất mạo hiểm. Ngày 30-3-1981, Ronald Reagan được coi là người được bảo vệ vững chắc mà đã bị một tên thanh niên mất thăng bằng trí óc bắn hạ. Ngay giáo hoàng Jean-Paul 2 cũng không thoát khỏi đợt sóng nên đã bị bắn vào bụng bởi một thanh niên Thổ-nhĩ-kì cực hữu ngày 13-5-1981, ba ngày sau cuộc bầu cử Tổng thống Pháp. Ngày 6-10 cũng năm đó, Tổng thống Ai Cập Sadate bị số quân nhân cực đoan bắn hạ trong một cuộc duyệt binh. Người ta lo ngại ít hơn... Hình như những yếu tố đó chưa đủ, các quan chức phủ tổng thống tin chắc rằng những vụ làm lộ bí mật cho báo chí xuất phát từ số cảnh sát thuộc đơn vị bảo vệ các chuyến đi xa chính thức. Christian Prouteau hình như là nhân vật cần thiết của thời đại...

Trong "chức trách nghiên cứu" Prouteau thực sự không làm lợi cho cảnh sát. Cùng với đại úy Barril, ông ra tay đánh; trong chuyến Tổng thống mới đi đến lâu đài Chinon, do đơn vị bảo vệ các chuyến đi xa chính thức phụ trách, Prouteau cử một hiến binh đi sát, dụng chạm người Tổng thống hàng chục lần. Máy ảnh đã chụp những

bức ảnh in rõ viên hiến binh đang để tay dưới áo vét rõ ràng đặt vào băng khẩu súng ngắn. Cảnh sát không thấy, nhưng Tổng thống sẽ có cả chục bức ảnh trong tay, Prouteau tìm ra nguyên nhân tai họa và không ngót nhắc lại rằng hôm 24-4-1982, một người đã tiến lại một cách nguy hiểm gần Tổng thống trong trận giành cúp bóng đá nước Pháp. Hắn không đe dọa nhưng không sao... Còn Paul Barril lại khẳng định cảnh sát là bọn nghiện rượu, tham nhũng và nhu nhược... Ông nhận xét tâm trạng của hiến binh thời đó: "Cơ quan bảo vệ các chuyến đi xa của Tổng thống không thể tiếp tục làm được việc. Ai cũng có thể cho một nhát dao vào lưng Tổng thống... Trái với cảnh sát đó, hiến binh có kỉ luật. Họ biết giữ mồm giữ miệng. Các anh có thể yêu cầu họ đứng hàng mấy giờ liền trước cửa nhà của nguyên thủ quốc gia mà họ vẫn không phàn nàn."

Đối với phản ứng công phần của các liên đoàn cấm và thanh tra bị loại ra khỏi một trong những chức trách nổi tiếng nhất của họ, phủ tổng thống trả lời bằng cách chính thức hóa vai trò của hiến binh cho phép binh chủng này ở phủ tổng thống được mặc thường phục. Khi mà đơn vị bảo vệ Tổng thống hoạt động chưa có căn cứ pháp lý từ ngày 1-7-1982, công báo ngày 13-1-1983 đăng một sắc lệnh về việc thành lập đơn vị đó. Từ đó đơn vị bảo vệ Tổng thống do đại úy - tất nhiên là hiến binh - Alain Le Caro phụ trách. Bộ máy chạy đều, từ đó đến nay không bị trục trặc gì. Đó là một đơn vị rất mạnh gồm hàng trăm sen đầm và để cho lịch sự, có thêm mười chàng cảnh sát nữa. Prouteau và Le Caro thuộc loại chuyên gia cận vệ

giới trong giới bảo vệ gần các nhân vật, và thường hay được các đồng nghiệp nước ngoài tham khảo ý kiến và kinh nghiệm.

Cũng vì thế mà đại úy Le Caro vào năm 1987 đã sang Oasinhton để truyền kinh nghiệm cho cơ quan bí mật phụ trách bảo vệ Tổng thống Hoa Kỳ về cách dùng một xe gắn máy khỏe và bình thường để bảo vệ gần nguyên thủ, dễ dàng hơn loại ô tô hộ tống trong đám đông ồn ào của thành phố. Sáng tạo bởi đơn vị bảo vệ Tổng thống, phương pháp này đã được phổ biến trong việc cận vệ các nhân vật chính của Pháp. Khi người đi đường thấy một xe máy có u lồi và những tay lái mô-tô mặc quần áo da sồn ở giữa đoàn xe chính thức sẽ nhận rõ rằng đó là những cận vệ... Những kỹ thuật an ninh như thế đã là quan trọng đối với Tổng thống chưa? Chắc là chưa... Nhưng bởi vì ngày nay Tổng thống đã có đội cận vệ làm cho điện Élysée quên những chàng cảnh sát đoàn viên công đoàn và hay chống cãi của đơn vị bảo vệ các chuyến đi xa chính thức mà Mitterrand có thể công khai không quan tâm đến chuyện đó nữa.

3.653 đội hiến binh

Trao việc bảo vệ mình cho thiếu tá Prouteau hoặc ủy cho một chức trách phối hợp chống nạn khủng bố, không phải là ông cậy đến một người đơn độc, mà qua con người đó ông liên hệ với một tổ chức... Bởi vì một sen đầm không bao giờ đơn độc... Đơn vị bảo vệ Tổng

thống và đơn vị can thiệp của Hiến binh Quốc gia hàng năm tuyển hàng chục nhân viên mới sau cuộc lựa chọn rất kĩ. Đối với binh chủng hiến binh, hai đơn vị đó giữ vai trò đầu tàu và ảnh hưởng đến các nhân viên trẻ của binh chủng rất mạnh mẽ. Vượt trên những tranh cãi, Prouteau đã hiến cho binh chủng sen đầm những đồ bày tủ kính chưa từng có. Thành lập vào thế kỉ 14 khi Hiến binh Pháp đảm nhận trách nhiệm giữ gìn trật tự trong quân đội nhà vua, hiến binh là một lực lượng vũ trang xen vào xã hội dân sự. Hai văn bản chính quy định những nét lớn về hoạt động của hiến binh: đạo luật ngày 28 germinal năm VI và sắc lệnh ngày 20-5-1903. Biên chế 91.646 người qua thống kê theo luật tài chính năm 1988 của binh chủng này thuộc Bộ Quốc phòng, tuy phần lớn công tác thời bình bao gồm những chức năng dân sự về cảnh sát hành chính, tư pháp, và giữ gìn trật tự.

Hiến binh chia thành 3.653 đội, đóng ở mỗi tổng một đội; binh chủng này là một mạng lưới tình báo to lớn ít sự kiện vượt qua được mắt của nó. Nó có những lưới thông tin riêng vững chắc, đang hiện đại hóa, được trao quyền điều tra đặc biệt nhờ tình trạng trong binh chủng này có nhiều sĩ quan cảnh sát tư pháp, cho nên hiến binh tiếp tục giữ được truyền thống lâu đời là đại diện cho quyền lực Nhà nước trải khắp hang cùng ngõ hẻm của đất nước, kèm theo chức năng thường trực điều tra tình hình: "Chức năng quen thuộc và bình thường của các đội hiến binh là tuần tra kiểm soát trên các đường lớn, đường hàng xã, trong những xóm thôn, trại, rừng, nghĩa là mọi nơi trong phạm vi lãnh thổ của đội quản lý. Ở cấp xã,

đội hiến binh phải đi tuần tra ít nhất hai lần vào ban ngày và một lần vào ban đêm trong mỗi tháng và phải kiểm tra mọi chiều hướng. Khi đi tuần tra, hiến binh phải tìm hiểu xem có gì vi phạm hoặc gây án trong xã mà mình đi qua, bằng cách hỏi thăm xã trưởng hoặc xã phó, những người gác rừng, gác ruộng, hải quan, nhân viên thu thuế, bưu tá nông thôn, công nhân sửa đường, người gác cổng, vv..."

"Một trong những mối quan tâm hàng đầu của hiến binh và cũng là yếu tố chính của hiệu lực là nắm tình hình. Để hoàn thành được chức năng đó, hiến binh hoàn toàn biết tiến theo tình hình": Biết rằng mình được thông tin như mình xứng đáng, hiến binh thích nghi với mọi sự tiến bộ: xã hội hiện đại, sự di dịch dân cư, cơ giới hóa, các hình thức của tình trạng phạm tội, nạn khủng bố xuất hiện và những chức trách mới về bảo vệ lãnh thổ trên quy mô tác chiến, đó là những yếu tố buộc hiến binh phải thay đổi tổ chức, cải tiến phương tiện, bố trí lại lực lượng và bổ túc nghiệp vụ cho nhân viên để theo kịp thời đại và đón trước tương lai".

Nguyên tắc đó được thực hiện đến cấp cơ sở là các đội hiến binh. Từng người hiến binh có nhiệm vụ xây dựng lưới chỉ điểm của mình, rồi có đường thông lên các cấp cao, đến chính phủ, qua hệ thống role rất tinh vi từ đội (tổng) đến đại đội (huyện), rồi tập đoàn (tỉnh), đến quân đoàn (khu), cấp này tổng hợp tình hình. Ở Bộ tư lệnh hiến binh đóng ở phố Thánh Didier (Paris), chính phòng Hành quân - Phòng vệ, hay cụ thể hơn là hai ban Tình hình và Chống khủng bố sẽ báo cáo lên các cấp chỉ huy

ở hai bộ Quốc phòng và Nội vụ. Khẩn cấp có thể tin báo chuyển thẳng từ tập đoàn lên bộ tư lệnh hiến binh.

Việc thu thập tình báo của hiến binh có hai chủ bài to lớn: số lượng phương tiện đã đáp ứng yêu cầu về tư pháp và quy mô chức trách trong lĩnh vực quân sự. Tại pháo đài Rosny-sous-bois ở Paris, Cơ quan Kỹ thuật Trinh sát Tư pháp và Tập trung Tài liệu (STRJD) tập hợp các cơ sở dữ liệu hình sự đặc biệt của hiến binh. Qua hệ thống truyền tin Saphir có bảo đảm mà các tập đoàn theo nguyên tắc đến cuối năm 1988 được trang bị, các đội hiến binh có thể hỏi thẳng pháo đài Rosny. Để tìm thấy những gì? Trước hết là hệ thống tư liệu và khai thác hình sự, bộ nhớ tập thể và tin học hóa của hiến binh, hàng ngày được cung cấp hàng trăm tin báo của các đội về những điều ô nhục của dân Pháp có ảnh hưởng đến tư pháp.

Số lượng thông tin lưu trữ trong Hệ thống Tư liệu và Khai thác Hình sự là điều bí mật, cơ cấu dựa trên những tập nhỏ dấu hiệu, dấu lấn tay và hình ảnh, sấm hình vv.... giúp cho việc xác minh nhanh nhất. Hệ thống này gồm những thông tin học tác chiến ở ngoại biên hoặc đang thiết lập, trong đó có những bộ thẻ về những tài sản bị lấy trộm đã xác định, thẻ những đối tượng bị truy tìm, thẻ những xe bị lấy cắp và bộ thẻ những đối tượng bị nghi là thủ phạm gây ra tội ác hoặc tội phạm. Với những phương tiện như thế, việc nắm tình hình đã thay đổi về tính chất và hiệu quả tăng lên không tưởng tượng được như một thủ trưởng pháo đài Rosny đã phát biểu một cách phấn khởi: "Được có cái vốn tư liệu như những bộ thẻ điều tra và thu thập tình hình quốc gia mà phần

lớn đã được tự động hóa, với một mạng lưới quan hệ mạnh, kiên trì xây dựng với tất cả những tổ chức có khả năng cung cấp thông tin về tất cả những lĩnh vực đa dạng và bất ngờ, cơ quan của chúng tôi có đủ khả năng thực sự giúp đỡ thường xuyên cho những điều tra viên ở bất cứ địa hạt này".

Những chức năng hoàn toàn quân sự của hiến binh cũng cho phép binh chủng này quan tâm chặt chẽ đến những khu vực xung quanh các căn cứ hạt nhân chiến lược hoặc những nhà máy điện nguyên tử trong thời bình. Với chức năng tham gia việc động viên, hiến binh có khả năng báo cáo cho các tư lệnh quân đội một cách chuẩn xác tình hình lực lượng trú bị và xe cộ có thể trưng dụng, những trách nhiệm bảo vệ tác chiến trên lãnh thổ và bảo vệ những địa điểm hiểm yếu khi có khủng hoảng cũng là những yếu tố khiến cho hiến binh xen vào môi trường xã hội và bắt mạch nhân dân hàng ngày, tức là khả năng hoàn thành vai trò hàng đầu của nó: cho cấp lãnh đạo chính trị biết tình hình.

Sự cảm dỗ.

Mạnh nhờ uy tín là vũ khí "cộng hòa", binh chủng hiến binh đã biết thích nghi với mọi tình hình chính trị mà không bị suy suyến gì. Đồng thời nó đã thực hiện một nguyên tắc gắn bó với những tổ chức mạnh: tìm mọi cách trong mọi tình thế tăng cường, phát triển và tăng tiến theo một lôgic rất lâu dài bất chấp những biến đổi của

tình thế. Một ví dụ có ý nghĩa: biên chế. Năm 1971, binh chủng có 62.700 người, đến cuối năm 1987 là 91.646, tức là chưa đầy 20 năm tăng gấp rưỡi. Đồng thời với sự quan tâm của chính quyền, hiến binh đã tăng cường rất nhiều các phương tiện kỹ thuật, hiện đại hóa rất nhanh so với Cảnh sát quốc gia. Mạng truyền tin dữ kiện Saphir của các trạm cuối cố định hoặc lưu động trong các đội và xe cộ, hoạt động từ đầu thập kỷ 80. Chỉ đến năm 1987, thứ bộ trưởng Công an Robert Pandraud mới khánh thành ở Rouen một chương trình tương tự cho Cảnh sát Quốc gia.

Do tác dụng thúc đẩy có tính quyết định của bộ trưởng Quốc phòng Charles Hernu, (ông này là con một hiến binh), một phần lớn chức năng bảo vệ tác chiến lãnh thổ trước kia rất lâu thuộc về lực quân đã chuyển cho hiến binh phụ trách và hiến binh trở thành lực lượng vũ trang trù mền của chính quyền Đảng Xã hội. Binh chủng này liền xin thêm biên chế để làm tròn chức trách mới. Trong các văn bản ngân sách hàng năm của ủy ban quốc phòng ở Quốc hội nói về hiến binh, ta thấy rõ những yêu cầu của binh chủng này: năm 1987 nó xin mau chóng tăng thêm hơn 3.000 nhân viên mới, cộng với 300 sỹ quan nữa. Tất cả các chỉ huy tập đoàn, hiến binh hàng tỉnh như hiến binh lưu động, đều khẳng định rằng đó là điều kiện cần thiết để đảm đương được trách nhiệm. Ta cũng chú ý rằng hiến binh cũng đề đạt nguyện vọng có tính chất cơ cấu ít công khai nhưng rất thực tế trong hệ thống tổ chức để vượt khỏi vị trí chỉ là một lực lượng do một quan chức dân sự chỉ huy, để trở thành một binh chủng như lực quân, không quân hoặc hải quân quốc gia với bộ tham

muu riêng, do một sỹ quan cấp tướng của hiến binh chỉ huy.

Nguyên vọng này đã đề xuất nhiều lần, nhưng đều bị các chính phủ kế tiếp nhau bác bỏ với lý do rằng cơ cấu và chế độ như hiện nay đối với hiến binh đã là thỏa đáng rồi. Liệu hiến binh có chịu không? Chắc chắn là không: với thời gian, những yêu sách của họ bao giờ cũng thành công. Một trong những trở ngại cũ nhất mà họ đã vấp phải là lệnh cấm nhân viên sen đầm mặc thường phục khi đi công tác. Điều cấm kị đầu tiên đã bị bãi bỏ khi thành lập Đơn vị bảo vệ Tổng thống: không ai lại đội kêpi đi bảo vệ sát người Tổng thống. Sự thay đổi quan trọng hơn nữa là quyết định của bộ trưởng Quốc phòng André Giraud ký ngày 11-5-1987 số 11900. Quyết định này cho phép hiến binh thuộc các đơn vị điều tra và "những nhân viên hoạt động hỗ trợ" tức là mọi nhân viên sen đầm, trừ số lính nghĩa vụ, được mặc thường phục khi làm công tác thu thập tình hình với điều kiện trước khi bắt giữ tội phạm - trừ trường hợp bắt quả tang - phải mặc quân phục. Quyết định này còn quy định rằng khi đi công tác mà mặc thường phục thì hiến binh không còn "đặc quyền" dùng súng sau khi đã ra lệnh đứng lại. Chỉ được bắn nếu phải phòng vệ chính đáng như nhân viên cảnh sát. Vậy việc dùng thường phục theo quyết định này là rất hạn chế, một số thủ trưởng cảnh sát đã phản đối việc lập ra những đơn vị nhỏ hiến binh hoạt động dưới hình thức mặc thường phục một cách thường xuyên để tiến hành việc lập biên bản vì đây là công việc của RG.

Sự thay đổi nhiệm vụ này không chỉ riêng là ý đồ của hiến binh, vì hình như ở một số tỉnh, các tỉnh trưởng

hoan nghênh việc này vì từ nay RG không thể độc quyền như trước nữa. Các liên đoàn cảnh sát đã bày tỏ ý kiến phản đối khi ủy ban Cabannes nghe tường trình vào năm 1987: "Đã có một bước thay đổi quan trọng khi lập ra ở mỗi đại đội một đơn vị hoạt động ăn mặc thường phục đang dần dần làm những công việc trùng với RG. Nghiêm trọng hơn nữa là hiến binh mặc thường phục xuất hiện trong những cuộc biểu tình. Vai trò đơn thuần là người quan sát của họ trong trường hợp này khó chứng minh được trước dư luận khi xảy ra tình huống có sự cố lớn hoặc trung gian hóa".

Theo các công đoàn cảnh sát, việc dân sự hóa hiến binh chủ yếu chứng tỏ chủ trương của chính phủ tăng cường vai trò của binh chủng này hơn nữa - kỳ quặc là cho nó xuất hiện ở đô thị là địa bàn của các cơ quan khác - và cho nó lấn vào đặc quyền của những cơ quan thuộc Bộ Nội vụ. Sự phân tích trên đây là đúng và bản "báo cáo của ông Cabannes" trình vào tháng giêng 1988 lên Thủ tướng Jacques Chirac, nhân danh phái đoàn liên lạc và nghiên cứu tương lai của hiến binh và cảnh sát (không công bố), cũng không cải chính.

NHỮNG CON CHÓ GIỮ NHÀ: CỤC KIỂM SOÁT LÃNH THỔ (DST)

"Yêu cầu anh khai thật lý lịch của anh!" Giọng nói của viên cảnh sát khô khan. Cạnh đó, một viên thanh tra trẻ ghi biên bản ngay trên máy chữ: "Tên: Dany. Họ: Kuchel. Sinh ngày 10-7-1960 tại Auxerre. Học các ngôn ngữ và văn hóa Đông Âu, khoa Nga..."

Mặt viên cầm cau lại. Sau một thoáng im lặng, ông yêu cầu Kuchel khai tiếp. "Nghề nghiệp: thanh tra tại Cảnh sát quốc gia... được bổ dụng từ tháng tư 1983 vào phòng RG của Sở Cảnh sát Paris..."

Dany Kuchel là cảnh sát viên. Anh đã được nghe thấy những cuộc thẩm tra theo thông lệ tại cơ quan cảnh sát, nhưng hôm nay anh hiểu ngay đây không phải là một cuộc thẩm tra bình thường. Người gặp anh là một viên cầm của phản gián Pháp! Tại sao ông này? Người ta nghi

ngờ gì anh? Anh chưa hiểu đầu đuôi ra sao bởi vì sự việc mới xảy ra cách đây có một giờ hôm nay thứ sáu 5-12-1986.

"Thông đồng với các nước xã hội chủ nghĩa"

Cũng như mọi sáng, anh đi bộ đến Sở cảnh sát lúc 9 giờ. Từ khi xảy ra loạt vụ khủng bố đẫm máu ở thủ đô, cổng ra vào của Sở được kiểm soát rất gắt gao. Cũng như mọi viên chức khác, anh phải vào cơ quan bằng cách đi vòng ra đường bán hoa ở quang trường Lépine trước khi vào cổng chính ở phố Lutèce. Khi anh đẩy cánh cổng của Ban quản lý Du hí của RG, ông giám đốc Nougue-Sans đã chờ anh.

Sau ba năm công tác tại Ban 6 (Ban phụ trách các nước phương Đông), viên thanh tra trẻ đã xin chuyển sang Ban Du hí, do ông Eugène Nougue-Sans làm phó giám đốc phụ trách Ban 7 này. Đó là một ông 57 tuổi, lịch thiệp và nhã nhặn. Sáng nay ông không giấu nổi sự lo lắng. Sau khi chào chàng thanh tra, ông nói một cách xa xôi về những chuyện với DST. Ông yêu cầu anh đi cùng ông đến trụ sở DST. Hai chục phút sau, hai viên cảnh sát đến trụ sở phố Nélaton. Hàng chục viên chức DST đón hai người. Hàng rào cảnh sát khiến cho chàng thanh niên chột dạ. Hai DST trao đổi riêng với ông giám đốc và ông này rời trụ sở DST ngay. Vài phút trôi qua trong không khí giá lạnh trước khi Yvan X. đến.

Viên cảnh DST chạc ba chục tuổi, trán hói, người gầy, liếc nhìn Kuchel một cách lạnh nhạt. Kuchel hỏi ông

ta, nhưng ông này không trả lời và yêu cầu anh đi theo ông. Một viên thanh tra trẻ đi cùng. Đến cuối hành lang, ba người đi vào cầu thang máy lên mấy tầng nữa. Ba viên cảnh sát đi một quãng rồi vào một thang máy. Họ hạ xuống chừng bốn chục giây, một phương pháp đánh lạc hướng người lạ không cho xác định đúng cấu trúc bên trong trụ sở cơ quan phản gián. Chuyển đi vòng vèo này kết thúc ở tầng hầm gần một bãi để xe. Hai điều tra viên dẫn Dany Kuchel vào một phòng hẹp có đồ đạc tầm thường, kê bên một xà lim có kính. Trước khi vào, chàng thanh tra đã đếm dọc hành lang này có khoảng một chục xà lim và bàn giấy cách âm.

Lúc đầu cuộc nói chuyện bình thường, nhưng cái giọng của viên cầm qua những câu hỏi đầu tiên đã khiến cho Kuchel nhận ra đây không phải là giọng của bạn đồng nghiệp. Những câu ám chỉ của ông ta đều lộ ra rõ Dany Kuchel bị coi là nhân chứng và chắc chắn như kẻ sẽ có tội! Chàng thanh tra trẻ vặn hỏi gì tôi? viên cầm DST trả lời "Thông đồng với các nước xã hội chủ nghĩa".

Dany Kuchel kể lại cho chúng tôi: "Tôi biết nhiều nước xã hội chủ nghĩa, tôi đã đến thăm các nước đó từ khi tôi còn nhỏ. Tôi đã đọc nhiều, tôi ít nhiều thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin về mặt triết học. Đây là một sự tò mò vì công việc chúng tôi đang làm".

Cuộc hỏi cung tiếp tục về các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng viên cầm DST không công kích Kuchel về một việc cụ thể nào. "Qua những câu hỏi và dọa nạt của viên cầm, tôi bỗng hiểu ra rằng khá nhiều viên chức cảnh sát căn bản thuộc về cánh hữu. Trong công việc tôi mới cảm thấy

nhưng chưa thật sự ngờ vực. Đúng là tôi có đọc một số tờ báo như Giải phóng hoặc Thế giới là loại bị RG xếp vào phái tả. Trường đơn vị của tôi đã đôi lần nhận xét về việc đọc sách báo của tôi, nhưng với thái độ khuyên bảo chứ chưa công kích. Trao đổi vài chuyện tếu thể thôi".

Tình thế trở nên lố lằng khi viên cảnh sát khăng định Kuchel là điệp viên bất hợp pháp, nghĩa là một người dùng lý lịch giả nhằm chờ thời cơ đến sẽ giữ một vai trò rõ rệt. Viên mật thám DST đi đến kết luận đó khi nghiên cứu quá trình đặc biệt của người cha của Kuchel từ nguồn gốc nước Phổ cũ đến khi ông lập một xưởng nhỏ đóng thùng xe ở vùng Paris.

Nữ ca sĩ Bungari ở quán Shcéhérazade.

Giọng của viên cấm trở nên câu gắt. Ông rút trong cặp ra một tập hồ sơ dày. Ông lo đến giờ vài tờ giấy và bỗng dừng lại trên một thẻ: "Anh định nói gì khi anh nói với ông X...?" Viên cấm đề cập tới đời tư của Kuchel. Tập hồ sơ đặt trước mặt ông ta có hàng mấy chục tập tài liệu nghe trộm điện thoại. Kuchel nhận xét với chúng tôi: "Ít nhất số tài liệu này cũng nặng tới một kilôgam". Kuchel hiểu ra rằng DST đã nghe trộm điện thoại của anh đến nửa năm rồi...!

Anh không biết mình bị nghe trộm. Anh nhớ lại từ ít lâu nay trước cổng nhà anh có một chiếc ô tô hòm J7 Peugeot đỗ nhưng anh tưởng đó là xe hòm hoặc bị ăn cắp bỏ đấy, nên không chú ý nữa vì anh chẳng có tội lỗi

gì. Anh cũng nhớ lại một sự kiện trong xe điện ngầm khi anh quên chiếc xác cốt cá nhân trong đó có một bút máy Cartier, giấy chứng minh và một sổ địa chỉ. Anh đến phòng đồ vật tìm thấy của hãng xe điện ngầm và may thay anh đã được trả lại xác cốt không mất một thứ gì, trừ cuốn sổ ghi địa chỉ cá nhân và quan hệ nghề nghiệp. Vài tuần sau, một trong số bạn của anh cho anh biết rằng tên bạn đó có trong sổ ghi địa chỉ: người bạn đó đang công tác tại... DST!

Viên cảnh X không dă động tí gì đến việc đánh cắp sổ ghi địa chỉ của Kuchel. Ngược lại, ông nhấn mạnh đến một vụ mà đối tượng chính là nữ ca sĩ Bungari. Kuchel kể cho chúng tôi: "Cô Stanislava K. là ca sĩ quán Schéhérazade ở phố Liège. Đó là một phụ nữ trạc tứ tuần, có đôi mắt đen và to, tính khí rất xlavơ. Cô là một 'quan hệ', chi điểm, như chúng ta quen gọi. Một tối về mùa thu năm 1985, tôi cùng hơn một chục đồng nghiệp RG được cô ca sĩ trẻ mời đến quán rượu. Sau bữa cơm tối thịnh soạn có rượu ngon, nữ ca sĩ Stanislava tán viên trưởng nhóm của chúng tôi là Claude G. xin cho cô một ân huệ là sớm xét đơn của cô xin nhập quốc tịch. Cô đã kết hôn với một người Pháp, cô mong sớm được vào quốc tịch Pháp để cô không còn phụ thuộc vào chế độ Bungari để khỏi bị đòi 30% lương của cô... Trưởng nhóm của tôi vốn thích rượu nên nhận giúp cô ngay và hôm sau giao cho tôi nhiệm vụ lo giúp cho cô, lúc chưa ăn uống gì..."

Kuchel đem nhiệt tình bình thường ra làm nên cô đó được nhập Pháp tịch sau sáu tháng nộp đơn chú không phải hai năm như thường lệ. Việc này cũng chẳng quan

trọng gì nếu DST không nghi ngờ đây là một sự thông đồng với kiều dân các nước Đông Âu.

Kuchel kể tiếp: "Tôi nhanh chóng hiểu ra rằng những chuyến du lịch của tôi ra nước ngoài làm cho tôi bị nghi. Những sách báo tôi đọc cũng như thái độ công tác của tôi càng làm cho DST nghi hơn. Trong tư tưởng của nhiều đồng nghiệp của tôi, họ cho tôi là người xu hướng tả, thậm chí là một người cách mạng! Tôi được tuyển dụng năm 1982, dưới thời phe tả; tôi bị họ nghi ngờ. Tôi không tu duy như những người khác, vậy phải sống tôi ra khỏi tập thể... Tôi không nắm được chứng cứ xác thực, nhưng có quá nhiều dấu hiệu khiến tôi nghĩ rằng Claude G., nguyên trưởng nhóm của tôi, đã hành động chống lại tôi một cách thâm lén. Chính ông ta là thủ phạm đã tố cáo tôi với DST. G. là một tay bừa bãi, nhất là khi quá chén thường nói lộ bí mật. Hắn thường hay chèn chèn tại Bộ Nội vụ với nhân viên DST. Đó là một tay hay tung hỏa mù xung quanh những cơ quan bí mật. Hắn đã cộng tác lâu năm với An ninh Quân đội cho nên hắn còn quen biết nhiều cộng tác viên. Đó là một quân nhân cũ, đảng viên đảng Tập hợp Nhân dân. Hắn chẳng giấu giếm điều đó..."

Một vụ khám xét trái phép

Khi viên cảnh Yvan X. quyết định ngừng hỏi cung Kuchel lúc đó là 17 giờ ngày 5-12. Hỏi cung liền 7 giờ đồng hồ. Chàng thanh niên mệt mỏi. Tai nạn chưa dừng

tại đây. Anh bị bốn viên chức đưa về nơi cư trú để chúng lục soát. Cảnh sát chỉ khám buồng của Kuchel. Chúng thu các thư riêng và một số tài liệu. Chúng ra về và để Kuchel tự do.

Sáng hôm sau Dany Kuchel lại còn bị một đòn đánh loạn choạng khi anh đến Sở cảnh sát. Thủ trưởng của anh nghe anh kể về một ngày khủng khiếp vừa qua, và anh tự nhận xét rằng anh chẳng có lỗi làm gì và người ta chẳng có chúng cứ gì mà bắt giữ anh. Eugène Nougue-Sans chẳng nói gì. Ông che giấu sự bối rối của ông. Ông đã biết quyết định của cấp trên về Kuchel. Ông đợi 24 tiếng mới thông báo cho anh rằng "cùng với DST, lãnh đạo thấy không có lợi để anh tiếp tục công tác trong cơ quan RG... anh phải chuyển sang cảnh sát hình sự. Kể từ hôm nay anh chuyển sang công tác tại sở cảnh sát Villette tại quận 19". Chàng thanh tra trẻ nhận được quyết định này như bị tát vào mặt. Anh tức giận trước điều mà anh coi là một sự bất công kinh khủng. Trong cả tháng sau anh tìm hiểu. Anh đã vỡ mộng.

Đến tháng 6 năm 1987 anh quyết định phản ứng. Anh làm đơn gửi biện lý quốc gia kể lại những việc xảy ra với anh. Đơn này chẳng ai trả lời. Đến tháng chín, anh gửi thư bảo đảm, khác lần trước. Một tháng sau, anh được tin hồ sơ của anh đã bị xếp xó. Chàng trai lại mất tin tưởng. Anh cảm thấy bất lực như trúng chọi với đá. Bạn bè khuyên anh cứ kiên trì và đi tìm thầy cãi. Anh chọn luật sư Hervé Page, ông này quyết định giúp Kuchel khiếu nại. Ông nêu bật tính bất hợp pháp của DST khám nhà ở của Kuchel. Đối với ông, DST đã tiến hành điều

tra sơ bộ. Trong khung cảnh đó, việc khám xét phải được sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản và có chữ kí của đương sự. Một tố tụng mà DST không biết. Lần này, đơn khiếu của Kuchel được tiếp nhận. Thẩm phán Verleene được giao thụ lý vụ án. Đầu năm 1988, ông ủy thác xét xử cho viên cảnh Roger Chetard của cơ quan Tổng thanh tra các cơ quan. Sáu tháng sau, quan chức được ủy thác xem ra cũng chẳng hào hứng thúc đẩy công việc...

Trong thời gian này, Kuchel trong sở cảnh sát quận 9 vẫn cọc cạnh chiếc máy chữ cũ kỹ ghi ghi chép chép những đơn khiếu về mất trộm máy thu thanh, về séc không có tiền gửi, đâm chém nhau, xung đột gia đình, chó cắn...

Những viên chức vượt trên mọi nghi vấn.

Ngoài hậu quả kỷ luật khéo một thanh tra trẻ của RG, vụ án kể trên cho ta thấy rất đầy đủ môi trường âm ảnh gián điệp đã bao trùm lên các cơ quan phản gián Pháp như thế nào. Cái tâm trạng đa nghi đó nguyên nhân chính là sức nặng của quá khứ, đồng thời còn do phương thức hoạt động của các cơ quan đó dựa trên thứ lôgic hiểu chiến vừa đơn giản quá mức vừa ngổ ngán.

Khi lên nắm chính quyền vào năm 1981, Đảng Xã hội khẳng định ý chí coi cảnh sát như một cơ quan nhà nước, thể thôi. Họ mong muốn trước hết cho thấy cảnh sát viên chính là các viên chức cảnh sát, chính là những công dân đại diện cho tất cả các xu hướng. Vài vụng về

và việc phái hữu vạm vỡ quay lại chính quyền vào tháng ba năm 1986, làm giảm bớt ý chí đổ xuống hàng nguyện vọng thành kính. Đối với DST, vấn đề chính vẫn nguyên vẹn sau cuộc bầu cử giữa năm 1988. Đó là điều năm 1982 ông nghị sĩ Đảng Xã hội Jean-Michel Bellorgey đã viết trong bản báo cáo về cảnh sát: "Chẳng có thái độ gì khác có thể có đối với DST là ngờ vực nó một cách liều lĩnh, hoặc là tin tưởng nó một cách vô điều kiện, bởi vì không ai, thậm chí chính cả đơn vị thanh tra của cảnh sát, cũng chẳng hiểu tí gì về sự hoạt động của nó".

Sự khẳng định đáng ngạc nhiên này than ôi lại phù hợp với sự thật. Chúng tôi nhận thấy sự thật đó qua quá trình điều tra và đặt tên cho nó là đám tinh vân của ngành phản gián Pháp. Ở giữa đám tinh vân này, một vấn đề quyết định toàn thể: vấn đề tuyển dụng và đào tạo.

"Tôi được bổ dụng vào DST và việc đào tạo không dạy tí gì về cơ quan DST...!" Viên giám đốc của chàng thanh tra trẻ trả lời một cách mỉa mai: "Đừng lấy làm khó chịu... Để đến DST, anh bao giờ cũng chán ngấy!" Cuộc trao đổi ngắn ngủi này đã được Pierre Levergeois cựu nhân viên DST từ năm 1948 kể lại. Nó phản ánh tư duy rất đặc biệt của ngành phản gián mà phần lớn các viên chức DST đã hình thành ngay trong lòng ngành cảnh sát quốc gia. Nhưng đáng ngạc nhiên hơn khi phát hiện thấy cuộc trao đổi như thế vẫn còn tính thời sự bốn chục năm sau.

Mỗi cuộc thi tuyển thanh tra và cấm cảnh sát thu hút hàng ngàn thí sinh. Sau những cuộc loại bỏ nghiêm khắc, các sinh viên cảnh sát theo lớp thực tập một năm

trong trường cảnh sát quốc gia. Giữa hai cuộc thực tập trong một sở cảnh sát, sinh viên học luật, xã hội học, tâm lý học và kinh tế học. Họ cũng học cách lập biên bản và tập sự môn tố tụng hình sự. Đó là cách đào tạo đa khoa để trở thành hoàn hảo, hoặc gần như thế. Trong bản báo cáo về cảnh sát, ông Bellorgey nhấn mạnh về việc DST chặn người như sau: "Việc lựa chọn và quan niệm những bài giảng của DST phân phát cho sinh viên trường Saint-Cyr-au-Mont-d'Or, cũng như việc tổ chức chọn sinh viên có nguyện vọng làm việc ở DST sau khi học xong cũng không phù hợp với truyền thống lựa chọn của nhà trường".

Sau kỳ thi cuối khóa, các thực tập sinh trẻ sẽ tùy theo thứ bậc điểm thi mà được bổ dụng." Trong khóa của tôi, năm 1983, chỉ có khoảng một chục người trên gần một trăm đã xin về DST, mà thực ra họ cũng chẳng hiểu thật chính xác DST là gì, một sinh viên cũ kể lại cho chúng tôi. Họ nộp đơn xin, nhưng việc tuyển thường tiến hành bằng cách tuyển bổ sung và sau khi đã điều tra kỹ về bản thân và gia đình của họ". Viên thanh tra trẻ nói rõ thêm "Những chàng được tuyển dụng không nhất thiết phải là những người học giỏi..." Thực ra DST thường tuyển những người biết nhiều ngoại ngữ, dù DST ngờ vực họ. Những người biết kỹ thuật và kỹ thuật điện tử cũng được DST chú ý.

Một khi đã được chấp nhận vào cái hội rất được che chở này, viên thanh tra sẽ học biết rất nhanh rằng "bí mật là khuôn vàng thước ngọc của các cơ quan bí mật" và DST tuân theo một châm ngôn dứt khoát là không

bao giờ được nói về mình. Có ba ngoại lệ hiếm hoi làm sáng danh DST trong quá khứ gần đây ít nhiều phá cái luật tuyệt đối giữ bí mật trong DST mà từ năm thành lập 1944 mọi thành viên của nó phải tuân theo.

Một quốc gia trong một quốc gia

Cục kiểm soát Lãnh thổ (DST) sinh ra sau ngày giải phóng (1944). Chính phủ ba phái lúc đó dưới sự thúc đẩy của tướng Đờ Gôn quyết định tổ chức lại những cơ quan đã tồn tại dưới dạng phôi thai vài năm trước khi bị thống chế Pétain giải thể.

Theo tinh thần của những nhà lãnh đạo, cần "phát hiện kẻ thù hoạt động trong địa bàn và ngăn chặn nó tiếp cận những tin tức mà nó tìm kiếm, chặn bắt giao liên của nó và phát hiện những nhóm gây sức ép do nước ngoài cung cấp tiền bạc". Sau thất bại năm 1939, các nhà chính trị đã nhận thức được những yếu kém của ngành phản gián Pháp cho đến lúc bấy giờ do quân nhân nắm.

Roger Wybot (Rô-giê Vi-bô) được chỉ định tổ chức lại một cơ quan thu thập tình hình và phản gián có hiệu lực. Chức trách của DST những năm mới ra đời tập trung chủ yếu vào việc truy tìm bọn tay sai, dân vệ và mật thám Pháp gian làm cho Đức. Roger Wybot là một con người bản lĩnh cao cường, ưa thích hoạt động và có khiếu, giỏi về tổ chức, ông đã để một dấu ấn không phai mờ sau 14 năm lãnh đạo cơ quan cảnh sát mới này của quốc gia.

Vốn là sỹ quan chuyên nghiệp cũ, tất nhiên ông tạo ra một cơ cấu dựa trên cơ cấu các quân khu. Bên dưới cơ quan trung ương ở thủ đô, là các đội kiểm soát với những đơn vị truy tìm điện đài bằng vô tuyến định vị, những ăng-ten của lực lượng Điều khiển bao gồm những "quan hệ", cộng tác viên, hoặc chỉ điểm thường không ăn lương, hoạt động dưới sự điều khiển của các đội gần nhất. Đó là một chiếc mạng nhện khổng lồ thu thập tình hình có quyền hoạt động tự trị khiến cho những cơ quan cảnh sát khác ghen tức. Ngay trong cảnh sát cũng gọi DST là "Một Nhà nước trong Nhà nước"!

DANH SÁCH CÁC CỤC TRƯỞNG DST TỪ KHI THÀNH LẬP

Roger Wybot (1945-1958)

Jean-Gabriel Eriéau (1958-1961).

Daniel Doustin (1961-1967).

Jean Rochet (1957-1972).

Henri Biard (1972-1974).

Jacques Chartron (1974-1975).

Marcel Chalet (1975-1982).

Yves Bonnet (1982-1985).

Rémy Pautrat (1985-1986).

Bernard Gérard (1986,... còn đương chức khi cuốn sách này xuất bản).

Roger Wybot là người đầu tiên tiến hành chế độ tự trị. Ông chi báo cáo lên bộ trưởng Nội vụ. Đó là truyền thống không bao giờ bị các chính quyền nối tiếp thay đổi. Vị kháng chiến cũ cũng đòi mọi hoạt động của DST được hưởng chế độ bí mật quốc phòng. Đối với ông, phải được như thế mới làm cho DST có hiệu lực và năng suất. Đó là lợi khí tạo cho nhân viên của ông "không bị lộ liễu và không bị sự thẩm tra hành chính, nghị viên vv..." Đó là một lợi khí đòi bại như sau đây chúng tôi sẽ chứng minh.

Jean Rochet giải thích: "Được bảo vệ như vậy, cộng với một thủ kỳ luật nghiêm khắc, thủ trưởng cơ quan phản gián làm cho DST chống lại được bao tấp và tránh được những cạm bẫy mà các cơ quan tình báo hoặc cảnh sát khác rơi vào". Nói thế là vị nguyên cục trưởng DST ám chỉ đến tất cả những vụ tai tiếng âm ỷ làm đổ liên tiếp những bộ của nền cộng hòa thứ IV mà DST chưa bao giờ bị trực tiếp liên lụy. Ngược lại, trong vụ án làm lộ bí mật quốc gia nổi tiếng, chính sự công hiệu của Roger Wybot đã làm thất bại âm mưu hèn nhát đánh vào bộ trưởng Nội vụ thời đó là ông François Mitterrand.

Những công việc chính trị hèn hạ

Ngược đời, chính cuộc chiến tranh Angiêri đã làm cho Wybot nguy hại. Việc tướng Đờ Gôn trở lại chính trường và chính sách Angiêri của ông đánh dấu bước ngoặt chủ yếu trong lịch sử ngành phản gián Pháp. Bước thứ

nhất, buộc người sáng lập ra DST phải ra đi, đó là đòi hỏi bởi cái cớ: "Thái hời như một kẻ gian ác", ông viết. Bước thứ nhì, áp đặt cho DST chức năng mới: chiến đấu chống Tổ chức Vũ trang Bí mật (OAS). Wybot không giấu nổi cay đắng của mình trước điều mà ông coi là tội lớn và thậm chí là một quyết định hoàn toàn bất hợp pháp: "Tôi đã xây dựng DST thành một tổ chức ưu tú trong cuộc chiến chống gián điệp nước ngoài, những tên phản bội tay sai của nước ngoài. Tôi không thể để cho DST trấn áp những người yêu nước không có những tư tưởng chính trị và dân tộc do Nhà nước đương chức đề ra".

Cuộc chiến đấu chống OAS đúng là đã làm nội bộ DST chia rẽ. Nhiều viên chức cũ chê trách những người đang cầm quyền về việc đi chệch hướng ban đầu, theo một nhiệm vụ mà DST phải dồn gần hai phần ba lực lượng trong một thời gian. Nhiều người cũng hiểu ra rằng kể từ đó, DST sẵn sàng làm bất cứ công việc hèn hạ nào về chính trị. Tâm lý chiến tranh lạnh thêm vào, việc trấn áp nhanh chóng chuyển sang các công đoàn, đảng viên cộng sản, hoặc những nhà chính trị xã hội chủ nghĩa. Một sự lệch hướng gây ra những vụ án cảnh sát xảy ra liên tiếp cho đến cuối những năm 70: vụ đặt máy nghe trộm tại tòa soạn báo "Con Vịt bị trời" năm 1973, vụ những cuộc sát hại ở Bretagne từ 1972 đến 1974 mà DST giật giây, hoặc vụ bắt giam kẻ tâm tình của Bokassa, nhà văn kiêm nhà báo Roger Delpey, hơn sáu tháng rồi phải tha. Khi luật pháp định kiểm tra, nó sẽ bị cái "bí mật quốc

phòng" ngăn chặn lại. Ông Jean Michel Bellorgey nhận xét: "Nấp dưới lý do đó trên thực tế chỉ mình DST quyết định chiến lược riêng của nó, quy chế hành nghề mà nó cho là tốt và tính hợp pháp của những quyền tự do mà DST phong cho mình để bảo vệ đất nước hoặc trong những vấn đề khác chẳng đáng khen với pháp chế và truyền thống cộng hòa "Tình trạng này không thể chấp nhận được." Đó là kết luận của phái viên của thủ tướng Pierre Mauroy.

Những phán xét dứt khoát đó cho ta suy nghĩ rằng phe tả sau khi thắng cử vào năm 1981 sẽ quét sạch cái cơ quan nổi tiếng xấu ấy. Tuy nhiên vị bộ trưởng Nội vụ đầu tiên Gaston Defferre không có ý định cách chức ai. Ông muốn quên đi những sơ xuất, những thất bại và những kế hoạch ám muội trong quá khứ. Ông giữ cục trưởng Chalet là người đã chỉ huy DST từ năm 1976. Việc này không làm cho ông Defferre phải tiếc, vì ông Chalet đã giữ vai trò chuyển tiếp một cách trung thành. Ông tin vào ngành phản gián, chức năng cơ bản của DST. Nhờ thế, ông không có điều gì phải chê bai khi sắc lệnh mới ra ngày 22-12-1982 quy định lại nhiệm vụ của DST theo phương hướng như sau: "Cục Kiểm soát lãnh thổ có thẩm quyền tìm kiếm và dự báo trên lãnh thổ nước cộng hòa Pháp những hoạt động do nước ngoài gợi ý, cam kết hoặc ủng hộ và có tính chất đe dọa an ninh đất nước và, nói tổng quát hơn, để chống lại những hoạt động đó. Với

danh nghĩa đó, DST tiến hành nhiệm vụ có liên quan đến quốc phòng."

Hồ sơ Farewell

Áp dụng nghiêm chỉnh tính chính thống, Marcel Chalet thực hiện một việc lúng lẩy với vụ Farewell. Vụ này phát hiện quy mô tai hại của thủ đoạn cướp đoạt có hệ thống bởi các nước Đông Âu những công nghệ mũi nhọn của phương Tây. Giữa hai vòng bầu cử Tổng thống năm 1981, các chuyên gia phản gián hiểu rằng những tiết lộ này sẽ làm thay đổi toàn bộ hệ thống tư duy của thế giới về tính chất của những kế hoạch Xô-viết, và về cách thức họ thể hiện những phát hiện đó về mặt kỹ thuật và ngân sách. Hoa Kỳ hết sức ngạc nhiên. George Bush đã nói với cục trưởng DST rằng: "Đây thực sự là lỗ thủng đầu tiên trên bức màn sắt". Những điều tiết lộ trong gần hai năm của điệp viên Xô-viết thân Pháp này cùng có một cách chắc chắn lập trường của Pháp trước nước Hoa Kỳ có ác cảm với Đảng Xã hội lên cầm quyền ở Pháp.

Bị lừa hay không, phe tả đã chọn cách không trực tiếp đánh các cơ quan bí mật. Thiết thời cho một số đảng viên Đảng Xã hội như các ông nghị Guy Malandain và Bernard Poignant khi các ông chất vấn công khai bộ trưởng Nội vụ ở Quốc hội ngày 1-3-1982 và ngày 7-10-1987 về vai trò thực của DST trong nhiều vụ ám sát giữa năm 1981 và 1987 bị quy cho Mặt trận giải phóng Bretagne. Những câu hỏi của những ông nghị đó cộng với những

tiết lộ của báo chí về việc DST can dự trực tiếp trong những vụ khủng bố. Marcel Chalet cho những đồn về vụ đó là kỷ niệm đau nhất của cuộc đời 37 năm trong nghề của ông.

Đối với ông chánh văn phòng Bộ Nội vụ Grimaud thì "nghề cảnh sát không phải lúc nào cũng được cảm tình. Đặc điểm của thủ trưởng một cơ quan là phải biết đâu là giới hạn... Vụ đó không to tát. DST có một chi điểm trong Mặt trận giải phóng Bretagne. Một hôm, những "anh bạn" của hắn yêu cầu hắn đặt một quả bom ở biệt thự của ông Francis Bouygues. Hắn phải xử lý như thế nào? DST dành để cho hắn đặt bom nhưng đã báo trước cho chủ nhà biết..." Ông Grimaud nhắc lại những sự giải thích, có lí và ôn hòa" của bản báo cáo của ông tổng thanh tra chính quyền Jacques Saunier là phái viên của bộ trưởng Nội vụ Defferre. Đọc xong bản báo cáo điều tra, ông Defferre quyết định không nghiêm trị. Dích thân ông kín đáo đến phố Rembrandt ở quận 16 để thông báo cho các viên chức DST rằng DST không bị trừng trị, chỉ cần "làm lại từ đầu". Đảng Xã hội hiểu rằng "Không cần cải tổ DST và do nó bị những kẻ đầu cơ chính trị lãng nhãng làm hư đi, nay chỉ cần uốn nắn là đủ". Đó là một nhiệm vụ vất vả của thủ trưởng mới của cảnh sát, ông Pierre Joxe.

Việc bỏ nhiệm ông gây ra tác động lo lắng trong hàng ngũ cảnh sát. Họ còn lâu mới là những phần tử tiến bộ, và họ cảm thấy việc một đoàn viên công đoàn CGT nay làm bộ trưởng Nội vụ như một đòn khiêu khích họ.

Tính thô lỗ của ông bộ trưởng lại càng không làm công việc chạy đều. Những trắc trở và chống đối sẽ không thiếu.

Đúng là phương pháp làm việc của tân bộ trưởng khác với người trước. Dưới thời ông Defferre, cục trưởng DST tự quyết định hoặc cùng với ông Grimaud quyết định những "chi tiết", nhưng đối với ông Joxe thì khó hơn vì ông này muốn kiểm soát tối đa. Hơn nữa tính triệt để tôn trọng pháp chế của ông cũng làm họ sợ. Chuyển ông đến thăm Ủy ban tin học và tự do quốc gia tàng thư của DST là có ý nghĩa. Bởi trong các thẻ có mục "chủng tộc", nhưng phải thấy rằng mục này cần cho DST biết rõ đối tượng là đen hay trắng chứ! anh cảnh sát bực tức kể lại với chúng tôi. Thế mà Joxe bắt chúng tôi phải bỏ từ "chủng tộc" và thay bằng từ "tộc người"!... Thực là không thể làm việc với vị bộ trưởng bắt bẻ từng li từng tí như thế được..."

Quan hệ giữa các giám đốc và bộ trưởng của họ hoặc nói rộng ra thể thức kiểm tra của cấp bộ đối với hoạt động của các cơ quan trực thuộc bao giờ cũng là chiếc chìa khóa ít nhiều quan trọng đối với hiệu quả của DST. Năm 1967, Jean Rochet nhận thấy từ khi ông nhận chức cục trưởng DST rằng "những quy tắc đều lờ mờ trong thực hành và nhiệm vụ càng nặng thì sự hướng dẫn càng ít rõ rệt hơn". Hai mươi năm sau, nhận xét này vẫn đúng. Đối với người này, các chính phủ không bao giờ nhìn thấy xa: "Họ chỉ yêu cầu báo cáo về tình hình vừa xảy ra, họ quản lý hiện tại". Đối với người khác, "rất hiếm có một con người bình thường, con người làm cục trưởng DST, đảm đương nổi quy mô to lớn của quyền lực và tri thức

của mình. "Việc ông Yves Bonnet ra đi là điển hình về tình trạng kể trên, một quan chức cao cấp giải thích cho chúng tôi như thế này: "Ông ta đã chỉ đạo điệp viên Farewell quá giỏi, nhưng chẳng bao lâu ông trở nên kiêu căng. Joxe đã thải hồi ông ta." Một quan chức khác phát biểu: "Cục trưởng phải móc chặt chân vào mặt đất để đừng tự coi mình như ông bộ trưởng..." Có người cũng nhận xét rằng thời gian công tác rất lâu dài trong DST và quan hệ của họ với nhiệm vụ chính, "cái vốn buôn bán của họ", tức là bảo vệ chống lại nguy cơ của các nước phương Đông, làm cho những viên cảnh sát đó thành "những con chó giữ nhà" đó là con chủ bài của họ trước bất kỳ tay "đàn độn" nào trở thành bộ trưởng. Vị phụ trách theo chủ nghĩa xã hội này khẳng định với chúng tôi: "Họ có thể khởi động bộ máy phản thông tin, nếu vị bộ trưởng mâu thuẫn với..."

Một cơ quan dưới uy thế

Thái độ ngờ vực tỏ vẻ căm khứa của các nhà chính trị đối với "kết cấu đen của cảnh sát" cất nghĩa phần lớn hiệu năng tương đối của ngành tình báo Pháp mà nhiều người tố cáo là dưới uy thế.

Phái tả chưa phải là phái đầu tiên nghi ngờ cảnh sát thông đồng với các cơ quan bí mật của Hoa Kỳ. Tướng Đờ Gôn cũng đã chê trách như thế. Tất cả các cục trưởng DST đều chưa khi nào phủ định mối quan hệ chặt chẽ của DST với CIA và FBI. Đó chỉ là sự trao đổi kinh

nghiệm hay là sự đầu độc thường xuyên, như nhiều người lãnh đạo chính trị suy nghĩ, đây là câu hỏi chưa được giải đáp. Nhưng trong mối quan hệ này có những diễn hình đặc biệt.

Khi xảy ra vụ Abdallah, giả định là tên trùm của Bộ phận Cách mạng vũ trang Libăng, người ta được biết rằng việc phát hiện nơi ẩn nấp của người Libăng đó bắt nguồn từ một tin báo của sứ quán Hoa Kỳ chuyển thẳng cho DST không thông qua bộ trưởng Nội vụ Pháp. Tuy nhiên DST đã cải chính tin đồn này.

Quan chức cao cấp này thừa nhận: "Cảnh sát DST đều gai gạnh, nhưng chúng phụ thuộc kinh khủng vào các bạn nghề Hoa Kỳ. Chúng tin rằng những tin báo chẳng có giá trị gì. Chúng ý lại vào những thông tin từ nơi khác đưa tới và chúng tin bởi vì tin đó do những con người như họ đưa tới..." Sự lo lắng này do lịch sử và cũng còn do tâm lý bị ám ảnh bởi nỗi kinh hoàng này: làm thế nào để cho tiềm lực của Liên Xô ở Pháp phải suy yếu đi?

Vấn đề này không phải là mới. Ông cục trưởng Rochet không phải là người đầu tiên, cũng không phải là người cuối cùng tố giác "sự khoan dung quá đáng" của Bộ Ngoại giao Pháp đối với "những nhà ngoại giao Nga". Trong cuốn hồi kí của mình, Rochet đã nhận định 60% nhân viên sứ quán Liên Xô ở Paris là nhân viên tình báo, sứ quán này có 200 nhân viên. Khi tính rằng biên chế sứ quán Pháp tại Matxcova chỉ bằng một nửa biên chế sứ quán Liên Xô, và DST chỉ có biên chế khoảng 2.000 người mà phải kiểm soát khoảng 1.800 nhân viên nước ngoài có quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, anh chàng cảnh sát say

sua này phát biểu "ta ở vào cái thế lấy đầu húc vào tường!" vậy giải pháp còn lại là trực xuất mà thôi.

Chủ trương chính trị như vậy có thể có những hậu quả ngoại giao nghiêm trọng. Chủ trương đó phải dựa trên lý lẽ nghiêm túc, mặc dù trên thực tế có thể chính phủ hoặc bộ trưởng Nội vụ đánh giá sai giới hạn hành động của mình còn lại khi DST trình lên một bản hồ sơ. Phần lớn trường hợp, hồ sơ này đã gần như kết thúc. Phe hữu cũng như phe tả không thể thoát khỏi khi bị đặt trước những việc đã rồi.

Sau cuộc trực xuất hàng loạt năm 1983 qua việc Farewell phát hiện Liên Xô cướp đoạt công nghệ của phương tây, tiếp đến là vụ gọi hỏi Bernard Sourisseau vào tháng giêng năm 1986 và việc buộc y tội "thông đồng với nước ngoài"; bốn sỹ quan Xô viết bị rút về nước vài ngày sau. Đọc hồ sơ vụ Sourisseau ta thấy hoài nghi các viên chức DST, nhưng mà các sen đầm Crossic chẳng bao giờ hiểu nổi anh chàng chủ nhà xe người Bretagne đó lại có thể trở thành gián điệp của phương đông nhanh chóng như vậy...

Ít lâu sau, vụ "gián điệp" tên lửa Ariane mà chúng tôi đã nêu rất kỹ gây ra một sự bối rối tương tự trong giới chính trị, họ ngạc nhiên thấy vụ này nổ ra chỉ cách vài tuần nữa thì ủy ban Pháp-Xô sẽ họp... Cũng tương tự, một hồ sơ gián điệp công nghiệp ở Marseille mở ra vào tháng mười 1988 khi khai mạc vòng họp của COCOM (Coordinating Committee on Export Control, Ủy ban phối hợp kiểm tra xuất khẩu), tổ chức tập hợp các nước trong khối Bắc Đại tây dương và Nhật Bản có trách nhiệm kiểm

soát việc xuất khẩu sang Liên Xô và các nước vệ tinh những vật liệu công nghệ cao cấp.

Trong hàng ngũ DST, dưới cái mặt nạ nặc danh, người ta thấy sự trắng trợn của phần lớn những vụ án gián điệp thỉnh thoảng làm trò cười cho thiên hạ chỉ nhằm không ngoài mục tiêu "tia bột" điệp viên Xô-viết và chu hầu bằng những việc trục xuất: "đúng là xuất phát từ những chi tiết đôi khi ta có thể dàn dựng nên những vụ án mà mục đích về lý thuyết là bảo vệ quyền lợi của quốc gia, dẫu rằng trong một cơ quan rất kín đáo, sẽ là ngu ngốc nếu một cảnh sát có đủ thông tin mà không biết sử dụng thông tin đó... Đúng, những phương pháp của chúng ta không phải bao giờ cũng là chính thống, nhưng làm sao dùng được những phương pháp dân chủ đối với những nước không phải là kiểu mẫu của nền dân chủ..."

Vậy Liên Xô chiếm vai trò ưu đãi trong số những kẻ thù của DST, và nhiều kế hoạch trong những năm gần đây đều chĩa vào những điệp viên cục X của KGB là đơn vị chuyên trách cướp đoạt công nghệ. Việc gọi hỏi vào năm 1983 nhà ngoại giao Andrei Pappé, sỹ quan KGB ở Paris, là một trong những thành tích của phản gián Pháp vì đã bắt quả tang "nhà ngoại giao" này hôm thứ sáu tại đường Salvador-Allende khi ông ta vừa mới mua một mẫu vật diện tử. Việc gọi hỏi này thực hiện được nhờ sự hợp tác của một nhà công nghiệp Pháp mà Pappé quan hệ trước đó mấy tháng.

Một vụ án điển hình của DST, và hoàn toàn hợp logic phản gián tấn công mà một cục phó DST tên là Désiré Parant đã xác định. Ông coi DST phải chủ động chứ không ngồi chờ gián điệp Xô-viết hành động, ngược

lại phải khiêu khích chúng, phải "thúc" (tamponner) chúng như tiếng lóng của DST, thậm chí đầu độc tin hoặc kéo chúng làm việc cho ta. Theo viên cục phó cũ của DST thì "Một cơ quan bao giờ cũng có một số vụ án đang đấu tranh. Trong vụ "Pappé và với những vụ án khác chống lại một số người Pháp, chúng tôi đã thành công như sau: 1) thực hiện một số vụ án; 2) tung được màn khói quanh việc trục xuất; 3) làm suy yếu khá nhiều tiềm lực của Liên Xô tại Pháp..."

DST vốn là một bộ máy phức tạp, nó có sự hiểu biết và quyền lực to lớn, kể cả quyền "đập tan và loại bỏ". Nhiều công dân Pháp và nước ngoài đã đối mặt với những phương pháp đáng sợ nhưng có hiệu quả của nó mặc dù họ không muốn. Hiếm ai có thể thoát khỏi cổ máy hoàn toàn được tiếp xúc bởi quyền xét xử mà đến hiện nay vẫn còn có nhiều ngoại lệ. Đối với một số người như ông Jean-Michel Bellorgey, đây là một tình trạng không thể chấp nhận được. Vị phái viên của thủ tướng Paul Maunoy đã viết trong bản tường trình của mình rằng "Một cơ quan trực thuộc Bộ Nội vụ, dù khuynh hướng cũng như những điều chỉnh đặc thù phát sinh bởi tính chất đặc biệt của nó ra sao, cũng không thể nào hoàn toàn thoát khỏi quyền chung của những việc kiểm soát đã được đặt ra để làm cho cảnh sát đáng tin trước con mắt của công dân đang ngày càng không sẵn sàng tin tưởng một cách mù quáng, và để phủ nhận những phương pháp không hợp với nhân quyền hoặc với một chính phủ dân chủ".

6

NHỮNG VIÊN GIÁM THỊ KHẮC NGHIỆT CỦA CHIẾC LỀU SẴN LỚN: CỤC BẢO VỆ AN NINH QUỐC PHÒNG (DPSD)

Ngày 21 tháng mười năm 1981, trong căn phòng làm việc rộng rãi có kính bọc thép nhìn xuống khu vườn tuyệt đẹp của tòa lâu đài Brienne, Charles Hernu đang làm việc và chờ đến giờ ông hẹn. Trên bàn giấy của ông như thường lệ hồ sơ chất đầy bàn, phải đến hàng chục hồ sơ đang xem xét... Bên cạnh ông là hệ thống truyền tin của chính phủ REGIS và một tổng đài mini điện thoại có số gọi đã được chương trình hóa trước: số điện thoại của các bộ trưởng Quốc phòng phương tây, của các bộ tổng tham mưu và của các đơn vị lớn trong bộ Quốc phòng Pháp, của giám đốc những báo lớn hàng ngày của Paris, cũng như số điện thoại của những chuyên gia quân sự của những

tờ báo đó mà đôi khi ông đã quen biết hàng hai chục năm qua; chưa kể đường điện thoại thẳng với dinh đốc lý Villeurbanne thân yêu của ông... Ông quan tâm đến mọi tin báo, ông muốn biết và ông sẽ cho đặt một đầu vào tin học Saphir của hiến binh tại phía sau chiếc ghế bọc nhung xanh của ông và đôi khi ông đề nghị những vị khách cho ông xem thẻ tình hình liên quan đến họ. Bấy giờ mới chỉ bắt đầu nhiệm kỳ của tổng thống Mitterrand, Charles Hernu đã trở thành vị chủ không thể tranh cãi được của vương quốc Bộ Quốc phòng của ông, ông vua của một thế giới mà ông đã mơ ước bao nhiêu lần.

Đường đi không phải không có khó khăn, trở ngại đối với ông. Việc tán thành chính sách rắn đe hạt nhân của Đờ Gôn mà ông khuyên đảng Xã hội nên theo - đôi khi thật là vất vả - mà được những người như Jean-Pierre Chevènement ủng hộ trong những năm bảy mươi, không có nghĩa rằng đảng của ông tán thành toàn bộ đường lối quân sự của Pháp. Trong số những cơ quan bị Đảng Xã hội từ cơ sở đến trung ương chống đối, đầu tiên phải kể đến các tòa án quân sự và các cơ quan tình báo quân sự. Trong cương lĩnh chung về chính phủ cánh tả năm 1972 các đảng xã hội, cộng sản và cấp tiến phái tả, một trong những điều khoản đã chẳng nêu ra là "sẽ giải tán SDECE (tổng cục tập trung tài liệu nước ngoài và phản gián Pháp)" hay sao?

Trong số các cơ quan bí mật trực thuộc Bộ Quốc phòng đã bị dư luận bàn tán nhiều trong thập kỷ 70 đó là Cục An ninh quân sự mà thiên hạ gọi tên tắt nó là SM trong các giới quân nhân cũng như các đảng phái đã

dụng chạm đến nó. Một số đảng viên xã hội nhận định rằng sau khi François Mitterrand lên làm Tổng thống tự nhiên SM sẽ biến mất. Những đảng viên xã hội khác như Charles Hernu có lợi thế lớn đối với quân nhân tù khi nắm được bộ quốc phòng thì nghĩ rằng không cần giải tán SM, mà chỉ cần sắp xếp lại là đủ.

Tấn công vào. "kẻ thù bên trong"

Chẳng phải ngẫu nhiên mà Cục An ninh quân đội là vật đáng ghét nhất của các đảng viên xã hội năm 1981. Từ nhiều năm, nó đã bị coi như biểu trưng của việc vi phạm quyền công dân trong quân đội và mang tiếng xấu đối với phe tả và Liên đoàn nhân quyền. Đầu thập kỉ 70, tiếp theo những sự kiện tháng năm năm 1968, quân đội đã bị náo động rồi đến 1974 biến thành phong trào tranh cãi rất hăng hái và rộng rãi trong những lứa quân dịch xung quanh "lời kêu gọi của một trăm" và việc mọc lên hầu khắp nước Pháp những "hội đồng binh lính". Một phiên tòa vang dội ở Draguignan trong cùng năm đó xét xử những thanh niên đi nghĩa vụ quân sự đã tổ chức một cuộc biểu tình trong thành phố. Sau đó phong trào tranh cãi suy yếu nhưng một bộ phận lính nghĩa vụ ít nhiều vẫn còn tranh cãi trong suốt thập kỉ 70. Chính thời kỳ này có một số giới quân nhân thích đưa ra mối nguy hiểm đe dọa nước Pháp bởi cái gọi là "kẻ thù bên trong (nước Pháp)", mối nguy này cho phép cảnh sát ra tay và đặc biệt là An ninh quân đội đã ra tay một cách thẳng thừng.

Chẳng phải chỉ SM quan tâm đến "kẻ thù" xảo trá này. Nguyên tham mưu trưởng hải quân - và nguyên thủ trưởng các cơ quan đặc biệt -, đô đốc Antoine Sanguinetti kể cho chúng tôi nghe về cuộc đụng độ mạnh mẽ giữa ông và thủ trưởng SDECE về việc này: "Vào tháng bảy 1972, tất cả các tham mưu trưởng các binh chủng, trong đó có tướng André Biard - bên Lục quân - đã nhận được lời mời ăn cơm trưa của Alexandre de Marenches, tổng cục trưởng SDECE. Tất cả chúng tôi đã đến trụ sở SDECE và về hình thức ăn cơm trưa, đây là một cuộc họp nhận chỉ thị... Tướng Jeannou Lacaze, nhân vật thứ 2 của SDECE, tiến đến một chiếc bàn lớn để giải thích cho chúng tôi rằng SDECE là cơ quan được thành lập để công tác ở ngoài nước, nay đã được chuyển đổi để tiến đánh "kẻ thù nội địa". Nói cách khác, là đánh những người xã hội - cộng sản tại Pháp... Tôi có thể cho ông biết rằng không thể thế được, và sau vài câu trao đổi cay độc, bữa ăn trưa kết thúc trong không khí cũng khá lạnh nhạt. Kể ra từ đó tôi không bao giờ gặp lại Marenches nữa".

Trong những năm đó SM không ngồi chơi. Những lính nghĩa vụ tranh cãi về điều kiện làm nghĩa vụ quân sự của họ đều bị truy nã dưới những hình thức đôi khi không thể chấp nhận được, họ bị khám xét, bị giám sát ngay trước mặt trong doanh trại, không được tiếp luật sư, vv... Những dân thường ủng hộ họ, ví dụ phân phát truyền đơn trong các nhà ga cho những binh lính nghỉ phép, cũng đều bị ANQD lập biên bản. SM trong suốt những năm đó đóng vai động lực trong chính sách tích cực trấn áp các ủy ban binh lính. Người ta cũng chê trách SM đã

tiến hành điều tra dư luận về các nhân viên dân sự của Bộ Quốc phòng: trong một quyển sách công bố năm 1981 bởi Liên đoàn nhân quyền tổng hợp những lời trách mắng SM, các tác giả phẫn nộ về việc SM quá quan tâm đến những hoạt động công đoàn và chính trị của công nhân các binh công xưởng hoặc các doanh nghiệp dân sự liên quan đến quốc phòng.

Liên đoàn nhân quyền trong đại hội tại Lille năm 1981 đã xúc động vì những lời tố cáo SM đi trệch về cục hữu. Các chuẩn úy của trường Saumur khẳng định khi phong quân hàm cho họ, nhà trường đã giải thích những nghĩa vụ của cán bộ quân sự dựa vào những bài viết của đại úy Sergent, cựu chỉ huy cái tổ chức OAS đáng buồn, sau ông này được bầu làm nghị sĩ trong danh sách của Mặt trận Dân tộc (chính đảng cục hữu Pháp) vào tháng ba năm 1986. Trong bối cảnh đó, Liên đoàn phản đối việc SM điều tra an ninh khi xét tư cách những người làm nghề liên quan đến quốc phòng: "Từ lâu, SM đã lợi dụng quyền hành này để loại bỏ những nhân viên mà họ cho là không tốt về chính trị".

Ngay các sỹ quan cấp tướng cũng không thoát khỏi sự quá nhiệt tình của SM: trước năm 1981, SM rất thích ghi chép những quan hệ bị coi là nguy hiểm của nhiều tướng lĩnh chỉ huy các quân chủng quan trọng nhất của đất nước có quan hệ với Charles Hernu - và những vị khác - nhân danh sự cần thiết phải thông tin cho lãnh tụ phe đối lập những vấn đề quan trọng của quốc phòng. Sau năm 1981, sự vật quay ngược trở lại, cách làm tiếp tục theo hướng khác, và một số thủ trưởng quân sự phải

tránh SM khi họ muốn gặp gỡ những thủ lĩnh của lực lượng đối lập phái hữu. Tốt hơn là họ làm theo cách: khi viên trưởng tham mưu đã từng trải qua nhiều trận chiến và tự cho là một đại quân nhân muốn xin một cố vấn có ảnh hưởng của Hernu để gặp một người lãnh đạo đảng Tập hợp Nhân dân Pháp, ông không được cấp phép! Những vị tướng khác không cần xin phép.

Ngày 17-12-1979, một nghị định của Bộ trưởng Quốc phòng Yves Bourges, đã quy định lại nhiệm vụ của An ninh quân đội và xác định trong điều 2: "Cục an ninh quân sự là cơ quan chuyên môn của các cấp chỉ huy nhằm giúp các cấp bảo đảm được việc bảo vệ con người, thông tin, tài liệu, khí cụ và các công trình chống lại sự can thiệp và âm mưu lật đổ mọi loại." Vài tuần lễ trước, cuộc tranh luận tại Quốc hội xem ra gay gắt: cộng sản yêu cầu bãi bỏ trong ngân sách các khoản chi để trang bị phương tiện tin học... Chính thời kỳ này, cuối 1979, hội Quyền và tự do trong quân đội yêu cầu nghị viện điều mà họ nghĩ về SM. Ông Hernu đã trả lời nhân danh đảng Xã hội: "An ninh quân đội đối với chúng ta là một tổ chức rất nguy hiểm bởi vì nó ít bị kiểm tra và ngày càng hay tiến hành điều tra đụng chạm đến đời tư con người, ít khi liên quan đến vấn đề quốc phòng, đi ngược lại với những quyền lợi được công nhận của công dân... Cần xem xét lại toàn bộ cái cơ quan này, xác định lại các nhiệm vụ của nó..."

Nếu người ta phải công nhận công tác quốc phòng là đặc thù, thì không được để cho cái đặc thù đó bị dùng làm cái cớ cho những hành động mà người ta hiện nay

được biết. Đó là ý nghĩa của những đề nghị của chúng tôi".

Khi ông Hernu "tỉa bới" An ninh quân sự

Ngày 21-10-1981 sau khi nhận chức bộ trưởng Quốc phòng, ông đã triệu tập tướng Michel Jorant, cục trưởng cục An ninh Quân sự, để thông báo về ý định của ông. Viên tướng dự kiến cuộc gặp này sẽ sóng gió, mình phải bám chắc lấy chiếc ghế mới được. Trong quân đội, thế ngồi này được gọi một cách hình ảnh là "đi qua hình bình hành". Một trong ba sĩ quan tùy tùng vất vả theo ông bộ trưởng từng giờ, đẩy khê hai cánh cửa buồng giấy, do dự giữa khiếp sợ và lòng can đảm. Charles Hernu liếc nhanh qua đôi kính hình nửa vành trăng chiếc thẻ đề tên vị khách do sĩ quan hầu cận trình lên: "Mời ông khách vào"... Mào đầu rất gọn theo thủ tục của phép lịch sự, rồi bộ trưởng vội làm yên lòng vị khách: SM sẽ tồn tại, nhưng sẽ tiến hóa theo một hướng thích hợp để làm dịu bớt nhiệt tình đấu tranh của những người bạn xã hội chủ nghĩa của ông.

Chuẩn xác hơn, sẽ thay tên gọi của SM - điều này chẳng có gì quan trọng - và những điều kiện vận hành của nó. Nó sẽ đổi tên thành Cục Bảo vệ và An ninh quốc phòng, và một nghị định của Hội đồng bộ trưởng sẽ quy định những quyền hạn mới của nó. Thế là rõ ràng, thẳng thắn và chuẩn xác, và viên tướng có thể ra về ngay đến trụ sở của mình tại quảng trường thánh Thomas-d'Aquin,

cạnh Bộ Quốc phòng, để thông báo lại nội dung cuộc gặp gỡ cho các cộng sự của ông. Sáng hôm sau Bộ Quốc phòng ra thông báo chính thức sự thay đổi đó và xác định rằng các cuộc điều tra của cái cục mới "sẽ không căn cứ vào con người mà chỉ căn cứ vào những mục tiêu mà ta cần bảo vệ". Ngoài các tuyên bố chính thức, ý chí tượng trưng là rõ ràng, điều mà ngay hôm đó các cộng sự của bộ trưởng xác nhận: "Cần đưa vào quân đội một tâm lý khác biệt."

Giống như nhiều lĩnh vực khác, sự đối mặt với thực tế của chính quyền như thế đã làm giảm bớt nhiệt tình cải cách khi còn ở trong phía đối lập. Thu 1981, ngay khi Đảng Xã hội vừa nắm chính quyền nhưng đảng ngày vẫn chưa rõ bỏ được ý nghĩa rằng phái quân sự có thể sẵn sàng dùng vũ lực để bác bỏ kết quả cuộc tổng tuyển cử, yêu cầu xóa bỏ An ninh quân sự hoặc thay đổi cơ bản cơ quan này rõ ràng đã bớt thúc ép. "Tia bớt" SM là đủ, đó là nhận định của văn phòng bộ trưởng, một thứ chần chừ SM không cho nó đụng chạm quá gần xã hội dân sự, nhưng vẫn cho nó tự do tiến hành điều tra những gì cần thiết về nhân viên dân sự và quân sự của Quốc phòng. Tất nhiên không cần công khai nói ra, nhưng kết quả của những cải cách là rõ ràng và giới quân sự không nhầm lẫn đâu: năm 1981, An ninh quân đội chỉ thay có cái tên mà thôi...

Ngày 20-11-1981 Charles Hernu mới ký nghị định thành lập Cục Bảo vệ và An ninh Quốc phòng (CBVANQP) nghị định này còn quy định sự hoạt động của SM bảy năm tiếp theo. Chẳng có cái gì thật sự là mới, chỉ biến

mất nhiệm vụ đấu tranh chống "những sự can dự" và những "âm mưu lật đổ", khái niệm quá lơ mơ và không chuẩn xác về mặt pháp lý để chính quyền mới có thể chấp nhận. Kết luận, cục Bảo vệ và An ninh quốc phòng vẫn là "cơ quan của bộ trưởng quốc phòng dùng vào việc thực hiện trách nhiệm của mình là bảo vệ và an ninh cho nhân viên, thông tin, vũ khí và công trình quan trọng (điều 1). "Nghị định cũng dự kiến rằng CBVANQP" góp phần đảm bảo việc bảo vệ những người được tiếp xúc với những tin tức cần bảo vệ hoặc vào những khu vực, những vũ khí hoặc công trình quan trọng "(điều 3). Cục đó có trách nhiệm tham gia kiểm soát việc buôn bán dụng cụ chiến tranh, và phối hợp các biện pháp cần thiết để bảo vệ tình báo, mục tiêu, tài liệu hoặc phương pháp liên quan đến quốc phòng, trong nội bộ lực lượng vũ trang hoặc các cơ quan phụ thuộc cũng như trong các doanh nghiệp có thị trường được xếp loại quốc phòng" (điều 4).

Để tiến hành được những hoạt động đó, CBVANQP giữ nguyên tổ chức cũ của Cục an ninh quân sự theo một nghị định của Charles Hernu ký ngày 18-3-1982. Bộ tham mưu của Cục này gồm có một cục phó và bốn sỹ quan cấp cao do bốn quân chủng biệt phái sang (lục quân, không quân, hải quân và hiến binh). Ngoài ra có một viên cảnh sát chịu trách nhiệm chỉ đạo một "phòng liên lạc" để phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan cảnh sát. Ở Paris, CBVANQP có năm phòng: phòng 1 phụ trách về các trình tự tố tụng về việc làm cho đủ tư cách (1) và việc "bảo vệ nhân sự", nghĩa là điều tra về an ninh nhằm

(1) Điều tra đủ tư cách tiếp cận các bí mật quốc phòng (LND)

cho phép các quân nhân và một số người dân sự được tiếp xúc với những tin tức bí mật. Phòng 2 "tham gia vào việc phòng ngừa và phát hiện các vi phạm về an ninh quốc gia" và phòng ba xác định các quy định cần thiết cho việc bảo vệ bí mật. Phòng 4 giữ vai trò chủ yếu: nó tham gia vào việc kiểm soát và trấn áp nạn buôn lậu vũ khí: chính phòng này đã báo cáo kịp thời cho tướng Armand Wautrin, cục trưởng CBVANQP, về vụ hăng Luchaire bán vũ khí cho Iran qua cảng Cherbourg. Phòng 5 phụ trách bảo vệ bí mật của các xí nghiệp công nghiệp làm cho Bộ Quốc phòng.

Tổ chức "chủ chốt" này còn được bổ sung bằng cơ cấu tổ chức theo lãnh thổ ở chính quốc cũng như ở các tỉnh hải ngoại của Pháp: trên đất Tây Đức cũng có mặt CBVANQP trong đạo quân của Pháp đóng tại đây để theo dõi đặc biệt những hoạt động của "các nhà quan sát" Xô-viết, và trên các nước khác ở những nơi có quân đội Pháp đóng. Trong những nước này do các cơ quan an ninh đối nội và đối ngoại đôi khi yếu kém, CBVANQP - thường phối hợp với DGSE - chịu trách nhiệm nặng nề về phản gián. Tại nước Pháp, CBVANQP có mặt tại các quân khu, hải quân hoặc không quân, tại các sư đoàn, các xí nghiệp công nghiệp lớn làm cho Bộ Quốc phòng. Trong những cơ quan quan trọng nhất, các chuyên viên quân sự về tình báo hoặc phản gián còn được tăng cường bởi các cảnh sát của DST được biệt phái lâu dài sang CBVANQP.

Trong mỗi đơn vị quân sự (trung đoàn, căn cứ không quân, tàu chiến, vv), một sỹ quan "an ninh" - thường là viên chỉ huy phó - phụ trách quan hệ với CBVANQP. Giao thiệp với các cấp địa bàn của cơ quan, viên sỹ quan

này có trách nhiệm báo động về những "phần tử nghi vấn" trong đơn vị của mình hoặc ở xung quanh, giám sát những đối tượng được thông báo và tổ chức bảo vệ những địa bàn mình phụ trách. Về phần mình, cán bộ địa bàn của CBVANQP thử nghiệm các biện pháp an ninh và bảo vệ do các đơn vị chỉ định, và tìm cách thử thách những đơn vị buông lỏng cảnh giác.

CỤC BẢO VỆ VÀ AN NINH QUỐC PHÒNG VỚI VỤ LUCHAIRE

Bản báo cáo của tổng thanh tra quân đội Jean-Francois Barba về vụ Luchaire mà tờ Express (ngày 16-1-1987) đã viết về nội dung, rồi tờ Le Figaro (ngày 2-11) đã đăng điểm chủ yếu, cho chúng ta biết rõ phương pháp của CBVANQP can dự vào việc kiểm soát xuất khẩu vũ khí. Trước khi vụ án này được tờ La Presse de la Manche đưa ra công khai vào tháng giêng năm 1986, thì từ ngày 25-1-1984 CBVANQP đã bắt đầu chú ý đến việc hăng Luchaire xuất khẩu bất hợp pháp vũ khí sang Iran và đã báo cáo lên bộ trưởng Charles Hernu. Ngày 6-11-1984, đại tá Marc Allamand, trưởng "Phòng mật" phụ trách liên lạc giữa văn phòng bộ trưởng với các cơ quan tình báo, nhận được một báo cáo của DST về việc buôn lậu này và đại tá đã chuyển bản báo cáo đó cho CBVANQP. Cục này đã quyết định thủ

tục tổ tụng áp dụng: trong nhiều tháng, Luchaire đã xuất sang các địa chỉ ma (Bồ đào nha, Braxin, Ixraen, vv) các vũ khí nhưng thực ra là xuất sang Iran cả chuyển tàu đầy. CBVANQP tham gia vào Hội đồng nghiên cứu xuất khẩu dụng cụ chiến tranh, đã tranh thủ Hội đồng này từ nay không cấp giấy phép cho Luchaire xuất khẩu nữa. Tác giả bản báo cáo viết rằng "CBVANQP đã hoàn thành nhiệm vụ".

Ông đưa ra câu hỏi chủ yếu về vụ này: "Văn phòng bộ trưởng quốc phòng liệu có che chở và giúp đỡ Luchaire xuất khẩu sang Iran hay không?" Ông tổng thanh tra quân đội không trả lời rõ ràng. Không phải vì thế mà ông không nhận được hai chứng cứ nặng cân: chứng cứ của đô đốc Lacoste, tổng cục trưởng DGSE khi xảy ra sự việc, chứng cứ này cho đô đốc biết rằng ông Jean-François Dubos, viên cố vấn quan trọng nhất của bộ trưởng, đã nói với đô đốc rằng: "Không thấy thì không bắt". Nhưng cục trưởng CBVANQP, tướng Wautrin, còn nói rõ ràng hơn: năm 1984, khi ông Dubos yêu cầu viên tướng này "bỏ qua" việc này đi, ông Dubos còn nói thêm: "Ông biết đấy, hăng Luchaire cung cấp ngân sách cho đảng Xã hội đấy". Tuy viên tướng sau này đã chối trước ông dự thẩm Michel Legrand rằng mình đã nói như thế, nhưng lời chứng đó vẫn ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển của vụ án.

Hàng triệu thê

Sự chi phối của CBVANQP trong quân đội thật là lớn, và quyền hạn tiến hành điều tra của nó là không có giới hạn, kể cả nghe trộm điện thoại. Trục thuộc bộ trưởng Quốc phòng, cục này có thể tiến hành nhanh chóng những yêu cầu điều tra gửi đến cục nhưng tiến hành theo ý của mình. Vũ khí tuyệt đối của cục này là việc rút "tu cách". Không được phép tiếp xúc với những thông tin "bí mật quốc phòng", và những tài liệu đóng dấu đỏ, một sĩ quan có thể phải đổi nghề ngay tức khắc, và một viên chức dân sự có quan hệ với bộ quốc phòng không thể hy vọng có được một chức vụ phụ trách nữa. Số lượng việc điều tra an ninh về tu cách mà cục này tiến hành hàng năm không được công bố, nhưng cũng phải lên đến hàng nghìn. Những cuộc điều tra đó có nghiêm túc không, có dựa trên những tiêu chuẩn khách quan không? Thông tin chưa đủ để có thể đưa ra ý kiến, nhưng các giấy tờ mà người xin việc phải xuất trình khi xin đủ tu cách ngày nay vẫn giống như ngày xưa: người xin phải trình CBVANQP căn cước, nghề nghiệp và địa chỉ toàn bộ thân nhân và của vợ (hoặc chồng), thống kê tất cả những chuyến ra nước ngoài để du lịch, làm ăn từ 10 năm lại đây.

Và không có quyền hỏi xem những thông tin đó sẽ được dùng vào những việc gì,...

Sức mạnh của CBVANQP chính là nó có trí nhớ và tính kiên nhẫn. Trên hàng triệu hồ sơ của nó bao giờ

cũng có điều lý thú, dù do "vắng mặt, chống lại một nhân vật nào đó, thậm chí một thành viên của chính phủ hoặc của một văn phòng. Cũng vì thế mà có những chuyện xoi mói ghê gớm tồn tại trong "cộng đồng tình báo" với một sức mạnh dai dẳng, đối với một trong những thành viên chính phủ Michel Rocard bị coi như điệp viên ẩn nấp của Liên Xô. Chẳng cần cứ vào những "hồ sơ" chuẩn xác những tin đồn đó chỉ cần cứ vào sự thiếu vắng trong hồ sơ Pháp mọi tài liệu, mọi quan hệ, những tình tiết phụ xảy ra đối với vị bộ trưởng này trong cuộc sống lâu ngày trong một nước phương Đông khi ông còn nhỏ. Đối với CBVANQP, cũng như DST và DGSE, hồi trẻ sống tại phương Đông và không va chạm gì với chính quyền sở tại, là một "chứng cứ" không thể chối cãi được là người đó đã bị "nắm" và hai bên đã thông đồng với nhau rồi...

Khi ông Paul Quilès lên làm bộ trưởng quốc phòng vào tháng 9 năm 1985, sau vụ Hòa bình Xanh, một điều không may đã đến với một trong những cộng sự của bộ trưởng: khi ông Quilès chuyển cho văn phòng quân sự của ông tên những quan chức dân sự mà ông dự định đưa vào làm cộng sự của ông, thì vị trí thúc trẻ và xuất sắc đó đã bị tướng Jean Deiber, cục trưởng CBVANQP, chú ý và báo lên bộ trưởng sự nghi ngại của mình bởi vì vị thanh niên trí thức đó đã bị xếp vào loại "tích cực chống quân phiệt" khi vị đó làm nghĩa vụ quân sự cách đây mười lăm năm; chàng đảng viên xã hội xuất sắc đó không được xếp vào loại có đủ tư cách tiếp cận bí mật quốc phòng để làm việc trong văn phòng của Paul Quilès khiến cho vị

bộ trưởng này buộc phải chuyển anh ta sang cơ quan khác...

Cuộc chiến đấu mờ ám.

Trong Cục Bảo vệ An ninh Quốc phòng có Phòng Điều tra là giới giữ bí mật vì họ giấu rất kín các hoạt động của họ cho nên báo chí chưa hề đề cập đến "Phòng điều tra" như những người am hiểu thường gọi, có chưa đầy 50 sỹ quan và hạ sỹ quan được lựa chọn trong các binh chủng, trừ hiến binh: theo viên sỹ quan đã tình ngộ thì "Hiến binh quá quen hoạt động với Bộ Luật hình trong tay cho nên không thể hoạt động được trong một cơ quan như thế". Phòng Điều tra, đó là đơn vị làm những việc bẩn thỉu: điều tra về những thói quen mờ ám của một vị đại tá chờ đề bạt lên cấp tướng mà người ta đã chụp lên được những bức ảnh ở những nơi vị đó không ngờ; lục soát trộm nơi ở của một quân nhân bị nghi là đã tổ chức lấy bí mật hoặc đã tỏ ra biết quá nhiều bí mật; theo dõi một đoàn viên công đoàn bị nhận xét là quá tích cực trong công xưởng quốc phòng; vv. Tất cả những tài liệu điều tra này đều tập trung về kết cấu của một trong những người biết nhiều tin tức nhất tại Pháp: đó là tướng cục trưởng CBVANQP. Sớm được đề bạt, khi thôi làm cục trưởng CBVANQP, có được ít năm mới giải ngũ, viên tướng này đôi khi dùng những thông tin đó để leo lên cao nữa trong quân đội.

Sức mạnh của một tổ chức cảnh sát như thế phục vụ cho quân đội liệu nó có thực sự thông tin cho chính phủ - chức trách ghi trong các văn bản pháp lý - một cách hoàn toàn khách quan, mà không tìm cách bao che cho quân đội không? Về nguyên tắc, vấn đề này không nên đặt ra. Trên thực tế, lại khác hẳn, những ví dụ mới đây chứng tỏ CBVANQP thường hay theo cái lôgich riêng. Vì thế mà tháng năm năm 1988, sau khi hai tờ báo đăng những tin tức xuất phát từ hiến binh về những cuộc hành quân vào động Ouvéa tại Tân Calêdôn (1) tướng hiến binh Pierre Devemy, cục trưởng CBVANQP từ 1-10-1987, theo yêu cầu của bộ trưởng quốc phòng, đã phải điều tra xem ở đâu đã để lộ những tin tức như thế. Từ lúc đầu, bản báo cáo điều tra của cục trưởng đã cáo giác phủ tổng thống và nói đúng hơn là một cố vấn của Tổng thống, ông Edgar Pisani; dù thế nào đi nữa đó là nội dung báo cáo gửi bộ trưởng quốc phòng Chevènement ngày cuối tháng sáu 1988, đến phủ tổng thống ngày 4 tháng bảy. Thực tế làm lộ lại chính từ trong nội bộ cơ quan hiến binh, ở cấp lãnh đạo binh chủng này mà CBVANQP hỏi đó thấy không có ích lợi gì để phải điều tra. Một sỹ quan thuộc bộ tư lệnh hiến binh có lẽ đã cung cấp cho tờ Paris-Match những bức ảnh do hiến binh thuộc Đội nhảy dù đặc nhiệm của hiến binh quốc gia chụp được trong cuộc tiến công đó.

(1) Đây là vụ quân Pháp tấn công vào bộ chỉ huy Mặt trận Giải phóng người Céná; ở Tân Calêdôn (LND) năm 1988.

Những cơ quan khác được tăng thêm biên chế hàng năm khá nhiều, nhưng CBVANQP thì không được tăng. Qua những báo cáo ngân sách hàng năm gửi lên quốc hội - nguồn tin duy nhất về mặt này - cho thấy ngân sách của cục đó không thay đổi. Năm 1981, biên chế của nó có 1630 người (270 dân sự), đến 1987 chỉ nhích lên 1666 (295 dân sự). Năm 1981, Charles Hernu muốn thay đổi nên hoãn một số dự án đầu tư cho CBVANQP: cục này xin gần 8 triệu quan để mua trang thiết bị cho năm 1982, bộ trưởng chỉ duyệt có 4,3 triệu quan, chưa cho mua máy vi tính và nhất là phần mềm để thay thế thủ công, vì muốn cục này trang bị bằng hàng của Pháp. Biện pháp này không gây ảnh hưởng gì lớn, chỉ vài năm sau, cục đã giải quyết xong. Việc Jacques Chirac và bộ trưởng André Giraud lên nắm chính quyền đã giúp cho ngân sách của cục này nhảy vọt từ 7 triệu quan năm 1986 lên 19 triệu quan năm 1987 (tăng 171%) chủ yếu để mua trang thiết bị tin học.

Rất hiệu quả, rất mạnh mẽ, và rất bí mật, CBVANQP mà giới quân nhân vẫn cứ gọi là SM mặc dù nó đã đổi tên từ 7 năm, tiếp tục vẫn làm người ta sợ. Trong hoàn cảnh không còn được can thiệp vào xã hội dân sự, CBVANQP từ nay bị giới hạn trong vai trò một cơ quan an ninh nội bộ, nhưng với những quy mô và quyền lực do tầm vóc đồ sộ của quân đội mà nó phải bảo vệ quy định.

NHỮNG QUAN CHỨC CỦA BÍ MẬT QUỐC GIA: TỔNG VĂN PHÒNG QUỐC PHÒNG (SGDN)

Ngày 21-11-1984, tin tức nói toáng lên: tờ "Giải phóng" dưới ngòi bút của chuyên gia châu Phi tên là Pierre Haski, tiết lộ rằng một báo cáo mật của Tổng Văn phòng quốc phòng đã trình lên Tổng thống Mitterrand các chi tiết về sự có mặt của quân đội Libi ở phía bắc nước Sét: 3.000 lính, 57 xe tăng, 7 máy bay lên thẳng và vô số tên lửa. Sở dĩ tin này gây ra bê bối như vậy là vì ngày 15-11 - chưa đầy một tuần trước, tổng thống Pháp đã gặp nguyên thủ nước Libi là đại tá Kadaphi tại Elounda, trên đảo Crète (Hi Lạp). Nội dung cuộc gặp: làm lễ kết thúc việc hai bên cùng rút quân ra khỏi Sét theo quyết định chung thỏa thuận ngày 18-9 trước đó.

Trong khi cuộc gặp được giữ bí mật đến giờ phút cuối cùng tiến hành với sự có mặt của thủ tướng Hylap Andréas Papandréou, thì cuộc luận chiến nổ ra dữ dội giữa người Pháp cho rằng Libi đã thành thật rút hết quân đội ra khỏi Sát với những người tố cáo Libi đã trắng tráo nói dối (đó là người Mỹ và người Sát). Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ là John Hugues bực mình nói: "Chúng tôi cùng dùng thông tin của chúng tôi với người Pháp, và hai nước chúng ta biết rằng phần lớn quân đội Libi vẫn còn đóng tại Sát cùng vũ khí của họ".

Tổng thống Sát Hissène Habré phát biểu: "Paris biết rằng quân Libi vẫn còn ở đó, và Paris có những chứng cứ như chúng tôi. "Quốc vụ khanh Bộ Ngoại giao Jean-Michel Baylet đưa ra những ý kiến ngược lại: 'Nước Pháp tin chắc chứ không căn cứ vào cảm tưởng, rằng Libi đã rút quân của mình ra khỏi nước này. "Và ngoại trưởng Claude Cheysson nói thêm: "Tôi chắc chắn rằng lực lượng Libi đã rút. "Vấn đề là - dù thực tâm hay không - những thành viên của chính phủ Pháp đã không nói sự thật, còn Hoa Kỳ và Sát nói đúng sự thật. Tại sao họ lại tin chắc quân Libi vẫn còn ở lại Sát? Đơn giản là các vệ tinh do thám của không quân và CIA đã chuyển cho Bộ Quốc phòng Mỹ những hình ảnh quá rõ ràng: trong những vùng mà Libi nói đã rút hết quân, người ta đã chụp thấy con người, xe tăng, tên lửa...

Một tiết lộ không phải lúc.

Theo ông Hugues, Paris hoàn toàn biết rõ, bởi vì bộ tham mưu liên quân do tướng Jeannou Lacaze chỉ huy đã nhìn thấy những bức ảnh này tại sứ quán Mỹ ở Paris, và đã thông báo cho các cấp trên liên quan. Nghĩa là thế nào? Như thường lệ: cho bộ trưởng Quốc phòng Charles Hernu, cho võ phòng của Thủ tướng Laurent Fabius, cho bộ tham mưu riêng của văn phòng quốc phòng, và cụ thể hơn là cho Nhóm thường trực nhận định tình hình (Groupe permanent d'évaluation de situation - GPES) để đơn vị này dùng làm báo cáo hàng ngày. Chính tướng Renthier đã có sáng kiến xuất bản báo cáo tuyệt mật này khi ông đang làm tổng thư ký Bộ quốc phòng: ông đã quyết định đánh giá sản phẩm của GPES bằng cách bắt đơn vị này xuất bản hàng ngày một bản tin lấy tên là "Các Điểm Nóng" phân tích tình hình các cuộc xung đột trên thế giới và sử dụng những tình tủy nhất về tình báo, tức là những "nguồn tin mật". Đó là những tin báo thô sơ hoặc báo cáo tổng hợp của DGSE và của các tùy viên quân sự, thám không, cả những hình ảnh do vệ tinh Mỹ chụp vô cùng chuẩn xác...

Vấn đề: Các Điểm Nóng đáng lẽ chỉ phân phối cho một số lượng rất hạn chế đối tượng nhưng từ nay đối với toàn Paris về chính quyền và nhất là về quân sự đó là biểu trưng bề ngoài của quyền lực đến nỗi như vị phụ trách cơ quan nhận xét nó đã trở thành "một biểu hiện

của tiện nghi như cái REGIS"; mỗi buổi sáng khi Các Điểm Nóng ra lò, các máy photôcôpi của Paris vội vã sao lại tài liệu làm say mê có dấu "bí mật quốc phòng" và như thế làm sao tránh khỏi làm lộ bí mật. Khi chính thức hóa tính giả dối của chính phủ Pháp là người đã cố ý nói dối vì đã nắm chắc được tình hình ở Sét, việc tiết lộ ngày 21-11 đã dòn chính phủ và phủ tổng thống vào thế rất nguy ngập nhưng cũng buộc phải trả miếng đích đáng.

Chánh văn phòng phủ thủ tướng Louis Schweitzer vung guom trừng trị. Ngày 12-2-1985, ông gửi một thư đập mạnh tổng thư ký quốc phòng, tướng Jacques de Barry, buộc phải ngừng xuất bản Các Điểm Nóng. Số lượng in ấn bản tin "chính thức - bí mật" này lên đến hơn hai trăm bản rồi từ ngày 22-11 theo lệnh của viên tướng đã rút xuống còn 15 bản. Ông chánh văn phòng phủ thủ tướng còn yêu cầu thủ trưởng Tổng văn phòng quốc phòng ra một Bản tin hàng ngày dựa chủ yếu vào các nguồn tin công khai, nghĩa là dựa vào các báo và hãng thông tấn dùng trong thương mại.

Ngay việc dùng các bức điện ngoại giao sau đó cũng bị hủy khi mà Tổng văn phòng quốc phòng (TVPPQ) đã không được tiếp cận các báo cáo quan trọng nhất của các đại sứ, mang tên là "thông điệp gửi bộ trưởng". Bức thư của Schweitzer gửi TVPPQ là bằng chứng của lòng ngờ vực nghiêm trọng đối với một trong những cơ quan chủ yếu của Thủ tướng do cơ quan này đã tỏ ra bất lực không giữ nổi các bí mật quốc gia được trao cho... Thực ra sự

ngờ vực này không mới mẻ gì: từ nhiều năm rồi, TVQP đã trở thành một bộ máy hành chính quá thừa và rất ít hiệu năng...

"Theo dòng thời gian, TVPQP đã trở thành một viên cuội kết. Ở Bộ Quốc phòng cũng như các bộ khác, người ta chỉ cử đến TVPQP những người vô tài. Một quy luật không thành văn dự kiến rằng người ta không được ở TVPQP quá 10 năm: một số cán bộ đã ở đó trên 15 năm..." Bình luận này - ngắn nhưng không đúng - của một quan chức chính phủ cao cấp phát biểu khi những tác giả hỏi vào tháng chín năm 1987 cho ta thấy rõ tâm trạng mọi người thời đó đối với TVPQP, cho dù sự cải cách chiều sâu, mà chúng tôi đã nói ở trên, đã tiến hành; vài tháng trước đó, một người thông thạo tình hình TVPQP tuyên bố với chúng tôi rằng: "Cần có một cú sốc điện cho cái cơ quan đó, cơ quan đó thực tế không tồn tại và không có quan hệ với bộ máy Nhà nước. Chính vì những lý do đó mà không một tình trường trẻ, nhà ngoại giao trẻ nào muốn làm việc ở TVPQP! "Những người có ác ý cho rằng cơ quan đó vẫn được nhà nước chi tiền, vẫn sống sót theo dòng thời gian đó chỉ là nhờ có một nhóm gây sức ép bao gồm các ông nghị, các thượng nghị sĩ, và những cựu quan chức cao cấp vốn là thánh giả của một trong những chi nhánh của nó là Học viện cao cấp quốc phòng. Chắc không phải như thế, nhưng tình trạng này đòi hỏi phải có một thứ thuốc mạnh lắm mới cứu chữa được.

Tâm thường, có thể làm tốt hơn!

Từ 1962 trực thuộc Thủ tướng như Tổng Văn phòng Chính phủ hoặc Tổng Văn phòng hội đồng liên bộ về hợp tác kinh tế châu Âu, Tổng Văn phòng Quốc phòng là một tổ chức quan trọng, đóng trụ sở tại lâu đài Invalides, biên chế năm 1986 là 665 nhân viên. Một chuyên gia lỗi lạc về luật dân sự mới đây đã viết rằng "sự tồn tại của TVPQP xuất phát từ một tư tưởng cộng hòa, một tư tưởng tốt đẹp: các vấn đề quốc phòng không chỉ là công việc của quân nhân và chúng phải đặt dưới sự kiểm tra của quyền lực dân sự. Hiến pháp đã nói rõ về điểm này!"

Vai trò của TVPQP sau khi đã được quy định rất đúng là nặng nề về nguyên tắc: chịu trách nhiệm tổ chức các hội đồng phòng vệ để xác định đường lối quân sự của nước Pháp, tổng hợp một phần sản phẩm của các cơ quan tình báo, giám sát việc xuất khẩu vũ khí và phụ trách văn phòng của CIEEMG (Hội đồng liên bộ nghiên cứu xuất khẩu dụng cụ chiến tranh: xem phần đóng khung ở dưới đây). Ngoài ra nó còn chịu trách nhiệm "giám sát về công nghệ" mọi ngành công nghiệp mũi nhọn, quản lý các phương tiện truyền thông của chính phủ, phối hợp chính sách phòng vệ dân sự và giám sát an ninh các hệ thống thông tin. Đó là những nhiệm vụ có tầm quan trọng to lớn không thể thỏa mãn bằng lề thói đã quen cũng như bằng sự yếu kém, hoặc càng không thể chấp nhận các thiếu sót. Thế mà chính những khuyết điểm đó đã bị một

bản báo cáo vạch ra vào tháng 11-1986, bản báo cáo "bí mật quốc phòng" này đã mô tả chi tiết sự vận hành đáng ngạc nhiên.

Sau vài tuần lễ lên làm Thủ tướng, Jacques Chirac đã đưa bản báo cáo nghiên cứu này cho bốn quan chức rất cao cấp được chánh văn phòng phủ thủ tướng Michel Roussin và viên cố vấn phụ trách TVPQP Jean Picq lựa chọn.

Tổng thanh tra tài chính Pierre Estéva, các tổng kiểm soát viên các binh chủng Jean Saint-Germain và Jos Mailloux, cùng thanh tra tài chính François Villeroy de Galhan bắt tay ngay vào công việc trong nhiều tháng kiểm tra một cơ quan hoàn toàn xa lạ đối với họ với những con mắt mới mà từ trước đến nay chưa từng có. Đọc báo cáo của họ với những phát hiện của đoàn thanh tra, chúng ta có cảm tưởng như đi lên cung trăng. Lọc đi lọc lại tất cả những chi nhánh của cơ quan này, họ đã rút ra những nhận xét rất nghiêm khắc.

Tại Phòng Phân tích và Đánh giá, tên mới của phòng Tình báo, đoàn nhận xét rằng hàng vạn "bản thông tin" nhận được của nhiều nguồn do 43 nhân viên "nghiên cứu" (trong đó có 35 sĩ quan) và 47 nhân viên "thừa hành" giúp cho việc thảo ra bản "thông tin hàng ngày" nổi tiếng và khoảng 200 bản báo cáo tình hình hàng năm. Sau khi đã so sánh giữa số lượng của loại nhân viên "nghiên cứu" (agent de conception) và nhân viên thừa hành (agent d'exécution) quá chênh lệch, đoàn viết thêm rằng: "Sản phẩm của phòng này tuy ở trình độ thường đáng tôn trọng nhưng rất ít đạt loại rất tốt". Đoàn không chấm điểm "tàm

tạm" cho Nhóm thường trực đánh giá tình hình, trực thuộc phòng này: "Có những bản nghiên cứu bên cạnh những bản tầm thường và lộn xộn. Chúng khổ vì thiếu những thông tri về truyền tin".

VIỆN NGHIÊN CỨU CAO CẤP QUỐC PHÒNG

Thành lập năm 1948, Viện nghiên cứu cao cấp quốc phòng tiếp nhận mỗi khóa dài một năm tám chục thính giả do đích thân Thủ tướng lựa chọn từ một danh sách do Tổng Văn phòng Quốc phòng dự kiến. Ngoài các khóa học cấp địa phương với thời gian ngắn hơn. Trong số thính giả của Viện, một phần ba là sỹ quan cao cấp do các binh chủng cử đi học đồng thời tham gia vào Trung tâm nghiên cứu quân sự do các bộ và các cơ quan nhà nước như Hội đồng Quốc gia, Tòa án Kiểm toán v.v... lựa chọn. Phần ba cuối cùng do khu vực tư nhân hoặc nửa công chia đều giữa những nhà công nghiệp, cán bộ các doanh nghiệp lớn, các công đoàn, các giáo sỹ, nhà báo và các nghị sỹ. Quy luật muốn rằng các chính kiến, tôn giáo, công đoàn, cơ quan báo chí viết hoặc nghe nhìn đều có đại diện, không sót một giới nào. Trong mỗi khóa học đúng là có một tỷ lệ cao về đại biểu, đặc biệt trong số đại biểu quốc hội, về tính nhạy cảm của Thủ tướng đương nhiệm khi chọn thính giả (Năm 1988, danh sách thính giả

của khóa học mở vào tháng chín đã đăng trên Công báo từ tháng tư, trước cuộc bầu cử Tổng thống, còn lúc bình thường danh sách được công bố vào đầu tháng bảy.) Trong năm học, các thính giả tập trung phân tích những vấn đề lớn về phòng vệ – của Pháp và của nước ngoài – và tổ chức những người cũ của họ, nó vận hành như một câu lạc bộ khép kín, còn có thể được giữ một vai trò quan trọng trong sự nhất trí bề ngoài trong nước Pháp xung quanh chiến lược răn đe hạt nhân. Tháng sáu năm 1988, bộ trưởng Nội vụ Pierre Joxe, cựu thính giả của Viện nghiên cứu cấp cao quốc phòng, đã tỏ ý muốn thành lập một học viện cao cấp nghiên cứu về an ninh, theo hình mẫu của Học viện cao cấp nghiên cứu quốc phòng, chuyên nghiên cứu những vấn đề an ninh đối nội./.

Việc kiểm soát bán vũ khí.

Cách đây vài năm, xuất khẩu vũ khí của Pháp đã giảm, nhưng riêng năm 1987 việc bán vũ khí vẫn đem lại cho nước Pháp 27,3 tỉ quan tiền đặt hàng. Chính thức theo luật ngày 18-4-1939, cấm mọi việc bán vũ khí và ai bán sẽ bị coi là vi phạm luật; Hội đồng liên bộ nghiên cứu xuất khẩu vật dụng chiến tranh theo dõi việc thi hành luật. Hội đồng này do tổng thư ký Bộ Quốc phòng chủ tọa.

theo sự "ủy nhiệm đặc biệt và đích thân" của Thủ tướng. Để ký được hợp đồng, các nhà công nghiệp phải tuân theo những quy tắc rất nghiêm ngặt và theo sự thoả thuận của các Bộ Quốc phòng, Ngoại giao và tài chính. Trong thời bình, Hội đồng liên bộ nghiên cứu xuất khẩu vật dụng chiến tranh cứ 15 ngày họp một lần và hàng tháng xem xét 400 hồ sơ. Hội đồng kiểm tra trước hết xem quốc gia mua vũ khí có nằm trong số nước bị cấm mua trong "danh sách đỏ" (ví dụ, từ lần bán cuối cùng – những tàu biển chạy rất nhanh La Combattante – cấm bán cho Iran: cũng từ năm đó cấm bán cho Chilê dụng cụ giữ gìn trật tự).

Nhà công nghiệp phải xin phép theo từng giai đoạn, đặc biệt trong giai đoạn thăm dò thị trường, đàm phán thương mại và tất nhiên khi ký kết cuối cùng. Trong hầu hết mọi trường hợp, Hội đồng áp đặt người mua những điều khoản không được tái xuất, địa điểm hàng đến theo hợp đồng cuối cùng của vũ khí do một tài liệu quy định, hợp đồng này có một điều khoản không tái xuất đảm bảo, và được gọi theo thuật ngữ quốc tế là "end use certificate". Việc theo dõi hàng ngày những thủ tục đó, và việc kiểm tra hiệu nghiệm là việc của Phái đoàn công việc quốc tế thuộc Tổng Phái đoàn vũ khí. Chính cơ quan quan trọng này của Bộ Quốc phòng do tổng công trình sư René Audran chỉ huy, ông này bị ám sát ngày 25-1-1985, do tổ chức Hành động Trực tiếp gây ra.

Phòng Khoa học và Công nghệ bị phê phán nặng nề: "Việc giám sát khoa học chủ yếu dựa vào báo chí chuyên khoa và vào nguồn ngoại giao, các tham tán khoa học của sứ quán, những đoàn kỹ thuật về vũ khí, các tùy viên quân sự, rất ít khi lấy nguồn từ các tài liệu của DST và của DGSE".

Thói kỳ quặc bí mật quá đáng đã bị công kích khi phổ biến bản tin hàng tháng của Phòng Khoa học và Công nghệ, giới hạn có 280 bản, vì bản tin này bị xếp vào loại "phổ biến hạn chế" cho nên không đến tay những người cần dùng nó như các nhà công nghiệp. Nhận xét nghiêm khắc: thực tế, TVPQP tán phát bản tin đó một cách rất mật cho vài nhân viên dù tư cách tiếp cận bí mật và được chọn lọc rất kỹ trong những doanh nghiệp lớn nhất. Để thay thế thái độ nhút nhát đó, bốn vị quan chức cao cấp đề xuất nên theo một cách mạnh dạn hơn, thông minh về chính trị và có lợi hơn về kinh tế đó là thương mại hóa bản tin khoa học công nghệ này: "Vì thiếu suy nghĩ về sản phẩm của mình và vì thiếu khả năng thu hút nhân viên có trình độ cao, TVPQP có nguy cơ đánh mất chủ bài là sự du nhập của mình vào thế giới công nghệ.

Một biên chế "quân sự quá đáng"

Tất cả những nhận xét ít nhả nhận đó chưa là cái gì so với những chê trách TVPQP về biên chế. Nhận xét rằng trên 670 nhân viên tính đến ngày 1-1-1986, 541 người là quân nhân do Bộ Quốc phòng cho sử dụng, chỉ có 3

người biệt phái của các Bộ Tư pháp, Ngoại giao và Nghiên cứu, bản báo cáo viết: "Tình hình phức tạp này làm cho TVPQP không ổn định, làm cho nó ít chú ý tiết kiệm nhân viên vì chẳng tốn kém gì. Tình trạng đó còn làm cho TVPQP phụ thuộc nặng nề vào Bộ Quốc phòng về mặt tuyển dụng".

"Nhận xét chung" của bản báo cáo giám sát tại phần kết luận giống như một trận tiến công bằng đại liên: "Đúng là TVPQP bản thân nó không cho ta một hình ảnh rõ nét mặc dù nó có nhiệm vụ phối hợp mà Thủ tướng trao cho. Tổ chức của nó thì phức tạp, ruộm rà, ít phù hợp với việc thực hiện quyền lực, việc gắn bó các mục tiêu, sự kết hợp chặt chẽ các phương tiện, việc tìm kiếm năng suất cao hơn. Nhiều lần liên tiếp các báo cáo viên đã ghi chép về những việc chia rẽ giả tạo, hoặc những sự trao đổi rời rạc giữa các bộ phận của TVPQP. giá trị của công tác bị ảnh hưởng khi mà TVPQP phải tự đặt cho mình bằng khả năng tổng hợp các quan điểm khác nhau, về chính trị, kinh tế, khoa học, mà từng bộ, tùy theo thẩm quyền, ít khi có thể cung cấp cho Thủ tướng."

Thật là căng, nhưng điều còn tệ hơn nữa là: "Quá đông, xem qua một số đơn vị quá thừa, quân sự quá đáng, chênh lệch quá: người hành động thừa, còn người nghiên cứu ít, về trình độ hiếm có người đủ năng lực để làm cho công việc được thật tốt, nhân viên của TVPQP với thành phần hiện nay không đáp ứng những đòi hỏi đối với một cơ quan được thúc đẩy bởi tinh thần chung, mà lý do tồn tại là phục vụ cho Thủ tướng thực hiện được một trong những trách nhiệm cao cả nhất của Thủ tướng". Biên bản

ghi nhận này đòi phải có những biện pháp hà khắc. Những biện pháp đã áp dụng liệu đã đủ chưa? Chỉ có tương lai mới trả lời được. Nhưng không ai có thể phê phán Jacques Chirac là đã chẳng làm cái gì cả!

Cuộc cải tổ năm 1987

Thủ tướng Jacques Chirac đã trao việc thực hiện những đề xuất của các báo cáo viên cho ông bộ trưởng Bộ Cải cách hành chính Camille Cabana. Bản báo cáo của Bộ Cải cách đã trình lên Thủ tướng ngày 23-1-1987 và các biện pháp cải tổ đã được công bố ngày 22-7, ít ngày sau khi bổ nhiệm tổng thư ký mới là tướng Gilbert Forray, nguyên tham mưu trưởng phủ tổng thống. Những quyết định đầu tiên cụ thể là bãi bỏ 7 siêu cố vấn của TVPQP và lập 4 phòng công tác (xem biểu đồ tổ chức kèm theo). Biên chế giảm hàng trăm người trước ngày 1-7-1988, và bỏ chế độ "để TVPQP sử dụng" nhân viên quân sự. Vậy TVPQP sẽ tự chọn nhân viên, dùng ngân quỹ của mình trả lương cho họ (237,48 triệu quan theo luật tài chính năm 1988)... Từ ngày 7-8-1987, một cuộc họp gần những biện pháp mới, và một bản báo cáo Quốc hội có thể ghi nhận đúng đắn rằng thời hạn cần thiết giữa ra quyết định chính trị về cải cách với thực hiện "là rất ngắn và có thể coi là một thành tích".

Chúng ta lướt qua phòng Quản trị chung do tướng François Estrangin lãnh đạo từ tháng 11-1987, để xem đến ba phòng mới lập còn lại: "Phòng Đánh giá và Tập trung

tài liệu chiến lược" do tướng Jean Ferrand đứng đầu. Tuy hoạt động của nó không bí mật và lý lịch của các nhân viên trong phòng từ dân sự đến quân sự đã công bố trên cuốn Bottin hành chính, ta phải thấy phòng này là một phòng tình báo, gồm có một Ban Liên lạc với những cơ quan đặc biệt như DGSE và DST, và sản xuất ra những báo cáo tổng hợp phục vụ cho Thủ tướng và những cấp lãnh đạo cao nhất của Nhà nước. Một Ban Đánh giá và Tổng hợp chiến lược gồm có ba tiểu ban: Kinh tế và dân số thế giới, các vấn đề khu vực và So sánh lực lượng Đông - Tây, đứng đầu là các sỹ quan cao cấp. Ban khác là Ban Phân tích và Tập trung tài liệu, tổ chức theo khu vực địa lý tương tự sự phân chia của DGSE hoặc của Trung tâm khai thác tình báo quân sự: thế giới phương tây, thế giới Xô viết, châu Phi/Trung Đông và châu Á/Thái bình dương. Ban này còn có Nhóm thường trực về tình hình, nơi sản xuất các Bản thông tin hàng ngày và những báo cáo đặc biệt, như bản báo cáo số 10254 năm 1986 nhan đề "Lực lượng li khai ở Surinam, khả năng liên can của Libi". Chính một bản báo cáo loại này nói về chiến tranh Iran-Irắc để thường kỳ báo cáo lên phủ Thủ tướng mà DST đã phát hiện vào năm 1987 trong hành lý xách tay của một cô thu ký của phủ Thủ tướng mang đi để trao cho người bạn trai là đảng viên phong trào siit Iran sống tại Đức...

Phòng quan trọng thứ nhì do kỹ sư hầm mỏ Michel Ferrier phụ trách từ tháng 7-1987: Phòng Khoa học và chuyển giao quan trọng. Phòng này có Ban Canh tuần khoa học và công nghệ trong đó có bộ phận nghiên cứu chung, các đơn vị khoa học đặc biệt (vật lí, tin học, vô

tuyển viên thông và dò tìm, vũ trụ, hạt nhân, năng lượng cao, hóa học và vật liệu, sinh học và vũ khí sinh học, hóa học) phải dùng các kỹ sư cao cấp. Cùng với một đơn vị tập trung tài liệu, nhiệm vụ của Phòng này là ghi vào danh mục tất cả tình hình liên quan đến lĩnh vực của mình ở trên thế giới, tất cả những xuất bản phẩm đăng trên các tạp chí đặc biệt, tất cả những thông báo công bố trong các cuộc hội thảo quốc tế. Nhiệm vụ là to lớn, hầu như không giới hạn, nhưng đôi khi sản xuất được những kết quả mà các nhà nghiên cứu của Pháp chưa biết đến. Năm 1987, gần 150.000 thẻ tình báo về các nhà nghiên cứu của các nước phương Đông đã được cơ quan này ghi chép hàng ngày. Hiệu suất của công việc này còn là tương đối vì phần lớn còn làm thủ công, mặc dù việc tin học hóa đang hoàn thiện vào năm 1988.

Việc kiểm soát các vật liệu quan trọng.

Ban kỹ thuật quan trọng và xuất khẩu cũng thuộc Phòng Khoa học và chuyển giao quan trọng: một tổ quản lý xuất khẩu vật liệu chiến tranh và phụ trách văn phòng CIEEMG (1), tổ khác quan tâm đến việc tăng thêm sinh lực và an ninh của vệ tinh và tổ thứ ba lo kiểm tra việc

(1) CIEEMG: Hội đồng liên bộ nghiên cứu xuất khẩu dụng cụ chiến tranh.

chuyển giao công nghệ và vật liệu nhạy cảm, cách nói thanh lịch nhằm che giấu việc tổ này phụ trách quan hệ với Hoa Kỳ và NATO về những công việc liên quan đến các hồ sơ của cơ quan rất bí mật COCOM và giám sát việc xuất khẩu liên quan đến hạt nhân. Do việc giám sát xuất khẩu vũ khí rất khó khăn nên TVPQP từ đầu năm 1988 phải trang bị những phương tiện tin học quan trọng để theo dõi chặt chẽ những hồ sơ chuyển giao vũ khí.

Trước cuộc bầu cử Tổng thống năm 1988, Jacques Chirac muốn lập một cấp duy nhất kiểm soát việc xuất khẩu vũ khí, hiện nay do ba cấp kiểm soát là CIEEMG phụ trách kiểm soát vũ khí cổ điển, CIR (Toán liên bộ hạn chế) phụ trách vật liệu nhạy cảm gắn với hạt nhân, và Ủy ban kiểm soát quản lý việc chuyển giao "khó khăn" quan hệ với COCOM. Cái "cấp duy nhất" ghi trong "bản ghi các quyết định của Thủ tướng ngày 16-7-1987 cuối cùng vẫn chưa trở thành hiện thực. Cũng Ban Kỹ thuật Nhạy cảm này kiểm soát để loại bỏ những nguy cơ do thám và liên hệ rất chặt với DST, việc hợp tác giữa các phòng thí nghiệm công nghiệp nhất là các trường đại học Pháp với các phòng thí nghiệm và trường của nước ngoài, những đơn xin thực tập của ngoại kiều tại các phòng thí nghiệm của Pháp.

Phòng thứ ba là Phòng Phương tiện Chính phủ, kế hoạch và an ninh (MPS) do tỉnh trưởng Jean Mingasson đứng đầu từ tháng 11-1987, quản lý một trong những hoạt động ít có tiếng của TVPQP: đó là các phương tiện truyền thông của Chính phủ. Chính TVPQP lo việc vận dụng các sở chỉ huy của Chính phủ tại các hầm ngầm ở Taverny

và Mont-Verdun gần Lyon, và quản lý trung tâm truyền tin của Chính phủ là hệ thống đặc biệt cho các sứ quán truyền tin về Bộ Ngoại giao, hoặc cho các tùy viên quân sự vì họ không dùng hệ thống riêng của Bộ Quốc phòng. Trung tâm truyền tin của Chính phủ hàng năm truyền trên một triệu bức điện. Cũng Phòng MPS có một ban quản lý các vấn đề bảo vệ dân sự và kinh tế và có một tổ an ninh bảo vệ làm việc cùng với DST và DPSD (Cục Bảo vệ và An ninh Quốc phòng).

Tổ Quy tắc và Nhạy cảm phụ trách việc thông tin cho các nhà công nghiệp và hiệu trưởng các trường đại học về nguy cơ do thám và cướp đoạt công nghệ phát triển trong cơ sở của họ. Phối hợp với DST, TVPQP đã tổ chức các cuộc họp nghe thông báo về vấn đề này thu hút một vạn rưỡi nhà chuyên môn.

Phụ thuộc vào phòng này có Tổ Xếp loại và Tư cách kiểm tra việc tuân thủ các thủ tục bảo vệ bí mật, và xét tư cách cho nhân viên được tiếp cận bí mật theo từng loại như nghị định 81-514 ngày 12-5-1981 quy định, tạo điều kiện làm việc cho nhân viên. Ở từng bộ, các quan chức cao cấp về phòng vệ có chức trách cùng với TVPQP và quân đội, nếu họ là quân nhân hoặc dân sự, quy định thứ bậc tư cách tiếp cận bí mật cho nhân viên trong bộ mình. Về vấn đề này, có điều lý thú cần ghi nhận là cấp bậc của nhân viên không trực tiếp liên quan đến tầm quan trọng của bí mật để quy định họ được biết bí mật. Vì thế trong các nơi có những bí mật cao nhất của Pháp, có võ phòng của bộ trưởng Quốc phòng, chỉ một mình viên tướng chánh võ phòng mới được biết vùng tuần tra của

các tàu ngầm hạt nhân tấn công hoặc của các tàu ngầm hạt nhân có tên lửa đạn đạo hạt nhân. Cấp trên của chánh văn phòng là chánh văn phòng bộ này không biết - và không có quyền biết - những bí mật sinh tử này. Không phải vì thiếu tin cậy, bởi vì ông chánh văn phòng bộ nằm trong số một nghìn người Pháp có đủ tư cách tiếp cận bí mật quốc phòng, nhưng đơn giản là ông đó không cần phải biết những bí mật không liên quan gì đến ông ta...

Những chức trách cuối cùng của Ban an ninh bảo vệ: quan hệ với NATO và liên minh Đại tây dương trong khuôn khổ các hiệp định quân sự COSMIC, và việc chuẩn bị các biện pháp an ninh xung quanh những công trình nhạy cảm rải rác trên khắp đất Pháp. Số lượng các công trình này hiện nay là khoảng 8 000 (3500 có kiểm soát thường trực) mà TVPQP chịu trách nhiệm phối hợp liên bộ và chuẩn bị các biện pháp phải tiến hành khi có khủng hoảng, các địa điểm nhạy cảm được đăng ký trong nhiều danh mục bí mật: danh mục "quốc gia" đăng ký 500 công trình tuyệt đối ưu tiên của đất nước, như các trạm trung chuyển giao thông dân sự và quân sự, những nhà máy điện nguyên tử, những nút đường bộ chính, hoặc nút đường sắt, và sân bay, v.v. Những danh mục "địa phương" lập theo cấp bảo vệ khu vực đăng ký 2 000 điểm nhạy cảm phụ, cộng với 5 000 mục tiêu cấp tỉnh.

Tổng văn phòng quốc phòng đã tính khi có khủng hoảng lớn cần 150000 người để bảo vệ tất cả những địa điểm trên, động viên theo kế hoạch phòng vệ chiến dịch theo lãnh thổ bởi hiến binh và lục quân. Trong thời bình, việc bảo vệ thường lệ các điểm nhạy cảm quan trọng nhất

- trong những năm gần đây được tăng cường do có nạn khủng bố - trồng cây phần lớn vào hiến binh mới được tăng cường phương tiện vật chất, và trong mức độ thấp hơn dựa vào DST, hoặc vào CBVANQP trong khuôn khổ "kế hoạch bảo vệ" và "kế hoạch phòng vệ" ở trong phạm vi khu vực địa lý đã định, gọi là những "khu vực an ninh".

Người phá khóa mật mã

Năm 1986, Thủ tướng Laurent Fabius quyết định lập ra Phái đoàn Liên bộ về An ninh hệ thống thông tin (DISSI) và năm 1987 cho nó trực thuộc vào TVPQP. Việc này không phải đơn giản đâu. Từ nhiều năm trước, cơ quan tình báo chiến lược DGSE đã lo ngại về những tiến bộ của nước ngoài về môn mật mã và đơn vị kỹ thuật của nó e sợ rằng sẽ không bao giờ mở được bất cứ điện mật nào của các sứ quán nước ngoài gửi về chính quyền trong nước hoặc bởi những doanh nghiệp tư nhân gửi cho doanh nghiệp mẹ. Còn DST cũng bắt đầu thấy hoảng sợ bọn "kẻ cướp" có thể vào các ngân hàng tu liệu lớn về nguyên tắc không cho công chúng tiếp cận như Trung tâm tu liệu tin học của Phái đoàn vũ khí CEDOCAR, chẳng những để cướp những tin tức bí mật mà còn có thể tiến hành những trò đùa có khả năng làm rối loạn một phần đời sống của đất nước. Làm thế nào tránh được tình huống một kẻ tình quái hoặc một tên độc ác xâm nhập vào hệ thống trung tâm điều khiển của Công ty xe lửa quốc doanh Pháp để làm rối hoàn toàn mạng xe lửa của nước Pháp,

hoặc phá tổng đài viễn thông làm rối tung mọi hệ thống khách thuê bao điện thoại?

Những ví dụ đó không phải nêu ra một cách vô vắn, cho nên các lãnh đạo các cơ quan tình báo và phản gián đều lo lắng và khiến họ quyết định phải suy nghĩ nghiêm chỉnh về vấn đề và TVPQP phải nghiên cứu ngay. Về mặt này, Pháp lạc hậu so với những nước phương tây khác như Hoa Kỳ và Tây Đức. Không phải vì không suy nghĩ, mà đơn giản chỉ vì những kẻ cướp về tin học quốc tịch Pháp chưa giỏi như đồng nghiệp của chúng ở nước ngoài; những tên này nhiều lần trong những năm gần đây xâm nhập vào các căn cứ tư liệu mà về nguyên tắc được bảo vệ cấm chúng vào, nhưng chúng đã vào được với những máy vi tính nhỏ đơn sơ thôi. Các lãnh đạo cơ quan vũ trụ Mỹ đã có thời kỳ phải đương đầu với những "tên cướp" có tổ chức và có khả năng di chuyển các vệ tinh trên quỹ đạo!

Vào tháng sáu năm 1985, thủ tướng Fabius nhận được của TVPQP một bản nghiên cứu chi tiết xin lập một cơ quan trung ương mạnh để bảo vệ các hệ thống thông tin tương đương với những cơ quan đã có ở Anh, Tây Đức, và Hoa Kỳ. Thủ tướng chọn công thức lập một cơ quan tương đối nhẹ, đó là "Phái đoàn liên bộ an ninh các hệ thống thông tin" (DIDDI) và trao cho đô đốc Bernard Klotz, cựu tư lệnh các tàu sân bay và không quân đậu trên chiến hạm, phụ trách Phái đoàn này vài ngày trước cuộc bầu cử Quốc hội vào tháng 9-1987. Đô đốc đã từ chức và tuyên bố công khai rằng ông hoài nghi việc chuyển giao DIDDI cho TVPQP phụ trách; ông cho rằng

Phái đoàn do ông lập ra cần trực thuộc Thủ tướng, chứ không nên đưa nó cho TVPQP chỉ đạo để tránh các doanh nghiệp tư nhân hiểu lầm Phái đoàn trở thành thuần túy Quốc phòng. Một tốt dành cho một đô đốc!

Lời nói lấp lửng của đô đốc không phải là vu vơ, mà là nhận xét cụ thể: cái lôgic đôi khi tiếp giáp với bệnh paranoia ⁽¹⁾ của các cơ quan tình báo đã áp đặt cho quyền lựa chính trị - Đảng Xã hội - một quyết định ít ra là có thể bị tranh cãi.

Các thẻ con rệp, vũ khí chiến tranh!

Chính vào ngày 18-2-1986 thủ tướng Laurent Fabius kí nghị định số 86-250 do TVPQP soạn thảo và mở rộng đến "các phương tiện mật mã" chế độ kiểm soát áp dụng cho các vật liệu chiến tranh. Quyết định vô hại chăng? Chưa chắc, bởi vì quyết định trên đặc biệt có mục đích đưa thẻ ngân hàng "con rệp" - bởi vì nó bao hàm "thuật toán mật mã - vào cùng một loại dụng cụ như máy bay chiến đấu Mirage hoặc tàu hộ tống sân tàu ngầm! Sự trình bày do TVPQP nghĩ ra không thể cho bất cứ cách giải thích nào khác thay thế, khi cơ quan này giải thích mọi "khí cụ hoặc phần mềm được nghĩ ra để thay đổi bằng các quy ước bí mật những thông tin rõ hoặc những dấu

(1) *Bệnh paranoia biểu hiện tâm trạng quá tự cao, ích kỷ, nhạy cảm, ngờ vực.*

hiệu, thành những thông tin hoặc dấu hiệu khó hiểu, hoặc để thực hiện một hoạt động ngược lại như "những phương tiện mật mã".

Trong khi mà tất cả các nước trên thế giới tìm cách trang bị các hệ thống ghi-sê ngân hàng tự động tương đương với loại ghi-sê dùng thẻ con rập bắt đầu được thương mại hóa ở Pháp, trong khi mà các doanh nghiệp nhà nước của khu vực chỉ không biết bao nhiêu trí tưởng tượng để bán sản phẩm ra nước ngoài, thì bản nghị định trên lại buộc mọi việc thương lượng thương mại và thậm chí mọi việc thăm dò đều phải xin phép chính quyền... Cái quyết định lỗ bịch này dù sao cũng đã được áp dụng từ khi nó ra đời mặc kệ những sự phản đối của các nhà công nghiệp. Thế mà cũng phải mất hai năm cho đến ngày 19-5-1988 DISSI mới thông báo cho các xí nghiệp liên quan đến việc thương mại hóa thẻ con rập rằng "nếu các quy định đã ban hành nhằm giữ cho thuật toán của kho mật mã được sử dụng không bị đảo ảnh, (tức là để cho thẻ con rập không bị sử dụng thành một phương tiện mật mã), thì có thể sẽ bỏ việc kiểm soát xuất khẩu".

Với thiện ý, TVPQP trong thời gian đó cũng thông báo rằng, quan tâm đơn giản hóa thủ tục, chúng tôi có thể không xếp vào hạng dụng cụ chiến tranh những trạm cuối cùng loại thẻ vi xử lí (như máy phát tiền, bơm xăng, máy ghi tiền thu được ở các hiệu ăn, các siêu thị v.v...)..."

Việc biến thẻ con rập thành dụng cụ chiến tranh rồi xếp nó vào loại phải chịu chế độ hạn chế và bị kiểm tra thương mại hóa cho ta thấy sự lệch lạc do những lôgich hạn chế quá đáng không có sự sửa chữa của quyền

lực chính trị là cấp xét duyệt những quyết định do những cơ quan kỹ thuật đề ra. Nếu chắc chắn sự kiểm tra của Chính phủ là cần thiết, vậy tại sao lại áp dụng vào những hệ thống như thẻ con rệp của ngân hàng một điều luật rất bắt buộc như đến với tên lửa hoặc xe tăng tấn công? Đáng lẽ các cơ quan kỹ thuật nên tìm ra giải pháp nhẹ nhàng phù hợp với tiến bộ của xã hội đang tiến vào những năm cuối thế kỷ 20, thì họ lại đề ra những giải pháp quá kìm hãm, quá hạn chế quyền tự do và quá nặng nề về kinh tế. Họ chỉ nhìn thấy trước mắt mà không dự kiến nổi hậu quả của đề xuất của họ.

Nghị định ngày 18-2-1986 ngoài ra còn áp đặt các nhà chế tạo vật tư mật mã kèm theo đơn xin phép chế tạo và thương mại hóa "bản mô tả đầy đủ và chi tiết, bằng tiếng Pháp, phương tiện mật mã, và nếu có thể được về mặt vật chất, hai mẫu của phương tiện dự định" (điều 2). Một nghị định nữa của Thủ tướng ban hành cùng ngày với nghị định trên và cùng đăng trên Công báo ngày 26-2-1986 còn yêu cầu việc bán sản phẩm đó phải có công bố có nêu tên và xuất trình căn cước và "mọi người được quyền chế tạo hoặc buôn bán phải lập sổ ghi đặc biệt, mỗi trang phải đánh số và ký tắt do viên cảnh sát có thẩm quyền hoặc nếu không có cảnh sát thì do đội trưởng hiến binh làm. Trong sổ ghi này phải ghi các phương tiện mật mã đang sản xuất, sửa chữa, bán, mua, thuê hoặc hủy, không được sửa chữa hoặc để trắng trên sổ ghi (điều 3). Nghị định này còn quy định "việc mua, giữ và dùng" những phương tiện mật mã này "Phải xin phép đặc biệt của bộ trưởng Giao thông bưu điện". Khách hàng của GIE Thẻ Ngân hàng xin dùng, quên việc xin phép khi ngân hàng

của bạn đưa cho bạn một chiếc thẻ con rệp (GIA đang bán loại thẻ từ tính).

Những lí do chân chính nhưng không dám công nhận của các chi tiết luật lệ và những điều kiện sử dụng đặc biệt bó buộc này cũng rất là đơn giản thôi: việc sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện mã hóa có khả năng bảo vệ ví dụ như phần mềm tin học, truyền thông vô tuyến (điện thoại trên xe hơi) hoặc điện thoại, v.v... chỉ được phép với những dụng cụ mà các cơ quan nhà nước - nhất là các cơ quan chuyên môn - muốn biết trước đặc điểm của máy. Trong khi sự phát triển của các phương tiện bảo vệ loại này sẽ ngày càng cần thiết trong tương lai để đảm bảo chống những xâm nhập có ác ý - mà lúc này quá dễ dàng - vào các hệ thống tin học hoặc vào các việc liên lạc vô tuyến thương mại hoặc tư nhân, từ năm 1986 Nhà nước lao vào mọi màng lưới mặc cho mọi người lãnh đạm. DST và nhất là DGSE là hai cơ quan đề xuất và dự thảo những luật lệ đó cho TVPQP đã giải thích cho những ai phân nản với họ rằng mục đích chính của hai cơ quan này là nhằm để tránh có ngày nào đó họ bị cản trở không kiểm soát được các phương tiện thông tin liên lạc nói hoặc tin học hóa, có hại cho an ninh quốc gia. Thay vào tính hiệu quả, các cơ quan đặc biệt đó đành phải chuẩn bị cho kịp thời cái khung luật lệ tạo thế cho họ vĩnh cửu hóa hệ thống nghe trộm bí mật các phương tiện liên lạc nghề nghiệp hoặc tư nhân, mà sự bí mật dẫu sao cũng được đảm bảo bởi những văn bản pháp lý (xem chương 14).

**Ở TRUNG TÂM
"BÍ MẬT QUỐC PHÒNG"
TỔNG CỤC AN NINH ĐỐI NGOẠI
(DGSE)**

Đầu năm 1981. Máy bay vận tải C130 Hercules của không quân Ai Cập đã rời sân bay Cairo được vài giờ và sắp bay qua Xudang. Đối với đoàn phi hành Ai Cập đây là lần thứ tư họ đi công tác theo loại này, và mặc dù đã có lệnh tuyệt đối giữ bí mật, nhưng vì hàng hóa xếp bị xáo trộn lúc bay nên bắt buộc phải hạ cánh khẩn cấp xuống sân bay El-Fasher, cách Khac-Tum về phía tây 900km. Ở phía sau máy bay, hoặc nói đúng hơn là ở khoảng trống, cảnh tượng nặng nề đã diễn ra: hai quân nhân Pháp, một quan ba và một thượng sĩ, đứng ra là không bao giờ được có mặt trên máy bay Ai Cập, đã bị chết vì bị hàng hóa đè bẹp, hàng chiến tranh. Bốn người

cùng đi - hai người Ai-cập và hai người Xudăng - đã kéo xác chúng ra. Làm thế nào với hai tử thi quân nhân "chết cho nước Pháp" cách quê hương của họ hàng nghìn kilômét, trong một quốc gia mà đáng lý ra họ không được đến, trên đường đi đến một nơi mà không cần nêu ra, cho một nhiệm vụ bí mật và với những dụng cụ bị cấm?

Xudăng 1981, những cái chết bí mật

Alexandre de Marenches lúc đó là thủ trưởng của Tổng cục tập trung tài liệu nước ngoài và phản gián (SDECE), cơ quan tình báo của nước Pháp, đã quên không ghi vào cuốn sách "Trong các bí mật của các ông hoàng" sự cố trên đây. Được tổng thống Georges Pompidou bổ nhiệm làm thủ trưởng SDECE từ tháng mười năm 1970, vóc người cao lớn và to béo khiến người ta phải đặt cho ông này cái tên là Porthos, một trong ba nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Ba Ngự lâm Pháo thủ của A. Dumas. Theo yêu cầu của Tổng thống VG d'Estaing mà ông không thân thiết, ông đã phái hai quân nhân của Cục Hành động đi kèm vũ khí sang Xudăng, để trao cho du kích nổi loạn Sát của Hissène Habré tại làng El-Geneina cách El-Fasher 150km, để chống lại chính phủ Sát do ông Goukouni Oueddei lãnh đạo. Mặc dù Habré vài năm trước đã ám sát thiếu tá Pháp Galopin, nhưng chính sách của Pháp là chính sách thực tế, cho nên Tổng thống Giscard đã biết từ lâu cần xóa bỏ những hận thù...

Ở bộ chỉ huy SDECE trên phố Mortier cạnh bể bơi des Tourelles, người ta đang tìm cách bí mật đưa hai tù thi về nước. Người được trao nhiệm vụ này là ông Michel Roussin, cựu sĩ quan hiến binh, tốt nghiệp trường chiến tranh và trường hành chính quốc gia rồi trở thành chánh văn phòng của SDECE. Ông phải chạy vạy để đưa tù thi ra khỏi Xudăng và hồi hương chúng mà không lộ ra việc nước Pháp thông đồng với một tên phiến loạn chống lại chính phủ nước Sát là nước đã ký hiệp ước phòng thủ với Pháp! Khi Paris khẳng định âm ý lên rằng nước Pháp không có quan hệ với các chính phủ, mà chỉ quan hệ với các quốc gia, thì mâu thuẫn lại càng rõ ràng... Việc chuyển tù thi sẽ xong, và sẽ làm lễ truy điệu theo truyền thống vĩ đại đối với hai nhân viên cục hành động, với sự có mặt của các thủ trưởng và các đồng nghiệp của họ. Chẳng ai khác những đồng nghiệp lại biết được rằng nhờ có sự viện trợ của SDECE mà Habr'e sẽ chiếm được chính quyền ở Sát vào tháng tám năm 1981.

Sát 1986, thắng lợi kín đáo

Năm năm sau, ngày 16 và 17 tháng 12 năm 1986, màn đêm buông xuống và trên sân bay Ndjamàna, binh sỹ của chiến dịch "Chim Bò cút" chia đôi: một nửa sẽ theo máy bay DC8 về nghi Nôen tại Pháp, còn nửa kia sẽ về nghi Tết dương lịch. Họ không để ý đến việc bốc hàng lén lút lên chiếc Transall nằm ở đầu đường băng... Cát cánh. Đêm nay chỉ có ánh sao, máy bay vượt trên sa mạc

với tốc độ 400km/h theo hướng bắc. Đèn tắt, đài vô tuyến điện cũng im bật... Trong vài giờ, khi đi vào dãy Tibesti, phi công phải mang hết kinh nghiệm ra để khỏi đâm vào núi. Máy bay phải bay rất thấp để tránh ra-đa của Libi...

Khi họ rời thủ đô Sat, chỉ một mình tu lệnh quân đội Pháp ở Sát kiêm tu lệnh chiến dịch Chim bồ cật, đại tá không quân Yves Joseph, mới biết máy bay sẽ đến địa điểm nào. Ở bên trái thiếu tá Meyer, lái trưởng, là đại úy mà chúng tôi đặt tên là François, cũng xuất thân không quân, có đeo một cặp kính đi đêm thế hệ ba nhập từ Hoa Kỳ có thể giúp ông ta nhìn hoàn toàn rõ về đêm không cần ánh sáng. Giá mua đôi kính này là 300 000 quan, mà DGSE không phải nộp thuế nhập khẩu... Đại úy François thuộc toán không quân hỗn hợp 56 Vaucluse, đóng tại Evreux. Đó là đơn vị không quân bí mật nhất của Pháp, đơn vị không quân của Cục Hành động của DGSE.

Ông đến Sát bằng máy bay quân sự, đến trình diện đại tá Joseph và ngay tức khắc về nơi ở của sỹ quan để chờ lệnh. Lệnh chưa có ngay. Trước hết phải chờ tướng Jeannou Lacaze và đại sứ Fernand Wibaud là hai "cố vấn châu Phi" của chính phủ Pháp gặp Hissène Habr'e để hỏi kỹ xem ông ta yêu cầu cái gì, sau đó hai vị sẽ đáp máy bay Falcon 20 ì ạch rồi cùng với Andr'e Giraud, Jacques Chirac và tất nhiên cả Mitterrand xem xét những yêu cầu đó. Cuối năm 1985 này, vấn đề lớn của tổng thống Sát là tiếp tế trong vùng Tibesti cho những phần tử theo Goukouni Oueddei trước kia nay chạy theo ông Habr'e. Liên lạc với họ bằng đường bộ để tiếp tế cho họ xăng dầu, vũ khí

nhẹ, đạn và lương thực mất quá nhiều thì giờ. Phải dùng máy bay.

Đối với nước Pháp, vấn đề chia làm hai loại, trước hết là chính trị: về nguyên tắc, quân đội Pháp không được vượt quá "tuyến đỏ" của vĩ tuyến 16, giới hạn can thiệp ở phía bắc. Trên thực tế, lập trường chính thức này chỉ là tường tượng; chẳng khó gì vi phạm giới tuyến này vì những lý do "nhân tạo", và càng tốt hơn nếu những quân nhân Pháp khác thuộc Trung đoàn nhảy dù thủy quân đánh bộ số 1 của Bayonne, thuộc Trung đoàn kỵ binh nhảy dù số 13 của Dieuze và Trung đoàn ngoại quốc nhảy dù số 2 đã khá xa "tuyến đỏ", kín đáo đóng tại những điểm qua lại bắt buộc của những cuộc tấn công của Libi hoặc của những toán quân Sát chống đối chính quyền trung ương... Đòi lần những người Pháp được ở xa tuyến lửa này đã truy đuổi và bắt được trên đất nước Nigê láng giềng những toán biệt động tiến về Ndjame'na mà vẫn tưởng là còn được biên giới che chở. Sau khi bắt được chúng, Pháp chuyển chúng cho Lực lượng vũ trang quốc gia Sát và lực lượng này tuyên truyền rùm beng là thắng lợi của họ...

Vấn đề thứ nhì đặt ra cho Pháp là vấn đề chiến thuật: làm thế nào chuyển đến Zouar trong dãy Tibesti những gói hàng mà Libi không bắn hạ được máy bay Pháp? Chỉ có DGSE có thể làm thứ... Có sẵn những phi công đã học lái chiến thuật ban đêm mà họ đã thực hành đều đặn trong điều kiện chiến tranh, họ có thể ném hàng xuống một điểm nhất định không cần sự chỉ dẫn ở mặt đất. Kế hoạch này đã nhiều lần thành công trên đường mòn Zouar. Khi một phi công quân sự sang làm cho Toán

không quân hỗn hợp 56, chỉ theo lối tuyển dụng bổ sung và sau một thời gian điều tra mấy tháng về bản thân và gia đình anh ta do các nhân viên cục an ninh DGSE tiến hành, cuộc đời của anh ta thay đổi hoàn toàn. Anh bỗng nhiên trở nên câm, các bạn thân không công nhận anh ta nữa, gia đình anh tập đùng hỏi lý do vì sao anh vắng mặt lâu ngày như thế và anh để cuộc đời trôi đi với những phi vụ được gọi là "lí thú" làm cho anh sáng cả mắt lên... Những nhiệm vụ gì? Nhiều cuộc huấn luyện của lính nhảy dù thuộc Lữ đoàn xung kích số 11 tại Pháp và ở nước ngoài và - trong những năm mới đây - nhiều phi vụ tại châu Phi, không phải chỉ có chở vali ngoại giao đâu... Tại sân bay Evreux số 105, cục Hành quân có một căn cứ riêng, trong đó có ba máy bay vận tải Transall, hai máy bay hai động cơ Twinn-Otter và nhiều máy bay lên thẳng Puma. Tất cả máy bay này đều mang số hiệu dân sự, và các đoàn phi hành chỉ tuân theo lệnh của tổng cục trưởng DGSE mà thôi.

Pierre Marion: từ SDECE đến DGSE

Với SDECE chẳng có gì là tầm thường. Chỉ đơn giản nhắc đến cái kí hiệu chữ đầu trong những hành lang quyền lực đã gây ra những cái nhún vai bực tức hoặc những lời bình phẩm khó chịu, nếu không tệ hơn nữa... Năm 1981, khi lên nắm chính quyền, đảng Xã hội đã biết rằng họ sẽ không thực hiện lời ước trong cương lĩnh chung kí năm 1972 với đảng cộng sản và đảng cấp tiến cánh tả như là giải tán các cơ quan quân sự bí mật. Và

để thủ tiến hành một cuộc cải cách nghiêm chỉnh, họ đã bổ nhiệm thay thế Alexandre de Marenches, tổng cục trưởng SDECE đã 11 năm, một bạn thân của Charles Hernu, tốt nghiệp bách khoa, hội viên tam điểm và đang làm giám đốc cơ quan đại diện hãng hàng không vũ trụ tại Hoa Kỳ, Pierre Marion.

Được bổ nhiệm ngày 17-6-1981, ông rời chức vụ ngày 11-11-1982. Có chuyện gì xảy ra? Khi được hỏi vào năm 1985 về chuyện này, Pierre Marion trả lời rằng ông chẳng biết tại sao ông bị thải hồi: "Người ta trao cho tôi tổ chức lại cái cơ quan theo những mục tiêu mới. Tôi đã làm nhưng rõ ràng người ta chưa thể có ngay tức khắc kết quả. Tôi chẳng hiểu vì sao người ta thải hồi". Ba năm sau, ông viết về suy nghĩ của ông về việc thải ông bằng cách nhắc lại "sự hung hăng" của các người lãnh đạo quân sự cao cấp để giành lại và giữ gìn quyền kiểm soát của giới quân nhân cái cơ quan DGSE, một khâu quan trọng đối với họ để giữ lấy ảnh hưởng". Một người dân sự thuần túy như Marion - khác với đại tá de Marenches là người bao giờ cũng mang đậm nét nhào luyện của quân đội - vậy ông có thể là nạn nhân của một âm mưu của quân đội chăng? Sự thực, như thường thấy, lại ít khi đơn giản.

Pierre Marion, chính bản thân ông cũng tự nhận, không phải là một con người dễ tính. Mà ngược lại: ngay từ khi bước chân đến trụ sở SDECE, ông đã muốn tỏ uy quyền, trước hết nhằm đánh dấu sự đoạn tuyệt với thời đại de Marenches mà ông tìm mọi cách để phá vỡ di sản, và cũng để hợp pháp hóa sự có mặt nhờ rất nhiều vào tình thân của ông bộ trưởng Quốc phòng Hernu, và rõ ràng ít nhắc đến quá trình công tác của ông không hơn quá trình của một "cộng tác viên danh dự" trung thực.

Còn tình đoàn kết cùng Hội Tam điểm giữa Marion và Hernu cũng chẳng làm phiền các quân nhân và nhất là đối với những quân nhân đã biết tự tiến thân bằng cách lợi dụng từ năm 1981 cái tình đoàn kết đó để ngày nay đi tới đỉnh cao.

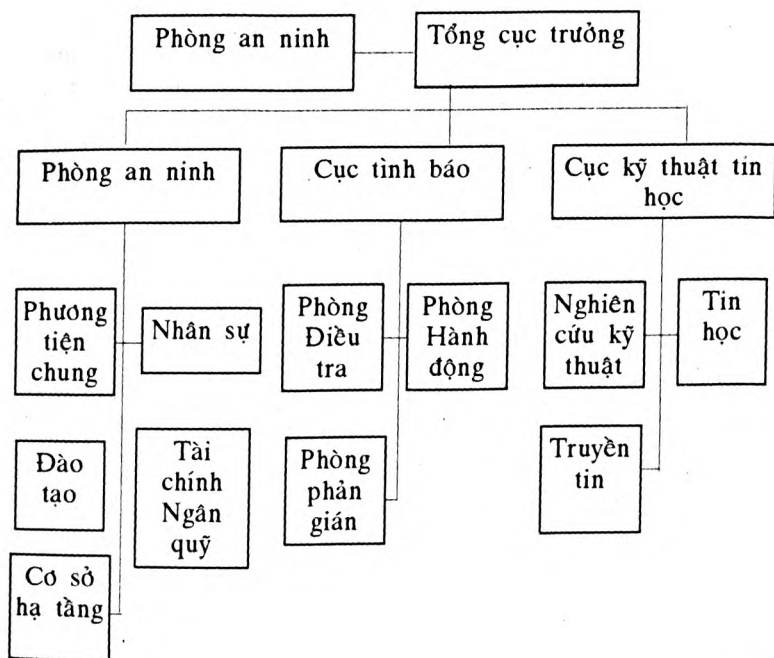
Marion đánh dấu sự thụ chức của ông trong vài tháng bằng những quyết định ngoạn mục cho cả cái cơ quan rất ít quen những thay đổi về tổ chức: ông thải ba cộng sự thân tín nhất của de Marenches, lập quanh ông một bộ tham mưu pha trộn các quan chức dân sự với quân sự cùng với những viên chức hợp đồng bên ngoài, tách phòng an ninh nội bộ ra khỏi cục phản gián và đưa nó trực thuộc tổng cục trưởng, đến tháng 12-1981 ông loại hai chục nhân viên - phần lớn là quân nhân - do trường phòng của họ chỉ định và thường bị tố là nghiện rượu, rồi mùa xuân 1982 tuyển hơn tám chục sĩ quan trẻ sau khi đã cùng bộ tham mưu quân đội nghiên cứu lí lịch: ông muốn chọn những sĩ quan giỏi nhất. Ông thay đổi hệ thống thông tin của Chính phủ và cú thứ ba là ông mang bản báo cáo nhận định các sự kiện quốc tế lên trình phủ Tổng thống.

Ngày 2-4-1982 là ngày vinh quang và đăng quang của những cố gắng của ông: SDECE bị chôn đi, và Tổng Cục An ninh Đối ngoại (DGSE) ra đời. Sắc luật 82-306 xác định cơ quan này trực thuộc Bộ Quốc phòng và chức năng của nó như sau: "DGSE có nhiệm vụ phục vụ cho Chính phủ và quan hệ chặt chẽ với các cơ quan khác có liên quan, thu thập và khai thác tình báo phục vụ cho an ninh của nước Pháp, cũng như phát hiện và ngăn chặn ở ngoài lãnh thổ quốc gia những hoạt động gián điệp chống lại lợi ích của nước Pháp nhằm ngăn ngừa những hậu

quả..." Về cơ bản, chẳng có gì thay đổi: tổ chức được hiện đại hóa (xem phần đóng khung), nhưng các nguyên tắc hoạt động vẫn như cũ, và DGSE như SDECE về nguyên tắc chỉ hoạt động ở ngoài nước.

Trên thực tế, nó tiếp tục như trong quá khứ hoạt động ở bên trong lãnh thổ nước Pháp nhưng không theo văn bản pháp luật, để nghe trộm điện thoại của các sứ

BIỂU ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CỤC AN NINH ĐỐI NGOẠI



quán và đặt máy nghe trộm ở những nơi đó, lên thê và kiểm soát hành khách ở các sân bay, đánh cắp các vali ngoại giao rồi lên thống kê, rình rập ở các khách sạn để đến thăm phòng ngủ của những nhân vật đi qua nước Pháp, v.v. Mặc dù những ý đồ phô trương của Marion muốn cài nhiều vị trí vào các nước phương Đông, nhưng DGSE vẫn tiếp tục vùng vẫy chủ yếu trong khu vườn cấm của Pháp là châu Phi, trong khi DGSE tiếp tục rất phụ thuộc vào thông tin của các cơ quan đồng minh của nước ngoài.

Những đổi mới và hiện đại hóa mà tân tổng cục trưởng ca tụng và tiến hành một cách thô bạo, làm phiền cũng như nhân cách của ông. Những trò đùa cáng được dựng lên để chống lại Marion bởi những nhóm đối địch với ông, trong khi đó tổng tham mưu trưởng là tướng Jeannou Lacaze công khai tỏ vẻ lạnh nhạt với ông. Tại phủ Tổng thống, những bản thuyết trình địa - chính trị giọng thầy của ông sớm bị nhận xét là không rõ ràng, rồi cuối cùng làm cho người nghe khó chịu. Người ta đổ cho ông - tuy bất công nhưng vì ông là thủ trưởng - trách nhiệm của những thất bại tại châu Phi trong đó một vài nhân viên hoặc cơ sở của DGSE có dính vào, những va chạm với tổ chống khủng bố của phủ tổng thống và với ông Prouteau. Tóm lại, tình hình xấu... Khi Charles Hernu và François de Grossouvre bỏ rơi ông vào mùa hè năm 1982, Marion không còn chỗ dựa nào nữa. Đến tháng 11, ông nhận được yêu cầu ra đi, nhưng ông không bị vút bỏ hoàn toàn: ông kết thúc sự nghiệp trong chiếc ghế bành tuyệt đẹp của vai trò chủ tịch sân bay Paris...

Pierre Lacoste: quay trở về truyền thống

Người kế vị của Pierre Marion được chính phủ lựa chọn trái ngược hẳn: Marion là loại không điển hình, còn Lacoste đủ tiêu chuẩn: là đô đốc chỉ huy hạm đội Địa trung hải khi được bổ nhiệm phụ trách DGSE, đã tỏ ra xuất sắc và cố diễn tại Trường chiến tranh cao cấp, cán bộ văn phòng quân sự Bộ quốc phòng và cán bộ võ phòng phủ thủ tướng thời Raymond Barre. Là sĩ quan hải quân thuần túy, bề ngoài có khi tỏ vẻ nghiêm nghị nhưng lại dễ thương, lịch sự, và chẳng biết gì về tình báo. Điều này quan trọng gì đâu. Bởi vì yêu cầu đối với ông chỉ là đưa DGSE quay lại đúng quỹ đạo của Bộ Quốc phòng mà thôi...

Charles Hernu đã có lần mê mẩn bản báo cáo về chiến lược của đô đốc, còn vị cố vấn của ông là Jean-François Dubos cũng như vị cố vấn Tổng thống là François de Grossouvre lại nghĩ rằng đã đến lúc phải trao DGSE cho Bộ Quốc phòng lãnh đạo. Nhiều vị khác, trong đó đặc biệt là bộ trưởng Nội vụ Gaston Defferre, chưa nhất trí với quan điểm này. Ngược lại họ vẫn muốn để phe dân sự nắm giữ vị trí cao nhất. Từ đầu năm 1983, rõ ràng những người am hiểu đã nhìn thấy sự đối địch trên ban lãnh đạo DGSE sẽ đưa đến những khó chịu...

Lacoste đã chọn cục trưởng tình báo, tức là nhân vật số 2 của DGSE, một quân nhân vững vàng do bộ tổng tham mưu chỉ định: tướng Roger Émin, nguyên tùy viên

quân sự Pháp ở Rôma. Nhưng Chính phủ - chính Tổng thống Mitterrand cũng rất kiên quyết về điều này - không chịu để DGSE hoàn toàn do quân nhân chỉ đạo, cho nên muốn có một tổng cục phó dân sự. Bộ trưởng Defferre chọn tỉnh trưởng Phillippe Parrant mới từ đảo Saint Pierre và Miquelon hồi hương. Vị chuyên gia đánh cá thu này khó theo nổi tục lệ của những con cá mập trong trụ sở DGSE vì chúng tìm mọi cách đá móc hoặc dương bầy. Ví dụ như với vị trí phân công cho ông trông coi về tài vụ, nhưng thỉnh thoảng ông lại bị cử đi họp chống khủng bố tại Bộ Nội vụ để bàn về mâu thuẫn nội bộ của phái si-it ở Libăng. Những bài trình bày của ông theo một người được chứng kiến đã gây nên vừa khó chịu vừa buồn cười.

Một nhân vật rất tích cực thời đó đã kể lại cho chúng tôi rằng: "Người ta đã nói cho Parrant biết ông trở thành người thứ nhì thực thụ tham gia vào mọi quyết định, trong khi Lacoste và các quân nhân không bao giờ tán thành. Sau khi cực lực phản đối việc bổ nhiệm này, đồ đốc hình như phải chịu. Nhưng ông tỏ ra chỉ tin có tướng Emin bởi vì đối với ông, vị tỉnh trưởng do bộ trưởng Nội vụ chỉ định chỉ là một tên gián điệp của DST, nghĩa là một kẻ thù, một mối nguy". Vào thời đó, khi các điệp viên của DGSE đóng tại nước ngoài về thăm ông tổng cục trưởng, một trong những thành viên bộ tham mưu của ông đó đã giải thích cho các vị khách khi họ đến trụ sở DGSE rằng vì lý do lễ tân, họ phải gặp ông tỉnh trưởng Parrant nhưng với điều kiện là phải rất kín miệng và không được nói điều quan trọng nào với ông ta! Thật là một

quan điểm kỳ lạ về đường lối của một cơ quan và về sự tranh chấp quyền lực nội bộ.

Đòn chấn thương Hòa bình Xanh (1).

Một trong những thế lợi hiểm hoi trong tình trạng này đối với ông Parrant là không ai có thể tố cáo rằng ông đã có liên quan đến vụ Hòa bình Xanh, vụ bê bối lớn nhất mà cơ quan tình báo chiến lược Pháp đã vấp phải kể từ vụ Ben Barka năm 1965. Ở DGSE, chính Lacoste một mình chịu đòn và mất chức- theo quyết định của thủ tướng Laurent Fabius ngày 20-09-1985- vì thảm bại ở Niu Dilân. Vụ đó đã bị sách báo viết rất nhiều, cho ta thấy các mâu thuẫn thường xuyên trong môi trường hoạt động của các cơ quan tình báo quân sự Pháp. Nhờ các nhà điều tra của báo chí, người ta đã chỉ đích danh DGSE là thủ phạm gây ra vụ đánh đắm tàu Cầu Vồng, cơ quan tình báo Pháp đã tỏ ra bất lực không "quản" nổi cuộc khủng hoảng do rất nhiều sự vụng về của mình gây ra.

(1) Để ngăn tổ chức bảo vệ môi trường Hòa bình Xanh phá hủy chiếc tàu Chiến sĩ Cầu Vồng đến quấy rối Pháp thử bom hạt nhân ở đảo Murôroa thuộc nam Thái bình dương, DGSE được bộ trưởng Quốc phòng cho phép đánh đắm chiếc Chiến Sĩ Cầu Vồng làm chết một người. Niu Dilân phản đối và bắt giam toàn bộ khách vì toàn này đã dùng Niu Dilân làm căn cứ xuất phát (LND).

Đáng lẽ nhanh chóng tự nguyện nhận trách nhiệm về thảm bại đó là cách duy nhất tháo gỡ vụ bê bối, các nhà chiến lược của bộ chỉ huy DGSE rõ ràng không nhận ra mình đã sa vào cái tổ ong bầu vế, lại chọn cách nói dối Chính phủ cũng như viên thanh tra - ông cố vấn nhà nước Bernard Tricot-là người được Chính phủ cử xuống kiểm tra. Thật là một sự đồi bại đặc biệt về sự hoạt động của một cơ quan tự ý quyết định thái độ ứng xử đối với một vấn đề chính trị có tầm vóc lớn lao hàng đầu theo những tiêu chuẩn riêng biệt của mình như vậy! Điều lạ lùng nhất là DGSE không chịu rút ra những bài học của thất bại tai hại ở Niu Dilân, ngược lại còn đổ hết tai vạ cho bộ trưởng Bộ Nội vụ Pierre Joxe vì cảnh sát Pháp đã nhanh chóng tiến hành cuộc điều tra tại Pháp mà Niu Dilân đòi hỏi.

Trong khi xảy ra những loạn năng rất nghiêm trọng ở nội bộ cục Hành động (của DGSE), thì cơ quan tình báo Pháp này không hề đặt vấn đề rút kinh nghiệm sâu sắc gì. Trong khi nổ ra những xung đột nghiêm trọng trước khi tiến hành kế hoạch tại ban chỉ huy cục Hành động ở pháo đài Noisy-le-Sec (Seine-Saint-Denis) giữa cán bộ chỉ huy DGSE với một số người thừa hành - vì số này nhận xét kế hoạch vừa điên rồ và chuẩn bị đối-nên bị kết tội là chần chừ và buộc phải chọn một trong hai con đường hoặc tuân lệnh hoặc chọn nghề khác! Đáng ngạc nhiên hơn nữa: khi hai sĩ quan Dominique Prieur, thuộc cục Tình báo, và Alain Maffart, thuộc cục Hành động, được ra khỏi nhà tù của Niu Dilân hôm 13-07-1986, chính một trong những kẻ tổ chức cuộc thảm bại này, đại tá

Jean-Claude Lesquer- cục trưởng cục Hành động - lại được cử đến quần đảo san hô Hao để "làm công tác tư tưởng" cho hai sĩ quan đó. Tất cả những yếu tố đó cộng với sự đối xử thô bạo đối với một số người thừa hành của vụ này, đã khiến cho Patrick du Morne Vert phải viết một cuốn tiểu thuyết pha trộn thật giả khó tin được.

René Imbot: cuộc thanh trừng lớn mùa thu

Ngày 26-09-1985, Laurent Fabius, Paul Quilès và François Mitterrand cùng chọn tướng René Imbot, đương kim tham mưu trưởng lục quân, để kế vị đô đốc Lacoste. Con người nhỏ bé nhanh nhẹn, vai rộng và độc đoán này đã được đào tạo từ lò Lê-duong, không thích thú gì lắm: ông đã đến tuổi về nghỉ hưu vào ngày 16-03-1986 và biết Tổng thống đã dự kiến cho mình một chân dưỡng liêm tại Hội đồng Nhà nước. Nhưng ông thực hiện một trong những nguyên tắc cơ bản của đời sĩ quan: tuân lệnh. Dù tuân lệnh tức là sau khi đã leo lên đến tột đỉnh là làm thủ trưởng của 30 vạn lính lục quân, nay xuống chỉ huy một đơn vị bé gấp trăm lần. Trong quân đội, như thế không phải là dễ bại... Mục tiêu đầu tiên trao cho tân tổng cục trưởng: phủ tổng thống và chính phủ không muốn ai nhắc đến DGSE nữa, và không muốn buồn phiền gì về quân đội nữa khi phải công bố lí lịch của một số sĩ quan thừa hành trong vụ thảm bại này. Imbot không phải là một cô thợ khâu ren: hai ngày sau khi được bổ nhiệm, ngày 27-09 lúc 20 giờ, ông xuất hiện trên đài truyền hình

với bộ quân phục đại tướng và nên các vị trí thù địch theo yêu cầu của Paul Quilès. Đại tướng thông báo rằng ông "đã khám phá" ra một kế hoạch thực sự thâm độc làm mất ổn định các cơ quan tình báo của chúng ta, "tôi nói một cách thận trọng: thậm chí chúng muốn phá hoại các cơ quan tình báo của chúng ta". Ông cũng thông báo rằng ông "đã tìm ra những kẻ phải bị trừng phạt. Tôi đã chặt những cành cây mục nát". Để phòng ngừa những tiết lộ và để đảm bảo chống được những cuộc tấn công "độc ác" mới, ông nói với đài truyền hình rằng: "tôi sẽ là bức thành của cơ quan này. Điều tôi muốn nói là kể từ nay mọi tin tức mà người ta có ý định thu thập hoặc giữ được của cơ quan này đều là dối trá, bởi vì tôi đã khóa chặt cái cơ quan này rồi". Ảnh hưởng của bài diễn văn này thật là tốt đối với lực quân là binh chủng có đa số thành viên tham gia toán đặc nhiệm ở Niu Dilân, là binh chủng thích nghe lối nói đó và cũng chẳng đòi phải cao xa gì hơn những lời của vị tham mưu trưởng cũ của họ.

Tác động cũng tốt như thế đối với những binh chủng khác và đối với chính DGSE là đơn vị thực tế sẽ thu mình vào im lặng trong vài năm tiếp theo; ngược lại bài diễn văn này thật là tệ hại đối với một bộ phận công luận vì họ bỗng thấy quân nhân rõ ràng là những anh chàng khờ khạo. Ngày nay một trong những nhân vật đã buộc Imbot phải thú nhận: "Chúng tôi bị buộc phải yêu cầu Imbot có thái độ nhu thế, phải xiết chặt đinh vít lại và ông ta đã làm như yêu cầu. Sau đó DGSE đã lại làm ăn tồi tệ, nhưng không gây tai tiếng như trước nữa. Đó là điều chúng tôi đòi hỏi".

Vài tháng sau, tướng Imbot đã lạng lẽ xáo trộn tổ chức của cơ quan tình báo chiến lược này, một sự xáo trộn chưa từng có trong một thời gian khá lâu. Người ra đi đầu tiên một cách lạng lẽ là tổng công trình sư viễn thông Henri Serre, cục trưởng cục kĩ thuật và tin học, ông sang làm cho hãng Matra. Trong vài năm, ông này với những món tiền khổng lồ đã nâng đơn vị thám không của DGSE lên hạng đầu bảng. Người ra đi tiếp theo, vào cuối 1986, là cục trưởng tình báo, tướng Roger É'min. Tổng cục trưởng muốn giữ ông này, nhưng thủ tướng Chirac và nhất là ông chánh văn phòng phủ thủ tướng, ông Michel Roussin, lại muốn thay.

Rồi đến tướng Jean Pons, được chọn vào tháng giêng năm 1987, sau khi ông nổi tiếng về những sự kiện xảy ra mùa hè năm 1986 khi ông chỉ huy đơn vị quân Pháp FINUL tại Libăng. Tiếp đến là Jean-Claude Lesquer, cục trưởng cục Hành động, và cũng xuất thân từ Lê-duong như tướng Imbot. Ông này cũng chẳng làm vừa lòng cả ở phủ thủ tướng cũng như tại DGSE: ông bị bãi chức vào mùa hè 1987 và một thành viên văn phòng quân sự của ông André Giraud thay thế: đó là đại tá Jean Henrich, nay đã lên cấp tướng.

Đến lượt ai? Đến lượt một nhân vật khá nặng cân: đại tá hiến binh Jean-Michel Verrière, người đã được de Marenches đề bạt. Đây là cục trưởng một cục ít người biết của DGSE nhưng lại là vị trí nhiều người sợ nhất: cục an ninh nội bộ. Ông là con người cái gì cũng biết, cũng thấy và cũng nghe từ chục năm qua, không ai trong ba nghìn nhân viên của DGSE lọt khỏi con mắt ông về

cá nhân cũng như về nghề nghiệp và về khuyết nhược điểm. Chính ông là người kí những yêu cầu nghe trộm điện thoại gửi cho Đơn vị Kiểm tra Liên bộ và là người nhận được những báo cáo về nghe trộm điện thoại. Cũng ông là người do thám tổng đài điện thoại của Bộ Quốc phòng và ghi bí mật những cuộc nói chuyện của các thành viên của chính phủ mà đôi khi ông cung cấp cho bộ trưởng để sử dụng vào mục đích riêng. Đó là một con người rất có thể lực mà Imbot tiến công, và việc cất chức ông ta có thể xây dựng thành một pho tiểu thuyết, tất nhiên không có giá trị đạo đức, nhưng mô tả được một trạng thái tâm lí.

Hồi thứ nhất diễn ra cuối năm 1986: lí thú thay, những tin đồn kì lạ bắt đầu lan trong giới tình báo, cái câu lạc bộ rất kín này gồm những nhân viên cũ của DGSE luôn luôn rình rập những tin vụng nhỏ nhất về cơ quan cũ của họ, nhưng trong túi họ đầy pháo. Lần này, "tin tức" không thể tin được và nghe thấy không tránh khỏi giật mình: đại tá Verrière có vẻ "không rõ ràng" và thậm chí là một nội gián của cơ quan tình báo Rumani. Vui và thậm chí lơ đãng nếu ta tin vào những chuyện xoi mói, vu khống kèm theo những tin đồn mới chớm nở và cũng sớm chết yểu... Cũng vài tháng nữa, và người ta biết rằng René Imbot đã vất vả để đề nghị phong tướng cho đại tá Verrière.

Lừa bịp... Theo truyền thống, một bữa tiệc tại bộ chỉ huy DGSE ăn mừng đại tá hiến binh này lên tướng theo quyết định ngày 1-10-1987 của Hội đồng bộ trưởng.

Ngày hôm sau, tổng cục trưởng triệu Vernières lên văn phòng sang trọng của mình. Chúng tôi không nấp dưới chiếc bàn của tổng cục trưởng, nhưng chúng tôi được biết nội dung cuộc gặp gỡ này như sau: "Ông bạn thân của tôi, ông bị đuổi, trong cơ quan này có quá nhiều tướng lĩnh!" Vài tuần sau, người kế vị ông ta được chọn là người phó của ông, đại tá hiến binh Cochereau.

Bọn đỏ có mặt ở khắp mọi nơi.

Những vụ gạt bỏ dưới thời Imbot sẽ chưa đủ nếu không đụng đến đại tá Jean Moreau, cục trưởng phản gián. Con người này là một trường hợp... Ông ta chỗ nào cũng thấy bọn Nga: như một nhà báo có tiếng ở Paris, đối với ông đó là một điệp viên cao cấp của Liên Xô bởi vì ông ta có nhiều tài sản và cụ thể là có hai chiếc nhà... Nhưng bài báo của ông ta về những vấn đề ngoại giao có phê phán các quan điểm của Nga ư? Đối với cục trưởng phản gián, đó mới là chứng cứ của sự khôn khéo nhằm đánh lừa cục ông... Một quan chức cấp cao cũng bị ông nghi ngờ. Cũng là bình thường thôi, vì ông này trong bữa tiệc tối trên phố đã bình luận một cách có cảm tình với việc quân đội Liên Xô rút khỏi Apganixtăng. Còn vụ Hòa bình Xanh? Rõ ràng là bị Liên Xô thao túng. Một "cộng tác viên danh dự" có nhiều nguồn tin tốt do quan hệ với một nhân viên Xô-viết công tác cho một tổ chức quốc tế ở châu Phi? Cần phải cắt cầu ngay vì cộng tác viên này

đã đàm đạo với một người Nga... Người Nga là loại nguy hiểm hơn cả Sida: chẳng có cái gì có thể phòng ngừa lây lan khi quan hệ với người Nga. "Khi đêm xuống, chúng đi ngủ, chúng phải nhòm gầm giường xem có tên Nga nào không", vị cộng tác viên của phủ tổng thống vừa đùa vừa cười ồ lên...

Điều nghiêm trọng nhất chắc là thái độ của viên cục trưởng phản gián này đã nhuộm cả vào toàn bộ tổ chức. Chỉ được tuyển chọn những cán bộ nghiên cứu biết tiếng Nga vào cục Tình báo trong số những người kiên quyết li khai, mặc dù tất cả các cơ quan bí mật phương tây - và nhất là DST - đã nhận định giới li khai này cũng bị KGB xâm nhập. Từ chối dứt khoát mọi sự hợp tác với

DGSE BẰNG NHỮNG CON SỐ

Tổng cục An ninh Đối ngoại là một cơ quan lớn, sử dụng 2954 nhân viên (tính đến ngày 31-12-1987). Một phần ba biên chế là quân nhân thuộc các quân chủng nhưng chủ yếu là lục quân. Trong số 1865 nhân viên "dân sự" phần đông cũng là nhân viên cũ của tổng cục tức là quân nhân về hưu được DGSE tặng cho một hợp đồng khi họ ra khỏi quân đội nhằm chính thức giúp họ bảo toàn được thẩm quyền. Thực ra hình như cơ quan này nhằm tránh tuyển phải những người mới

chưa có quá trình chứng minh lòng chung thủy đối với tổng cục. Phần lớn nhân viên là những cán bộ phân tích và phiên dịch làm việc tại trụ sở của tổng cục ở phố Mortier (Pari); đa số nhân viên này thuộc cục Tình báo; cục này cũng quản lý những vị trí ở ngoài nước và những công tác viên danh dự. Những công tác viên này là các bạn thân của tổng cục, họ giúp theo từng trường hợp hoặc rất thường xuyên và có nhận tiền thưởng.

Ngân quỹ của DGSE năm 1986 là 676,9 triệu quan, đây là sự tăng tiến đều đặn kể từ năm 1981, là năm luật tài chính cấp cho nó 166,79 triệu quan. Trong ngân quỹ này giành chi lương cho nhân viên là 204, 79 triệu quan năm 1981, tăng lên 366,9 triệu quan năm 1988; chi cho trang thiết bị năm 1981 mới có 62 triệu quan mà năm 1988 đã vọt lên đến 310 triệu quan. Sự tăng vọt này là do tin học ồ ạt đưa vào tàng thư, hồ sơ và lập những cơ sở dữ liệu đặc biệt phát triển với các phương tiện và phần mềm kiểu Pháp, kể cả việc sắm và mở rộng những hệ thống nghe trộm vô tuyến điện rất tối tân. Những trang thiết bị này đặc biệt cho phép thu các làn sóng viễn thông "vệ tinh" vượt đại dương cần đến những lực lượng tính toán khổng lồ cho phép thu ví dụ như những điện mật được báo trước chỉ bằng "những từ chìa khóa". Đầu tư vào lĩnh vực này là tốn kém nhất kể từ mấy năm qua.

các trí thức phương tây, hoặc phương đông, dù họ là chuyên viên về Liên Xô hoặc về các nước vệ tinh của Liên Xô, như vậy DGSE đã lâm vào nguy cơ nghiêm trọng là không nắm được tình hình các sự kiện hàng đầu xảy ra từ mấy năm qua. Một thành viên quan trọng của một văn phòng của chính phủ, người thường đọc những báo cáo tổng hợp của các cơ quan bí mật Pháp đã bình luận như sau: "DGSE vẫn tin chắc rằng Matxcova tiếp tục vai trò đạo diễn bí mật trên thế giới, mọi điều đều xuất phát từ đó mà ra, mặc kệ mọi sự đánh giá khác của các nước đồng minh của Pháp! Thật là đáng sợ! Đối với họ, ở Liên Xô không có bất cứ mâu thuẫn nội bộ nào, bất cứ một kẻ hở nào, bất cứ một biến đổi nào. Và hơn nữa DGSE chẳng bao giờ có thông tin một khi nó sợ bị xâm nhập và bị nội gián..."

Nếu vị quan chức cao cấp đó phát biểu như thế trước những người lãnh đạo của DGSE, dứt khoát ông không thoát khỏi bị DGSE xếp vào loại "không rõ ràng" và cục phản gián của cơ quan này nhất định sẽ mở cuộc điều tra về ông ta! Với kiểu lôgich đó, đã cùng với thời gian được nâng lên thành tín điều, cho nên DGSE sẽ có lẽ mất vĩnh viễn khả năng chọc thủng bức màn sắt để thu thập tình hình ở phương đông.

Những nhân viên phản gián của DGSE đã không viết cuốn sách cho người Pháp biết cách họ nhìn thế giới và cuốn sách này rõ ràng đậm màu -tất nhiên màu đỏ - hơn cuốn Cuộc bảo vệ nước Pháp do Bộ Quốc phòng xuất bản đầu năm 1988 để giải thích về đạo luật lập

chương trình quân sự. Ta có thể nhận định rằng cách nhìn thế giới của phân glán DGSE không khác mấy so với quan điểm của tướng Jean Delaunay, cựu tham mưu trưởng lực lượng quân từ chức năm 1983, để phản đối chính phủ đảng xã hội cải tổ lực lượng.

Trong cuốn sách xuất bản năm 1985, ông tướng này nhận định tại Pháp "những điệp viên gây ảnh hưởng" do Liên Xô mua chuộc hoặc có cảm tình với học thuyết Xô-viết là khá đông: "Thông thường đó là những người không tưởng, những nhà văn tố thái độ rõ rệt, những nhà điện ảnh hoặc truyền hình, nghệ sĩ, nhân vật tôn giáo. Khó thay họ khá đông ở đất nước chúng ta mà Sartre và Jane Fonda đã đào tạo... Đó là những kẻ bị Liên Xô tuyển dụng trực tiếp hoặc bị các đảng cộng sản phương tây mua chuộc để cung cấp tin tức những cơ quan họ đang làm việc tại phương Tây. Họ có thể có vị trí trong chính quyền, công nghiệp hoặc trong ngành nghiên cứu... Cũng có thể trong cả cảnh sát và quân đội... Thậm chí trong cả một số bộ như tại Tây Đức. Chúng thường ra về thiên hữu để tránh mọi sự ngờ vực. "Có thể thêm rằng viên tướng đó trông thấy trong Liên hiệp quốc và trong tất cả các tổ chức phi chính phủ đều là những địa bàn thuận tiện cho hoạt động tuyên truyền của phương Đông, và viên tướng đó còn phát hiện ra những thủ đoạn Xô-viết ở những lĩnh vực không ai ngờ tới: "Chúng ta không được quên rằng có sự trùng hợp kì lạ giữa bọn buôn lậu ma túy ở phương Tây với những mục tiêu chiến lược của Liên Xô. Một số đĩa nhạc hoặc băng vidêô cũng bị cài những búp điện."

Kiểu phân tích này gần giống với bệnh Paranoia, nó che đậy rất lộ liễu lòng thiếu tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của các nước dân chủ trước cái họa độc tài và tất nhiên sẽ đưa các cơ quan tình báo nào ít nhiều nhuốm phải đi đến những kết quả tai hại. Vị quan chức cao cấp của chính phủ thờ dài nói: "Những bản phân tích của DGSE gửi cho tôi bộc lộ sự thiếu văn hóa, thiếu hiểu biết, thiếu nghiên cứu đến bối cảnh". Về tình hình Nicaragua, những bản tổng hợp cũng như những cuộc trình bày mà ông dự đã làm ông dựng cả tóc gáy lên: "DGSE có những quan điểm hoàn toàn kì lạ: đối với họ đơn giản thôi: Hoa Kỳ là tốt, Nga là xấu. Và Đanien Ooctêga là bạn của Nga, vậy ông ta là xấu. Vì đảng xã hội là những người cộng sản xã hội, cho nên phải cảnh giác với họ. Thật là kì cục, vì họ đang lập luận hoàn toàn chống lại Xandinô, và khi họ nhớ ra họ đang cộng tác với đảng xã hội, họ liền quay lui lại với những lời lẽ mâu thuẫn hoàn toàn với những gì họ đã khẳng định.

Những nhân viên phản gián khi phe tả lên nắm quyền, năm 1981, đã sống trong trạng thái đáng buồn là khinh rẻ cử tri. Họ là kẻ đã coi báo Le Monde (Thế giới) là báo của Quốc tế cộng sản và chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là mẫu mực của nền văn minh tự do, cho nên họ đau khổ khi phải sống với chính phủ xã hội. Ví dụ năm 1985 họ nhận được lệnh phải trao cho kháng chiến Chilê đổi đầu với tướng Pinôchê một món tiền - bằng đôla Mỹ - rất lớn. Đây là đề xuất của ông Roland

Dumas, bộ trưởng Bộ Đối ngoại, và đã được phủ tổng thống duyệt. DGSE nhận được lệnh phải thi hành: và DGSE đành phải tuân lệnh vì kỷ luật là sức mạnh của quân đội... Ngược lại phản gián Pháp không thấy trở ngại gì khi nhận được lệnh cũng của chính phủ đảng xã hội kể từ 1983 cung cấp khá nhiều vũ khí, đạn dược và điện đài vô tuyến cho quân kháng chiến hồi giáo Apganixtăng (xem phần trong khung).

Bây rút rủi ro

Ngày 22 tháng giêng năm 1987, đại tá Moreau gặp một rủi ro bất thi. Ông quyết định sang Bây rút. Trong khung cảnh DGSE thương lượng trên đất Libăng để nhằm giải thoát cho các con tin người Pháp, đó là một phía nói như thế. Còn phía kia nói là để tiếp tục công việc vĩnh cửu là xây dựng lưới điệp viên ra trò tại địa bàn này. Ông tự quyết định đi Libăng mặc dù thủ tướng từ mấy tuần lễ trước đã ra lệnh tuyệt đối cấm mọi quan chức Pháp đi tới đất nước này. Ngay chủ nhiệm ủy ban quốc phòng Quốc hội François Fillon cũng nhận được yêu cầu ở lại Paris để tránh bị bắt cóc mặc dù ông định đến Libăng thăm hỏi binh lính Pháp đóng tại đây. Một quan chức tình báo như Jean Moreau chẳng cần để ý đến những điều cần nhắc đó: ông chấp nhận may rủi khi ông đi lại và xem như tự bào vệ được mình. Nhưng đài Tiếng Nói Libăng của phe theo đạo thiên chúa hôm 22 tháng giêng năm đó

đã công bố chuyển đến thăm Bâyrut của một sĩ quan DGSE Pháp và đưa ra cả chương trình chuyển đi này: gặp giáo chủ phái Marônít là Nasrallah Safelt với sự cố mật của ông giám đốc an ninh Libăng là ông Jamil Nehme...

Bộ trưởng quốc phòng Pháp André Giraud đọc tin AFP mới biết chuyển thăm này, ông quyết định gọi Moreau trở về ngay. René Imbot tất nhiên định bảo vệ cấp dưới nhưng việc đã quyết định rồi: cục trưởng phản gián có lẽ đi Libăng không sai nhưng theo bộ trưởng thì cục trưởng không được để lộ ra việc đó... Chuyển đi thực sự là quá nguy hiểm đối với một người như cục trưởng vì ông biết rất nhiều bí mật quan trọng, thường dự các cuộc hội nghị quốc tế chống khủng bố với danh nghĩa đại diện cho nước Pháp, tập trung rất nhiều thông tin quan trọng và có tính quyết định của chính phủ Pháp. Một miếng mồi lí tưởng cho bọn bắt con tin! Đến tháng mười năm 1987, đại tá Moreau được cho nghỉ việc và theo luật của DGSE người phó là đại tá Alain Geoffroy lên thay. Để an ủi cục trưởng trước, chính phủ thăng ông ta lên cấp thiếu tướng vào đầu năm 1988.

Chuyến đến thăm Bâyrut của cục trưởng phản gián Pháp diễn ra trong một thành phố mà điệp viên Pháp chưa hề bao giờ rời bước kể từ cuộc chiến tranh ở Libăng nổ ra. Cục hành động đã huấn luyện tại đó những đơn vị trong đó có quân của Walid Jumblat, thành lập những đơn vị trinh sát phá hoại hoặc ám sát, chuẩn bị và bảo vệ các phái viên Pháp đến thương lượng về số phận các con tin. Ở Bâyrut là thành phố ai cũng biết nhau và do thám nhau, người Pháp lại chẳng giữ mồm giữ miệng. Họ

đã có những kế hoạch thành công nhưng cũng nhiều kế hoạch thất bại...

Trường đơn vị DGSE tại Bâyrut vào mùa xuân năm 1984 là một sĩ quan hải quân có cái tên vùng Bretagne đã nhận một nhiệm vụ không bình thường là để trả miếng vụ nổ bom phá hủy ngôi nhà Drakkar làm cho 58 lính dù Pháp bị chết ngày 23-10-1983, ông phải chuẩn bị đặt một quả bom vào sứ quán Iran.

Ai đã ra lệnh này? Ông trường đơn vị đã đích thân thi hành lệnh chưa? Thiếu các chi tiết... Nhưng các cộng sự của bộ trưởng Charles Hernu cũng như của phủ tổng thống đều khẳng định chưa bao giờ nghe thấy nói đến vụ đó trước khi xảy ra sự việc.

Theo cách giải thích trao cho chúng tôi thì vị trưởng lữ đoàn này đã lấy một chiếc xe gip nhồi mìn chực chờ nổ rồi đưa xe đậu trước cổng sứ quán Iran ở phía nam Bâyrut. May mắn hoặc bất hạnh, chiếc xe quân sự này bị lính gác sứ quán phát hiện kịp thời và tháo ngòi nổ. Khi các nhà ngoại giao Iran phát hiện chiếc xe quân sự này với số xe và loại xe, thậm chí còn nhận hiệu "quân đội Pháp", họ đến tố cáo với tổng hành dinh Pháp. Người ta đã trả lời giống như người ta báo cáo lên tổng thống Pháp rằng: "Thế các ông tin rằng chúng tôi lại làm ăn ngớ ngẩn như thế sao? Những dấu hiệu tỏ rõ rằng chúng tôi hành động như thế, đó chỉ là một âm mưu nhằm chống lại chúng tôi mà thôi".

Đó cũng không phải là vụ duy nhất và Bộ Ngoại giao Pháp phải mất bao nhiêu tuần lễ mới nối lại được

cuộc đối thoại khó khăn với Iran. Ngày nay có người vẫn nghĩ rằng hôm đó quả bom nổ thì hay hơn: "Không cần phải nhận trách nhiệm. Một trong những phóng viên của chúng ta một ngày nào đó gặp một gã trước mặt và bình tĩnh nói với y rằng vụ đó do chúng ta gây ra. Và có thể nói thêm rằng đừng thù oán chúng tôi, vì vụ đó do những phần tử riêng lẻ bị kích động của cục Hành động gây ra... Cũng như trong mỗi vụ thuộc loại này, ta chỉ cần giải thích rằng để tránh tái diễn loại khó khăn như thế thì tốt hơn hết là nên cùng nhau giải quyết những chuyện nhỏ nhỏ giữa chúng ta với nhau thì hơn."

DGSE VỚI AFGANISTAN

Vào năm 1986, tổng thống và thủ tướng Pháp chuẩn y kế hoạch của DGSE trình duyệt từ lâu: huấn luyện trên đất Pháp bộ khung của lực lượng kháng chiến Afghanistan, số lượng khoảng hai chục cán bộ. Trung tâm huấn luyện binh sỹ trừ bị nhảy dù Cercottes (tỉnh Loire), một trong những căn cứ của cục Hành động DGSE, đã tiếp nhận loại người này trong nhiều tháng và huấn luyện họ sử dụng các vũ khí hiện đại như tên lửa chống xe tăng Milan lấy trong kho vũ khí của quân đội Ai Cập, số vũ khí này sẽ chuyển qua đường Pakistan vào cuối năm 1987, đầu năm 1988. Họ được học thêm về sử dụng điện đài và

các phương tiện truyền tin chắc chắn khác. Ngày 7-7-1988, hãng thông tấn TASS của Liên Xô đưa tin từ Kabun rằng "hai cố vấn quân sự" Pháp của phái kháng chiến đã bị chết và một người cố vấn thứ ba bị thương trong một trận quân chính phủ tấn công vào quân du kích gần làng Kalat. Tin báo của TASS, tin thứ ba trong vài ngày, nhằm tố cáo sự có mặt của Pháp tại Apganixtăng, đã buộc bộ Ngoại giao Pháp lại phải cải chính lần nữa.

Chết tại Bâyrut

Trên trang nhất của các báo Pháp, anh ta nằm trong vũng máu. Trẻ mảnh mai, và đã chết. Đó là ngày 2-02-1988, tại khu Achrafiye', ở phía đông Bâyrut, trong khu vực dân quân thiên chúa giáo Libăng kiểm soát, anh ta đã bị hai kẻ lạ mặt dùng súng tiểu liên bắn chết khi anh đang bước vào chiếc xe nhỏ màu đỏ BMW. Bâyrut là thành phố ai cũng biết nhau, cho nên tin đồn lan rất nhanh rằng đó là một nhân viên của DGSE. Đài Tiếng nói Libăng là đài cách đó một năm đã làm lộ chuyến đi thăm của đại tá Moreau, đã nói rõ anh chàng đó là người phụ tá của trưởng lữ đoàn DGSE tại Libăng, cư ngụ tại Fanar ở phía bắc Bâyrut và đã đến Libăng từ năm 1984. Tên anh ta là Jacques Meurant, hoặc là Jacques Merrin, nhưng không

quan trọng vì cả hai tên đều viết tắt là I.F⁽¹⁾. Một số luật của DGSE ở Paris sử dụng vài nhà báo thân quen, tuy nhiên lại đồ trò quen thuộc để cài chính. Trong những ngày tiếp theo, có những thông tin nói rằng "Merrin" là một nhân viên của hãng thuốc lá SEITA và là "cộng tác viên danh dự" theo việc. Rồi lại có những tin tung ra rằng anh đó không hề liên quan gì đến cơ quan tình báo Pháp. Bỏ cái vỏ bọc "nhân viên hãng thuốc lá" ra còn những chi tiết khác đều là giả. Người bị giết hôm đó tại Bâyrut đúng là một sĩ quan Pháp, 27 tuổi, cấp hàm đại úy không quân, quê quán vùng Carcassonne, xuất thân một gia đình có truyền thống quân sự trong đó có nhiều người là phi công. Anh thuộc cục Tình báo của DGSE thuộc luật Bâyrut. Anh ta là loại "cán bộ nghiên cứu" chứ không phải là loại thích choảng nhau. Một trong số người biết anh ta ngày nay kể rằng: "đây là một chuyện không may vì Bâyrut là một cái chảo mọi người đều biết nhau và người Pháp nào cũng quen nhau. Khi một tai nạn xảy ra như thế, tức là có sai lầm... Anh ta có thể chưa được đào tạo chu đáo để đảm nhiệm công việc được trao, anh ta đã không giữ đúng vai trò trung gian giữa hai nhóm thiên chúa giáo mà anh cộng tác".

(1) I.F. là 2 chữ đầu của 2 từ *Identité Fictive* nghĩa là lý lịch giả. Khi cán bộ DGSE hoạt động ở nước ngoài không mang lý lịch giả thì được gọi là I.R. tức là mang lý lịch thật (*Identité Réelle*).

Khi "Merrin" bị giết là lúc anh ra khỏi trụ sở của cơ quan An ninh Libăng, anh đi điều tra về cái chết của kỹ sư Richard Gimepel, người Pháp, bị giết ngày 11-11-1987, cũng như về việc hai hiến binh lưu động là trung úy Christian Mondon và thượng sỹ André Cruz bị hạ sát ngày 29-10-1987 tại vùng ngoại ô thiên chúa giáo ở phía bắc Bâyrut. Viên sĩ quan trẻ này có lẽ không lường đúng mâu thuẫn giữa hai phái mà anh quan hệ: phái thứ nhất của Elie Hobeika, trưởng tình báo dân quân thiên chúa giáo của Lực lượng Libăng, bị cách chức hồi đầu 1986, rồi ngã theo Xiri; phái thứ nhì là phái của Samir Geagea, người kế vị Hobeika. Một trong hai người kể trên đã giết "Merrin" vì hắn không thể tha thứ trò bất cá hai tay của viên sĩ quan Pháp này. Còn DGSE vẫn mù tịt chẳng hiểu vì sao "Merrin" cũng như hai viên hiến binh Pháp đã bị giết...

Thi hài của anh được bí mật đưa về Pháp, được tổ chức truy điệu theo đúng nghi lễ quân sự tại sân bay Toulouse-Francal với sự có mặt của các tướng Achille Lerche, tham mưu trưởng không quân và François Mermet, tân tổng cục trưởng DGSE, người kế vị René Imbot từ ngày 1 tháng giêng năm 1988. Liệu các vị tướng này có biết rằng viên đại úy 27 tuổi đó đã chết một cách vô ích hay không?

LỰC LƯỢNG ĐẶC BIỆT VÀ TRUNG TÂM KHAI THÁC TÌNH BÁO QUÂN SỰ: NHỮNG CÔNG CỤ BÍ MẬT CỦA QUỐC PHÒNG

Ngày 16-10-1987, đô đốc Hoa Kỳ Harold Bernsen đã nói rất đúng với các đồng sự phương tây có mặt trên vịnh Arập-Batu, trong đó có đô đốc Pháp Jacques Lanxade: tên lửa Silkworm của Iran hôm qua bắn vào chiếc tàu chở dầu khổng lồ 275 000 tấn SUNGARI treo cờ Libêria nhưng là tài sản của Hoa Kỳ sẽ phải bị trừng trị. Điều lãng nhục của quân đội Iran khi đánh chiếc tàu này đang đậu ở bến dầu Mina-el-Ahmadi, cách thủ đô Kôoet 20 km lại càng gây bức tức hơn bởi trận bắn thứ hai vào chiếc tàu chở dầu Sea Isle City mang cờ Kôoet nhưng được Hoa Kỳ bảo vệ. Con số thống kê: 18 người bị thương.

Cái vịnh của mọi nguy cơ

Cuối cùng Hải quân Hoa Kỳ trả đũa ngày 19 tháng 10. Tổng thống Rigan đích thân ra lệnh sau khi đã suy nghĩ kĩ... 7 giờ sáng, những tàu hộ tống chống tàu ngầm Kidd, Hoel, Youg, và Lefwich bắn hàng nghìn quả đạn đại bác xuống trạm rada Rastam và biệt kích hải lục không quân của Hải quân đổ lên Sasan rồi dùng mìn đánh tan căn cứ Sasan. Paris lo ngại Iran sẽ trả đũa lên các tàu chiến có mặt tại vịnh, tình hình căng thẳng và chính phủ chờ những sự kiện nghiêm trọng nổ ra... Dưới hầm bê tông, trong sự im lặng chỉ có đôi tiếng máy điện thoại reo hoặc tiếng máy in chạy, các sĩ quan trực ban của Trung tâm hành quân của quân đội đang hoạt động. Đứng tuyến đầu của vụ khủng hoảng là ban Tình hình của Trung tâm khai thác tình báo quân sự (CERM) đặt dưới hầm trụ sở bộ quốc phòng, nơi được bảo vệ kỹ như hầm của Pháo đài Knox (chứa dự trữ vàng của Hoa Kỳ). Hàng ngày họ phải lập bản đồ các cuộc chiến trên thế giới. Họ đã gắn thêm vào bản đồ này tại vùng Vịnh những viên màu tượng trưng cho những tàu chiến đang có mặt tại khu vực chiến sự này.

Hoa Kỳ làm gì tại vịnh Batu là một chuyện. Nhưng còn hải quân Pháp từ tháng bảy 1987 đã tăng cường rất nhiều lực lượng thì sẽ làm gì nếu một con tàu Pháp bị Iran tiến công hoặc vấp phải thủy lôi thì sao? Có thể đưa ra mọi giả thuyết. Nhưng từ cuối tháng 7-1987 hải quân

Pháp đã sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Có một điều ai cũng biết: Iran rất hiểu rằng Pháp đưa các tàu gỗ mình vào Vịnh và đưa cả một hàng không mẫu hạm với máy bay và hạm đội hộ tống chắc chắn không phải là để du ngoạn.

Từ tháng bảy, trong khi hạm đội ở Toulon chuẩn bị nhổ neo ra khơi, tất cả các chuyên gia tình báo quân sự Pháp đều đã có mặt trên boong chiến hạm giống như các đồng nghiệp Anh và Hoa Kỳ của họ. Mục đích trước mắt: thu thập tối đa mọi yếu tố bằng mọi phương tiện về bố phòng của Iran xung quanh Vịnh. Tức là lên bản đồ chuẩn xác nơi đặt các dàn tên lửa, nơi đóng quân của các đội Cận vệ cách mạng, các hệ thống bảo vệ các sân bay xuất phát của máy bay tuần tiểu trên biển hoặc máy bay khu trục; không quên chụp ảnh các hải cảng và tàu chiến đậu trên các cảng đó cũng như tần số của những gì giống thật hoặc gần giống đài phát. Lại cả những ra đa canh phòng và báo động, những ra đa dẫn đường tên lửa, các tuyến truyền tin vô tuyến điện giữa các bộ chỉ huy v.v...

Trung tâm khai thác tình báo quân sự tuy rất nhỏ nhưng rất lí thú

Các sĩ quan trực nhật trong "hầm" được các đồng nghiệp làm việc trên mặt đất cung cấp thông tin. Đồng nghiệp được chia thành bốn ban theo địa lí (Ban châu Phi-Trung Đông, Ban phe Liên Xô, Ban phương Tây, Ban châu Á-Thái bình dương), giống như sự phân chia địa bàn

của DGSE và TVPQP, biên chế chỉ có 80 sĩ quan. Đây là cơ quan tình báo Pháp nhỏ nhất. Nhưng nó lại rất có ích! Trong số họ có những người ngày nay chúng ta quan tâm bởi vì họ càng một lữ khí hạm đội Pháp tiến đến gần Vịnh vào cuối hè này; đó là những người thuộc đơn vị Tình báo điện tử. Cũng chính họ là những người trong khi cuộc chiến tranh ở Sét diễn ra gay gắt đã nhận được những bức điện vô tuyến của Libi do các trạm thám không của Pháp thu được, chính họ là những người nhận những bản dịch của những tin truyền mà máy bay Atlantic của hải quân ta thu được khi tuần tra ngày đêm trên sa mạc Sét.

Sau khi báo động hạm đội ở Toulon một máy bay bốn động cơ DC 8 chuyển đổi thành máy bay tình báo điện tử và được mang tên là Sarigue (Hệ thống thu thập tin tức chiến tranh điện tử) đã rời sân bay rất bí mật 105 Evreux để đi đến vài nước trong khu vực sẵn sàng giúp nước Pháp, và đặc biệt là nước cộng hòa Gibuti (xem trong khung: máy bay do thám Sarigue). Nguồn tin tức khác của Trung tâm khai thác tình báo quân sự và của Bộ tham mưu không quân: đó là các chuyến công tác của tàu Berry, tàu do thám duy nhất của hải quân Pháp, nó giống như các tàu do thám của các nước là không có súng lớn, nhưng trên mình mang đầy những giây ăng ten giống như tầng cuối của tháp Eiffel vậy. Chiếc tàu buôn ven bờ cũ kĩ đóng năm 1958 này được chính thức ghi vào danh mục hàng hải hàng năm là "tàu thí nghiệm" giản dị thôi.

Cũng như các tàu ngầm hạt nhân phóng tên lửa hoặc những tàu ngầm hạt nhân tấn công, sự di chuyển

của con tàu này được xếp vào loại "bí mật quốc phòng" và không được đăng trong mục "Tàu của chúng ta ở đâu" của tạp chí "Cỏ xanh", của hàng hải Pháp. Về mặt "thí nghiệm", chiếc Berry chỉ tiến hành chuyên về do thám điện tử tập trung vào các vấn đề hải quân. Tháng bảy năm 1987, khi bộ trưởng quốc phòng Giraud thông báo hạm đội Pháp bắt đầu tiến về vùng Vịnh, chiếc Berry đã ra khơi và đi trước hạm đội rồi: hải quân Pháp đặc biệt lo lắng cần biết Iran có ra đa tối tân nhất thế giới có thể đánh bại tất cả những thủ đoạn làm nhiễu sóng ra đa hay không. Họ đã được tàu Berry làm cho yên tâm.

Ngoài những phương tiện thu thập, nghe trộm thường xuyên hiện đại hóa ngược hẳn với cái vỏ tàu cũ kỹ, chiếc Berry chở những chuyên gia ngôn ngữ phương đông để mở khóa mật mã trên các bức điện mật ghi vào băng, sau đó được gửi về Trung tâm khai thác tình báo quân sự sau khi các sĩ quan tình báo trên tàu phân tích "sơ bộ". Công tác nghe trộm điện vô tuyến của các đối phương được mang tên là Tình báo giao liên. Còn dò tìm tần số ra đa hoặc điện đài mang tên là Tình báo tín hiệu.

Để xác định những mục tiêu của Iran để khi cần máy bay Super-Étandard của đơn vị hải - không quân Pháp đóng ở vùng Vịnh dưới quyền chỉ huy của đô đốc Hervé Le Pichon, nghe trộm như thế vẫn còn thiếu. Liệu các máy bay Mirage-IV của không quân chiến lược có bay trên tầng rất cao để chụp ảnh do thám hay không? Chúng tôi chưa có lời xác nhận. Nhưng rõ là cần phải có không ảnh để xác định chính xác những mục tiêu cần phá hủy.

Không ảnh trước mắt do vệ tinh "dân sự" Spot của Pháp cung cấp những bức ảnh màu hoặc đen trắng. Nhưng vẫn cần chính xác hơn. Về mặt này, không ảnh vệ tinh do thám của Hoa Kỳ có thể bổ sung cho Pháp (xem trong khung: vệ tinh do thám).

MÁY BAY DO THÁM SARIGUE

Giữa chiếc Sarigue và chiếc máy bay bốn động cơ DC 8 có gì khác nhau? Với bên ngoài và dưới con mắt không chuyên môn thì rất ít khác nhau, và đối với một người dẫn đường hàng không Iran thì chẳng thấy có gì khác... Sau khi các tàu chiến Pháp được phái sang vùng Vịnh, máy bay Sarigue chẳng gặp khó khăn gì khi dùng đường hàng không quốc tế gần Iran mà các máy bay dân dụng vẫn thường dùng; sau đó Sarigue đương hết máy nghe và để thu thập những liên lạc quân sự của Iran, đưa cho các chuyên gia biết tiếng farsi- loại này rất hiếm có ở Pháp - dịch chúng, dò tần số các đài, giám sát hoạt động của không quân và lục quân Iran: công việc vất vả lâu dài nhưng cổ điển mà đoàn phi hành Sarigue quen làm suốt năm ở vùng giáp với bức màn sắt.

Cũng có nhiều vấn đề: chiếc DC 8 Sarigue mang những máy móc nghe trộm rất tối tân và đã được hiện đại hóa vào năm 1988 tại xưởng

của hãng UTA trong sân bay Bourget, thuộc loại máy bay đã ra đời cách đây hai chục năm nên không thể thay bằng những động cơ mới được. Chi phí bay của nó rất tốn kém và đã nhiều lần phải đưa nó đi sửa chữa hỏng hóc ở những sân bay lạ; nhưng không quân chẳng có đủ tiền để thay thế bằng cách mua máy bay khác...

VỆ TINH DO THĂM

Vệ tinh do thám hàng đầu của Hoa Kỳ chụp được những bức không ảnh nhằm thiết lập "các hồ sơ mục tiêu" của Iran cho Pháp, là vệ tinh KH.11 (Lỗ khóa). Loại vệ tinh KH 11 trực thuộc cơ quan National Reconnaissance Office (Cục Trinh sát quốc gia). Đó là cơ quan quản lý tất cả những kế hoạch do thám vũ trụ của Hoa Kỳ, có hai cơ quan chỉ huy nó đồng thời: CIA và Không quân Hoa Kỳ. Loại vệ tinh này bao giờ cũng phóng từ căn cứ không quân Vandenberg bang Caliphooocnia và cũng có khi thất bại: vào tháng tám 1985 và tháng tư năm 1986, hai cuộc phóng thất bại do tên lửa Titan 3-4 D trục trặc. Nhưng một tuần lễ sau khi Hải quân đánh những bộ phóng của Iran, ngày 27-10-1987, vệ tinh KH11 lại thành công... Thật là đúng lúc: một vệ tinh loại này sắp hết thời gian bay. Không cái gì thoát khỏi KH-11, nó truyền hình ảnh qua một vệ tinh truyền

hình để chuyển về các trạm mặt đất ở Cheltenham (Anh) và Pháo đài Meade (Maryland – Mỹ).

Vào cuối mùa hè năm 1987 bầu trời trên vùng Vịnh Batur thật là phức tạp. Vì Liên Xô tự do phóng những con tàu vũ trụ do thám, và tất nhiên tất cả các trạm quan sát của các nước đều chăm chú giám sát hoạt động đó. Hàng tháng Liên Xô phóng nhiều vệ tinh Cosmos, vì khác với Hoa Kỳ, Liên Xô dùng đồng thời cả hai loại vệ tinh lâu ngày và ngắn ngày; loại trước có quỹ đạo cao và giải pháp vừa; loại sau quỹ đạo thấp có số dòng quét quy định cao, nhưng cuộc đời lại ngắn. Cosmos 1872 phóng ngày 12-08-1987 chỉ ở trên quỹ đạo có 11 ngày. Cosmos 1866 chụp ảnh xong liền bật những cuộn phim xuống đất, ngày 26-07 bị phá trên quỹ đạo và ngày 17 tháng chín có Cosmos 1886 thay thế. Cosmos 1893 phóng ngày 22-10-1987 từ căn cứ Plesetsk ba ngày sau khi bốn tàu hộ tống chống tàu ngầm của Hoa Kỳ bị tấn công trong Vịnh; vệ tinh này giống như KH-11 cũng truyền những không ảnh bằng vô tuyến điện và nó hoạt động rất hấp dẫn: ngày 25-11-1987 đài chỉ huy mặt đất chuyển nó bay về phía tây Têhêran, rồi điều nó bay xuống độ thấp hơn (170 km), đến 1-12 lại cho nó bay ngóc lên cao. Cosmos 1895 phóng ngày 11-11, bay sát Têhêran 12 ngày sau, do thám xong, nó chuyển qua căn cứ hải quân Diego Garcia của Hoa Kỳ, căn cứ hậu cần của hải quân Mỹ tại vùng Vịnh...

Miệng nói tay làm, nhưng với một số điều kiện chính trị khó chịu: như thói thường, Hoa Kỳ muốn cho tình hình, nhưng với điều kiện phải xin một cách lịch sự. Rồi họ "không cho không ảnh, mà chỉ cho xem tại trụ sở sứ quán Hoa Kỳ theo đúng hướng dẫn của Quốc hội của họ! Bao giờ cũng có thể có những thỏa thuận quân tử giữa những quân nhân có thiện chí nhưng sắc thái cũng quan trọng: độ chuẩn xác trong không ảnh Hoa Kỳ thường làm cho các bộ tham mưu khâm phục và đều muốn mang về...

Việc cho Pháp xem những ảnh "Vệ tinh" tuy thế cũng là một tiến bộ, bởi vì theo thói quen, bộ quốc phòng Mỹ thường chỉ cung cấp những bản nghiên cứu, và kiên quyết từ chối cho xem những tài liệu gốc của những bản phân tích đó. Hoa Kỳ không từ chối điều gì với ông bạn André Giraud cho nên không đối xử nhục nhã như với thủ tướng Tây Đức Helmut Schmidt vào cuối thập kỉ 70: để chứng minh sự có mặt của tên lửa SS 20 tại Đông Đức, Hoa Kỳ đã cho ông ta xem những không ảnh bị cắt xén như một bức ren để thủ tướng không còn phân biệt được cái gì với cái gì nữa... Đối với các chuyên gia tình báo quân sự Pháp, những công nghệ gián điệp vũ trụ đó là của riêng của Liên Xô và Hoa Kỳ và chỉ đến năm 1993 trở đi nếu kế hoạch quân sự từ 1986-1991 không có gì trục trặc thì vệ tinh quan sát Hélios mới ra đời (dự chi 2,6 tỉ quan).

Lực lượng đặc biệt

Ngày 12-05-1988, lúc 14 giờ trên sân Cercottes (Loiret) là căn cứ chính của trung đoàn dù xung kích 11, đơn vị quân sự của cục Hành động DGSE, bộ trưởng André Giraud tiến hành chuyển công tác cuối cùng của ông. Chính phủ mới do ông Michel Rocard làm thủ tướng đã được thành lập và ngày hôm sau ông sẽ bàn giao công tác cho ông Jean-Pierre Chevènement. Tướng Maurice Schmitt, tổng tham mưu trưởng quân đội, cũng có mặt cùng tướng François Mermet, tổng cục trưởng DGSE, và toàn bộ các quan chức cao cấp quân sự của đất nước. Mục đích cuộc lễ này thật là nặng nề: cử hành tang lễ cho hai nhân viên DGSE mới từ trần... Tuần lễ trước, ngày 5-5, thượng sĩ Régis Pedrazza, 32 tuổi, và binh nhất dù Jean-Yves Véron, 18 tuổi, đã tham gia vào cuộc tiến đánh vào hang Gossana tại Tân Calêđôni là nơi ẩn nấp của lực lượng đấu tranh đòi độc lập cho người Canác, cùng với số con tin gồm hiến binh lưu động và hiến binh đặc nhiệm.

Khi tướng Jacques Vidal ra lệnh tấn công vào tảng sáng thì có những tình huống bất ngờ đã xảy ra: máy bay lên thẳng do quân đội điều đến nhằm đánh lừa quân nổi dậy lại gây phản tác dụng: làm cho bên nổi dậy đều cảnh giác... Họ được trang bị tốt, bắn rất giỏi lại ẩn trong những chỗ thiên tạo kín đáo và chắc chắn, họ ngắm rất đúng những kẻ tấn công họ. Một tay súng đã cản cả toán của

trung đoàn 11 tiến lên miệng chiếc động. Pedrazza và Véron cú tiến để xác định tên bắn chặn. Hai tiếng nổ chỉ cách nhau vài giây: hai người đều bị bắn trúng đầu và chết ngay tại trận. Tại quê hương của họ ở Garnat-sur Engièvre (Allier) và ở Champagne (Sarthe), hai đứa con của làng xã chứ không phải hai điệp viên trở về với đất tổ...

Chính ngày 9-10-1985, bộ trưởng Quốc phòng Paul Quilès thông báo trên diễn đàn Quốc hội về việc lập lại trung đoàn dù xung kích 11. Tin này đáng ngạc nhiên, bởi vì cái trung đoàn ưu tú của SDECE đã bị giải thể từ đầu năm 1962, sau nhiều năm chống du kích liên miên tại Đông Dương và Angiêri, nhưng tướng René Imbot thiết tha. Ông thậm chí cho rằng đó sẽ là một trong những phương tiện để gây lại sinh lực cho cục Hành động sau khi bị đánh loạn choạng vì thất bại trong vụ Hòa bình Xanh, và đây cũng là một cách rời bỏ lịch sử căn cứ Aspretto tại nam đảo Corse của đơn vị biệt kích đường thủy. Tình hình địa phương đã không thuận cho đơn vị này, bộ tư lệnh căn cứ hải quân Toulon cũng không muốn tiếp tục cho đơn vị hải quân của cục Hành động mượn một phần căn cứ hải không quân Aspretto nữa.

Những tay biệt kích này đã báo cáo láo về mục đích luyện tập với bộ tư lệnh hải quân khi họ cho tàu ra khơi sau đó bí mật cho tàu quay lại đặt bom lén vào vỏ tàu chiến đấu tại quân cảng Toulon chỉ báo trước có vài phút: đó không phải là trò đùa được với hải quân... Nhưng thực ra vào hè 1985 hai bên bắt đầu căng nhau xuất phát từ một chuyện vặt: những phần tử đòi độc lập cho đảo Corse

đánh đắm chiếc tàu tuần tra của hải quan và của hàng hải trong cảng Ajaccio và các cơ quan này đã xin phép hải quân cho tàu đậu trong vũng cảng Aspretto vì ở đây được quân đội bảo vệ. Để lên tàu, ai cũng phải đeo phù hiệu, nhưng biệt kích DGSE coi rằng đó chỉ là ý đồ của hải quân buộc mọi người phải tuân theo nội quy của hải quân: đối với họ, đây chỉ là một sự thuần túy khiêu khích. Hai bên căng nhau, đô đốc vội vã từ Toulon đến giải quyết nhưng bị số biệt kích chửi bới và tuyên bố thẳng thừng rằng họ chỉ tuân theo mệnh lệnh của cấp trên của họ mà thôi.

Lại còn chuyện tiểu lâm rằng có một sĩ quan trẻ hoặc một viên thượng sĩ đã lấy chiếc mũ bốn sao của một đô đốc dùng làm bóng tập quyền. Quân đội nào chấp nhận được như vậy? Khi Paul Quilès nghe được chuyện này, ông chấp nhận ý kiến của tướng Imbot và cho rằng đó là phản ánh một tâm trạng xấu. Điệp viên mặc áo dân thường, đi công tác ở cuối chân trời không bị hạn chế về phương tiện, trung tâm Noisy-le-Sec cũng xa lắc xa lơ... những con người hay công kích, hay chống cãi và hay trả thù! Có những tin đồn đến tai tổng cục DGSE và Bộ Quốc phòng rằng số biệt kích thủy này còn muốn "săn sóc" vài tay Corse muốn giành độc lập nữa... Thật là quá đáng: chúng bắt đầu quên mất rằng chúng là quân nhân. Việc lập lại trung đoàn 11 giúp cho Imbot rất mau chóng thức tỉnh chúng.

Rồi Aspretto, Trung tâm huấn luyện biệt kích thủy chuyển lên Quélern, ở bán đảo Finistère và đổi tên là Trung tâm huấn luyện hành quân biển (CEOM); ở Cercottes

là Trung tâm huấn luyện lính dù trù bị - tên của đơn vị đánh bộ của cục Hành động - do đại tá Patrick Manificat chỉ huy. Trung đoàn xung kích 11 của Manificat tuyển mộ những quân nhân trẻ của các lò quen thuộc đó là trung đoàn dù bộ binh số 1 và trung đoàn long kỵ binh dù số 13. Với đại tá cục trưởng mới của cục Hành động là Jean Heinrich, trung đoàn trưởng xung kích số 11 lập ra Lực lượng đặc biệt mà hai quân nhân chết ở Ouvée là hai thành viên. Chính trong số người được siêu huấn luyện và rất trung thành này sẽ được chọn ra những điệp viên bí mật của cục Hành động mà Imbot đã dựa theo đề xuất của đại tá Heinrich và trước khi về nghỉ hưu ông quyết định tách ra khỏi những lính biệt kích mặc quân phục. Đầu năm 1988, tân tổng cục trưởng Mermet quyết định tiến hành gấp: mùa xuân năm đó ông quyết định những "người bí mật" ở lại Cercottes, còn Lực lượng đặc biệt sẽ đóng tại căn cứ khác. Có thể đó là căn cứ Sissone.

Khó dùng những toán xung kích

Meired Farrell, Daniel Mc Cann và Sean Savage đều là những thành viên tích cực của Quân đội Cộng hòa Ailen (IRA). Chủ nhật mừng 6-3-1988, khi chúng đang ở Gibraltar để công tác - nói rõ hơn: chắc đang chuẩn bị một vụ ám sát thì xe của chúng bị một chiếc xe chở nhiều người mặc thường phục đuổi theo và ngáng trên đường Churchill. Ba người Ailen xuống xe, những kẻ ngáng đường cũng vậy. Chúng bắn liên không nói một lời; trong khi ba

người Ailen không có vũ khí. Kết quả: ba người chết và 15 người nữa chết thảm thương trên đất Ailen. Trong lễ tang ngày 19-5 ở Belfast, một tên đã bắn và ném lựu đạn vào đám đông: ba người chết và sáu chục người bị thương. Đến ngày 19-3, khi lễ tang những người mới chết đang diễn ra thì hai binh sĩ Anh bị dày xéo đến chết.

Sáu tuần lễ sau, ngày 5-5 tại Ouvéea (Tân Calêđôni), chính phủ Pháp quyết định cử lực lượng đặc biệt đến để yểm trợ cho Đơn vị can thiệp của Hiến binh quốc gia. Lính biệt động Hubert của hải quân cùng phối hợp với Trung đoàn xung kích 11. Chính quyền đã dự kiến mang những chiến cụ, như trung đoàn 17 công binh nhảy dù đem theo súng phun lửa, thú vũ khí sẽ có công dụng tốt sau này... Binh lính Lực lượng đặc biệt và biệt động Hubert đều trẻ, được huấn luyện rất kĩ theo mọi kiểu chiến tranh, được trang bị vũ khí và phương tiện tối tân nhất và mạnh nhất. Khi chúng tiến vào mục tiêu, chúng biết rằng sẽ được lưới đạn liên thanh che chở.

Sử dụng những người chuyên nghiệp như thế trong một chuyện tế nhị thực là không sáng suốt: những quân nhân đó được huấn luyện để chiến đấu, tiến hành những kế hoạch cực kì nguy hiểm sau lưng địch, để bắn, để giết, chứ không phải để vừa đánh vừa thương lượng với những kẻ bất cóc. Khi huấn luyện, chúng được dạy rằng chó tin vào kẻ thù bị thương mà tiến lại gần, vì có thể tên này vờ như thế để dễ giết đối phương tiến đến hắn! Để tránh mọi bất trắc trong chiến đấu chúng được học cú bắn theo bản năng vào những bóng người, như thế mới tự vệ được...

Khi các cuộc tranh luận nổ ra sau vụ tấn công về cung cách chỉ huy trận đánh và về những người bị giết một cách đáng ngờ trong số 19 người bắt cóc, thì đã quá muộn rồi! Có nên nghĩ như một vị đối ngoại của chúng tôi về vụ Ouvéa rằng "cục Hành động là một nguồn gây phiền phức vô tận, không nên giao bất cứ việc gì cho nó làm, chỉ cần có nó trong tay là có lợi rồi"? Ý kiến đó có thể là thái quá nhưng khi quyết định dùng lực lượng đặc biệt của DGSE, chính phủ đã không lường hết được mọi tình huống của kế hoạch.

Ở Pháp không có tranh luận công khai về loại công tác trao cho lực lượng đặc biệt, nhưng ở Hoa Kỳ thì khác vì tại đây người ta còn tổ chức những cuộc hội thảo về chuyện này: "Chính phủ của một xã hội tự do không được đề ra chủ trương khi chưa có đủ lí do về đạo đức và luật pháp. Chính phủ còn phải thấy trước khi những lý lẽ chống đối về đạo đức và luật pháp - thường là vô căn cứ nhưng hiệu nghiệm - có thể sinh ra bởi những lời công kích những kế hoạch đặc biệt. Không thể bác bỏ những lý lẽ như vậy về đạo đức và pháp luật, dù rằng lời công kích đôi khi là bất chính và căn cứ vào những quan điểm chuẩn tắc không đầy đủ hoặc quá đơn giản. Nhưng chính phủ cố cải lí về hành vi của mình và kiên trì theo hướng đã định, góp phần to lớn vào thành công của một kế hoạch bị bàn cãi."

Sử dụng lực lượng quân sự "đặc biệt" như thế có nên chi giành vào những hoạt động ở nước ngoài trong một cuộc chiến công khai hay không công khai cần đến lực lượng chiến đấu "không theo quy ước"? Chắc như vậy.

Và ta có thể suy nghĩ rằng một trong những sai lầm lớn nhất của chiến dịch Ouvée là dùng một đơn vị siêu đặc biệt mà tính chất bí mật của nó lại càng làm cho kế hoạch bị thâm hóa thêm. Cũng không sáng suốt nữa ở chỗ sau một cuộc hành quân "cánh sát" như thế - nhất là cuộc hành quân này đặc biệt tàn khốc và ồn ào - những lực lượng tham gia liên biến mất, chẳng kịp giải thích gì cho dư luận... Chỉ có một một vị chỉ huy Đơn vị can thiệp của hiến binh quốc gia là Philippe Legorjus được bộ trưởng Bernard Pons cho phép mà thôi.

Lực lượng đặc biệt: tương lai của chiến tranh chẳng?

Để bảo chữa cho sự phát triển của họ mà họ cho là cần thiết, những người bên vực cho các cơ quan tình báo quân sự Pháp và cho tổ chức can thiệp kiểu Lực lượng đặc biệt lập luận giản đơn như thế này: căn cứ vào sự kiện chính sách rắn đe hạt nhân ngăn cấm được mọi cuộc chiến tranh giống như các cuộc chiến đã nổ ra ở châu Âu và trên thế giới trong những năm 1914-1918 và 1939-1945, họ cho rằng nước Pháp tiếp tục cần có quân đội cổ điển để bảo vệ quyền lợi của chính mình cũng như của đồng minh, và cũng cần những lực lượng có khả năng can thiệp bí mật hoặc nửa bí mật trên thế giới và nhất là ở châu Phi nói tiếng Pháp. Những ví dụ điển hình của những công vụ đã diễn ra trên đất châu Phi như kế hoạch Barracuda vào tháng chín năm 1979 đã giúp cho Pháp -

cụ thể là nhờ cục Hành động và Trung đoàn số 1 RPIMA-thay thế vua Bocassa bằng David Dacko, hoặc bằng các cuộc hành quân ở Sát - kể cả việc đưa những "lính đánh thuê" trù bị của cục Hành động năm 1983 - bắt đầu từ trước khi Mitterrand được bầu làm Tổng thống năm 1981 và được tiếp tục từ đó.

Tuy tin tưởng vào sự có ích của cơ quan tình báo, với điều kiện phải hiệu lực, không gây ra những tai tiếng, các nhà lãnh đạo nước Pháp có vẻ không thiết tha lắm với việc lập những đơn vị quân sự đặc biệt trong những công vụ kín đáo, và về mặt này, trung đoàn xung kích 11 và những bộ phận phụ của nó - biên chế vài trăm con người - có lẽ đã đủ rồi.

Các nước khác không như vậy. Riêng cục tình báo quân sự GRU của Hồng quân đã có ba vạn quân đặc biệt. Nhiệm vụ của binh chủng này, theo các chuyên gia tình báo phương tây, là trong thời chiến thì tác chiến ở vùng sau lưng địch và ẩn nấp trong lòng nhân dân. Những đơn vị đó mang tên là "Spetsnaz" đóng trong thời bình tại những nước mục tiêu để chuẩn bị những kế hoạch bí mật. Theo một số nguồn tin của Hoa Kỳ, những đơn vị đó làm nhiệm vụ như kiểu "ám sát các lãnh tụ chính trị và quân sự thù địch, phá hoại những mục tiêu quan trọng như sân bay, quân cảng, pháo phòng không trên đất địch, lật đổ chính quyền đối phương, những mục tiêu ưu tiên là nhà máy điện, kho xăng dầu, ống dẫn dầu, đường giây và máy biến thế điện".

Bộ quốc phòng Mỹ cho rằng các đơn vị đó tuy tổ chức thành lữ đoàn nhưng khi hoạt động thì chia nhỏ

thành từng toán từ 6 đến 8 người. Trong thời chiến, mỗi lữ đoàn có thể có đến một trăm toán... Spetsnaz có thể giành thắng lợi lớn hơn nhiều so với bản thân chúng khi tiến đánh những mục tiêu quan trọng và thường sơ hở. Năm 1968 những đơn vị đó đã hoạt động ở Tiệp Khắc khi Hồng quân xâm lược nước này và cũng là những đơn vị đi trước của cuộc xâm lược Ápganixtăng năm 1979. Chúng đi hai máy bay Antônốp đến sân bay Kabun ngày hôm sau Noel, mặc quân phục Ápganixtăng và đi trên ô tô sơn màu địa phương, chúng chờ vài tiếng khi đơn vị can thiệp đầu tiên xuống sân bay, liền chạy về dinh tổng thống theo sự hướng dẫn của nhân viên KGB nằm trong sổ quán Xô-viết: "Trên đường ra khỏi sân bay, Spetsnaz bị đơn vị kiểm soát như thường lệ. Quân Ápganixtăng bất ngờ trước số lượng lính đông mà không được thông báo trước nên vây quanh lính Nga. Theo lệnh, các xe bọc thép mở cửa và chĩa súng liên thanh. Con đường vào dinh tổng thống được mở". Chính số lính đặc biệt này sau khi phá hủy tám xe tăng cận vệ, đã ám sát tổng thống Amin Hafizullah khi chúng tảo thanh dinh này.

Ở Hoa Kỳ, các lực lượng đặc biệt dùng trong các cuộc hành quân bí mật và chống du kích hoặc chống khủng bố đã được hoàn toàn tổ chức lại trong những năm tám mươi, đặc biệt sau cuộc hành quân "Sa mạc Một" tai hại vào tháng tư năm 1980, nhằm giải thoát các con tin của sứ quán Mỹ tại Têhêcan, kết quả tám binh sĩ bị chết và nhiều máy bay bị mất. Ngày 1-6-1987 chính thức ra đời Bộ Chỉ huy Tác chiến Đặc biệt (USSOCOM) tại căn cứ không quân MacDill (Florida), do tướng James J. Lindsay

chi huy, đánh dấu sự bắt đầu hoạt động của tổ chức mới này hợp thành từ Lục quân (bộ chỉ huy Hành quân đặc biệt số), Hải quân (Tung tâm Chiến tranh Đặc biệt) và Không quân (Không lực số 23). Mỗi quân chủng điều binh lính, đơn vị và phương tiện đặc biệt phát triển và thích hợp với mọi loại chiến tranh. Năm 1987 tại vùng Vịnh A Rập-Ba Tư, chính máy bay lên thẳng của lực lượng đặc biệt Lục quân Mỹ đã nhiều lần tấn công các tàu tuần tiễu của Iran và chính biệt kích SEAL của lực lượng đặc biệt Hải quân đã phá hủy một cảng dầu Iran hôm 19-10-1987. Có phải Hoa Kỳ không coi là quan trọng mà chỉ cho binh chủng này hơn hai tỷ đôla/ năm không? Chắc chắn là không...

TỪ MẬT THẨM ĐẾN PHÁI VIÊN MẬT NHỮNG TỔ CHỨC SONG HÀNH

"Châu Phi vẫn là lãnh địa riêng của DGSE và là nơi dễ làm ăn nhất bởi vì người Pháp ở đây như ở nhà mình vậy. Nơi đây không phải là nơi dạy cho họ giữ bí mật. Lục địa này là sự chứng minh của DGSE. Thật là một sự đòi bại!" Vị quan chức cao cấp này của Đảng xã hội tuyên bố với chúng tôi khi ông khó chịu thấy phản gián Pháp quá đông trên các nước châu Phi là nơi gián điệp chắc chắn không phải là nguy cơ nghiêm trọng nhất đối với nước Pháp. Vị đó không phải là người duy nhất tố cáo những cách làm đó, từ Thế Chiến 2 và nhất là từ 1958 khi những tổ chức mật thám song hành với các tổ chức mật thám chính thức tạo thành một mạng nhện kiểm soát các nước thế giới thứ ba. Một quan chức khác cũng nhắc lại rằng cùng thời đại Đờ Gôn, một tổ chức như SAC- cơ quan hành động công dân - đã âm mưu kiểm

soát nước Pháp theo chiến thuật kẻ ô vuông (xem khung). Chẳng phải ngẫu nhiên khi thấy đúng sau những mạng đó vẫn là Jacques Foccart, vị cha linh hồn của những tổ chức đó...

Vị quân sư của ông tướng

Tướng Dờ Gôn và François Mitterrand không bao giờ che giấu lòng ngờ vực đối với các cơ quan bí mật của chính phủ. Cả hai ông đều yêu cầu những người thân tín bảo vệ họ trước các cơ quan đó vì họ chẳng bao giờ biết được các cơ quan đó suy nghĩ hoặc hành động gì.

Dờ Gôn với Jacques Foccart để kiểm soát các cơ quan đặc biệt và nhất là SDECE. Người ta gọi Foccart là "Con chó biển" vì ông này chẳng phải là con người lạ lẫm của các cơ quan bí mật: trong Thế Chiến 2, ông công tác ở Cục Tình báo và Hành động Trung ương (BCRA). Năm 1958 ông được bổ nhiệm làm cố vấn tổng thống. Vị giám đốc một hãng xuất nhập khẩu này còn được ủy nhiệm bảo vệ "quyền lợi của Pháp" tại châu Phi nói tiếng Pháp đang trên quá trình phi thực dân hóa, để áp đặt và bảo vệ quyền lợi chính trị và kinh tế của Pháp trên châu lục này. Ông trở thành mưu sĩ và kẻ thao túng những tổ chức tình báo song hành và khi cần kiêm luôn cả hành động nữa.

Những "lưới của Foccart" chủ yếu hoành hành ở châu Phi với sự giúp đỡ hoặc làm thiệt hại cho SDECE tùy theo tình huống. Trong bản báo cáo năm 1982, ủy ban điều tra về hoạt động của SAC khẳng định rằng "việc

tổ chức và cài cắm của những lưới đó chỉ bắt nguồn từ SDECE và SAC. Nếu nhìn từ nước ngoài (nhất là từ Hoa Kỳ) hoạt động của SDECE và của SAC pha trộn rất đậm vào nhau".

Vì thế châu Phi trở thành lãnh địa của nước Pháp và của các cơ quan mật thám Pháp, giống như châu Mỹ la-tinh đối với CIA, hoặc Trung Đông với Intelligence Service của Anh. Một lối phân chia thế giới kiểu Yanta trong bóng tối...

Jacques Foccart là một con người kín tiếng, đó là yêu cầu của nhiệm vụ. Được Đờ Gôn tin tưởng khiến cho ông ta trở nên có quyền lớn đến mức hể trên lục địa đen này xảy ra một "vụ" nào là người ta lại nói đến tên ông... Các "lưới của Foccart" chủ yếu gồm những doanh nhân và những nhà buôn cư trú trên nhiều nước châu Phi đen. Tờ "Con Vịt bị trói" còn khẳng định "vị quân sự" của tướng Đờ Gôn "có nhiều bạn thân làm nghề ngoại giao như Fernand Wibaux, cựu đại sứ ở Sát, Jacques Kosciusko-Morizet, cựu đại sứ ở Zaia (Cộng gô), Maurice Delauney, đại sứ lâu năm ở Gabông, Joseph Lambroschini, nguyên lãnh sự tại Katanga khi Pháp âm mưu xâm nhập vào tỉnh này lần đầu vào năm 1962-63".

Bên cạnh những quan chức cao cấp đó, còn những nhân vật đáng ngờ hơn hoạt động giữa những ranh giới mờ mờ của các tổ chức phản gián chính thức với các tổ chức nửa chính thức của Jacques Foccart. Cũng chẳng lạ gì khi tên của Foccart được nêu ra sau vụ ám sát ông Ben Barka năm 1965, trong đó có những "điệp viên đơn độc" của SDECE và những thành viên trộm cắp dính líu...

Trong cuốn hồi ký của mình do Christine Ockrent viết, Alexandre de Marenches tỏ ra không thích thú gì với những tổ chức của Foccart mà ông kể vị năm 1970: "Cái giai đoạn lịch sử đó của các cơ quan mật của Pháp đã bị bôi bẩn bởi sự phát triển của cái mà người ta gọi lúc đó là "mật thám". Một trong những nhiệm vụ Tổng thống Pompidou trao cho tôi là chấm dứt hoạt động của những "mật thám" đó vì không thể kiểm soát và chỉ huy được chúng nữa..." Ông đã giải quyết dứt khoát và loại bỏ nhanh cái đám lúc nhúc và nguy hiểm này, nhất là ở châu Phi, nơi các lưới mật thám phát triển nhanh như loài amíp vậy. Bởi vì theo ông de Marenches: "Trong một số kế hoạch những người thừa hành đã vấp phải những lưới đó... hoặc những tổ chức khác của Pháp. Tôi liên hệ đến cái công ty dầu lửa nào đó đã tổ chức riêng đơn vị tình báo của mình". Ông ta đã nói bóng gió đến công ty ELF mà vị chủ tịch hãng là Pierre Guillaumat - sau này sẽ được nêu lên trong vụ "máy bay sịt mũi" - là một "tay nghiệp dư cỡ bự trong những trò chơi chính trị trong bóng tối". Dưới thời đại de Marenches các lưới của Foccart giảm bớt hoạt động, tuy có yêu cầu sẽ được ngóc đầu dậy như chúng ta sẽ thấy.

Người khởi xướng của nó vẫn ở lại chức tổng thư ký về công tác châu Phi đến khi Giscard d'Estaing được bầu làm tổng thống năm 1975, rồi quay lại nghề buôn bán và trở thành nhà quản trị của hãng dệt Gonfreville ở Seine-Maritime. Theo Đồ Gôn không điều kiện, Jacques Foccart tiếp tục giữ liên hệ với đảng Tập hợp Nhân dân RPR. Chẳng ngạc nhiên khi Jacques Chirac sau tháng ba

1986 lại vùi Foccart ra để giải quyết vấn đề "khủng bố" Goadolup của Quân đội cách mạng Caribê.

Vị quân sư này thạo Goadolup vì đã sống ở hòn đảo đó thời thơ ấu; bố ông là cụ Guillaume Foccart vốn là nhà nông ở đây; cho nên ông hãnh diện nhận nhiệm vụ quay lại mảnh đất cũ. Tờ Con Vịt bị trói đã tiết lộ vào tháng ba 1988 bằng cách công bố bức thư của thủ lĩnh Quân đội Cách mạng Caribê là Luc Reinette, chính Jacques Foccart đề xuất lên thủ tướng Chirac nên mặc cả với những "tên khủng bố Goadolup" từ tháng tư 1986, trong khi đó chính phủ Chirac chính thức khẳng định rằng chưa từng thương lượng với họ, trái với đảng xã hội... Sự tự ái của tình trưởng Goadolup là ông Yves Bonnet - cựu cục trưởng DST-là người bị gạt ra ngoài những cuộc thương lượng, cuối cùng đã làm hỏng dự án "tha lỗi pháp lý".

Từ các lưới của Foccart đến các lưới của Grossouvre

Các viên chức DGSE không thích thú gì với việc Đảng Xã hội lên nắm chính quyền năm 1981. Tổng cục trưởng mới Pierre Marion sớm vấp phải sự chống đối mạnh, nhất là ở lãnh địa châu Phi là nơi lớn vốn bóng dáng SDECE (sau là DGSE) ở mọi sự kiện xảy ra; vụ đảo chính ở Trung Phi, tướng Kolingba thay David Dacko vào mùa hè năm 1981, rồi phong trào nói xấu và chống

chủ nghĩa xã hội ở Libreville (đại sứ Pháp ở Gabông công khai đả kích chính sách mới về châu Phi của cánh tả trên báo Paris Match) và một cuộc đảo chính giả ở Sát vào tháng 10 năm 1981!... Chúng tôi sẽ quay lại vụ này kỹ càng hơn trong chương nói về việc thao túng báo chí.

CƠ QUAN HÀNH ĐỘNG CÔNG DÂN

Ngày 18-7-1981, thanh tra cảnh sát Jacques Massie' và 5 thân nhân bị sát hại tại Auriol gần Marseille. Ông này vốn là cựu thủ lĩnh Cơ quan Hành động Công dân (SAC) tỉnh Bouches-du-Rhône. Một tuần sau, nhóm nghị sĩ cộng sản ở Quốc hội yêu cầu thành lập một ủy ban điều tra về SAC là tổ chức trong hai chục năm qua đã trở thành đối tượng ở mục thời luận chính trị và pháp lý của Pháp.

Sáu tháng để chọc thùng hai chục năm bí mật! đó là lời thốt lên của ủy ban điều tra về hoạt động của SAC trong Lời nói đầu của bản báo cáo đồ sộ xuất bản cuối năm 1981.

Từ đảng Tập hợp Nhân dân đến cuộc đấu tranh chống lật đổ

Ban đầu chỉ là một tổ chức tầm thường lập theo luật 1901, xin được phép Sở Cảnh sát tháng giêng năm 1969. Xuất phát từ tổ chức giữ trật tự của đảng THND Pháp (RPF), SAC gắn liền với

phong trào Đờ Gôn. Đối với một số người, tổ chức này ra đời vì những người đứng đầu RPF ngờ vực các chính đảng. Đối với số người khác, nguyên nhân chính là lãnh đạo phong trào Đờ Gôn muốn có một toán người sẵn sàng hành động, xâm nhập chính quyền và nhất là cảnh sát. Ủy ban điều tra vạch lại lịch sử SAC và phát hiện ra kẻ khởi xướng chính là Foccart, người cha tinh thần của phong trào.

Thất bại của cuộc trưng cầu ý dân tháng tư 1969 và việc tước Đờ Gôn từ chức đã khiến cho SAC phải tự hỏi có nên tồn tại không. Một số như Charles Pasqua cho rằng chẳng nên để nó tồn tại. Vị bộ trưởng Nội vụ tương lai của Jacques Chirac từ chức phó chủ tịch SAC vào tháng 10-1969, lúc mà Pierre Debizet nắm lại phong trào và tổ chức nó lại. Debizet là người theo chủ trương giữ Angiêri làm thuộc địa "không xa lắm với lập trường của Tổ chức Vũ trang Bí mật (OAS), một tổ chức tội ác đã nhiều lần mưu sát tướng Đờ Gôn". Đó là lời khẳng định của Ủy ban Điều tra.

Lí do tồn tại chính thức của SAC từ năm 1969 là chống cộng sản, nó chủ trương tiến hành đấu tranh toàn diện "chống lật đổ" và gìn giữ trật tự ở bất cứ nơi nào bị đe dọa. Đó là lý do giải thích vai trò của SAC trong việc lập ra Liên hiệp quốc gia liên đại học" quan hệ với các liên đoàn chủ doanh nghiệp có thể lực như CFT và CSL.

Ủy ban điều tra nhận xét trong bản báo cáo rằng các phương tiện SAC dùng là nguy hiểm như hành động của cảnh sát không chính thức, xâm nhập, bạo lực. Chúng không "phù hợp với luật pháp của nước cộng hòa", khiến cho SAC trở thành một phong trào phản dân chủ", Tháng 7 năm 1982, một năm sau vụ tàn sát ở Auriol, chính phủ đảng xã hội quyết định giải tán SAC...

Đối với chính quyền mới như thế là quá quắt quá. Số thù phạm mau chóng bị phát hiện, chúng thuộc "phe Gabông", phái tình báo quân sự cũng như phái thân Giscard trong SDECE. Nhiều âm mưu phao tin giả để làm mất uy tín tân bộ trưởng Jean-Pierre Cot là người thân thế giới thứ ba. Còn ông Pierre Marion hình như cũng gặp nhiều khó khăn khi dẹp những nhóm chống đối này. Chỉ còn Tổng thống giữ được vai trò phao cứu nạn của chính sách còn dang chập chững.

François Mitterrand bắt chước Đờ Gôn đi với một người thân tín là François Durand de Grossouvre. Đó là người bạn thân lâu năm. Tổng thống yêu cầu người con của nhà chủ ngân hàng này kín đáo quản lí giúp ông những cơ quan bí mật và quan tâm đặc biệt đến khu vực châu Phi và A-rập là những nơi Grossouvre có nhiều quan hệ khi còn kinh doanh.

Vị cố vấn đặc biệt của tổng thống cũng là nhân viên cũ của BCRA như Foccart, bắt tay vào công việc cùng với một chuyên gia về châu Phi là Guy Penne. Giải pháp

duy nhất đối với hai vị này cũng là môn thuốc mà Foccart dùng cách đây ba chục năm: thiết lập những lưới tình báo riêng không liên quan đến tổ chức chính quy là DGSE và các cơ quan khác, nhưng liên lạc thẳng với phủ tổng thống! Ta cũng nhận thấy sự giống nhau giữa đơn vị hiến binh trong phủ tổng thống của Prouteau với cái "văn phòng đen" mà năm 1963 ông Mitterrand đã tố cáo như sau: "Tôi không hình dung rằng Đờ Gôn lại nhạy cảm với sự ham thích bệnh hoạn của công tác cảnh sát. Nhưng tôi biết rằng tướng quân coi trọng rất nhiều công tác này và ra sức khai phá nó. Ông có văn phòng đen. Ở trên hoặc ở ngoài Bộ Nội vụ và giám đốc An ninh quốc gia, phủ tổng thống tự tiến hành điều tra, trực tiếp thu thập tin và ra lệnh tiến hành một số kế hoạch. Thành viên của phủ tổng thống hoàn toàn trung thành với ông và không tổ chức nào khác chỉ huy họ, thông tin cho ông, thao túng, chi đạo những lưới song hành, nuôi dưỡng chi điểm v.v...".

Hai mươi năm sau, những chân tay của tổng thống hiểu ra rằng những mối quan hệ làm ăn và hơn thế nữa là các mối quan hệ đoàn kết trong hội tam điểm - Grossouvre là hội viên của tổ chức tam điểm Phương Đông lớn của Pháp - có tác dụng rất mạnh. David Dacko, Omer Bongo, những bộ trưởng và nhiều quan chức cao cấp châu Phi, đều là hội viên tam điểm. Grossouvre và Guy Penne - ông này cũng theo tam điểm - lúc đó quyết định liên kết với... những lưới cũ của Foccart mà de Marenches đã cho nghỉ. Tất nhiên không đặt vấn đề dùng những "mật thám đáng ngờ nhất, già nua nhất và kém về chính trị nhất, mà chỉ dùng những mật thám đã công tác

một cách trung thực và có thể được xếp vào loại Đờ Gôn cánh tả". Họ cũng huy động cả những nhân vật như Ponchardier, tác giả loại sách "Khi dạng người" nổi tiếng, và nguyên là người cầm đầu cơ quan trật tự của tướng Đờ Gôn, Roger Barberot, cựu đại sứ tại Trung Phi, Pierre Dabezies, cựu đại tá của trung đoàn xung kích 11 năm 1982 được bổ nhiệm làm đại sứ của Pháp tại Gabông.

Việc làm sống lại mạng lưới cũ của Foccart và một mặt trận tam điểm đã giúp cho phe tả tự khẳng định mình ở châu Phi. Kết quả cũng chưa nhất quán, nhưng dù sao cũng tránh rơi vào tình thế lơi lỏng quan hệ giữa Pháp và những "bạn thân" châu Phi của mình.

Các quan hệ của ông giám đốc M

Sự liên tục đáng ngạc nhiên trong các phương tiện của chính sách châu Phi của Pháp có thể giải thích được một phần bởi ngay sự tồn tại của những lưới song hành này, những lưới đó tồn tại do các cơ quan phản gián đã gây ra ngờ vực cho các người lãnh đạo. Chẳng hiếm thấy một tổng Cục trưởng tình báo tự coi mình như một ngoại trưởng hoặc một siêu bộ trưởng dám ứng xử ngang hàng với một vài nguyên thủ quốc gia. De Marenches thuộc loại Tổng cục trưởng đó. Ông chẳng bao giờ giấu giếm rằng ông đã lọt được vào "bí mật của các ông hoàng".

Cái đạo đức học này của nguyên tổng cục trưởng SDECE khi ông phụ trách cơ quan đó cũng không tránh

được những lời phê phán. Sau khi ông tự nguyện ra đi vào năm 1981- ông không chấp nhận việc cộng sản tham gia chính phủ Pháp... những cựu cộng tác viên và những người lãnh đạo mới của cơ quan đã nghiêm khắc đánh giá mười một năm trị vì của vị bá tước đa nghi và ích kỷ này. Nhiều người ghen tị về quan hệ được ưu đãi với vua Iran, với triều đình Ả-rập Xê-út hoặc với những cuộc viếng thăm liên tiếp của ông với vua Maroc.

Nhiều người cho rằng de Marenches chẳng thoát được sự cám dỗ sử dụng những quan hệ của mình cho riêng mình. Vì mục đích gì? Điều này cần làm cho rõ, như quan hệ của ông với một vài chỉ điểm nước ngoài như loại Francesco Pazienza bí hiểm...

Vai trò của tên lính đánh thuê tài chính này, sinh năm 1946, chưa bao giờ được xác định, nhưng người ta biết rằng tên của hắn có gắn với nhiều vụ tai tiếng trong những năm bảy mươi: vụ phá sản gian lận của ngân hàng Vaticăng - ngân hàng Banco Ambrosiano, vụ ám sát của cánh cực hữu ở nhà ga Boulogne năm 1980, vụ bê bối của hội quán Tám điểm bí mật P2 mà Pazienza là một thành viên danh dự kiêm điệp viên cơ quan bí mật Italia SIMI... Từ năm 1985, Pazienza đã phải hầu tòa án Italia về việc làm lộ bí mật nhà nước và cưỡng đoạt tài sản.

De Marenches biết Pazienza. Người ta còn khẳng định Pazienza có làm việc cho tình báo Pháp tháng 7-1985:

các quan tòa hình sự Rôma căn cứ vào một số tài liệu mật nhận định Paziienza được DGSE trả lương đều đặn!

De Marenches và Michel Roussin, nguyên là quan chức SDECE và chánh văn phòng của thủ tướng Chirac năm 1986, hình như cần đến Paziienza và người Italia vì họ quen thuộc vùng Machrek và thậm chí cả vùng Bắc Phi hơn cả người Pháp. Cũng đúng là hai cơ quan tình báo thường xuyên trao đổi với nhau qua thỏa thuận Totem là văn bản thỏa thuận trao đổi tình báo quân sự giữa các nước NATO. Marenches và Paziienza gặp nhau đều đặn tại Paris cũng như tại Rôma.

Cách đây vài năm, hai tuần báo Minute và L'Expresso đã khẳng định de Marenches và Roussin đều là thành viên của hội tam điểm P2 như Paziienza. Thông tin này xuất phát từ SDECE và nhằm thanh minh việc làm hơn là sự thật, vì P2 hình như chủ yếu là chuyện nội bộ của Italia.

Những quan hệ với các tổ chức hoặc nhân vật đáng ngờ là công việc của nhiều phe hoặc chế độ riêng biệt dù là Đờ Gôn hoặc là phái Giscard d'Estaing. Được biết Grossouvre, chuyên gia tình báo của Mitterrand, có quan hệ đặc biệt với một số nguyên thủ quốc gia ở châu Phi cũng như ở các nước A-rập. Nabib Bourguiba ở Tuynidi, Amin Gemayel ở Libăng đều là những tay chân của Grossouvre là người hiểu tầm quan trọng và ảnh hưởng

của số thân cận của những người có thể lực trong thế giới đó.

Rifaat el-Assad thuộc vào loại này.

Trung gian đáng ngờ

Con người này bí hiểm và có thể lực. Ông còn được nhận xét từ lâu là con người nhắm mắt theo anh ruột, tổng thống Hafez el-Assad của Xiri. Từ một sĩ quan hải quân bình thường Rifaat được bổ nhiệm chỉ huy các lực lượng đặc biệt Xiri khi anh ông lên nắm chính quyền vào tháng 11 năm 1970. Đúng đầu các cơ quan bí mật và một binh đoàn hàng mấy nghìn quân, mang tên là "Báo hồng", ông trở thành một con người hùng của chế độ. Hùng quá nên ông anh tổng thống phải quyết định đưa ông đi xa khỏi chính quyền vào năm 1982. Thế là bắt đầu cuộc lưu vong mạ vàng của vị quân nhân độc đoán và tàn bạo có năng khiếu về mọi việc kinh doanh... Vũ khí, ma túy, xe ô tô, tên của ông dính vào nhiều vụ buôn lậu giữa Pháp, Espana và Trung Đông. Cảnh sát Espana đã nhiều lần hỏi cung ông ở Costa del Sol, nơi ông lập bàn doanh.

Cảnh sát Espana lại chú ý đến ông sau khi phát hiện ở Pháp vào tháng 12 năm 1986, một tử thi trên vệ xa lộ A7 gần Valence (Drôme). Trong chiếc đồng hồ có vi tính của con người chết có tên là Brini Merzoug, kiều dân Xiri, chuyên buôn lậu ô tô bị đánh cắp, có nhiều số

diện thoại trong đó có số điện thoại của Rifaat el-Assad, 80, phố Kennodi, quận 16 Paris...

Tại Pháp, Rifaad có nhiều tài sản và nhiều doanh vụ như đài phát thanh Thế giới thứ Ba; chính quyền chấp nhận sự có mặt của doanh nhân giàu có này. Grosouvre và Marion coi ông ta là người trung gian quý giá với bọn khủng bố Trung Đông. Tổng cục trưởng DGSE Marion đã công nhận vào tháng 9-1986 trong bài trả lời phỏng vấn của Tờ báo người Quan sát khi ông kể lại một trong những cuộc gặp Rifaat như sau: Ông Rifaat thường xuyên chối cãi không dính líu gì với bọn khủng bố, hoặc không có quan hệ gì với Abou Nidal. Khi ăn tráng miệng, tôi đã nhìn thẳng vào mắt ông ta và nói: "Thưa ngài, xin ngài hãy hứa với tôi rằng sẽ không còn xảy ra ám sát tại Pháp nữa. Ông ta đã hứa và giữ lời hứa đó..."

Trước khi mua một căn hộ tại Gray d'Albion ở Marbella, thành phố của những nhà tỉ phú Espana, với giá 60 triệu đô-la, Rifaad sống nhờ một thời gian trong ngôi nhà của một nhân vật bí hiểm tên là Munzer al-Kassar, kiều dân Xiri, mà cảnh sát Espana coi là một tên buôn lậu vũ khí và ma túy. Tại Pháp con người này cũng bị chú ý, anh hẳn là Ghassan đã bị tù sáu năm vì tội buôn ma túy. Bản thân Munzer cũng đã bị kết án tám năm tù về tội âm mưu giết người...

Theo tờ Libération, chính vì mục đích xóa sạch lý lịch tội ác mà Rifaad đóng vai trò tài chính năm 1986 trong việc giải phóng hai nhà báo bị bắt cóc tại Libăng là P.Rochot và G.Hansen. Chính con người này mà Pierre Péan viết trong cuốn Sự Đe dọa: nhà báo giải thích rằng

tay buôn vũ khí người Xiri sống ở Marbella, bị cấm cư trú tại Pháp, đã đề nghị đánh đổi việc y can thiệp cứu các con tin với chính phủ Xiri với việc xóa án cho y... Thủ đoạn này có lẽ cũng được dùng để thanh toán tiền chuộc với bọn bắt cóc J-P Kauffmann, M Fontaine và Carbon đúng vào lúc tổ chức vòng hai cuộc bầu tổng thống năm 1988. Điều lợi là chính phủ có thể khẳng định thành thật rằng chính phủ không bao giờ bỏ một xu nào cho bọn bắt cóc... Nhân danh quyền lợi quốc gia và tính hiệu nghiệm, các chính phủ với cơ quan tình báo của họ có thể bán rẻ những nguyên tắc đạo đức lớn lao. Đặc biệt đúng là thùng thuốc súng Trung Đông và hậu quả là nạn khủng bố trên châu Âu là bộ phận của những lĩnh vực cực nhạy cảm thường rất khó "quản lí". Huống chi khi xen vào đó những tranh giành giữa các cơ quan phản gián hoặc giữa các chính đảng, hoặc tệ hơn nữa giữa các bộ trong cùng một chính phủ.

Những phái viên nửa chính thức

"Tôi cho đó là một điều vô cùng đại dột khi phái bác sĩ Raad... Không biết có phái Xiri chủ trương như thế hay không, nhưng đó là một điều vô cùng đại dột!" chuyên gia về thế giới A rập này khẳng định sống sượng với chúng tôi như vậy. "Raad là ai? Tiềm lực của hắn như thế nào? Anh hắn là thủ trưởng tình báo của Walid Joumblatt, nhưng Joumblatt là như thế nào? Một con bài trên bàn cờ đôi khi Ixraen thao túng, đôi khi là Xiri, hoặc

đôi khi là bất cứ ai! Thật là lố lăng...", quan chức cao cấp này kết luận rằng bác sĩ Raad không phải là con người cần thiết, ông giải thích thêm: "Ông thầy thuốc chống bệnh lao Pháp-Libăng kiêm ủy viên hội đồng thành phố RPR (đảng Đờ Gôn) xã Orne trong gia đình có tín đồ Si-it cũng như đạo thiên chúa, nhưng "ông ta quan tâm đến nghề nghiệp của mình hơn là đến các con tin". Marie Seurat viết một cách nghiêm khắc "thái độ hai mặt" và những hy vọng giả dối của Razah Raad và bạn công tác Pierre Blom của hắn trong nhiều tuần lễ.

Hắn có phải là người của ngoại trưởng R. Dumas hoặc của thủ tướng L.Fabius không? Người ta nói phủ tổng thống không dùng Raad vì đã có doanh nhân Xiri Omram Adham là người được Xiri tin cậy. Mâu thuẫn giữa Raad và Adham chẳng mấy chốc đã nổ ra. Hai bên tố nhau trên báo chí khi sắp bầu cử tháng 3-1986, rằng đã phá cuộc thương lượng để giải thoát các con tin M. Fontaine, M. Carton, J-P. Kauffmann và Michel Seurat.

Có phải là những người trung gian vô tư hoặc doanh nhân và nhà chính trị định tự quảng cáo một cách rẻ tiền không? Khó xác định nổi động cơ của những phái viên đó. Rõ ràng các nhà ngoại giao coi thường những can thiệp đôi khi có hại của những sứ thần nửa chính thức và không chuyên này mà kết quả nói chung chẳng rõ ràng gì.

Trong số những người trung gian này, Lucien Bitterlin là người ý nhị nhất. Là nhà báo cũ, phái viên tự nguyện này đã gặp Abou Nidal để xin tha Jacqueline Valence và hai cô con gái bị bắt cóc ở ngoài khơi Libăng ngày

8-11-1987. Là đảng viên Đờ Gôn cũ, hơi tiến bộ, hơi ngoài lề, đã chiến đấu chống OAS để ủng hộ Đờ Gôn tại Angiêri. Trong hồi kí ông đã viết về cuộc đời hoạt động của ông như sau: "Thất lưng dắt khẩu súng tự động cỡ 7,65, một khẩu tiểu liên Đức, một vệ sĩ đi kèm, đó là những bạn đồng hành hàng ngày của tôi ở Angiêri". Ông là một trong những người đầu tiên chống OAS không chịu trả độc lập cho Angiêri, và buộc phải trở thành một "mật thám".

Trở về Pháp, ông lập hội Pháp-Arập và một họa báo du lịch, kinh tế và chính trị lấy tên là Pháp-Arập luôn thiếu tiền. Ông khẳng định "Tôi chẳng làm cho ai. Chẳng làm người phát ngôn, cũng chẳng làm công cho ai. Tôi gặp mọi người, từ những người Xiri đến những người Palestin ôn hòa chống Xiri, cũng như "Mặt trận từ chối" hoặc Mặt trận giải phóng Palestin. Cả người Ixraen nữa." Có lẽ vì tính cởi mở đó mà ông chưa xin được Abou Nidal tha ba phụ nữ Pháp, bởi vì Nidal chẳng nói rõ ông ta đòi điều kiện gì.

Sự tồn tại của những "ông trung gian" này đã từ lâu bị các chính phủ chối cãi, trong khi rất khó bỏ qua trung gian để giải quyết tình hình nước sôi lửa bỏng ở Libăng là nơi tình bạn và hận thù không bao giờ dứt khoát.

Người ta là dững cảm, người ta là tên ngốc!

Phải chờ đến khi các con tin Roger Auque và J-L Normandin được giải phóng tháng 11-1986 thì chính phủ Chirac mới thừa nhận có sự can thiệp của "một phái viên

của chính phủ Pháp". Màn che cuối cùng đã vén lên để lộ ra Jean-Charles Marchiani, tức Stéfani, nhân viên cũ của SDECE, rồi đi kinh doanh được người bạn đồng hương và thân tín là Charles Pasqua mời. Dù thế nào ông này cũng làm được việc giải phóng con tin. Phóng viên AFP Christian Millet đã gặp Marchiani trong chuyến ông này đi Bâyrut tháng tư năm 1988. Ông tả phái viên này là một người can đảm, nghiêm khắc, buống binh và đáng tin. Tầm thước, sinh năm 1943 tại đảo Corse, ăn vận đúng đắn, dáng dấp của doanh nhân cổ điển, không ai biết được ông đã từng là điệp viên từ 1968 đến 1971, khi ông mười tám tuổi đã tham gia tổ chức "Bàn tay đỏ" của SDECE nhằm truy tìm những "người xách vali" của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Angiêrì. Cùng tham gia Cơ quan Hành động Công dân (SAC) với bộ trưởng Nội vụ tương lai Charles Pasqua, cho nên được Pasqua vờ ra lo cho bộ trưởng mới nhận chức vào tháng tư năm 1986 phần việc Libăng.

Trong đời tư, quan điểm của ông về nạn khủng bố là rõ ràng: không thương lượng với bọn bắt người! Tuy thế ông đã chấp nhận làm việc, trong nhiều tháng rất bí mật thương lượng với nhiều tổ chức hồi giáo. Trung thành và tận tụy với bộ trưởng, nhà công nghiệp Pháp này có một số chủ bài nhất là mối quan hệ với hai doanh nhân Libăng sau này đóng vai trò chủ yếu trong vụ con tin. Người thứ nhất là Boulos Ancache, người thứ nhì là Iskandar Safar, chủ tịch - tổng giám đốc hãng Tria Corp, phố Franklin-Roosevelt ở Paris, một công ty công nghiệp mà Marchiani là nhân viên.

Ba người này kiên trì thương lượng với Xiri, Iran và những kẻ bắt cóc đã đạt được kết quả khiến cho Bộ

Ngoại giao cũng như DGSE của Pháp đều đứng ngoài. Theo một quan chức cao cấp của DGSE thì Marchiani và tướng Imbot có đi Xi-ri nhưng không đi cùng. Sau đó Imbot nhận được lệnh của bộ trưởng Quốc phòng thôi không làm về con tin nữa.

Pasqua khoan khoái về thành công này. Để đi đến kết quả đó, Marchiani có một phòng làm việc ở Bộ Nội vụ với một nữ cộng sự duy nhất là Marie-Danielle Faure, cô thư kí này tận tụy và hữu hiệu, làm việc bất cứ lúc nào. Phương tiện làm việc là nhiều đường điện thoại và tin tức của tất cả các hãng thông tấn trong và ngoài nước. Christian Millet bốn tháng chờ đợi ngày trở về của các con tin đã đánh giá cao tính nghiêm khắc của nghiệp vụ của Marchiani và Faure như sau: "Họ rất đúng giờ. Khi họ yêu cầu gọi lúc 9 giờ hoặc giữa trưa, thì đúng 9 giờ hoặc đúng 12 giờ trưa, không trước một phút, cũng không sau 5 phút. Họ cũng có tính rất lính như họ nói "Bạn có thể ra khỏi trại đến 18 giờ; nhà báo kể lại cho chúng tôi như vậy.

Khi cái ngày chờ đợi đã đến, phóng viên AFP tất nhiên sẵn sàng đến sân bay Bourget để tháp tùng Marchiani trên chiếc máy bay Falcon 50 của tư nhân đi Bâyrut. Ngày hôm đó hãng máy bay Libăng mà Marchiani và Iskandar Safar thường thuê lại không còn máy bay cho thuê, nên hai người phải đi máy bay Thụy Sĩ... Họ ngạc nhiên vì họ lên đường bằng sân bay dân sự Bourget không được kín đáo. Tóm lại đây là chuyến đi khó mà che được mắt mọi người... Khi đến sân bay Bâyrut cũng vậy. Vì chiến tranh nên máy bay đến đây cũng ít, chủ yếu chỉ có máy bay thương mại của hãng hàng không Libăng "Trung Đông"

và máy bay quân sự Xiri. Chiếc máy bay tư nhân mang thập ác to tướng không thể thoát khỏi ống kính của các nhà nhiếp ảnh thông tấn. Các báo Pháp sẽ khai thác ngay tức khắc những bức ảnh chụp này. Điều kiện bí mật cho chuyến bay sẽ không thể giữ được. Các bài bình luận đều ít nhiều gay gắt: kế hoạch giải phóng con tin đã thất bại, nhiều nhà báo có cảm tưởng rằng điều bí ẩn giả dối này thực ra che giấu một chủ trương đầu độc. Chúng ta đang còn vài tiếng nữa là bầu cử tổng thống vòng một... Sau đó một tuần lễ việc thả những con tin cuối cùng của tổ chức bí mật Jihad hồi giáo chứng minh là báo chí nhầm.

Và lại, lời chứng của nhà báo Christian Millet và những yếu tố chúng tôi vừa nêu ra làm cho chúng ta nghĩ rằng "việc quảng cáo" dựng lên quanh chuyến đi bất thành này thực ra do sự ngẫu hợp tình huống. Đối với nhà báo có uy tín thì nó rơi vào cái lô-gich của DGSE: "Một chuyến đi điển hình của những điệp viên quá tự tin và tuy dũng cảm nhưng ngu ngốc".

Có vụ lợi, thường vụ về, cũng đôi khi yêu nước hoặc ra vẻ thân Pháp, các phái viên nửa chính thức hoặc chính thức là cần thiết cho những chính phủ kế tiếp nhau từ 1981, những chính phủ thường là con tin của một vài quốc gia. Thông thường các chính phủ chối phắt sự có mặt của các phái viên cũng như phủ nhận việc lập ra những tổ chức song hành. Thừa nhận có lẽ làm tăng thêm sự khó chịu giữa những nhà chính trị và các cơ quan tình báo của họ, chính những vị đó cũng hay bị suy yếu bởi những cuộc đấu tranh nội bộ hoặc bởi những sự tranh giành vừa đáng ngạc nhiên vừa vô bổ.

III

NHỮNG ĐIỀU KHÓ CHỊU

SỰ TRANH GIÀNH GIỮA CÁC CƠ QUAN TÌNH BÁO

Madorit ngày 13 tháng 5 năm 1966. Người phát ngôn của Bộ Nội Vụ Espana không ưa những sự rắc rối. Ông rất hiểu giới báo chí và đã dự kiến những câu hỏi họ sẽ đặt ra với ông sáng hôm đó. Tất cả các đài phát thanh từ hôm trước đã phát lại những tiết lộ của tờ Cambio 16 về "vụ Pháp móc nối", và chính phủ Espana bị bối rối. Những tiết lộ của tờ tuần báo Madorit có thể làm xấu đi quan hệ với chính phủ Chirac. Bộ Nội vụ quyết định im tin đi. Người phát ngôn của bộ này đã sửa soạn câu trả lời.

"Về nguyên tắc, chúng tôi từ chối bình luận loại tin tức này, và chính các vị tự xem xét sai đúng", ông tuyên bố nhu thế mà không giải thích gì thêm. Các nhà báo đã nghi ngờ vì họ nhận định rằng tờ Cambio vừa nắm một quả bom thật khi tố cáo cơ quan phản gián Pháp DGSE

từ nhiều tháng nay đã sử dụng một tổ chức khủng bố Trung Đông mang cái tên kỳ quặc "Lời chúa Giêsu gọi".

DST chống DGSE

Chưa ai nghe nói đến cái tổ chức đó khi ấy đang sửa soạn gây ra một vụ mưu sát quan trọng ở Madorit. Du luận công chúng khá mạnh và bực mình khi biết rằng các cơ quan bí mật của Pháp điều khiển một số thành viên tổ chức đó trên đất Espana, theo sự phát hiện của những phóng viên tuần báo, nhằm dễ dàng xâm nhập sứ quán Libi ở Madorit là nơi bị nghi là chứa chấp bộ tham mưu của những vụ khủng bố nghiêm trọng ở châu Âu... Và tờ báo còn nói rõ rằng DGSE điều khiển hai tên phụ trách quan trọng: Người Xiri tên là Farid Jazan bị coi là tên chỉ huy quân sự của tổ chức, và người Libăng tên là Faycal Hanna Joude, tên trùm chính trị. Cũng theo tuần báo đó thì DGSE có lẽ đã tổ chức vào ngày 11- 04 -1986 vụ phá hoại trụ sở hãng Air France ở Lixbon nhằm tăng cường uy tín của chúng với Libi!

Những lời tố cáo của tờ Cambio 16 chống DGSE thật là nghiêm trọng. Cơ quan tình báo Pháp chẳng thật cần có thêm vụ mới này vì DGSE mới bị tai tiếng về vụ đánh đắm tàu của tổ chức Hòa bình Xanh cách đó có vài tháng, mấy tuần báo này nhắc lại vụ đó để tố giác điều mà báo chí Espana coi như một sự can thiệp không thể chấp nhận được...

Tất nhiên báo chí Pháp đưa lại những phát giác đó và chất vấn chính phủ Pháp. Paris cải chính mạnh mẽ. Chi huy DGSE chẳng hiểu gì, hoặc đúng hơn là hiểu quá rõ rằng DST đang chơi xỏ mình!... Làm sao không liên hệ giữa làn sóng báo chí với việc DST bắt bố ở Paris năm tháng trước đó ba người khủng bố giả cũng của cái tổ chức "Lời chúa Giêxu gọi?"...

Làm sao không hiểu rằng cơ quan phản gián Pháp trên thực tế công tác với phản gián Espana là cơ quan đã thâm nhập tổ chức, tin chắc sự móc ngoặc của tổ chức này với Libi. Họ dễ dàng kéo ra một số người của tổ chức đó, những người dễ giao động và tầm thường; những con mồi lí tưởng của những tay phản gián nhà nghề. Từ đó cả loạt mưu sát hụt hoặc chưa gây hại do tổ chức đó gây ra ở Espana và Bồ Đào Nha là những việc cần thiết để làm cho những đồng minh A rập của họ tin tưởng vào những "tên khủng bố". Theo cảnh sát Espana sau một cuộc họp bí mật tại Tunix. Libi và các phong trào cực đoan Trung Đông còn dự định gây bạo loạn trên đất Pháp, vì thế Espana cần hợp tác với DST...

Sau những cuộc điều tra tại Espana và tại Pháp, chúng tôi tin chắc có sự dàn dựng giữa các cơ quan mật của Espana với DST nhằm mục đích: thứ nhất, bắt giữ những người gọi là khủng bố tại Pháp để DST lấy lại uy tín; thứ nhì: sau khi phá tổ chức "khủng bố" sẽ đẩy ngay những "nhà ngoại giao" Libi và đóng cửa sứ quán Libi tại Espana; thứ ba: làm nhục DGSE vì một lần nữa bị tố cáo đã hành động vụng về và nguy hiểm trên lãnh thổ nước khác...

Chúng ta đã thấy hoạt động của DST thường giống như mô bông bong không thể nào gỡ rối được. Như trên đã nêu, DST đã bắn một mũi tên nhằm mấy con chim. "một sự dàn dựng ít ra cũng nhằm hai mục tiêu" một nhân viên ở miền nam nước Pháp xác nhận với chúng tôi như thế.

Những tên khủng bố gốc nghèo

Đối với DST tất cả bắt đầu chính thức ngày 12-12 - 1985, khi các điều tra viên chú ý đến thái độ đáng nghi của một gã có những hành vi "tăm" trước tổng lãnh sự quán Achantina ở phố Kléber tại Paris và sau đó ở trước nhà thờ Do thái phố Copernic "khi nó chụp nhiều bức ảnh" như viên chánh cảnh Louis Caprioli viết trong báo cáo trình lên ông biện lí tòa phúc thẩm Paris.

Món quà bất ngờ này và sự mau miệng của cảnh sát phản gián Pháp giúp phát hiện ra gã đáng nghi đó trong cùng ngày đã vào khách sạn Burgundy ở quận I thủ đô dưới cái tên là Ruzo Cardarelli, sinh tại Rô ma và mang thẻ căn cước số 62658583. Bị xét hỏi, chủ khách sạn khai rằng khách hàng của ông nói tiếng Italia rất kém và trong khi gã đi vắng có một người tên là Raoul gọi gã và nói với khách sạn rằng hắn gọi từ Espana.

Theo bản báo cáo thì càng bị kích thích tính tò mò, các nhân viên DST, càng tiếp tục theo dõi gã người Italia. Ngày thứ sáu gã lại đến phố Kléber quan sát mục tiêu lần cuối rồi quay về khách sạn và ra ga lên tàu sang

Madorit. Gã rời nước Pháp không bị thẩm vấn. người ta cho thái độ này của DST là không bình thường nếu họ không nắm được diễn biến tiếp theo...

Vài ngày sau, DST được tin Cardarelli quan hệ với ba tên sắp rời Madorit sang Paris. Chánh cảnh Caprioli khẳng định trong báo cáo : "Xuất phát từ bối cảnh đó tôi quyết định giám sát nhóm này(...) và sẽ gọi hỏi lúc bắt quả tang". Giữa lúc đó, cảnh sát phát hiện căn cước giả của Morais De Cruz, Carlos Caetano và Maher Abdelraout với tên thật của chúng là Da Sillva, Do Nascimento và Carlos Aghiar. Viên cảnh viết: "Khi kiểm tra trên tàu, chúng tôi phát hiện ba tên này đã dùng căn cước giả và chúng tôi có hai phái viên theo dõi những "tên khủng bố" này từ Madorit, tức là rất xa địa bàn hoạt động theo lí thuyết của chúng tôi. Ông cũng không thể chính thức công nhận việc kể trên vì sẽ làm phiền cho cơ quan phản gián Espana CESTD đang phối hợp với DST và cũng không thể tiết lộ việc chuẩn bị mưu sát ở phố Copernic chỉ là một mẹo lừa!

Hôm 29-12-1985 đó, các nhân viên cảnh sát theo dõi trên chuyến xe lửa Paris-Madorit không ngại mất hút các con mồi. Khi ba tên đó đến Paris, đã có nhiều thanh tra đợi chúng. Họ để cho chúng về khách sạn ở phố Cambon, rồi quyết định gọi hỏi chúng vì "lí do an ninh". Các điều tra viên biết trước những gì có trong hành lí của ba gã: vật liệu dùng để chế tạo dụng cụ nổ sẽ đặt vào nhà thờ Do thái phố Copernic-như năm 1980-và truyền đơn nhận chúng gây ra vụ nổ...

DST cũng biết những "tên khủng bố" kì lạ này là hai người Bồ Đào Nha và một cựu đại tá quân đội Ai Cập: hai tên đầu tiên là loại tội phạm nhỏ và một cựu quân nhân đã rời quân ngũ là người thứ ba. Ba tên còn này nhận làm công việc dó ở Paris lấy 5.500 quan. DST cũng biết trước rằng những vật liệu đưa sang Paris không thể làm nổi quả bom vì thuốc nổ và kíp đều hỏng; không sao! Đối với DST, vụ này chỉ cần đưa ra pháp luật xử lí, thế là đạt yêu cầu rồi.

Sự thực là vụ ba tên khủng bố gốc nghèo như báo chí đặt tên cho chúng đã nhanh chóng được đưa sang thẩm phán Brugière là người thụ lí phần lớn các vụ án khủng bố.

Việc giật giây tổ chức "Lời chúa Giêxu gọi"

Với hồ sơ vụ án của DST trình lên, tòa án chỉ có thể kết tội ba gã này là "tập hợp những kẻ gian, dùng giấy tờ hành chính giả và cất giữ những vật liệu để chế tạo thuốc nổ" cho dù có nhiều nghi vấn, thẩm phán hiểu ngay những tên luôi biếng mà DST nộp cho ông trên thực tế chỉ là những con rối của một đối tượng mà ông chưa biết. Để làm sáng tỏ nghi vấn và để khỏi bị coi là tiếp tay cho cơ quan phản gián, ông nghiêm túc ủy thác xét xử cho tòa án quốc tế sau khi phá tổ chức "Lời chúa Giêxu gọi" vào năm 1986 mà ba bị cáo liên quan kêu van rằng chúng đã bị đánh lừa!

Dựa vào những thông tin, thẩm phán nhanh chóng kết luận DGSE không có liên quan gì với "Lời chúa Giêsu gọi" hướng chỉ với ba bị cáo mà ông đang thụ lí...

Trong bản báo cáo của hai thanh tra DST trong chuyển công tác ở Madōrit từ ngày 21 đến ngày 25-07-1986 do thẩm phán cử đi không đã động gì đến DGSE và chỉ lượm lặt được rất ít yếu tố giúp cho ông thẩm phán xác định bàn tay chỉ huy mà ba bị cáo khẳng định bị hấn lừa... Dany và Paical Nanna Joide, ba tên trùm của "Lời chúa Giêsu gọi" khẳng định với hai cảnh sát Pháp rằng chúng không biết ba bị cáo đó. Nhưng chúng thừa nhận có biết chút ít Enzo Cardarelli thực ra là Rabeh Moussa, công dân Giodani, và là kẻ đã tuyền ba tên đó trong một sòng bạc phố Via Grānde ở Madōrit, DST đã biết điểm này quá rồi...

Chính quyền Espana lợi dụng sự có mặt của các điều tra viên Pháp để đưa cho họ một bản tổng hợp về tổ chức gọi là "Lời chúa Giêsu gọi-Những người Kháng chiến" mà họ cho là nguồn gốc những vụ mưu sát giả, mưu sát hụt hoặc những âm mưu khủng bố ở Espana do Libi chỉ đạo. Dựa vào tài liệu và sau khi phá vỡ các tổ chức đó, chính phủ Espana trục xuất nhiều nhà ngoại giao Libi và dời đóng của "văn phòng nhân dân" Libi ở Madōrit: mục tiêu thứ nhì của kế hoạch CESID-DST đã đạt!

Mục tiêu thứ ba của DST là hành động hèn hạ lên lút nhằm vào DGSE... Tờ Cambio 16 ra mẫu mực, các báo ngày và họa báo đã ra rả lợi dụng vụ đó để kiểm chác. Một tờ báo đã cả gan nêu tên "viên sĩ quan điều khiển Pháp" chỉ huy bọn khủng bố, với cái tên là Stanislas

Janet, điệp viên công tác tại sứ quán Pháp ở Madorit (điện thoại số 371).

Thực tế đó là trung tá Stanislas Jannet; qua điều tra chúng tôi được biết ông ở Croix-Valmer, nhưng không bao giờ gặp được. Các thông tin và xác minh giúp chúng tôi có thể khẳng định DGSE và viên sĩ quan bị Espana bêu xấu trên báo chí để làm khổ ông ta, không bao giờ trực tiếp nhúng tay vào tổ chức "Lời chúa Giê-xu gọi". Thế là thêm một vụ mới trong bản thống kê dài đánh dấu sự kinh dịch đáng buồn giữa các cơ quan bí mật...

Tính bổ sung rõ ràng, sự kinh dịch lịch sử

Một số nhà quan sát cho đó là sự thi đua lành mạnh, một số khác cho đó là sự hao phí năng lượng đáng tiếc. Dù sao thì sự kinh dịch giữa các cơ quan cảnh sát hoặc tình báo Pháp cũng đều xưa như sự tồn tại của chúng.

Trong thống kê "Top 50" những hành động lén lút hèn hạ của DST trội hơn rất nhiều DGSE. Những cuộc trả thù là một phần đời sống hàng ngày của hai cơ quan đó. Mặc dù đã có tất cả những lời tuyên bố chính thức, "có những xung khắc về truyền thống và phương pháp giữa hai cơ quan mà tính bổ sung là rõ ràng và sự kinh dịch là lịch sử", đó là nhận xét vào năm 1984 của ủy ban Masson phụ trách việc xem xét các điều kiện can thiệp phối hợp các cơ quan cảnh sát và an ninh tham gia đầu tranh chống nạn khủng bố.

Biên bản ghi nhận còn nghiêm khắc hơn khi ủy ban nhận xét DST thường nhờ vả các cơ quan phản gián nước ngoài hơn là nhờ vả DGSE... Và vụ án chúng tôi nêu rất kỹ trên đây minh họa sự khẳng định này của Bản báo cáo Masson và bản này còn viết thêm rằng "DGSE quan tâm phát triển quan hệ tay đôi với các cơ quan tình báo nước ngoài hơn là quan hệ với các cơ quan cảnh sát bạn bè hoặc láng giềng".

Một số vị phụ trách thành thật khẳng định rằng tình trạng đèn ai nhà nấy rạng đó có nguyên nhân là cần giữ kín một số vụ tể nhị. Nhưng các vị đó không chịu thừa nhận công khai rằng tình trạng đó cũng là phương tiện duy nhất để hai cơ quan phản gián mở rộng lĩnh vực riêng của mình. Đối với ông cảnh sát trưởng Grimaud "việc đó đơn giản... trên giấy thôi: DST phụ trách nội địa, DGSE ngoài nước; nhưng DST muốn theo dõi các tổ chức khủng bố nên làm việc với các cơ quan nước ngoài nhiều hơn là với DGSE mà họ cho là làm vướng chân họ". Chúng ta cũng nên nhớ lại trong nhiều năm, DGSE hoàn toàn bị đứng ngoài kế hoạch Farewell mà người chỉ điểm vô song sống... tại Matxcova.

Về phần mình, với lí do để làm công tác ở nước ngoài tốt hơn, DGSE tiếp tục nghe trộm một số sứ quán hoặc mở trộm vali ngoại giao. Làm thế nào? một vài vị phụ trách tự hỏi như thế nhưng chẳng bao giờ thành công, dù đã thử mấy lần, đưa ra một sắc luật cấm DGSE hoạt động ở Pháp. Đối với một số vị khác, một phần giải pháp có thể là phân công phân nhiệm cho hai cơ quan một cách khoa học hơn. Nhưng các vụ mới xảy ra vẫn chứng

tò rằng những việc lén lút hèn hạ, những thủ đoạn xỏ nhau vẫn đang tồn tại dai dẳng. Vụ án gọi là "Diệp viên Đen", bí danh của luật sư ^{đang} cải cho Ibrahim Abdallah tên là Joan-Paul Mazurier, do DST chỉ đạo từ 1984 nhưng ông vẫn tưởng rằng mình làm cho DGSE, như chúng tôi đã viết trong tờ Libération cũng có ý nghĩa như vậy.

Nói đúng hơn không phải sự tiết lộ đó khiến cho cuốn "Diệp viên Đen" của Laurent Gally thành công: Cuốn này viết về cuộc phiêu lưu của vị luật sư trẻ, ngây thơ, mà chính nhờ vào hai báo cáo tổng hợp "bí mật-quốc phòng" ở phần phụ lục bị Bộ Nội vụ và Quốc phòng kiểm duyệt bỏ sau một trận tranh cãi kịch liệt.

Phụ lục báo cáo thứ nhất là tài liệu của DGSE nêu tên 87 cảm tình viên tổ chức cách mạng Libăng và tên của Jean-Paul Maxurrie; còn báo cáo thứ nhì là tài liệu riêng do ông Yves Bonnet sau khi ra khỏi DST kể rằng Mazurier là một trong những "chỉ điểm" của ông! Thực ra nếu hai tài liệu đó cho các nhà báo tiếp cận được từ VSD sau đó vài tháng có trích đoạn-đó là vì các vị phụ trách hai cơ quan này đã thông báo, DST tìm cách đánh DGSE, còn DGSE cấu tiết cũng chơi lại DST... Nhà xuất bản Robert Laffont đã đưa ra những lập luận chứng minh rằng các cơ quan bí mật quan tâm nhiều đến việc học hặc nhau hơn là đến quyền lợi của nước Pháp...

Cuối cùng thật là vô ích khi làm nặng nề thêm những lời công kích mạnh mẽ Bộ Nội vụ và DST lúc xảy ra vụ Hòa bình Xanh do một số viên chức DGSE muốn tìm xem đằng sau vụ mất uy tín của mình có bàn tay xỏ xiên

của DST đã may mắn hợp tác với cảnh sát NiuDilân để điều tra DGSE gây ra vụ đó.

Ngược lại ít ai biết vụ xuất quân của bốn quân nhân DGSE ở vùng Basque bị kết thúc đột ngột vì DST...

Vụ phá hoại ngầm ở vùng Basque

Hôm thứ tư mùng 6 tháng 11 năm 1985, vùng Basque cũng không thoát khỏi đợt rét đã tràn vào Pháp cách đó vài ngày. Đúng hôm đó, ba người xuống sân bay Biarritz-Parme. Họ trạc ba chục tuổi, mặc bludông da, họ đi về hãng Nartz thuê hai chiếc xe. Cô nhân viên thừa hành nhận thấy có người thứ tư nhập bọn và có chiếc xe biển số tỉnh Alpes-Maritimes. Bốn chàng đùa với cô phụ nữ trẻ. Nhưng trong bối cảnh bất ổn của vùng, cô nghĩ rằng đó là những tên lính đánh thuê của Nhóm chống khủng bố giải phóng (GAL).

Cho nên sau khi bốn anh chàng đi khỏi, cô liền gọi điện thoại cho thanh tra DST ở Bayonne mà cô là chỉ điểm từ mấy năm rồi. Thanh tra hình như không ngạc nhiên. Ít phút sau ông thanh tra báo cáo với ông Roger Boslé, chánh Cảnh sát tư pháp Bayonne, ông này quyết định theo dõi toàn người lạ. Lúc đầu ông đến nhà thương Saint-Jean-de-Luz, nơi bốn anh chàng đến thăm một người tên là D., nguyên phụ trách tổ chức Hành động Công dân trong vùng. Ở đây ông phát hiện trong số bốn anh chàng có Jean D, cựu tuyển thủ quốc tế bóng bầu dục, mấy năm qua chuyển sang nghề dắt gái ở Marseille. người ta nói

với chúng tôi: "Đó là bọn tiểu maphia nhưng không ác lắm, loại người mà GAL sử dụng..." Cảnh sát không lạ Jean D. Vì hắn có một biệt thự xinh đẹp tại Saint-Jean-de-Luz. Trong bản báo cáo duy nhất ông Bosle" đã viết: "Sau khi theo dõi toán bí hiểm đi từ Barritz đến Saint-Jean-de-Luz, vào khách sạn Ibia ở Anglet, tôi yêu cầu cảnh sát gọi hỏi những du khách kì cục đó để sơ bộ điều tra nhằm xác minh căn cước và xem chúng có tham gia GAL không?"

Toán này rất ngạc nhiên khi sáng hôm sau bị gọi hỏi và đưa về trụ sở cảnh sát Bayonne. Khi bị hỏi cung, chúng khai tên là Devivi, Michel Lavaud, Raymond Casioso, Narc Isabelle. Cảnh sát xác minh thấy căn cước đều giả, nhưng chánh cầm rất ngạc nhiên thấy chúng khai là nhân viên DGSE... và để chứng minh, chúng đưa ra số điện thoại. Bosle" báo cáo Sở cảnh sát trung ương và ở đây lo xác minh. Kết quả: đại tá Jean Moreau, cục trưởng phân gián DGSE, công nhận ba anh chàng là nhân viên cơ quan ông! Vụ án đến đây chấm dứt. Cảnh sát và báo chí không biết gì thêm, mặc dù phóng viên Alain Petoor của AFP tại Bayonne cố gắng điều tra thêm.

Có phải toán biệt động này đến sửa soạn việc vô hiệu hóa các tàu kéo lưới rê trước khi mở rộng Cộng đồng Kinh tế Châu Âu như ông nghị Jean-Pierre Destrade suy nghĩ không? Ông nghị đã suy diễn như vậy sau khi bàn bạc với những người đánh cá trong vùng. Hay là ông đến để lôi kéo các thành viên GAL như DST đã định làm cách đây vài tháng bằng cách thuê một tên vô lại ở Bordeaux? Một số báo như Enbata suy nghĩ như vậy.

Nhiều quan chức chính trị cao cấp khẳng định với chúng tôi rằng ba nhân viên DGSE bị tóm tại Bayonne có nhiệm vụ xâm nhập vào tổ chức ETA (1)..." chúng sẽ bị nguy vì một vài gã là người của ETA đã phản bội..." và họ nói thêm ngắn gọn rằng: "Thái độ của DST thật là bi ối! Bộ trưởng Nội vụ đã phải viết thư xin lỗi bộ trưởng Quốc phòng..."

Những va chạm hoặc trả miếng đó sẽ là ngoạn mục nếu tình thế không xảy ra có khi là bi thảm. Những hoạt động khủng bố là một phần của tình thế đó.

Bảy cơ quan cho cuộc đấu tranh chống khủng bố

Cuộc đấu tranh chống khủng bố ở Pháp huy động ít nhất bảy cơ quan cảnh sát khác nhau! Trong Bộ Nội vụ: Cục cảnh sát tư pháp, Cục RG. DST, đơn vị đặc biệt của RG của sở cảnh sát Paris, một đơn vị của Lữ đoàn hình sự, và Lữ đoàn điều tra và can thiệp làm những vụ án quan trọng và gọi hỏi.

Ngoài những cơ quan chuyên môn đó, còn những đơn vị của Cảnh sát tư pháp và công an tham gia điều tra những vụ khủng bố trên địa bàn chúng phụ trách. Cuối cùng là cảnh sát hàng không và biên thùy thuộc Bộ Nội vụ cũng đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực này.

(1) ETA là tổ chức vũ trang đòi cho xứ Basque độc lập (LND)

Trong Bộ Quốc phòng, Cục Bảo vệ và An ninh quốc phòng, Hiến binh quốc gia và DGSE cùng tham gia cuộc chiến đấu chống khủng bố ít nhiều có kết quả từ năm 1982. Việc huy động các lực lượng này chẳng mấy chốc đã vấp phải sức nặng của những con người rất chuyên môn hóa trong việc bảo vệ công nghiệp quân sự, nhưng lại thiếu những con người chuyên môn hóa trong việc thông thạo các giới khủng bố người nước ngoài. Chưa kể sự kém thông thạo ngôn ngữ của những giới đó, như nhận xét của ông Paul Masson trong cuộc..... tìm kiếm cách phối hợp khó khăn hoặc không thể có được tất cả những cơ quan phối thuộc đó. Trong báo cáo Masson viết: "Khi biết danh tiếng của các cơ quan đó và lòng phấn khởi khi chúng tiếp thu quan điểm bố trí những kế hoạch chung, hoặc thậm chí trao đổi tin tức, người ta có thể nghĩ một cách chính đáng rằng cử ra một người phối hợp chưa đủ để trao cho cái tập thể cảnh sát-quân nhân này một hiệu năng tối đa khi xảy ra những sự kiện nghiêm trọng..."

Tất nhiên các cơ quan đổ lỗi cho nhau trách nhiệm về sự yếu kém kinh niên đó. Vị thủ tướng cũ của DST kể cho chúng tôi: "Khi Marion nói rằng ông đã thương lượng với Rifaat el - Assad, có thể như thế, nhưng điều đó vẫn không ngăn được Abou Nidal tiến hành khủng bố sau khi đã thương lượng với Marion. Về mặt khủng bố, DGSE chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Nó chưa bao giờ cung cấp một tin tức tình báo chiến thuật, nó theo quan điểm quân sự về tình báo". Lý lẽ này tất nhiên DGSE không chấp nhận. Trước tiên Pierre Marion là người hình như bao giờ cũng tìm cách hợp tác chặt chẽ với DST. Ba

lần ông tiếp cận Marcel Chalet, cục trưởng DST, nhằm mục đích này, nhưng đều bị khước từ thẳng thừng, khiến cho tổng cục trưởng DGSE phải trình lên bộ trưởng Nội vụ Defferre.

Cuộc họp diễn ra ở văn phòng bộ trưởng Bộ Nội vụ. Có mặt cả Grossouvre, cố vấn tổng thống về an ninh và ông tình trưởng Grimaud Pierre Marion giữ nguyên quan điểm: Defferre vô cùng tức giận nên đã chửi tổng cục trưởng tình báo. Ông nói rằng ông sẽ chỉ thị cho các cơ quan cảnh sát không hợp tác với DGSE và ông nói thêm khiến cho mọi người đều ngạc nhiên: "Bởi vì các ông chứa toàn gián điệp Xô viết!" Pierre Marion bật dậy và nhấn mạnh tính nghiêm trọng của lời Defferre phát biểu. Bộ trưởng Nội vụ không trả lời và cuộc gặp gỡ kết thúc. Được Grossouvre phản ánh, tổng thống Mitterrand quyết định không làm trọng tài giữa hai vị và bảo Marion phải dàn xếp với Defferre.

Sự hợp tác không thể có

Trong giới thân cận của Tổng thống, ai cũng thấy rõ bi kịch đầu tiên của các cơ quan mật là thiếu phối hợp. Vị quan chức cao cấp nói với chúng tôi: "Sau vài tháng hoạt động, tôi đề nghị lập một ủy ban an ninh, một sự phối hợp các cơ quan, nhưng không thành vì ai cũng đòi áp đặt người của mình". Người ta khẳng định đối với chúng tôi rằng chính lúc đó François Mitterrand mệt mỏi vì những tranh chấp vô ích đó nên quyết định lập ra đơn

vị của Joseph Franchsechi, trực thuộc bộ trưởng Nội vụ nhưng đặc trách chống khủng bố.

Đối với thượng nghị sĩ Masson, tranh giành và bất hòa là sự thật. Đó là bản chất của tình trạng trong khi người ta thừa nhận việc phân chia đã trở thành lịch sử giữa hoạt động bên trong với bên ngoài nước Pháp của hai bộ khác nhau. Sự lưỡng phân truyền thống này ở Pháp đã buộc hai bộ trưởng Nội vụ và Quốc phòng cũng như các văn phòng hai bộ luôn luôn phải tìm cách phối hợp để sử dụng những phương tiện tách rời nhau".

Cựu tổng cục trưởng DGSE A. de Marenches cũng thừa nhận rằng "điểm yếu của tổ chức Pháp bao giờ cũng là sự mất đoàn kết của các bộ. Thiệt hại rất nhiều. Ai cũng muốn khu khu giữ tin tức cho mình và giữ nguồn tin của cá nhân để kiếm lấy vinh hoa vật". Vậy de Marenches ngầm thừa nhận rằng chính những người lãnh đạo đóng vai trò chủ yếu trong những trận gây gổ giữa các cơ quan mật. Ngược lại ông không cho biết vì sao ông không bắt tay người kế vị ông chỉ huy DGSE, Pierre Marion, sau khi cánh tả lên năm 1981...

Tại Tổng Văn phòng Quốc phòng, quan chức cao cấp này thú nhận rằng quan hệ với DGSE kém thân mật so với DST, "vì DGSE không có những nguồn tin chung như những nguồn tin của chúng tôi, cho nên ở cấp biên tập có sự tranh giành nhau. Còn DGSE lại cho rằng TVPQP dùng những nguồn tin của DGSE để khoe khoang..." Theo đồn đại thì ông chánh văn phòng TVPQP Jacque de Barry hình như hầu với cục trưởng DST và thậm chí đã làm "những chuyện to tát" với ông Bonnet".

Một sự hợp tác chặt chẽ nhờ ý chí của hai con người, nhưng khi người kế vị ông lên, ông Bernard, thì sự hợp tác đó phải ngừng hẳn.

Daniel Doustin đã thủ tổ chức trao đổi thường xuyên tin tức giữa các cơ quan mật, trong khi chưa có sự phối hợp về hành động. Ông chánh văn phòng của thủ tướng Raymond Barre này nguyên là cục trưởng DST, đã có thể triệu tập hàng tháng thủ trưởng các cơ quan tình báo thành một "Ủy ban phi hình, không thể chế hóa, nhưng tạo điều kiện trao đổi tin tức, quan điểm và đề xuất. Tiếp theo đó, làm một báo cáo tổng hợp trình lên Thủ tướng và Tổng thống". Doustin còn nhớ rõ loại hội nghị như thế, các chuyên gia đã phân tích sự phát triển nạn khủng bố ở Châu Âu và Trung Đông...

Năm 1981 Gaston Defferre và Grimaud cũng vận động hội họp như thế. Họ có tham vọng làm hài hòa hoạt động của các cơ quan tình báo bằng một cơ chế phối hợp ở phủ thủ tướng và một đơn vị công tác tại Bộ Nội vụ. Nhưng Tổng thống bác ngay ý định về một tổ chức quá thể chế hóa. Vì thế tân bộ trưởng Nội vụ dành tổ chức các cuộc họp hàng tuần vào 6 giờ tối các ngày thứ tư, thành phần gồm thủ trưởng các cơ quan và chánh văn phòng của phủ thủ tướng, bộ trưởng Tư pháp và ngoại trưởng. Grimaud kể cho chúng tôi rằng: "trong các cuộc họp đó, các vị đều hết sức tránh trao đổi những tin tức bí mật, nhưng đối với một số bộ trưởng, loại hội nghị này vẫn có ích vì giúp cho họ biết được những nét lớn của những hồ sơ hiện hành".

Một nghị sĩ thỉnh thoảng được dự loại hội nghị đó cũng ngạc nhiên về sự giằng co giữa các cơ quan mật. "Tôi đã dự hội nghị ở Bộ Nội vụ có mặt tất cả thủ trưởng các cơ quan cảnh sát. Hôm đó bàn về việc chọn một người phối hợp hành động cảnh sát tiến hành ở xứ Basque. Quả nhiên xuất hiện những sự bất đồng về nơi ở của vị phối hợp viên đó. Một số quan chức đòi phải tập trung sự phối hợp về Pau, vấn đề trụ sở...Pau cho xứ Basque chẳng? Giám đốc cảnh sát ủng hộ ý kiến chọn Bayonne, điều này lô-gích. Số khác nói đến Bordeaux. Tóm lại ai cũng muốn giành lợi về mình... và cuối cùng hội nghị chọn Pau..."

Trong những cuộc họp đó chánh văn phòng của Joseph Franceschi là Frédéric Thiriez định phối hợp nhiều cơ quan vào một số công tác chung, trách nhiệm rất khó, thậm chí không thể làm được. Ông ta định yêu cầu cảnh sát tu pháp hợp tác với Hiến binh. Nhưng chỉ về sau hình như bộ trưởng Nội vụ Pierre Joxe đạt được sự hợp tác đó qua việc lập ra Đơn vị Phối hợp Đấu tranh Chống Khủng bố (UCLAT).

Cảnh sát và hiến binh, hay là ông nói gà bà nói vịt

Sự cạnh tranh không phải là chỉ riêng của hai cơ quan phản gián Pháp. Chúng ta đã thấy quyền tự trị của

DST bị coi là quá đáng, đã gây ra ganh tị và oán giận cho các cơ quan cảnh sát khác. Thái độ của nó thường bị coi là khinh khỉnh. DST luôn luôn xin khai thác hồ sơ của RG nhưng lại coi khinh ".... những yêu cầu của các viên chức RG gửi đến DST. Tuy nhiên không có gì so sánh được với cuộc chiến tranh công khai từ gần hai chục năm qua giữa cảnh sát và hiến binh mà không chính phủ nào dập tắt nổi. Như ta đã thấy, việc lập ra đơn vị ở phủ tổng thống do một siêu hiến binh đứng đầu chẳng làm dịu bớt quan hệ đối địch giữa hai cơ quan đó.

Xung đột giữa cảnh sát và hiến binh xảy ra như cơm bữa "cảnh sát trách mắng hiến binh leo rào vào địa bàn của cảnh sát đô thị, điều này không sai. Còn hiến binh không muốn mãi mãi chỉ gánh trách nhiệm bảo vệ nông thôn trên các con đường vắng tanh, hoặc chỉ là có mặt đơn thuần trên lề các con đường. Đúng là nông thôn của hiến binh cứ teo lại dần và đó là lí do hiến binh mong ước được thay đổi nhiệm vụ.

Trong vụ Grégory, hiến binh và cảnh sát định thay nhau chiếm lấy, đôi khi bằng thủ đoạn đáng ngờ: bản điều tra của hiến binh về viên cảnh sát Jobic bị tố cáo là làm nghề dắt gái. Vụ này làm cho hai cơ quan va chạm nhau không dứt...Bản thông tri tháng năm 1987 do thủ trưởng hiến binh Régis Mourrier ký lại đổ thêm dầu vào lửa vì cho hiến binh được phép đi công tác được mặc thường phục, nhất là khi các viên dự thẩm trao cho họ sự ủy thác xét xử tức là họ thực hiện công tác cảnh sát tư pháp thực thụ. Trước sự phản đối của cảnh sát, hiến binh trả lời một cách không kém giả dối rằng bản thông tri của Mourrier

trên thực tế chỉ là "sự điều chỉnh một thủ tục cũ nhưng vi phạm sắc luật 1903 buộc hiến binh phải mang sắc phục!

Hết lí lẽ, Tổng thanh tra cảnh sát quốc gia khẳng định rằng sự dễ dãi này có thể sinh ra "nhằm lẫn đã đưa cảnh sát quốc gia đến việc ban bố những quy tắc đồng nhất hóa nghiêm ngặt để tránh nhằm lẫn". Nói cách khác, cần phải phòng ngừa những "sơ hở" giữa cảnh sát với nhau... Cũng chẳng hiếm khi cảnh sát mặc thường phục lại làm tưởng là phần tử xấu dẫn đến hậu quả bị thảm. Trường hợp điển hình là Philippin Maziz bị bắn hạ vào tháng hai năm 1980 ở Ántinbes bởi các đồng sự của mình vì họ nhầm Maziz là kẻ đã bắt cóc nhà công nghiệp Guy Pitoun; viên cảnh sát rất trẻ 25 tuổi này phải nguy trang nên phải vận thường phục... Đối với viên cảnh sát Yvan Delon, tác giả bản báo cáo dửng dưng cảm và bí mật về vụ nhằm lẫn bị thảm, việc Maziz mặc hoặc không mặc sắc phục không bào chữa được sự thiếu dững cảm của BRI và sự thiếu phối hợp giữa nửa tá cơ quan tiến hành đánh vụ án đó.

Rất may mắn là cái ví dụ bị thảm đó chỉ là ngoại lệ, dù ít ra hai cuộc gặp gỡ giữa hiến binh và cảnh sát tại Vannes và Montbrison vào tháng 11-1987 suýt nữa biến thành bi kịch như viên thanh tra cảnh sát ở Nice đã tuyên bố để giải thích rõ cái chết của Maziz...

Đối với nhiều người chuyện sắc phục chỉ là cái che cánh rừng. Chẳng ai có thể nghĩ rằng cuộc chiến tranh thực sự giữa cảnh sát và hiến binh có thể ngừng lại ngày một ngày hai bằng cách dỡ bỏ chỗ cao thượng cũng như chỗ hèn hạ. Mọi người đều thấy giải pháp là quy định

rõ ràng hơn chức trách, phạm vi hoạt động và thẩm quyền giữa hai đơn vị đó.

Từ năm 1972, ba ủy ban đã cố ý giải quyết mâu thuẫn này. Nói chung chúng đều bị cảnh sát phê phán gay gắt là chỉ nêu ra những khuyến cáo vô bổ và nhất là không ràng buộc hai bên. (...) Chúng không phân tích và càng không giải quyết tranh chấp thẩm quyền phát sinh hàng ngày, xoa dịu những độ nhạy cảm của ngành. (...). Điều lo lắng dần hòa này ngày nay đã trở thành lỗi thời rồi".

Vị tổng luật sư thứ nhất cạnh tòa phá án, Jean Cabannes, đã thảo bản báo cáo cuối cùng vào tháng hai năm 1988 đề nghị hai bên thương lượng, cùng bổ sung cho nhau và tổ chức cho hai bên cạnh tranh nhau. Nhưng ông vẫn buộc phải thừa nhận rằng trong số những tranh chấp có thể nảy sinh giữa các cơ quan Nhà nước, thì tranh chấp giữa cảnh sát và hiến binh thường gây ra nhiều dục vọng cho phía này hay phía kia. Chắc chắn tình trạng đó phát sinh từ tính chất nhạy cảm của những nhiệm vụ trao cho hai cơ quan này, xét cho cùng chúng đều phải hoạt động và ngày càng bị phương tiện thông tin đại chúng nhòm ngó. Cũng có thể đấy là hậu quả tất nhiên của tình thế cạnh tranh bộ phận chỉ riêng hai cơ quan này mà thôi. Nhưng ngoài cái đó ra, cần phải thấy một điều khó khăn cho những người tiến hành nhiệm vụ khi bàn bạc với nhau nhưng họ phụ thuộc vào những cơ quan khác hẳn nhau về trí tuệ và tổ chức".

Những nhận xét bi quan đó khiến ta không thể dự kiến tương lai của các cơ quan cảnh sát-hành chính, tư pháp, hoặc tình báo - với nhiều may mắn thành công. Cho nên lúc này không chính phủ nào có thể tạo ra không khí thuận lợi để dẹp những tranh giành đó. Mà chính quyền có thực muốn dẹp hay không? Chính quyền liệu có tiếp tục nghĩ rằng những chia rẽ đó cũng tạo ra một con chủ bài để cai trị không? Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này ở chương cuối cuốn sách này.

CHÍNH SÁCH VỀ BÍ MẬT

Trong những điệp viên Pháp dù thế nào cũng có một số không sinh bí mật. Chỉ bỏ ra 120 quan-cộng với 25 quan cước phí- và mất vài giờ đọc chán ngắt, ai cũng có thể tìm được tên và thậm chí cả địa chỉ riêng của dăm chục sĩ quan quan trọng nhất của DGSE.

Năm mươi tư điệp viên ít bí mật

Tổ chức Ban liên lạc trường Xanh Xia (Saint Cyr) là một tổ chức thực thụ lập ra năm 1887 và ngày nay do đại tướng Dominique de la Motte làm chủ tịch, thu nạp tất cả những sinh viên cũ của đại học quân sự đặc biệt Xanh Xia. Số lượng lên đến hàng vạn người và những người đương chức là tầng lớp ưu tú của lục quân Pháp. Ba năm học tập (từ 1983) tạo cho họ trở thành những

thủ trưởng trong thời bình, người thúc đẩy nghĩa vụ quân sự, những người hảo tâm, vững tin và những nhà sư phạm. Những thủ trưởng trong thời chiến, những con người có nghị lực, hoạt động. Những cán bộ của quốc gia, những con người của văn hóa, còi mòi, phục vụ nhân dân".

Trong nội san Vàng và Đỏ ra tháng 11 năm 1987, của Ban liên lạc Xanh Xĩa có một quảng cáo thương mại (dăng cả trang báo khác) đã làm chúng tôi chú ý: "Niên giám này chứa gần 30.000 tên và hơn 20.000 địa chỉ, ai cũng mua được kể từ các ban tham mưu, trường, đơn vị quân đội, thư viện, các cơ quan Nhà nước, tư nhân..." chúng tôi đã viết thư cho nội san Xanh Xĩa kèm theo 145 quan bằng séc, không yêu cầu chi tiết gì thêm, chúng tôi nhận được một cuốn sách màu xanh 780 trang, xuất bản năm 1987 nhan đề "Niên giám kỉ niệm 100 năm thành lập Ban liên lạc Xanh Xĩa" ấn phẩm cuối cùng vào năm 1984.

Cuốn sách này nhằm phát hành rộng. Mặc dù nội dung ra sao không biết, nhưng hình thức không ghi chú gì bí mật: mục tiêu cuốn niên giám này để giúp cho các sinh viên cũ của trường liên lạc lại với nhau khi đã ra trường đi hết đơn vị quân đội này đến đơn vị khác, hoặc đã xuất ngũ về làm dân thường. Hội viên đều có tên, chức vụ quân sự hiện nay và cả địa chỉ cá nhân nữa... Chỉ có một ngoại lệ: quân nhân tham gia đạo quân đóng tại Đức chỉ dùng năm con số của hòm thư đơn vị. ngược lại, các sĩ quan trong DGSE mang địa chỉ "Tiểu đoàn dịch vụ số 89" (sang đầu năm 1988 bỏ mất số này). Các sĩ quan của Trung đoàn dù 11 thì để nguyên địa chỉ thật.

Đọc kĩ niên giám-in tháng 7-1987 và sang tháng 9 bắt đầu bán ra-chúng ta có thể phân ra 54 sĩ quan cấp cao và thấp thuộc cơ quan tình báo Pháp (trong đó có 5 đại tá, 22 trung tá, 11 thiếu tá và 16 đại úy). Một số giữ vị trí cao - như trưởng phòng-: số xuất thân từ trường Xanh Xia chiếm 5% tổng số quân nhân của DGSE (vào giữa 1987 là 1.089 người) đó là một bộ phận quan trọng trong bộ khung cơ quan : một số mới tham gia cơ quan, theo chủ trương của Pierre Marion-và những người kế vị ông cũng tiếp tục giữ - là tăng cường trình độ đào tạo ban đầu của các quan chức tình báo. Số sĩ quan này chủ yếu thuộc các binh chủng sau đây của lục quân: lục quân đánh thủy (19). Lục quân (14), pháo binh (5), cán bộ đặc biệt (4), công binh (4), vận tải (2), vận tải quân sự (2), thiết giáp (2), dụng cụ (1)

54 SĨ QUAN CỦA TỔNG CỤC AN NINH ĐỐI NGOẠI

48 sĩ quan lục quân Xanh Xia đang công tác tại DGSE 7 - 87 ghi tên dưới bí danh cơ quan là Tiểu đoàn dịch vụ 89. Sáu sĩ quan ghi tên thuộc Trung đoàn dù 11, Trung tâm huấn luyện lính dù trù bị, hoặc Trung tâm huấn luyện đánh biển.

Đại tá: Pierre A Michel K, Jean-Claude K
Bernard B.N Jean N.

Trung tá:...

Thiếu tá:...

Đại úy:...

Trong tất cả số người phụ trách hàng đầu của DGSE đương chức, 6 thuộc Cục Hành động, 25 sĩ quan ghi địa chỉ cá nhân, số điện thoại, địa chỉ gia đình ở nông thôn... Việc thiếu bí mật và thích công khai của số cán bộ tình báo thật là kì lạ. Vì đáng lí ra họ phải hết sức giữ bí mật mới đúng.

Còn các cơ quan khác thì sao? Nhân viên DST cũng công bố một phần danh sách của họ khi thay đổi công tác, chúc vụ hoặc khen thưởng trong bản tin liên lạc, nhân viên cũ DST tham gia Ban liên lạc với số lượng 500 người, do cựu cục trưởng Marcel Chalet làm trưởng ban. Nhưng bản tin này chỉ công bố căn cước thành viên, không công bố địa chỉ và phát hành chặt chẽ cho các hội viên mà thôi...

Trong tất cả các nước trên thế giới, không cái gì cần che đậy bằng căn cước các nhân viên tình báo. DST đã đành, vì họ hoạt động trong nội địa, còn DGSE hoạt động ở nước ngoài có khi rất nguy hiểm và bất hợp pháp. Trong trường hợp đó, họ phải dùng lí lịch giả với "giấy giả" (do cơ quan tình báo sản xuất hoặc với loại giấy "thực-giả" của Pháp. Loại giấy tờ và lí lịch giả này dễ bị cơ quan sản xuất ra kiểm tra giả thật, nhưng ở một sân bay quốc tế thì họ lọt qua không khó! việc bảo vệ lí lịch này không phải vô ích: Một phần bởi vì lí lịch của nhiều điệp viên tham gia kế hoạch Hòa bình Xanh ở Niu Dirlân của DGSE đã bị phát hiện qua sự điều tra khiến cho cơ quan DGSE của Pháp bị chấn thương tâm thần. Làm sao có thể chấp nhận nhiệm vụ nguy hiểm tuy vì lợi ích quốc gia nhưng lí lịch thật của mình hể có dịp là bị phơi bày

ra công khai, cộng với việc bị ghi vào hồ sơ của Interpol là có trát truy nã tội phạm quốc tế?

Các cơ quan bí mật và nhất là DGSE rất lo lắng về an ninh của nhân viên: họ khẳng định rằng họ phải "bảo vệ" nhân viên của họ chống lại những điệp viên nước ngoài tấn công cho nên họ phải giám sát những quan hệ, nghe trộm điện thoại, soi rọi ba đời xem trong họ hàng về phong tục tập quán có ai là người đồng tính luyến ái, kẻ cắp móc túi, nghiện ma túy, mới nhập quốc tịch, người có vợ không cưới xin mang họ kì quặc, nhà báo, luật sư và kẻ xú sự sai lệch đặc biệt không. Tuy kiểm tra như vậy là vi phạm quyền cá nhân, nhưng phải tìm ra những "chỗ yếu" của điệp viên để tránh cho họ bị khống chế, hoặc mọi kiểu ép buộc của các cơ quan thù địch khi chúng phát hiện ra những "điểm yếu" của nhân viên tình báo Pháp.

Trong điều kiện như vậy mà sao DGSE lại để 54 sĩ quan giỏi trong đó có phần lớn bộ khung của Trung đoàn xung kích nhảy dù 11 để tên tuổi, địa chỉ in vào một cuốn niên giám mà ai cũng có thể mua được qua bưu điện một cách dễ dàng như thế? chúng tôi đã đặt vấn đề này với những cựu thủ trưởng của các cơ quan tình báo, các vị này đều phần nộ về điều đáng ngạc nhiên đó. Đã từ lâu tính diên rồ đồng hương, đồng nghiệp trong giới quân nhân khiến cho Cục tình báo quốc phòng Liên Xô dễ dàng cập nhật hóa tàng thư của họ. Chúng ta đã thấy những rủi ro: Sau khi tổng công trình sư René Audran bị ám sát vào tháng giêng năm 1985 và tổng thanh tra Henri Blandin bị mưu sát ngày 26-6-1985, văn phòng Bộ Quốc

phòng đã được các cơ quan an ninh yêu cầu rút tên của nhiều nhân vật chính của họ ra khỏi tự điển nhân vật "who's Who". Sự quan tâm đến những niên giám này không phải là bất lịch sự: khi bắt giữ bọn khủng bố thuộc tổ chức Hành động Trực tiếp ở Vitry- aux -Loges ngày 21-01-1987, cảnh sát đã chẳng tìm thấy chúng có những thẻ hồ sơ rút từ những niên giám đó, và có cả thẻ theo dõi các kỹ sư chế tạo vũ khí hay sao?

Vận rủi ro của CIA

Vào đầu thập kỉ tám mươi, các cơ quan bí mật Hoa Kỳ và nhất là Cục Tình báo Trung ương hết phương kế để chống lại sự phát triển của một môn thể thao mới mà một số nhà báo và chiến sĩ "cấp tiến" hăng say lao vào: việc công bố lí lịch nhân viên CIA đang công tác tại các vị trí trên khắp thế giới. Tạp chí Phản gián, rồi tạp chí "Tin tức Hoạt động che đậy" đã chủ yếu dùng những ấn phẩm chính thức và "công khai", đặc biệt là cuốn "Danh sách Cơ quan Đối ngoại" và cuốn "Sổ Tiểu sử" là hai niên giám của Bộ Ngoại giao Mỹ rồi đem phân tích và đối chiếu nhiều nguồn sẽ tìm ra đích xác các nhân viên tình báo.

Philip Agee nói rõ ý đồ: "Điều chúng tôi muốn đạt bằng việc công bố này là gây được phong trào quốc tế làm mất ổn định CIA bằng việc công bố các hoạt động và điệp viên của nó, khiến cho CIA khó tiến hành hoạt động lật đổ chống các chính phủ và phong trào chính trị,

như nó đã làm ở Chilê". Lối chơi này thật là nguy hiểm: năm 1980, "Tin tức Hoạt động Che đây" đã viết một bài về vai trò của CIA ở Hamaica. vài hôm sau nhà của Richard Kinsman, trưởng lưới CIA ở Kingston có tên trong bản tin đó, bị súng bắn vào. Thế là CIA mở cuộc vận động mới và mạnh ở Quốc hội nhằm xin thêm đảm bảo pháp lí. "Không gì tai hại cho cố gắng của ta trên lĩnh vực tình báo bằng những tiết lộ độc hại và không được phép về tên tuổi các sĩ quan của ta cử ra nước ngoài để tiến hành những công vụ khó khăn và nguy hiểm". Ronald Reagan viết thế khi vừa mới trúng cử Tổng thống. Vài tháng sau, 13 thành viên của Ủy ban Tính báo ủng hộ một văn bản rất hạn chế so với quy tắc trước, và cũng thừa nhận tính chất kì quặc của hành động này. Một trong các vị đó đã công khai tuyên bố rằng "Tôi biết rõ văn bản này sẽ bị phê phán. Tôi có thể đề nghị truy tố theo luật hình sự một công dân về tội đã công bố những tin tức công khai, lấy ở những nguồn tin công khai".

Cuối cùng đạo luật Bảo vệ Căn cước của Tình báo đã được thông quan tháng 6-1982 đồng hóa từ đây việc làm lộ căn cước điệp viên Hoa kỳ là tội phạm: "Chiếu theo luật này, các nhân viên Nhà nước dương chức hoặc đã nghỉ hưu, kể cả viên chức CIA, sẽ bị phạt 10 năm tù tối đa và 50.000 đôla về tội công bố căn cước một điệp viên mà không được phép, dù căn cước đó đã in ấn trong những tài liệu mà công chúng có thể tiếp xúc được. Các nhà báo và những người không thuộc chính quyền phải chịu tối đa ba năm tù và nộp phạt 15.000 đôla". Năm 1987, ở Pháp, ông chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Quốc

hội, François Fillon cũng dự thảo một đạo luật tương tự. Nếu dự luật này được thông qua thì việc công bố lý lịch đời vợ chồng già Turenge trong vụ Hòa Bình Xanh sẽ bị truy tố. Nhưng dự luật này chưa qua được giai đoạn sơ bộ nghiên cứu.

Những bí mật và các bức thành của chúng

Sau khi Mitterrand trúng cử Tổng thống, ngày 15 - 05 - 1981 Công báo đăng một sắc luật quan trọng do Thủ tướng Raymond Barre ký, mang số 81-514, quy định các quy tắc bảo vệ bí mật quốc phòng. Theo sắc luật này, bí mật là "những tin tức, những đồ vật, tài liệu hoặc phương pháp liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia mà nếu tiết lộ cho những người không có tư cách để biết bí mật sẽ làm hại đến quốc phòng và an ninh quốc gia hoặc có thể dẫn đến làm lộ bí mật liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia". Văn phong nặng nề, nhưng nội dung thì rõ ràng...Để "tô điểm" cho những bí mật này, nhà làm luật đã dự báo ...ba mức độ bí mật, xếp hạng phải đóng bằng dấu đỏ trên tài liệu; mức độ bí mật đầu tiên là "kín-quốc phòng" (confidentiel -défense). Mức này nhằm bảo vệ các "tin tức... chưa có tính chất bí mật nhưng sự hiểu biết, tập hợp hoặc khai thác có thể dẫn đến tiết lộ một bí mật liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia". Nhảy cảm hơn "kín-quốc phòng" là "mật-quốc phòng". Mức độ này giành cho "những thông tin mà việc tiết lộ sẽ làm hại đến quốc phòng và an ninh quốc gia". Cao

hơn nữa là "rất mật - quốc phòng" gồm những thông tin liên quan đến những quyền ưu tiên của chính phủ về mặt quốc phòng". Các bộ trưởng chịu trách nhiệm xếp hạng tài liệu kín và mật - quốc phòng, nhưng hạng "rất mật-quốc phòng" chỉ riêng Thủ tướng và đặc biệt Tổng Văn phòng Quốc phòng là cơ quan trực thuộc Thủ tướng, xếp loại.

Vậy chính quyền có thể dựa vào tiêu chuẩn của mình mà chọn cách nhờ pháp luật bảo vệ tin tức của mình. Chẳng thiếu sự lạm dụng những thủ tục như thế. Ví dụ quả tang nhất về "mật-quốc phòng" xung quanh chiếc hộ chiếu "thật-giả" DST trao cho Yves Chaliier một trong những người chủ chốt của vụ Ngã tư phát triển (Hội này được lập vào năm 1983 nhằm giúp cho bộ trưởng hợp tác Christian Nucci và chánh văn phòng bộ này là Yves Chaliier có quỹ "mềm" nhằm đảm bảo cho bộ Hợp tác hoạt động. Việc phát hiện tài vụ mờ ám và ăn cắp công quỹ khiến cho cựu bộ trưởng Nucci phải ra hầu Tòa cấp cao). Chính bộ trưởng Nội vụ Charles Pasqua đã yêu cầu đưa hộ chiếu đó cho Chaliier để hắn có thể trốn sang Braxin trong khi hắn đã bị buộc tội và bỏ trốn... Trong trường hợp như thế, việc dựa dẫm vào "mật-quốc phòng" chính là nhằm bảo vệ chính quyền tránh sự điều tra của tòa án quá tò mò.... Thượng nghị sĩ Jacques Thyraud đã tố cáo những sự lệch lạc và lạm dụng này vào tháng 10 năm 1985. Ông viết đề đề nghị đưa ra một đạo luật sau khi vụ Hòa Bình Xanh xảy ra được vài tuần lễ: "Chế độ hiện tại với di sản của những thời kì nước Pháp có chiến tranh gây ra một sự mất thăng bằng về / nguy hiểm / cơ chế. Nó trao cho ngành hành pháp một quyền lực thái quá gây ra nguy cơ

cho sự ổn định của nhà nước. Coi thường ngành lập pháp và tự loại mình ra khỏi sự trừng phạt của pháp luật, chế định này không phù hợp với các quy tắc sơ đẳng nhất của nền dân chủ". Ông viết thêm: "Tùng màng "bí mật vua chúa" cũ đang chết dần. Loại "mật - quốc phòng" cũng biến đổi sang phía sáng sủa, nhưng cũng còn nhiều vấn đề phải làm cho thời bình, nó có thể chung sống với quyền và tự do".

Một cá nhân chỉ được tiếp xúc với những thông tin đã phân loại nếu anh ta đã được cho phép trước là đủ tư cách và nếu anh ta đã được công nhận là phải biết những thông tin đó để hoàn thành nhiệm vụ hoặc chức trách của mình. TVPQP cũng có thể chúng nhận cho những người có thể tiếp xúc với các loại tài liệu mật mà không gây nguy hại cho quốc phòng, an ninh quốc gia. Hiến binh hoặc cảnh sát có nhiệm vụ xem xét cho những người thuộc loại dân sự, còn Cục Bảo vệ An ninh quốc phòng thì xem xét cho những quân nhân và dân sự có liên quan gần hoặc xa với Bộ Quốc phòng xem có đủ tư cách tiếp xúc với tài liệu mật-quốc phòng và kín - quốc phòng, việc xem xét này phải tiến hành thường kỳ.

Một văn bản do TVPQP thảo, thông tri số 1300, quy định những điều kiện chặt chẽ khi muốn tiếp xúc di chuyển, lưu giữ các loại tài liệu như hệ thống bảo quản chìa khóa, bộ số kết sắt tủ sắt và cả những phương tiện báo động, để bảo vệ nơi làm việc của những người giữ tài liệu. Đối với loại tài liệu được xếp loại "rất mật-quốc phòng" thủ tục còn chặt chẽ hơn nữa; Hội đồng quốc phòng là cơ quan bí mật nhất trong các cơ quan có quyền

quyết định của Pháp, có nhiệm vụ quy định những phương hướng chính của chính sách quân sự quốc gia, chỉ tiếp xúc với Tổng thống, Thủ tướng và các bộ trưởng cùng những tư lệnh lớn của quân đội được mời tới dự. Trong mỗi cuộc họp, các người tham dự Hội nghị quốc phòng đều được cấp một chứng từ đặc biệt là dù tư cách tiếp xúc với thông tin "rất mật-quốc phòng" và giấy này chỉ có giá trị một lần thôi... Mitterrand hiểu trong lĩnh vực này bí mật có ý nghĩa lắm vì năm 1953 và 1954 chính sau nhiều cuộc họp ông được tham dự mà ông đã bị vu cáo đã làm lộ bí mật cho báo chí và đảng cộng sản.

Tất cả những thông tin không công bố không phải xếp loại "kín - quốc phòng" hoặc loại cao hơn. Hạng thấp nhất là loại có đóng dấu "lưu hành hạn chế", đây là loại dễ gây tò mò vì thường không phân hạng đúng. Một số tài liệu không phân loại, nhưng tác giả lại muốn rằng những thông tin chứa đựng trong đó không được công bố, nên đã chưa thêm cho người đọc biết rằng chỉ nên lưu hành trong số những người cần biết mà thôi. Những biện pháp dựa vào lòng tin của bạn đọc đôi khi có lợi hơn là những dấu đỏ.

Với những thủ tục nặng nề như thế liệu đã đủ và thích hợp để bảo vệ tất cả những bí mật chưa? Một số ví dụ cho thấy là chưa và những bảo vệ viên bí mật đôi khi quên rằng bí mật phải bảo vệ thường xuyên, nếu không sẽ bị chết như một người bệnh đang được hồi sức mà bị một bàn tay tội ác giật mất vòi ôxy. Đôi khi những bí mật rơi vào tay hoặc lọt vào tai hó hênh vì lỗi sơ hở của

những cơ quan nổi tiếng là giỏi giang, như vụ điển hình dưới đây.

Ở Pháp, những bộ luật mật mã của hệ thống ngoại giao do một đơn vị chuyên môn của Tổng Văn phòng Quốc phòng sản xuất, tên là Cơ quan an ninh thông tin trung ương (SCSSI), tên cũ là "cơ quan mật mã". Tại mỗi cơ quan đại diện ngoại giao Pháp, các mật mã viên dùng cho việc liên lạc với Bộ Ngoại giao Pháp một hệ thống mã tên là "khóa vô tận" trong đó phải có loại băng loạn số do các kĩ sư và toán gia của cơ quan này chế tạo rất bí mật và chỉ được chuyển bằng túi thư ngoại giao. Tất cả các khâu trong giây chuyền này đều phải được bảo vệ chặt chẽ! Trong số báo ngày 8-4 -1985, tờ Le Point tiết lộ rằng các tê-lêch của sứ quán Pháp ở Matxcova đều đã bị cơ quan tình báo Xô-Việt xem trộm vì họ đã có đủ thời giờ để biến hóa mấy tê-lêch này khi chuyển nó bằng xe lửa giữa Paris và Matxcova. Trong nhiều năm trước sứ quán Pháp như vậy đã vô tình thông báo tất cả những điện ngoại giao - trước khi mã hóa-cho Liên Xô. Bởi vì không tôn trọng những thủ tục bảo mật.

Cuộc chiến đấu của bí mật công nghệ

Vào cuối thế kỉ 20 này, bí mật còn giữ được lâu không trước sự phát triển của các phương tiện thông tin và giao thông, trước khả năng xâm nhập vào các đường vô tuyến điện được bảo vệ về nguyên tắc, trước các máy tính giải mật mã? Và những bí mật thực thụ còn tồn tại

không? Vị cựu thủ trưởng của DGSE, chuyên gia về mật này, nhận định rằng về mặt thực tế tất cả những thông tin có thể liên quan đến DGSE đều có sẵn để dùng không khó khăn lắm ở thị trường tự do: "Trong xã hội hiện đại của chúng ta, 98% thông tin có ích là công khai không cần phải dùng đến những phương pháp thu thập khác. Chỉ còn 2% thông tin thực sự bí mật mà "những người khác", bạn hoặc thù, cố giấu". Đối với những nước làm cho cơ quan tình báo Pháp lo ngại nhất, tức là những nước thuộc "khối phương Đông" chẳng ai lại nghĩ rằng các nước đó không biết dùng hàng trăm tạp chí kĩ thuật và khoa học hoàn toàn công khai xuất bản ở nước chúng ta và ở các nước kĩ thuật phát triển khác".

Người Hoa Kỳ, mục tiêu đầu tiên, đã thừa nhận điều đó khi họ phân tích những tin tức của Farewell cung cấp. Năm 1985 Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đã viết: "Tuy các cơ quan tình báo của khối phương đông là những người thu thập chính thông tin khoa học, kĩ thuật, công nghệ, người ta nhận định khoảng 90% trong số một chục vạn tài liệu thu được mỗi năm trên thế giới không xếp loại". Nhà vật lí Dominique Pignon, của phòng thí nghiệm vật lí lí thuyết trường sư phạm cao cấp Paris, xác nhận với chúng tôi quan điểm đó: "Trong lĩnh vực khoa học, không có cái gì thoát khỏi ấn phẩm công khai. Ngoài các tạp chí Mỹ có tiếng như Công nghệ Hàng không Hàng tuần và Vũ trụ, còn những tạp chí mật hơn nhưng cũng bán công khai, như trong lĩnh vực tin học, đăng mọi điều đang có. Nếu họ mua máy vi xử lí-người Nga mua mọi thứ họ có thể mua -nếu họ đọc những sách báo gì của thế giới-người

Nga đọc tất- thì họ sẽ rất thông hiểu. Trên thực tế trong tất cả các lĩnh vực quân sự, kể cả về điện tử mũi nhọn, họ biết hết các nguyên tắc chủ yếu. Vấn đề của họ, đó là sự thành thạo và điều họ tìm kiếm đó là những bí mật công nghệ, không cần lí thuyết. Đó là điều người Nhật đã làm cách đây mấy chục năm và bây giờ họ đã vượt tất cả các người khác..."

Từ đầu những năm bảy mươi, DST và TVPQP tập hợp đều những nhà nghiên cứu-khoảng một vạn rưỡi mỗi năm-vào những hội trường để bồi dưỡng cho họ những "văn hóa của bí mật". Vấn đề: các nhà khoa học là bất kham và đòi phải trao đổi rộng rãi hơn giữa các cơ quan nghiên cứu trên toàn thế giới, trong mọi lĩnh vực. Cơ quan an ninh lo dựng cả tóc gáy lên khi thấy các nhà khoa học cứ đòi cho các đồng nghiệp nước ngoài đến thăm phòng thí nghiệm và các trung tâm nghiên cứu của họ. Trong tám vạn người tham quan và thực tập đến Pháp trong những điều kiện như thế trong năm 1986, DST đã kiểm tra ba vạn sáu nghìn người trong đó tám trăm từ Liên Xô và hai nghìn từ Nhật. Bảy trăm khách Nhật quan tâm nhất đến Viện Cao ủy về nguyên tử lực.

Những con số thống kê trên đây được rút từ một bài báo của những sinh viên bách khoa cũ, do DST kí tên, một điều lạ, nhưng chắc là DST nhắc nhở qua bài này những người có quyền quyết định của đất nước. Bài đó nói gì? Trước hết DST nhắc những nhà nghiên cứu ngây thơ nhất của Pháp rằng khi họ thực tập tại Đông Âu. Trung Quốc hoặc Liên Xô, họ đừng nghĩ rằng họ sẽ được tự do đi lại và thông tin như ở Pháp giành cho kiều

dân các nước đó thực tập ở Pháp; Với Liên Xô, điều kiện của nhà nghiên cứu rất khác.... Nhiều nhà nghiên cứu Pháp ở Liên Xô đã nhận xét rằng họ rất khó được thông tin và vào các phòng thí nghiệm có tiếng, đặc biệt là những lĩnh vực nhạy cảm nhất như đại dương học, vũ trụ, sinh học. Luôn luôn bị theo dõi, hành vi và cử chỉ của họ đều bị những người tiếp xúc với họ báo cáo lên cơ quan an ninh".

Lời cảnh báo thứ nhì của DST: DST nhắc các nhà nghiên cứu chú ý những nhà nghiên cứu từ các nước "bạn" đến Pháp vì tuy nước họ tiến hơn Pháp, nhưng nước bạn vẫn dùng thực tập sinh hoặc nhà nghiên cứu của nước họ để điều tra tiềm lực đích xác của nước Pháp. Người Pháp hiểu họ nói gì khi họ tung ra những lời cảnh báo như thế. Từ năm 1986, cơ quan Tổng đại diện về vũ khí đã chẳng từng đề xuất cấp học bổng cho những nhà nghiên cứu và đại học Pháp ra nước ngoài học tập, tham quan những lĩnh vực mà Tổng đại diện quan tâm sau khi trở về nước sẽ cung cấp cho Tổng đại diện một bản tóm tắt báo cáo thực tập? DST còn nhắc rằng người Mỹ và Nhật đến các phòng nghiên cứu Pháp: "Đó là một cách để tìm hiểu tình hình nghiên cứu của chúng ta nhằm tránh khỏi bị lâm vào tình thế thua thiệt lớn về khoa học hoặc công nghệ".

Trong tạp chí đó, Maurice Berbarđ, giám đốc nghiên cứu đại học Bách khoa danh tiếng nhất trong các trường đào tạo kĩ sư của Pháp, lại chống luận điểm của DST và đòi phải cho trao đổi qua biên giới các thông tin và ý nghĩ của những nhà nghiên cứu các khoa học cơ bản: "Sự

giao lưu là quan trọng: để cho nhà khoa học khác biết mình vừa khám phá ra cái gì và mau chóng học được cái gì những người khác vừa khám phá ra, đó là yêu cầu đòi hỏi cấp bách. Công tác nghiên cứu về bản chất là trong các kết quả trong nước và quốc tế trong môi trường tồn tại của nó. Kết quả là một thiết chế, một công ty đa quốc gia như IBM chẳng hạn, hoặc một quốc gia như Liên Xô đều có lợi ích chiến lược khi làm công tác nghiên cứu, cho nên họ cần phải để cho các nhà nghiên cứu của mình được tự do giao lưu, dù nguy hiểm đến đâu, trên phạm vi thương mại hoặc chính trị. Lịch sử chứng minh rằng nếu thiếu tự do đó mọi việc nghiên cứu sinh động sẽ bị bóp nghẹt trong vài năm thôi".

Đối lập về nguyên tắc với nguyên tắc bí mật mà các cơ quan tình báo Pháp muốn bao quanh sản phẩm khoa học và công nghệ quốc gia, sự đòi tự do và công bố có phải nhà nghiên cứu nào cũng như nhau không? Maurice Bernard phát biểu: "chắc chắn đòi hỏi đó là tự nhiên. Đòi hỏi này có khác chẳng là giữa một nhà nghiên cứu tập sự và một nhà nghiên cứu được giải thưởng Nobel: cũng chẳng giống nhau giữa nhà nghiên cứu cơ bản với nhà nghiên cứu khoa học thực hành hoặc phát triển; nhưng đòi hỏi đó là bản chất của công việc khoa học".

Cuộc tranh luận say sưa này che mất một vấn đề sâu xa: Trong một xã hội dân chủ và cởi mở như Pháp, những đại diện của một "nước ngoài" nào đó cứ mua của những hiệu sách khoa học to nhất để thỏa mãn phần lớn tính tò mò của họ, dưới con mắt sợ hãi của nhân viên DST. Cũng bằng cách đó, chẳng ai ngăn được họ bằng

con đường hợp pháp thu thập vô số tài liệu tàn mạt mà họ có thể so sánh, đối chiếu và cốp nhặt để rút ra được những thông tin. Vị cựu thủ trưởng phản gián Pháp nói: "Khi họ sưu tập, họ muốn tất cả; họ quan tâm đến các sự vật khác hẳn với suy nghĩ của ta. Chúng ta phân loại bí mật và cần bảo vệ hoặc cho tiếp cận. Nhưng người Nga thấy sự phân loại của ta là vô nghĩa, đối với họ sự vật đơn giản hơn nhiều; hoặc là có ích hoặc không. Một trong những vấn đề lớn của chúng ta là điều có lợi cho họ thì chẳng cần phải xếp loại cần bảo vệ!"

Trong điều kiện như thế, làm sao ngăn cấm một người Pháp có ý đồ xấu hợp tác với "nước ngoài" và hướng hồ là định kết tội hấn? Chính để trả lời câu hỏi này mà DST đã xin được bổ sung năm 1960 khoản 3, điều 80 của Bộ Luật hình sự bằng một ý mới tinh vi: từ nay một người Pháp chỉ "làm tổn hại đến lợi ích kinh tế chủ yếu" của đất nước là bị kết tội, dù không có tiết lộ đặc biệt bí mật, hoặc việc tiết lộ này không có chứng cứ vật chất. Sâu xa DST bao giờ cũng có xu hướng suy nghĩ rằng thiện ý của mình đã đủ để kết tội bất cứ ai mà họ cho là có tội...

Chuyển giao công nghệ và gián điệp

Tháng 10 năm 1982, nước Pháp thắng thầu về việc bán bốn chục máy bay chiến đấu cho quân đội Ấn Độ nhờ DGSE đã bỏ ra rất nhiều công phu ở Pháp, phòng Y của Cục Tình báo của DGSE đã đánh cắp được các

bán đề nghị giá cả của những nhà buôn khác và trao chúng cho Hugues de l' Estoile, đại diện hãng máy bay Pháp Dassault, trước khi ông này lên đường sang Niu Đêli để chào bán loại máy bay Mirage 2 000. Nhưng ở thủ đô Ấn Độ người ta cũng không ngồi chơi... Ngày 28-01-1985, đại tá Alain Bolley, phó tùy viên quân sự sứ quán Pháp ở Niu Đêli, được thông báo mình bị trục xuất vì chính quyền Ấn độ kết tội đại tá đã tổ chức một lưới tình báo trong nội bộ Nhà nước Ấn Độ, đến tận những cộng sự của Thủ tướng và nhiều người rất thân của Thủ tướng đã bị tổng giam...

Những vị này đã thông báo cho Pháp biết những mời chào về máy bay của các hãng cạnh tranh với Pháp, về cả diện thoại, công binh, pháo hạng nặng. Máy sao chép của văn phòng hồng, nên họ phải mang những tài liệu sẽ bán cho Pháp đến hiệu photôcopi ngoài phố để sao, giá 80 quan một trang... Những lời tố cáo của Ấn Độ khiến cho đại sứ Pháp Serge Boidevaix phải trở về nước, và Paris coi lời tố đó là vu khống. Vài tháng sau, một số thành viên chính phủ thân mật khoe khoang giữa bạn bè với nhau rằng họ biết hết những bàn luận trong Hội đồng bộ trưởng Ấn Độ về những hợp đồng lớn mua vũ khí trong đó có hợp đồng cung cấp phi đoàn máy bay chiến đấu của không quân.

Đối với công nghiệp quốc phòng cấp cao huy động những nhà nghiên cứu và những vốn tài chính khổng lồ, sự cạnh tranh thường có tính chất sống còn. Họ thường nhờ vả cơ quan tình báo giúp họ tranh cướp thị trường tiêu thụ sản phẩm, đồng thời giúp họ bảo vệ các bí mật

của chính họ trong các phòng nghiên cứu hoặc xưởng sản xuất. Khái niệm bí mật vận động trong các doanh nghiệp đó; chúng rất chú ý bảo vệ các phòng nghiên cứu của mình, nhưng cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới thường buộc chúng đành phải chấp nhận chuyển giao cho khách hàng những công nghệ mà mười năm trước không bao giờ họ chịu.

Chú hăng Dassault vào tháng mười năm 1986 đã phải thông báo cho các nhân viên công đoàn rằng điều không thể nghĩ sắp xảy ra: trước tình hình các đơn đặt máy bay quân sự giảm xuống, doanh nghiệp đã dự tính không chỉ bán máy bay, mà còn phải bán một phần bí quyết truyền kì và các bí mật công nghiệp đã đưa doanh nghiệp đến thành công cho đến ngày nay. Đành phải bán cho những nước như Trung Quốc, Nam Tư, Braxin, Ấn Độ, Indônêxia hoặc Ixraen... Dassanlt chỉ là theo chân của những doanh nghiệp lớn khác của Pháp như Aérospatiale hoặc Thomson vì các hãng này đã hiểu rằng đó là một con đường phải thăm dò.

Việc mất bí mật công nghiệp do chuyển giao kĩ thuật hoặc bán bằng chế tạo chỉ còn mỗi một cách bù đắp: sáng chế ra những phương pháp mới, vật liệu mới, kĩ thuật mới giúp cho họ luôn luôn phát triển những vũ khí mới và có trong tay kho dự trữ tối tân để cạnh tranh. Một số nhà công nghiệp vừa phòng vệ bí mật của mình kín đáo, vừa chọn thế tấn công. Còn gì đơn giản hơn là đưa lên báo chí kĩ thuật hoặc qua những con đường khác những tin giả nhằm đánh lừa kẻ cạnh tranh, làm chậm lại thông báo một phát kiến hoặc công bố những chi tiết không đầy

dù bằng cách giấu cái chi tiết chủ yếu. Còn gì đơn giản hơn khi một doanh nghiệp đưa ra một loạt câu hỏi về dự kiến tin học nhưng chìm câu hỏi thực sự trong làn sóng yêu cầu vô bổ nhằm đánh lừa nhà quan sát về trọng tâm chú ý lúc này.

Vấn đề chuyển giao công nghệ-tức là việc bảo vệ các bí mật công nghiệp của phương tây-là chức trách duy nhất của COCOM (xem chương 8), tổ chức đóng tại Paris hoạt động tuyệt mật theo lí thuyết, tập hợp các quốc gia thành viên Nato, Pháp và Nhật. Những vật liệu nhạy cảm và cấm xuất khẩu được kê hàng ngày và công bố như ở Pháp trên tờ Công báo. Ở Hoa Kỳ cuốn Danh mục Công nghệ Quân sự cấm xuất khẩu in hàng mấy trăm loại vật liệu và phương pháp bị kiểm soát rất chặt chẽ gồm lade quang học, năng lượng thấp, đến các loại điều khiển và kiểm soát vũ trụ, và hầu hết những sản phẩm mũi nhọn của một quốc gia phát triển, kể cả để sản xuất phân bón...

Làm thế nào để việc định nghĩa sâu rộng những yêu cầu an ninh đó không mâu thuẫn quá với lợi ích thương mại của các doanh nghiệp, các cơ quan chính phủ tán phát rộng rãi cho các nhà sản xuất những tài liệu chỉ dẫn những điều cần phòng ngừa trong những lĩnh vực nhạy cảm nhất: một tài liệu chuyên môn của quân đội Hoa Kỳ nói như thế này vào cuối năm 1987: "Mọi việc phổ biến công nghệ quân sự có ích đều kèm theo vài nguy cơ. Tuy nhiên, hoàn toàn ngừng công bố thông tin quân sự là có hại và có thể tác hại đến những cố gắng về an ninh của Hòa Kỳ và của các nước đồng minh. Vậy các bạn hãy cân

nhắc kĩ lợi hại về hành động của mình và tự tìm ra những biện pháp bảo vệ".

Là người của các nước COCOM hay không, những kẻ vi phạm quy tắc bảo mật sẽ bị trừng trị nghiêm ngặt. Ví thế Choishi Saba và Sugiiichiro Watari, hai người lãnh đạo chính của hãng Tòshiba Nhật, đã phải từ chức tháng bảy năm 1987 vì họ bị Mỹ tố cáo là đã bán cho xưởng đóng tàu Xô-Việt ở Leningrat máy khoan 9 trục có thể chế tạo chân vịt tàu ngầm siêu âm. Tháng 11 tiếp theo, Nhật khẳng định hãng Công cụ hạng nặng của Pháp và công ty con của hãng là Forest-Line" cũng làm như thế. Tháng tư 1988, tướng Jean-Paul Chamouton, nguyên chủ tịch Forest-Line", và Louis Tardy, nguyên chủ tịch hãng công cụ hạng nặng, đã bị khởi tố theo khoản 3 điều 80 Luật hình sự và bị tổng giam cùng hai cán bộ của hai hãng, sau khi DST điều tra.

Bí mật những chiến dịch quân sự

Trên đường mòn từ Oum-Chaloiuba đến Faya-Largeau ở Sát, chiến sự diễn ra ác liệt vào ngày 5-3-1986 giữa lực lượng GUNT của Goukouni Oueddei và FANT của tổng thống Hissène Hobré. Lúc 16 giờ 15, tám máy bay Jaguar và hai Mirage FI thuộc không quân Pháp, cất cánh từ sân bay Ndjaména. Đối với những phóng viên có mặt tại chỗ chưa quen thấy nhiều máy bay chiến đấu cất cánh liên một lúc như vậy dễ dàng thấy đó là một dấu hiệu của sự kiện quan trọng xảy ra. Một giờ một phút sau. Lúc 17

giờ 16, một bản tin "khẩn" đã truyền vào các tê-lêch của hãng AFP: phóng viên của hãng đã làm nhiệm vụ tại địa bàn. Nhưng tại bộ tổng tham mưu ở Paris các sĩ quan trực ban toát mồ hôi; số máy bay cất cánh trước đó một tiếng đồng hồ vẫn chưa đến mục tiêu. Nếu sứ quán Libi ở Paris là người mua tin AFP mà phản ứng nhanh, thì có thể báo trước cho Libi phản ứng bằng cách cho máy bay khu trục cất cánh từ sân bay Ouadi-Doum đánh chặn... Không xảy ra tình huống đó, các máy bay Pháp đã trở về căn cứ bình yên. Nhưng bộ tổng tham mưu sau đó đã thỏa thuận với các hãng thông tấn trong nước và ngoài nước đóng tại Paris sẽ tự mình hoãn đưa tin sáu tiếng đồng hồ về chiến sự đang diễn ra.

Chẳng quân đội nào trên thế giới muốn có nhà báo đi theo các chiến dịch. Điều đó đã xảy ra khi quân Anh chiếm lại quần đảo Manvinat vào tháng tư năm 1982; quan hệ giữa hải quân Anh và vài nhà báo đi theo thật là tồi tệ.... Khi quân Hoa Kỳ can thiệp vào Grênaa ngày 2-11-1983, họ chỉ cho 15 nhà báo đến sau hai ngày chiến đấu. Những biện pháp hạn chế như thế đã gần như trở thành quy tắc; khi quân Pháp tấn công động Ouvéa ở Tân Calêdôni, ngày 5-5-1988, một tuần lễ trước các nhà báo đã bị cấm đến quần đảo này....

Ở Pháp, Cơ quan thông tin và quan hệ với công chúng của quân đội đã suy nghĩ từ mấy năm nên có chủ trương thế nào khi có khủng hoảng nghiêm trọng; đã thấy trước rằng nhiều tin tức kể cả hình ảnh sẽ do chính quân đội công bố. Vào tháng chín năm 1986, tạp chí "Quân đội ngày nay" đã dành hẳn một hồ sơ cho cách đối xử với

báo chí trong tình huống như vậy. Một tác giả viết: "Vấn đề chủ yếu đặt ra cho quân đội nên như thế này: những nhà báo nào tham gia vào việc kiểm soát cuộc khủng hoảng?" Nói rõ hơn: ai sẽ chịu giữ "bí mật", tức là các tin tức mà quân đội không muốn công bố? Tác giả đưa ra câu trả lời, thời đó đã bị những nhà chuyên môn có liên quan kịch liệt phản đối, là nên thảo ra một quy chế "phóng viên khủng hoảng" chỉ dành duy nhất cho những nhà báo "ý thức được trách nhiệm công dân" mà thôi.

Tác giả thứ hai nhận thấy "sự cần thiết không làm nguy hại cho chiến sự, nếu giữ được yếu tố bất ngờ bảo vệ được tính mạng của quân sĩ", nên đề xuất giải pháp cho nước Pháp theo giải pháp Hoa Kỳ đã dùng trong cuộc can thiệp vào Hoa Kỳ vào Grênađa bằng cách tổ chức các tổ hợp: "Bằng cách cho phép một số lượng ít nhưng có chất lượng những nhà báo theo sát chiến sự, hình thức này trong thời gian hiện nay là hình thức duy nhất hòa giải được thông tin chung của dư luận công chúng bởi các cơ quan độc lập và chính thức với những đòi hỏi của an ninh cho binh sĩ trên chiến trường".

NHỮNG ĐIỆN VIÊN BỊ CHẾT

Một hôm, một nhà ngoại giao Pháp đã bảo tôi rằng "cơ quan ông bắn thiu lăm"! Tôi biết trả lời thế nào? Chẳng nói được... Ở nước Anh, cơ quan MI-6 (Military Intelligence) trực thuộc Bộ Ngoại giao, các nhà ngoại giao lấy làm vinh dự được phục vụ cho tình báo. Ở đó tất cả những quan chức cao cấp đều quan tâm đến tình báo (intelligence minded), họ nghĩ rằng một cơ quan tình báo hữu hiệu là bộ máy chủ yếu của Nhà nước và họ sẵn lòng phục vụ nó..." Lời phát biểu trên đây của một sĩ quan DGSE không chua chát: đơn giản chỉ nói lên cảm tưởng rằng đất nước mình không muốn chấp thuận cho cơ quan tình báo nước mình những món đầu tư về con người và vật chất như các nước phương tây khác, rằng cái nghề này ở Pháp bị coi như một nghề ô nhục, và rằng vì tất cả những lí do đó mà ở Pháp trong thế giới tình báo, tâm lí đều buồn nản...

Mô hình Anh

Dù các cơ quan tình báo Anh bị thâm nhập ra sao, dù nó bị nhiều bê bối có tính toàn cầu do "bốn tên phản bội" Kim Philby, Guy Burgess, Anthony Blunt và Donald Mc Lean thuộc loại nổi tiếng nhất trong lịch sử hiện đại—dù chúng mới bị cú đánh vào uy tín do một vài (cựu thủ trưởng MI-5, đã viết cuốn Spycatcher tố cáo vị tiền nhiệm của mình là Roger Hollis đã chỉ huy một lưới, hình như đã đưa ba trăm điệp viên xâm nhập vào các cơ quan bí mật của Anh. Đã nổ ra một trận đấu kì lạ về pháp lí giữa tác giả và chính phủ của bà Thatcher vì bà thủ tướng này muốn cấm xuất bản cuốn sách đó cũng như cấm báo chí đăng tải lại), dù bị coi là không dự báo trước việc quần đảo Manvinat bị xâm lược bởi Achentina năm 1982, cơ quan tình báo Anh vẫn là một mẫu mực nổi tiếng, các điệp viên Anh vẫn được đánh giá cao... Liệu có phải vì đất nước của họ đã sản sinh ra Somerset Maugham, Ian Fleming, Graham Green hoặc John Le Carré vì tiểu thuyết của họ đã chinh phục được thế giới, những người ca ngợi một thế giới của vải tuyết (vải may quần áo thể thao) và sự phản nghịch, của sự giết người và đầu độc vào bậc thầy, của những ông chủ có giáo dục nhưng thủ đoạn thì khắt khe? Các cơ quan bí mật của Anh hình như bao giờ cũng được tình báo Pháp khâm phục và tăng bốc.

Người ta nói rằng ở Anh, một du khách, một nhà báo, một nhà nghiên cứu khoa học, đại diện thương mại

hoặc nghệ sĩ không cho là dễ tiện khi nhận giúp cho Intelligence Service một công việc nhỏ nhỏ-như tiếp xúc-và nếu họ muốn gặp một đại diện của cơ quan tình báo Anh để kể lại vài phát hiện bất ngờ khi họ đi lại, họ sẽ được tiếp đón niềm nở không cần phải trình trước một chúng nhận bỏ phiếu cho bà Thatcher... Tóm lại tất cả những điều đó tạo ra một quốc gia biết trân trọng tình báo, các công dân Anh say sưa về truyền thống gần bốn trăm năm làm công tác đấu tranh bí mật. Không lần ngược lại lịch sử xa xưa, ta có thể nhận thấy ví dụ về mặt kỹ thuật, người Anh đã biết trân trọng sử dụng gia tài thành tích của quá khứ mà họ biết bảo vệ chúng.

Trong thế chiến thứ hai, các thành công quân sự lừng lẫy đã giành được là nhờ các hệ thống nghe trộm và giải mật mã của Đức: Người Anh ngay khi chiến tranh bắt đầu mở ra đã mở được mật mã của máy mã Enigma tại trung tâm Bletchey. Các điện mật đã bị giải mã mang tên mật là ULTRA và người Hoa kỳ đến năm 1942 được người Anh thông báo, liên cử ngay những sĩ quan đến học I.S. về kỹ thuật; nhưng khối lượng thông tin trao đổi cho Hoa Kỳ đôi khi lại phản tác dụng: "Vì sĩ quan tham mưu trung bình thường từ pháo binh hoặc kỵ binh sang, nghĩa là họ chưa mặn mà với môn mật mã nên chưa hiểu được giá trị sinh tử của nó... Họ phải mất nhiều năm mới hiểu thấu được các chiến thắng E1-Alamein, MidWay, Normandie, Avranches và ngay cuộc chiến ở Anh phần lớn nhờ những kết quả giải mã các điện mật của ULTRA."

Ngày nay, truyền thống nghe trộm điện đài vẫn được giới tình báo coi là có những cơ quan chuyên môn giỏi

nhất. Nối vào các hệ thống truyền thông và các trung tâm thu tin của cơ quan An ninh Quốc gia Mỹ (Theo Jeffre T. Richelson viết trong cuốn "Cộng đồng Tình báo Mỹ": cơ quan National Security Agency vào năm 1988 do tướng Uylliam E. Oden chỉ huy, là cơ quan thu thập tình báo kỹ thuật lớn nhất và bí mật nhất thế giới, nó nghe tất cả những truyền thông vô tuyến điện, thu mọi tín hiệu và sử dụng các trạm ở mặt đất, các vệ tinh, tàu do thám, máy bay và các trạm máy tính khổng lồ. Tổng hành dinh NSA đóng ở Pháo đài Meade (bang Maryland) là một thành phố thật sự, biên chế 25.000 nhân viên, và ngân quỹ-giữ bí mật-ước tính từ 5 đến 10 tỉ đô la Mỹ một năm).. Cơ quan Tổng chỉ huy Truyền thông của Chính phủ Anh (GCHQ) có những trạm nghe trộm ở Anh và nước ngoài; ví dụ nó cùng Hoa Kỳ và Ôxtrâyliya khai thác trạm Pine Gap và Narrungar (Ôxtrâyliya) với những trạm kiểm soát rất quan trọng khác để theo dõi tất cả những tin truyền qua vô tuyến điện cả vùng nam Thái-bình-dương. Năm 1987 họ đã thông báo đang xây một trạm mới tại Geralton ở Ôxtrâyliya nữa.

Từ 1980 và trong suốt cuộc chiến tranh Iran- Irắc, trạm Agios Nikolaos ở Síp của Anh đã giúp cho các nước đồng minh tin tức thô và đôi khi cả tin tức đã xử lý về tình hình Iran nhờ thu được rất nhiều truyền thông thông tin dân sự và quân sự. Một số người dám chắc rằng trong hai năm sinh sống ở Pháp từ năm 1986 đến 1988 bà Thatcher đã đích thân kiểm tra xem phủ tổng thống Pháp có tiếp tục được nhận loại thông tin đó hay không

Ở Anh, điệp viên của Pháp không làm được gì nữa, tình báo và phản gián đều được coi như những nghệ thuật. Và mọi người Anh đều tự hào được phục vụ cho MI-6-là cơ quan giữ vai trò như DGSE; cho MI-5 tương tự như DST; hoặc cho bộ chỉ huy tình báo quốc phòng (Defense Intelligence Staff) là cơ quan phụ trách tình báo quân sự và trực thuộc Bộ Quốc Phòng Anh. Trong những trường đại học danh tiếng nhất, các sinh viên cũ, thành viên của Intelligence Service, bố trí một hệ thống tuyển người và nhằm vào những sinh viên có triển vọng nhất. Đối với họ đây là một trách nhiệm đối với đất nước, thậm chí những sinh viên đó coi như vinh dự được làm tình báo.

Những điểm yếu trong việc tuyển dụng điệp viên của Pháp

Ở Pháp còn lâu mới được như ở Anh... DST, cơ quan phản gián Pháp, tuyển mộ nhân viên trong các trường cảnh sát như mọi cơ quan cảnh sát khác. Kiểu tuyển mộ này bị bản báo cáo của ông Bellorgey cực lực phản đối, nhưng lại có điều rất thuận: Các thanh tra hoặc ủy viên (cấm, cò) tương lai trong nhiều năm được theo đuổi một tiến trình học đại học nghiệp vụ tự trị trước khi dự thi tuyển vào cảnh sát quốc gia và được sinh sống trong cả thời gian đó trong "xã hội dân sự". Dựa vào thứ bậc tốt nghiệp và tiêu chuẩn riêng mà họ quyết định theo ngành phản gián hoặc ngành khác. Nếu họ chọn DST và nếu cơ quan này chấp thuận, họ sẽ làm việc suốt đời ở đó

và có người cho đó là một trong những lí do chủ yếu của sự cố kết của cơ quan và của khả năng thích nghi tương đối với những thay đổi và biến động của thế giới. Trong đầu thập kỉ 80, DST hoàn toàn vắng mặt trên trận địa chống nạn khủng bố, nay nó khá nhanh chóng tham gia cuộc chiến đấu này.

Ở DGSE ngược lại do những điều bất ngờ của nghề quân nhân không cho phép một viên sĩ quan dám chắc rằng mình có thể công tác suốt đời ở cơ quan tình báo này được. Nếu anh ta muốn leo lên đến đỉnh, anh cần phải ra khỏi DGSE, đôi khi từ hai năm trở lên, để có "thời gian chỉ huy" trong một đơn vị cổ điển. Cơ quan tình báo Pháp lại coi tiêu chuẩn an ninh là quan trọng nhất và áp dụng tiêu chuẩn đó rất chặt chẽ gây nên không khí nghi kỵ lẫn nhau rất khó chịu. Cộng với thực tế là nghề tình báo không phải là một chuyên ngành thực thụ của quân đội, là triển vọng nghề nghiệp ở đó tồi tệ, sự tôn trọng đối với nghề này ở con số không, khiến cho quân nhân thích chọn những con đường tầm thường hơn nhưng rõ ràng có lợi hơn về mặt tiến thủ và kiếm kế sinh nhai dễ hơn. Kết quả rõ ràng là: chẳng phải những sĩ quan xuất sắc nhất lựa chọn nghề tình báo ở DGSE, vì nghề này qua DGSE chắc chắn là không bao giờ lên tước...

Từ nhiều năm, các thủ trưởng tìm cách sửa đổi, cải tiến trình độ tuyển mộ bằng cách thuyết phục những quân nhân giỏi nhất - nói cho đúng hơn là một số trong số này-tham gia cơ quan tình báo. Theo chỗ chúng tôi biết thì kết quả chẳng được là bao. Việc đó hướng cả sang

phía dân sự bằng cách giành chức vụ cho những thanh niên mới tốt nghiệp kĩ sư, thạc sĩ, ngoại giao, hành chính.v.v.. Ở hướng này kết quả cũng chẳng vui, số người tình nguyện gia nhập DGSE vẫn chưa đạt như mong muốn...

Tháng 5 năm 1987. Trong hội trường lớn của Trường Hành chính Quốc gia, phố Đại học Paris những học sinh trúng tuyển đã chọn ngành tư pháp để sau khi tốt nghiệp sẽ vào các ngành tài chính, ngoại giao, tình trưởng... Vài giờ sau, trong một phòng học nhỏ, trên tầng hai, hai cán bộ quan trọng của DGSE tập hợp mười quan chức cao cấp mới này. Hai cán bộ DGSE đưa ra lời chào mời: "Xin các bạn cho biết có nhận đến làm với DGSE không, còn những việc tiếp theo chúng tôi sẽ lo. Chúng tôi có một số "vị trí" để đề xuất với các bạn..." Một ông cử nhân mới đã nhận đi xem, tuy không thành kiến gì với DGSE, nhưng vì tò mò muốn biết điều gì mới lạ.

Anh ta hoàn toàn thất vọng: "Rút cục hơi đáng ngại: họ chẳng cho tôi biết họ cho tôi vị trí nào, nơi nào cần đến tôi. Họ cũng chẳng cho biết chắc chắn sẽ nhận tôi, vì họ nói còn phải điều tra rất lâu về an ninh-về nguyên tắc tôi không ngại- sau đó lại còn phải qua thử nghiệm tâm lí và cách xử sự. Năm nay tôi đã hai mươi sáu tuổi, đỗ tú tài, học thêm sáu năm, có biết bao nhiêu con đường tươi đẹp ở những cơ quan khác,tôi không ở lại DGSE thêm một phút... Tôi sẽ tìm được những phương pháp khác để tham gia vào việc bảo vệ đất nước tôi. "Ý định vào DGSE không gây khó chịu trước cuộc họp, những cuộc tiếp xúc đầu tiên này, theo anh, thật là "ghê tởm":

"Tôi ghét việc không biết mình sẽ đặt chân vào đâu. Liệu mình có tự đưa vào cho chiếc máy để nghiền nát mình ra không ? Tôi bắt đầu cuộc đời của mình, tôi chẳng biết nếu tôi đi qua DGSE với những ngoắt ngoéo của nó thì đời mình sẽ ra sao. Khi ta rời bỏ nó, ta ra đi hẳn, hoặc ta sẽ phải ăn đời ở kiếp với nó?"

Những "cộng tác viên danh dự"

Không hiếm những suy nghĩ như thế, và cũng chẳng phải dễ nhiều thì giờ la cà quanh Paris mới biết như vậy. Tiếp xúc đầu tiên có thể khó khăn khi DGSE đi tìm thiên hạ và giòng máu mới trong những trường danh tiếng, nhưng khi một người Pháp - hoặc một người nước ngoài-bỗng muốn báo cho cơ quan này tin tức hoặc đơn giản hơn là chỉ tiếp xúc thì sao? Khi đương sự không có quan hệ đặc biệt với những quân nhân "có vị trí cao" làm trung gian, thì đương sự phải tìm trước hết một trung gian: loại tiếp xúc này không phải là không có đối với ai bỏ công ra. Nhưng sau đó thì sao? Qua những tâm sự chúng tôi thu lượm được cho thấy DGSE ghé thăm khi nghe những người không phải là "cộng tác viên danh dự" của cơ quan, và nhiều yêu cầu tiếp xúc đã bị tiếp nhận một cách đáng thất vọng...

Ví dụ có một người phụ trách một tổ chức phi chính phủ có tiếng chỉ xin gặp DGSE để "bàn luận" xem có thể cùng tiến hành công việc, nhưng ông ta chẳng bao giờ nhận

được trả lời. Cũng có một nhân viên hợp tác tại Châu Á thu được những tin tức mà ông nhận định là rất quan trọng và ông định khi đi qua Pari sẽ "chuyển giao". Một người trung gian có vai vế muốn giới thiệu nhân viên đó nhưng không được trả lời... Lại đến một nhà buôn vũ khí đã nghe được một nguồn tin lí thú về một vụ buôn lậu nên muốn báo tin, nhưng cơ quan mật không tin và nhà buôn đó đành phải tìm một nơi khác. Tại sao những viên chức tình báo nhà nghề lại có thái độ như vậy đối với những người chỉ vì thiện chí như thế, trong khi các thủ trưởng của DGSE nối tiếp nhau đều than thở rằng họ thiếu sự hợp tác theo kiểu tự nguyện như thế?

Một trong số lí do giải thích được tâm trạng đó là do thiên hướng của các cơ quan mật chỉ muốn hợp tác với những người cũ, những lực lượng dự trữ của cơ quan vì họ đã nắm chắc về chính trị và an ninh. Lo ngại dịch xâm nhập bằng con đường này đúng là không đáng trách, nhưng không phải vì thế mà nguội lạnh với mọi người bình thường. Nhà buôn vũ khí năng động này, người có doanh số khá lớn, đã phát biểu ý kiến về chuyện đó như sau: "Nếu anh đến cơ quan tình báo với một nguồn tin có giá trị, họ sẽ bắt đầu bảo anh là đồ ngu. Trước hết vì anh không phải là quân nhân, sau nữa anh chẳng là chuyên gia về tình báo. Những nhà tình báo chuyên nghiệp sợ nhất là đám nghiệp dư. Lòng sợ hãi đó xuất phát từ hai nguyên nhân: Loại nghiệp dư chẳng biết nghề đó như thế nào, và rất dễ bị cho leo cây. Trong thực tế, đám nghiệp dư làm đúng, và đám quân nhân lúc đó lúc đó cảm thấy mình vô ích..."

Thế có nghĩa là quan hệ giữa các nhà công nghiệp Pháp và cơ quan tình báo xấu đến mức không thể so sánh với tục lệ đã hình thành ở nước Anh chăng? không phải như vậy. Thực tế điều thường xảy ra là trường hợp như một nhà công nghiệp trung bình của Pháp sang một nước Châu Á nghiên cứu một công trình công cộng nào đó. Trong dịp này, ông gặp tổng thống, bộ trưởng xây dựng đang lo ngại về sự xuống cấp trong quan hệ với một nước láng giềng và cho ông những thông tin chính trị về tình hình của khu vực.

Vị cộng tác viên danh dự của DSGE đó nói: "Thật là thắng thần và lý thú về tình báo, chúng ta thường bắt gặp như vậy, loại tin báo như thế có thể chuyển về DGSE được, số lượng nhiều hơn và phong phú hơn tình báo quân sự. Số lượng cơ sở thương mại ở nước ngoài có thể quan hệ với những nguồn tin tình báo quân sự rất ít. Và trong số người có quan hệ như thế, ít người được đào tạo để đi gặp cơ quan tình báo Pháp và nói cho cơ quan này những điều mình đã biết...". Đây thiện chí và rất am hiểu tình hình một số nước ở nam bán cầu, người đối thoại với chúng tôi đôi khi cũng bất ngờ, nhất là vào năm 1987 ông đã cung cấp một cách vô tư những tin tức giống nhau cho hai cơ quan DGSE và TVPQP. Mỗi cơ quan này đều làm một báo cáo tất nhiên là giống nhau lên những cấp thường được nhận, khiến cho hai cơ quan này sinh nghi rằng ông ta đã bẫy họ...

Quan hệ giữa các doanh nghiệp và các cơ quan bí mật có nhiều hình thức: như nhân viên kỹ thuật hãng Thomson nhận thấy trên sân bay một thành phố công

nghiệp ở Trung Quốc vào cuối năm 1986 những hoạt động là lạ quanh một chiếc máy bay lớn, anh lại gần và thấy người ta đang chuyển lên máy bay những linh kiện cỡ lớn. Qua hỏi những thợ vận chuyển, ông ta được biết đây là máy bay tháo rời kiểu Xô-Việt vận chuyển sang Irắc. Sau khi đối chiếu các nguồn tin, DGSE báo cáo lên chính phủ Pháp rằng Irắc đã có khả năng phóng tên lửa không đối hải-do Trung Quốc sản xuất - từ loại máy bay này, như vậy họ không lệ thuộc hoàn toàn vào tên lửa Exocet của Pháp nữa...

Ngược lại, DGSE cũng tìm cách hợp tác ra ngoài: cách đây ít lâu, nhờ hệ thống thám không bằng vệ tinh, cơ quan này đã thu được một cuộc trao đổi qua điện thoại lí thú giữa một nhà thương lượng của hãng Volkswagen của Đức đang ở Achantina với tổng giám đốc ở Wolfsburg. Trạm thám không Domme ở Dordogen đã báo cáo những điều kiện mà tổng giám đốc họ đặt ra để kí kết việc chào bán một xí nghiệp ô tô ở Achantina, nhất là cái giá thấp nhất mà nhà thương lượng không được lùi quá, dù có phải mất hợp đồng.

Tin này có giá trị nghìn vàng và được chuyển cho hãng Renault đang thương lượng một hợp đồng như thế vào thời điểm đó; hãng này đã chào giá thấp hơn giá tối thiểu của Đức một chút và đã giành được hợp đồng. Sau đó hình như DGSE đã nhận được một thư khen khá nồng nhiệt.

Chính sách viên thông nghèo nàn.

Khi một sự kiện như kể trên xảy ra, rõ ràng DGSE không thể công bố thành tích của các kỹ thuật viên của mình. Cũng như vậy, nó không bao giờ chính thức hoặc nửa chính thức công bố các chi tiết về một kế hoạch thành công của cục Hành động. Pháp luật là cứng rắn, nhưng đó là pháp luật: pháp luật của các cơ quan bí mật vẫn cứng rắn không hề thay đổi từ bao đời nay và tổng thống John Kennedy đã tóm tắt rất đúng trong cuộc khánh thành vào ngày 12-11-1961 trụ sở mới của CIA tại Langley: "Thành tích của các bạn nằm trong bóng tối, nhưng thất bại của các bạn thì vang âm khắp thiên hạ." Đúng là vị tổng thống trẻ này vừa mới vấp phải một bê bối mà vụ Hòa bình Xanh chỉ xếp vào loại trò chơi khăm của học trò, đó là vụ xâm lược thảm hại ở Cuba của một nghìn năm trăm tên lưu vong được CIA huấn luyện và vũ trang với sự đồng ý của tổng thống vào ngày 16-04-1961 ở Vịnh Con lộn, làm cho Hoa Kỳ trở thành trò cười và làm cho tình hình thế giới xấu hẳn đi.

Ở Pháp, khi các cơ quan bí mật muốn nói về mình thì làm cách nào?

Ở chương 17 chúng ta sẽ thấy, DST đã có quan hệ lâu đời với các nhà báo và biết hở ra những tin tức có lợi cho nó. Sự cố mật của các viên chức DST trong những năm rất dài trong cơ quan là một nhân tố tạo thuận tiện cho những quan hệ kiểu này, và họ rất hay dùng. DGSE

rõ ràng có khó khăn hơn và chẳng có truyền thống, ngoại trừ truyền thống ủng hộ của vài bộ óc dồi dào khi gặp phải những khó khăn lớn bằng cách nhờ sự giúp đỡ của những ông bạn lính dù cũ được rải một cách khéo léo trong vài tòa soạn có ảnh hưởng; những sáng kiến này luôn luôn thể hiện bằng việc làm cho các cuộc khủng hoảng và hình ảnh của cơ quan xấu đi chừng nào những mảnh khóc và chuyện bịa trở nên quá đáng. Ở nước Pháp, vẫn chẳng thể tưởng tượng được mười hai năm trước khi bước sang thế kỉ 21 mà các thủ trưởng cơ quan tình báo lại có thể trong tương lai gần, ngoại trừ có sự thay đổi xu thế, xuất hiện trên báo chí hoặc truyền hình để thiết lập những mối quan hệ bớt nóng bỏng với đất nước.

Ở Hoa Kỳ, tình hình rất khác và các người lãnh đạo cơ quan bí mật-tình báo hoặc phản gián-đều là những con người mà công chúng đều biết, mở hội nghị và lên nhận chức vụ một cách chính thức nhất so với các nước, với sự có mặt của Tổng thống. Được bổ nhiệm ngày 3-3-1987 đúng đầu CIA hơi xáo trộn, vì 15 năm thất bại và phanh phui căng thẳng về những hoạt động bí mật đáng bị lên án, quan tòa William Webster đã đồng ý sau chín tháng nhận chức trả lời phỏng vấn của tạp chí Tuần Tin tức, trong đó ông xác định rất rõ khuôn khổ mà ông định làm việc. Trong bài này chẳng có một bí mật quốc gia nào, mà chỉ có cách nhìn về nghề nghiệp của thủ trưởng cơ quan tình báo mạnh nhất và bị phê phán nhất của thế giới phương tây, người trước đó đã từng lãnh đạo trong nhiều năm Cục Điều tra Liên bang (FBI).

Cuộc phỏng vấn này đối với ông là dịp để giải thích cách ông quan niệm về việc có thể dùng lực lượng vũ trang bởi cơ quan ông, việc này bao giờ cũng được quyết định "phù hợp với chính sách đối ngoại của chúng ta, không phải CIA có quyền tự ý quyết định được". Cũng là dịp để xác định rằng ông mong muốn quan hệ CIA - Quốc hội-cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của CIA-sẽ đi: "Tôi nghĩ rằng đã thừa nhận CIA và cộng đồng tình báo làm một công việc quan trọng, thì chúng phải làm cho tốt và chúng không hề muốn tiếp tục gây sự vì những lí do chính trị". Khi người ta hỏi các cục trưởng cơ quan bí mật Pháp vì sao họ không theo cách ấy ra công khai để cho công chúng biết mặt và giải thích những cơ sở của công việc cũng như các nguyên tắc của công tác, họ đều luôn luôn trả lời rằng họ không có quyền, rằng chính phủ Pháp không bao giờ cho họ được phép... Nhưng đã có bao giờ họ đề nghị?

Tình báo, thế giới tàn nhẫn của Anh.

Vài tuần sau khi Jean-Pierre Chevènement lên làm bộ trưởng Quốc phòng, vào tháng 5-1988, một trong những thành viên của võ phòng của ông quay lại về phía một trong những cộng sự quân sự lỗi lạc nhất của ông và với tiếng cười to, nhìn thẳng vào mắt và nói: "Ông bộ trưởng là một tên truy lạc thật sự". Hình thức thì thế, nhưng thực chất không phải là công kích, ngược lại đó là lời khen về

sự khôn ngoan của kẻ đầu cơ chính trị và những thủ đoạn của giai tầng chính trị phong cho Chevènement: ngoài cái nghĩa mở rộng về đạo đức, khái niệm "trục lạc" chỉ rõ trong thế giới tình báo những người biết khéo léo đi tới mục tiêu, hoặc đi thẳng, nhưng thường bằng mưu mẹo quanh co, dối trá và giật dây, trong một vũ trụ mà muốn sống sót phải lờ cả bẫy bè đi.

Đã quen với phong tục ngoắt ngoéo của thế giới tình báo, những nhà chuyên nghiệp Pháp cũng bị bối rối khi phát hiện trong những chiến dịch khủng bố Trung Đông và sự dâng lên của trào lưu chính thống đạo Hồi những sự tinh tế mới của Takiya, cách suy nghĩ mà những giáo hữu dòng si-ít ở Iran dùng làm một trong những nguyên tắc hành động chính của họ. Trong cuốn sách đáng chú ý của nhà báo Xavier Raufer mô tả khái niệm được dùng như một chiến cụ và được giáo dục ngay từ tuổi thơ như sau: "Lễ thụ pháp gồm nhiều môn (giáo lí, pháp lí, lễ nghi vv...), chủ yếu huấn luyện cho người mới nhập tu thực hành một bộ kỹ thuật lạ lùng hạn chế trí tuệ, sự già dối, những thủ đoạn xiên xẹo... Môn Takiya trở thành bắt buộc khi sinh mạng gặp nguy hiểm mà không có triển vọng kiếm được món lợi tương đương".

Những kế hoạch mà cơ quan tình báo Pháp đã dựng lên đôi khi chẳng đáng để người ta ước ao về mặt năng lực quan niệm, về các mưu mô. Đầu thập kỉ 80, cơ quan phản gián Pháp bận khai thác những tin báo của tên nội gián Farewell tại Matxcova - vụ nội gián lớn nhất

trong lịch sử tình báo Pháp-và phân tích những phát hiện to tát nhờ sự hợp tác của Farewell. Sau khi thông báo cho tất cả các cơ quan bí mật phương tây biết và đề ra những biện pháp bảo vệ mới, DST bắt đầu tấn công. Ban chỉ huy hợp kín quyết định nhiều kế hoạch trong đó có kế hoạch tấn công vào cục 1 của KGB, đơn vị phụ trách hoạt động ở ngoài Liên Xô với nhiệm vụ thu thập tình báo kỹ thuật. Trong số hàng trăm tài liệu FareWell cung cấp, có bản danh sách rất quan trọng đối với các chuyên gia phản gián: danh sách 250 điệp viên Xô viết của Cục 1 đang công tác tại các sứ quán hoặc tại trung ương. Chi tiết quan trọng nhất của bản danh sách này là các địa chỉ cá nhân của những điệp viên này trên toàn Liên Xô...

Thế là DST chọn cách "hư đồn": viết thư cho tất cả những điệp viên đó đến tận nhà riêng. Gửi từ nhiều nước trên thế giới, phương tây hoặc các nước khác, bằng nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Nga, đánh máy hoặc viết tay và đề ngày khác nhau rải ra nhiều tháng, được các chuyên gia DST soạn thảo công phu rồi đưa vào Liên Xô. Có bức thư chỉ là đùa nghịch, đề nghị những điệp viên KGB này hợp tác với một cơ quan phương tây. Các bức khác dưới hình thức trả lời nhận hoặc từ chối đề nghị hợp tác với phương tây. DST biết chắc chắn các bức thư này sẽ được chuyển đến lãnh đạo KGB, có bức không có ruột để gây ngờ vực trong nội bộ KGB, thủ đoạn "hư đồn" là như thế và DST lịch sự đối với DGSE vì cơ quan này không làm được như vậy...

Về phần DGSE nếu mù và điếc mới không biết những lời xúc phạm như vậy, người ta dành ngồi bình luận đó là những hành vi hèn hạ của DST và cam lòng đánh giá rằng thiên hướng của cảnh sát nói xấu quân nhân là rất bất công. Ở cơ quan DGSE người ta còn có ý nghĩ rằng DST đang mắc phải "mặc cảm nặng nề của người hết mục trung thành", đó là công thức của một vị cựu thù trưởng cơ quan này; vị này còn nói nặng hơn nữa khi ông khẳng định rằng thái độ đó sẽ ảnh hưởng đến những đòi hỏi về an ninh của DST, và DST sẽ thậm chí không thể tưởng tượng được rằng cơ quan mình một ngày nào đó có thể sẽ bị một cơ quan thù địch thao túng. Ông còn nói thêm: "Tôi tất nhiên không muốn nói rằng điều đó sẽ không xảy ra..."

Thực tế sau khi Mitterrand trúng cử Tổng thống năm 1981, một phó Cục trưởng DST đã bị DGSE tố cáo làm gián điệp cho Liên Xô. Lời tố cáo này không do DGSE đưa ra trực tiếp, mà lại do các đồng nghiệp của vị Cục phó đó nghe được qua MI-5-cơ quan phản gián Anh-dồn đại. Những đồng nghiệp này rất bực mình vì coi là lời đồn bậy, vu khống. Nhưng khi cục trưởng DST hỏi đồng nghiệp ở DGSE để yêu cầu giải thích về tin đồn này, thì vị đồng nghiệp bên DGSE trả lời rằng: "Xin lỗi, có lẽ người ta nhầm!".

NGHE TRỘM ĐIỆN THOẠI: CÁI TẬT KHÔNG SỬA ĐƯỢC

Lúc đó là 7 giờ sáng, ngày trước Noen năm 1987 và trời còn tối mờ khi ba bóng người tiến đến cổng tòa nhà số 1, phố Vacquerie, ở Paris. Chúng không biết mật mã khóa cửa lối vào cho nên phải vòng phía sau nhà một người thuê nhà để lườn vào tòa nhà. Hai tên leo ngay lên tầng hai là căn hộ của một nhân viên chấp hành (mổ tòa) của Hội đồng quan tòa cấp cao, ông Yves Lutbert, khi ông này đi nghỉ vắng. Tên thứ ba vào một buồng kĩ thuật nhỏ ở tầng trệt là đầu mối các đường cáp điện thoại của tòa nhà. Vài phút sau, một người hàng xóm thấy nghi đã gọi điện thoại cho cảnh sát. Các viên chức trật tự này đến ngay để ngăn hành động mà họ cho là của bọn lưu manh, nhưng can cước của bọn đó và những lời trình bày của ba người mờ ám này đã làm cho họ hết nhằm: Đây không

phải là bọn lưu manh, nhưng những hành động tại tòa nhà của chúng không phải là hành động bình thường...

Hai trong bọn đó định chạy trốn nhưng bị bắt lại đã khai chúng là những nhân viên mới tuyển của hiến binh tên là Fabien Calderoni, cựu thượng sĩ ở Calvi, và Robert Montoya, cựu đội viên đội điều tra ở Corse. Tên thứ ba bị tóm ở buồng đầu mối khai là chuyên viên điện tử tên là Alain Clarhaut; ở dưới chân của y đủ đồ nghề chuyên môn để nghe trộm điện thoại: một máy điện thoại xách tay với giầy, một cái kim để tách trần, những máy do, cáp, một máy nghe v.v... Rõ ràng những vị đó đang đặt hệ máy nghe trộm. Đối tượng? Yves Lutberg...

Những thợ điện ít kín đáo

Bị dẫn về trụ sở phòng 4 của Cảnh sát Tư pháp, ba người khai là nhân viên của Hãng bảo vệ và điều tra công nghiệp SPPP. Đúng, Nhưng với cảnh sát thính mũi đây là một chuyện rất hấp dẫn: SPPP được lập năm 1985 bởi một người mà họ biết rất rõ: Ông chánh cảnh Charles Pelegrini; lý lịch của ông này cũng lí thú vì những biến đổi của đời ông đã đưa ông lên. Đơn vị hiến binh phủ tổng thống lập vào tháng tám năm 1982 bởi cựu đội trưởng đội đặc nhiệm của Hiến binh quốc gia, thiếu tá hiến binh Christian Prouteau. Từ lời khai lung tung của ba chàng luòi, thấy ngay chúng đang đi điều tra về một tên trộm; rồi chúng trình bản sao chụp một giấy ủy thác xét xử cho phép nghe điện thoại do dự thẩm Morell-Duversy de

Nanterre của đội hiến binh Courbevoie cấp, trong một vụ buôn ma túy. Văn bản này ban đầu xem ra phù hợp với luật lệ được nghe điện thoại, tức là hợp pháp.

Trên thực tế, mau chóng cho thấy không phải như vậy và sở dĩ cảnh sát không cười vì họ lịch thiệp. Theo họ rõ ràng đây là ba điều tra viên rất đặc biệt thầu lại công việc cho đơn vị hiến binh phủ tổng thống vì đơn vị này chẳng có dụng cụ và bí quyết cần thiết để tự mình tiến hành việc nghe trộm điện thoại. Sau vài ngày điều tra cấp tốc, cảnh sát biết được chính bộ chỉ huy quân sự của phủ Tổng thống đang điều tra một vụ án đặc biệt nóng bỏng, vụ tiết lộ tài liệu của Hội đồng quan tòa cấp cao. Sự tiết lộ này đáng lo ngại: giấy tờ giao dịch riêng và mật giữa tổng thư ký hội đồng kia là bà Danièle Bur - gubunu và tổng thống là người đã bổ nhiệm bà, đã rơi vào tay "kẻ thù" đó là Bộ Tư pháp. Trước khi lọt vào tay các nhà báo vài tuần lễ sau. Điều phiến toái nhất là những giấy tờ giao dịch này đánh giá khá nghiêm khắc một số quan tòa... Thêm vào đó là việc bỏ thuốc độc vào chèn năm giờ của các cố vấn Hội đồng đó và vài bức thư đe dọa của một kẻ nặng vía: những cái đó là căn cứ để quyết định phải điều tra. Ngược lại không có căn cứ nào để tiến hành nghe trộm điện thoại.

Bị phan phui vào tháng giêng năm 1988, chưa đầy hai tuần xảy ra sự việc, bởi nhà báo Jean-Marie Pontaut của tờ Le Point, vụ này vang âm lên: chỉ còn có 5 tháng nữa là bầu lại tổng thống, một vụ tranh luận mới xảy ra khiến cho hiến binh chống cảnh sát kịch liệt (Yves Jobic, ủy viên cảnh sát của Phòng 1 cảnh sát tư pháp của Sở

cảnh sát Pari, bị khởi tố về tội dấn gái và cuộc điều tra lại được trao cho hiến binh tiến hành vào tháng 12-1987), và dự luận lại thích được biết những loại phanh phui như thế. Tuy nhiên, sau nhiều đợt biến và phục hồi vụ "nghe trộm hội đồng quan tòa" chỉ vài tuần sau bị lãng quên, và tầng lớp chính khách kín đáo bỏ qua cái vụ nghe trộm đầu tiên của nhiệm kỳ tổng thống. Vì sao? Ở phủ tổng thống người ta ra sức chối không hề liên quan đến vụ nghe trộm, người ta thích xem đó là một hồi của "chiến tranh cảnh sát": theo yêu cầu của quan tòa Hayat, kỹ thuật viên Alain Clarhaut trước kia đã đặt máy nghe trộm ở nhà viên cầm Yves Jobic khi ông này bị buộc tội là đã "bào vệ" gái điếm, và đồng sự của viên cầm này trông nhiều ngày đã tìm cách "tóm cổ" Clairhaut. Dù sao vụ này cũng là vụ nghe trộm đầu tiên của nhiệm kỳ tổng thống Mitterrand. Có phải là vụ duy nhất không ? Cho đến lúc này chưa có vụ thứ hai bị phát giác. Nhưng thỉnh thoảng đơn vị hiến binh phủ tổng thống lại phạm phải những nhược điểm khác về mặt này.

Phủ tổng thống nghe trộm theo hạn mức của DGSE

Như đã nói ở trên, DGSE đã nhượng một số hạn mức nghe trộm của mình cho đơn vị hiến binh phủ tổng thống kể từ khi đơn vị này được thành lập vào năm 1982. Theo quy tắc quen thuộc, các yêu cầu nghe trộm phải thông qua "phòng dành riêng" của văn phòng bộ trưởng

Quốc phòng là nơi phụ trách quan hệ hàng ngày giữa chính quyền chính trị, DGSE và Cục bảo vệ quốc phòng. Theo lô-gic và quy tắc miêng thì bản báo cáo kết quả nghe trộm mà Toán kiểm tra liên bộ thực hiện xong phải thông qua "phòng dành riêng" rồi lên phủ thủ tướng sau mới lên phủ tổng thống. Nhưng Đơn vị hiến binh phủ tổng thống không muốn nghe nói đến điều mà họ cho là kiểm tra, lấy lý do rằng từ Bộ Quốc phòng đến phủ thủ tướng không yêu cầu báo cáo. Đã xảy ra tranh cãi, bộ trưởng Quốc phòng Charles Hernu tức giận làm ầm lên nhưng rồi cuối cùng đành rút lui... Còn chánh văn phòng phủ thủ tướng cũng cho qua. Món quà nhỏ giúp phủ tổng thống này của Bộ Quốc phòng của Đảng xã hội có tiếp tục sau tháng ba năm 1986 khi chính phủ Chirac lên không? Không...

Khi đó, chánh văn phòng Maurice Ulirich và nhất là Michel Roussin đã được các viên chức báo cáo rằng có điều bất thường xảy ra ở Toán Kiểm tra Liên bộ, và nhất là một số thành viên của đơn vị hiến binh phủ tổng thống-một quan hai và hai hạ sĩ quan - làm việc cố định tại Toán để hoành hành. Tức là Bộ Quốc phòng cũng như phủ thủ tướng không còn kiểm tra về việc Đơn vị hiến binh phủ tổng thống nghe trộm bất chấp các quy tắc được xây dựng bao nhiêu năm: nhân viên của Prouteau đã làm chủ Nhóm Kiểm tra Liên bộ. Từ tháng ba năm 1986, kiểu hành vi vi phạm đó bị cấm chỉ và đám hiến binh đã phải vác cặp và máy nghe ra đi. Có cần nói rõ rằng lập luận này đã bị phủ tổng thống cái chính không?

Việc chung sống giữa tổng thống theo đảng xã hội và chính phủ theo đảng khác tuy thế cũng không cắt các nguồn tin rút từ các cuộc nghe trộm điện thoại của phủ tổng thống. Trong hai năm cú thứ hai hàng tuần, một liên lạc viên của phủ thủ tướng mang một gói tài liệu "tuyệt mật" gồm thống kê những cuộc nghe trộm trong tuần và những báo cáo đánh máy những cuộc nghe trộm về những vụ án khủng bố. Trong các cộng sự của thủ tướng Chirac có nói rằng trong suốt hai năm chung sống, không tiến hành nghe trộm điện thoại của những nhà chính trị, nhà báo hoặc công đoàn. Và hạn mức nghe hàng năm được phép vẫn như của năm 1981: hơn 900 một chút.

Ở phủ tổng thống, lập luận thánh thiện của câu chuyện khiến cho vài vị quan chức cười, và người gọi ra "hàng trăm hồ sơ đã bị tiêu hủy tại nhóm kiểm tra liên bộ" trong tuần lễ trước khi có cuộc bầu cử Tổng thống năm 1988.

Ước nguyện thánh thiện

Những cuộc nghe trộm là một trong những vị thuốc độc trong đời sống chính trị của Pháp và chắc chắn đó là một trong những cái tật xấu nhất của Pháp: mọi chế độ đều dùng đến nó một cách kiên quyết, và mọi người có trách nhiệm về chính trị, khi có cơ hội, đều khẳng định rằng đó là đối trá. Thế mà... Tại sao, nếu tất cả những việc nghe trộm sẽ không còn nữa, vậy tại sao các chính quyền kế tiếp nhau đều khẳng định rằng họ sẽ bãi bỏ

chúng? Chỉ tính 15 năm vừa qua và chỉ tính các lời hứa hẹn trịnh trọng nhất, ta nhớ rằng ngày 29-5 1974, khi triệu tập cuộc họp đầu tiên của Hội đồng bộ trưởng, khi mới trúng cử tổng thống Pháp, ông Giscard d'Estaing-người đã nói rằng ông ghét cay ghét đắng việc nghe trộm-đã để cho Bộ trưởng Nội vụ và là bạn thân của mình, ông Poniatowski, đọc một bản tuyên bố trịnh trọng trên điện Élysée. Đây là văn bản mà tân tổng thống thấy cần đọc cho các bộ trưởng mà ông đã chọn. Điều ưu tiên đầu tiên nêu ra chứng minh rằng "nước Pháp là một nước tự do" vậy cần "xóa bỏ những việc nghe trộm điện thoại nếu có, và hủy hết tàng thư nghe trộm điện thoại".

NHỮNG VỤ NGHE TRỘM VỀ HÀNH CHÍNH.

Dù các cơ quan yêu cầu nghe trộm điện thoại là gì đi nữa thì thủ tục cũng như nhau và không thay đổi trên nguyên tắc kể từ ngày nó được thành luật không thành văn do Constantin Melnik thảo ra năm 1959. Ngày nay, mỗi khi xin "nghe trộm", cơ quan yêu cầu phải được Bộ trưởng của mình duyệt. Người yêu cầu phải dùng "bìa hồ sơ" màu xám của Bộ Quốc phòng, màu hồng của Bộ Nội vụ và xanh của Sở cảnh sát-gồm ba tờ gập, mỗi tờ phải viết đủ và có chữ ký của một cấp trước khi đưa sang Nhóm kiểm tra liên bộ - trụ sở đóng ở phố Tourville-là cơ quan nghe trộm điện thoại. Tờ gập thứ nhất có tên là "yêu cầu xây dựng" do thủ trưởng cơ quan yêu cầu ký tên.

Tờ gấp thứ nhì có tên là "giấy phép xây dựng" do ba cấp chính quyền ký tên: bộ trưởng bộ chủ quản của cơ quan yêu cầu, Yhù tướng và cuối cùng là Bộ trưởng bộ Bưu điện. Tờ gấp thứ ba có tên là "danh mục chung" đựng những đặc điểm kỹ thuật của đường điện thoại phải nghe, và những lập luận khiến phải tiến hành biện pháp nghe. Nhưng nói chung bộ trưởng liên quan nếu muốn biết những lí do thực khiến cần phải tiến hành biện pháp này thì đọc báo cáo viết trên tờ giấy rời...

Sau đó, chính các viên chức bưu điện, tất nhiên được chọn lựa kĩ, sẽ tiến hành việc móc đường dây cần thiết từ trung tâm điện thoại. Ở khu vực Paris, mọi đường rẽ của điện thoại đều tập trung vào Nhóm Kiểm tra Liên bộ: Nhóm này có thêm một chi nhánh đặt tại Lyon. Tại các tỉnh, những máy nghe hoặc ghi âm dùng cho biện pháp này đều đặt tại các trụ sở cảnh sát hoặc hiến binh theo yêu cầu của DST. Mọi yêu cầu "xây dựng" trong mỗi cơ quan có khả năng yêu cầu nghe đều phải có thống kê chính xác, gồm việc liệt kê theo thời gian và một danh sách theo abc những đối tượng bị nghe.

Ba năm sau, vào tháng tư năm 1977, khi Poniatowski sắp rời bỏ chức vụ, ông đã ngầm công nhận rằng thực tiễn đôi khi không phù hợp với lời hứa hẹn lúc bầu cử.

ngay cả bầu tổng thống. Ông giải thích: "Từ giữa năm 1974, tổng số những yêu cầu nghe trộm được phép vẫn còn từ bốn đến năm trăm. Hơn một nửa là của DST, còn lại là của cảnh sát tư pháp đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng. "Khi ông bộ trưởng tuyên bố như thế, chắc ông đã biết một trong những vụ bê bối tệ hại nhất thời

Tổng thống Pompidou, đó là vụ nghe trộm tòa báo con Vịt bị trói, vụ này đã bị pháp luật điều tra trong năm năm gián hóa tối đa...(Xem khung: Vụ con Vịt bị trói).

VỤ ÁN CON VỊT BỊ TRÓI

Đêm ngày mừng 3 rạng sáng ngày mừng 4 tháng 12 năm 1972, họa sĩ Escaro của tờ báo con Vịt bị trói tình cờ đi qua tòa soạn mới đang xây dựng mà báo của ông mới mua tại số 173, phố thánh Honoré. Ông thấy có ánh sáng và quyết định leo lên các phòng để xem cho đích xác. Ngạc nhiên: anh va phải một người tự giới thiệu như một anh thợ nước đến đặt hệ thống sưởi ấm. Họa sĩ hiểu ngay đây không phải hệ thống sưởi ấm, mà là hệ thống nghe trộm điện thoại mà anh chàng đó đang lắp đặt: những dây rợ và phurong tiện truyền dẫn đang rải và nằm trên đất, những đường dây khác đã chôn trong tường. Vụ bê bối này thật là lớn, nó càng ầm ĩ hơn khi tạp chí này loan tin toàn thợ ống nước đó là nhân viên của cơ quan DST. Đến tháng hai năm 1973, tạp chí

đưa ra lý lịch của mười cảnh sát đã dự vào vụ này... Tạp chí Le Point còn đăng ảnh của một trong số cảnh sát đó.

Ngay khi xảy ra vụ bê bối, DST chính thức cải chính rằng mình không liên quan đến. Cục trưởng Henri Biard khẳng định không hề ra lệnh đặt máy nghe trộm tại tòa báo đó trước ông dự thẩm thụ lý vụ án này. Nhưng không một viên chức nào chịu ra tòa theo lệnh của ông dự thẩm. Và bộ trưởng Bộ Nội vụ Raymond Marcellin còn nói ra rằng đám nhà báo con Vịt bị trối là những "tên lật đổ" đáng phải bị kiểm soát chặt chẽ... Đến tháng 6 năm 1974, tân tổng thống Valéry Giscard d'Estaing buộc cảnh sát phải tuân theo lệnh triệu tập của ông dự thẩm. Năm cảnh sát phải ra tòa tính đến ngày vụ án bị chôn vùi đi bởi một quyết định đình cứu ngày 29-12 1977.

Sau khi Mitterrand trúng cử tổng thống nhiệm kì 1, Thủ tướng Pierre Mouroy không thể không nêu vấn đề bị coi là biểu tượng của việc vi phạm quyền tự do của công dân, ngày 8-7-1981 ông đã nói trong bản tuyên bố về chính trị tổng quát trước Quốc hội, và bởi vì "việc bảo vệ các quyền tự do, mở rộng các quyền đó, ngay từ đầu các nhiệm kỳ của Mitterrand là một trong những ưu tiên của chính phủ, ông nêu rằng "tôi quyết định thành lập bên cạnh tôi một ủy ban soạn thảo cho tôi trước ngày 30-10 những đề xuất làm sao việc nghe trộm điện thoại

ngoài những thông tin tòa án phải nghiêm ngặt giới hạn vào mục đích phòng ngừa hoặc vô hiệu hóa hành động lưu manh nghiêm trọng, giúp đỡ sự nghiệp bảo vệ an ninh đối ngoại của Nhà nước. "Ủy ban này được thành lập, do ông chánh án tòa phá án Robert Schmelck chủ toạ và đến ngày 11-6-1982 mới đệ trình được bản đề xuất, tức là chậm mất tám tháng. Nhưng tài liệu này được đút vào ngăn kéo của phủ thủ tướng với một cái dấu đỏ chót "mật-quốc phòng" và chính thức không bao giờ ra khỏi chiếc ngăn kéo đó...

Bốn năm sau, ngày 16-3 1986, một đa số mới được bầu ra. Chẳng mấy chốc, việc nghe trộm điện thoại được nêu lại. Robert Pandraud, bộ trưởng công an, thông báo ngày 18-4-1986 trên đài châu Âu 1 rằng đang dự thảo luật về chuyện này. Sau vài ngày, chính Charles Pasqua, Bộ trưởng Nội vụ, xác nhận điều đó. Ông hiềm độc nhắc đến bản báo cáo Schmelck và với giọng nhạo báng miền nam, ông cho cả nước Pháp phải nuốt cái chuyện phỉa to tướng rằng văn bản pháp luật đó "là hậu quả và kết luận" của tài liệu "chẳng bao giờ ra đời dưới chính quyền của Đảng xã hội, nhưng dưới chính quyền của chúng tôi, nó nhất định sẽ ra trình làng..." "Rồi ông tuyên bố rằng công dân nào nghĩ rằng mình là nạn nhân của việc nghe trộm điện thoại sẽ sớm khiếu với một ủy ban thường trực gồm có những quan tòa do Tòa án Kiểm toán, Hội đồng nhà nước và Tòa phá án chỉ định. Khởi phải nhắc rằng đến tháng năm 1988, biện pháp đó cũng chẳng được ra đời dưới chính phủ Chirac cũng như các chính phủ Mauroy hoặc Fabius. Việc nghe điện thoại là đáng hổ thẹn nhưng không

thể bỏ đi được, bí mật nhưng đúng quy chế, liệu có phải là một di sản của đất nước hay không?

Hồi kí của một trong những người làm chứng năng nổ nhưng kín tiếng của những năm đầu của chế độ cộng hòa thứ 5 mới đây đã nhắc lại những bước đầu của việc hình thức hóa nghe trộm điện thoại ở Pháp. Vào đầu năm 1959, ít ngày sau khi lên làm thủ tướng, Michel Débré đã yêu cầu vị cố vấn kĩ thuật về cảnh sát và tình báo Constantin Melnik "tổ chức lại" việc nghe điện thoại. Melnik cắt nghĩa rằng "cho đến nay, cũng như dưới nền cộng hòa thứ 4, bất cứ cơ quan cảnh sát nào cũng nghe bằng các phương tiện sẵn có, với bất kì ai, bất kì chỗ nào và bất kì cách nào. Tôi sẽ lập Nhóm Kiểm soát Liên bộ, tập hợp mọi cơ quan liên quan dưới một cấp chỉ huy, sẽ đề ra các quy tắc đơn giản và hà khắc. Những văn bản luật bí mật này, viết trong dăm phút nhưng tham khảo hàng tiếng đồng hồ, sẽ tồn tại một phần tư thế kỉ, chống chịu được mọi chính phủ, mọi chuyển đổi". "Luật bí mật" lúc đó không khác gì luật ngày nay rất chuẩn xác không ai có thể tiến hành nghe trộm nếu không được phép của thủ tướng hoặc người đại diện của thủ tướng. Trong khi chiến tranh Angiêri đang ác liệt và trong thời kì hoan hỉ của chủ nghĩa Do Gôn, đối tượng của biện pháp nghe điện thoại không chỉ có những "kẻ xách va li" giúp đỡ những chiến sĩ quốc gia của Mặt trận Dân tộc giải phóng Angiêri. Các nhà báo và những nguồn tin của họ, những nhà chính trị đối lập hoặc nhà chính trị của phe đa số, những quan

chức cao cấp bị thất sủng đều là những mục tiêu đặc biệt của biện pháp này. Trên toàn lãnh thổ nước Pháp, theo dự luận, có khoảng năm đến sáu trăm đối tượng ưu tiên-hầu như bị nghe trộm thường xuyên-và vào khoảng 1500 đối tượng bị nghe trộm có thời hạn.

Bản báo cáo Schmelck: Giấy chứng nhận tình trạng nơi ở đầu tiên

Là bạn thân của Melnik, nhà báo Hector de Galard, tổng biên tập tạp chí La Nef, là một trong số người đầu tiên phân tích vào năm 1963 sự vận hành mới được quy định của việc nghe điện thoại. Ông nhắc lại nguyên tắc bất khả xâm phạm về thư tín viết hoặc qua điện thoại là tuyệt đối và Luật hình sự đã quy định hình phạt đối với bất cứ viên chức nào vi phạm nguyên tắc đó. Chỉ có một ngoại lệ theo luật là việc nghe theo sự ủy thác xét xử của một dự thẩm... Trong thực tế, kể từ thời gian đó, các cơ quan cảnh sát ít nhiều bí mật vui vẻ lao vào lập những trạm nghe trộm điện thoại ở thủ đô mà trung tâm đầu mối đều tập trung về các pháo đài trên đồi Valérien, ở Pantin và ở Kremlin - Bicêtre thuộc ngoại vi Pari. Từ những chỗ đó, các băng ghi âm điện thoại được chuyển về trụ sở của Cục An ninh Quân sự đóng ở số 2 phố Tourville, nơi có Nhóm Kiểm soát liên bộ làm việc, để giải mật mã. Nhóm này do một sĩ quan cao cấp chỉ huy.

Quân nhân coi Nhóm đó như là nhà mình, cho nên họ là cơ quan duy nhất có thể nghe trộm điện thoại không cần xin phép Thủ tướng. Còn đối với các cơ quan khác, chủ yếu là Bộ Nội vụ, các quy tắc của Melnik thật là hà khắc.

Có phải vì phe tả bị vắng bóng từ lâu trong chính phủ của nước Pháp cần làm ra vẻ đặt lại "giấy chứng nhận tình trạng nơi ở" về vấn đề này, hay là để chuẩn bị xóa bỏ thực tế những biện pháp đáng ngờ đó-mà thủ tướng Mauroy phải yêu cầu Robert Schmelck phải nghiên cứu-Tình hình tiếp theo cho thấy giả thiết thứ nhất đúng hơn; để tiến hành trót lọt công trình nhiều tham vọng này. Mauroy đã lập ra một tổ chức khá công phu. Xung quanh Robert Schmelck, chủ tịch thứ nhất tòa phá án, là năm ông nghị trong đó có ba hạ nghị sĩ là Delanoe (xã hội), Jarosz (cộng sản) và Toubon (RPR) và hai thượng nghị sĩ là Tailhades (xã hội) và Thyraud (URI). ngoài ra còn bổ sung hai quan tòa là Fuster Casamayor và Genevoix, giáo sư Rivero và một luật sư, chủ tịch đoàn luật sư Paris tương lai là Stasi.

Cùng với những nhân vật coi như đại diện cho nền dân chủ của quốc gia với tính đa dạng của họ, còn bổ sung thêm nhiều quan chức cao cấp trong đó có những "nhà tiêu thụ" nghe trộm điện thoại và những nhà cung ứng dụng cụ kỹ thuật để nghe trộm. Đó là Bernard Couzier, tổng giám đốc cảnh sát quốc gia và là khách hàng hàng đầu của Nhóm Kiểm soát Liên bộ, Pierre Marion, tổng

cục trưởng DGSE, Michel Guyot, Cục trưởng Cục cảnh sát tư pháp, Michel Jéol, cục trưởng Cục chống tội phạm và Ân xá Bộ Tư pháp, Michel Jorant, trung tướng cục trưởng Cục bảo vệ và an ninh quốc phòng, Jacques Dondoux, tổng giám đốc Viễn thông, và André Scavenne, trưởng phòng an ninh thiết bị Bộ Buu điện. Để đảm bảo bí mật tuyệt đối cho những cuộc tranh luận, thư kí hội nghị là viên kiểm toán Tòa phá án là Agnès Delaroche.

Những con người được tập hợp vì lợi ích chính trị này đã ghi nhận ba loại nghe trộm. Trước hết là loại mang tên là "hành chính" do Thủ tướng quyết định ngoài mọi phạm vi hợp pháp, loại này được quy định rất chặt chẽ với số lượng không được vượt quá "tổng mức lí thuyết" từ 924 đến 927 khi lập bản báo cáo này; loại nghe trộm thứ nhì là loại do tổ chức tư pháp ra lệnh. Đó là loại nghe trộm "tư pháp" và là loại duy nhất được coi là hợp pháp. Sau nhiều tranh cãi, vẫn không xác định được hạn mức của loại nghe này... Cuối cùng, chính lĩnh vực đáng ngờ nhất, loại nghe trộm "không chính thức", hoặc "dã man" làm cho các ủy viên bị bó tay. Vì các vị không muốn gây ra quá nhiều rối ren và cũng vì các vị mắc bệnh nghiêng về chính kiến, cho nên ủy ban đã đưa ra lí do rằng những việc nghe trộm "dã man" không chỉ bao gồm hoàn toàn là nghe điện thoại, cho nên không thuộc phạm vi mà thủ tướng Mauroy trao cho ủy ban nghiên cứu. Theo ông nghị Pierre Marcellhacy phát biểu năm 1973, vậy thì ai sẽ nghiên cứu về những việc nghe trộm dùng micro đặt trong tường,

những máy phát gắn trên trần nhà hoặc trên cửa kính.v.v....
và không quên đến những kẻ dùng các phương tiện đó?

Một cách làm được kiểm soát kĩ, nhưng hoàn toàn không hợp pháp

"Tổng mức lí thuyết" việc nghe trộm hành chính do Thủ tướng cho phép chỉ phân bổ cho hai bộ Quốc phòng và Nội vụ. Và chính các Bộ trưởng hai Bộ này phân phối tổng mức đó. Cuối năm 1981 DGSE được phân phối 150 trong đó một phần ba là tẻlêch, Cục Bảo vệ và An ninh quốc phòng được phân 48 giấy phép nghe trộm: còn tổng mức phân cho Bộ Nội vụ thời đó rõ ràng cao hơn nhiều so với Bộ Quốc phòng vì nó lên đến tổng số là 729: 281 của Cảnh sát Tư pháp-trong đó 80 phân cho Sở Cảnh sát Pari-210 cho Cục Tình hình chung-trong đó 90 cho Sở cảnh sát-và 238 cho DST, trong đó có 11 tẻlêch. Đến tháng 12 năm 1981 như vậy có 930 đường giây bị nghe trộm cùng một lúc, với tính chu kì ít nhiều đều đặn vì phương tiện của nó có giới hạn nhưng cũng gần với con số mà Poniatowski đưa ra tháng tư năm 1977 là từ 400 đến 500 vụ nghe trộm. So sánh hai con số đó ta thấy trong bốn năm tăng khá nhanh. Ngay như Poniatowski chưa tính số lượng nghe trộm của Bộ Quốc phòng, sự tăng trưởng như thế cũng có ý nghĩa và đáng ngạc nhiên. Dù sao ta cũng nhận thấy Tổng thống Giscard d'Estaing mặc dầu đã tuyên bố như trên, nhưng không phải là một

vị Tổng thống hết ngập ngừng đối với điều ông đã nói về biện pháp nghe trộm này.

Thời gian nghe trộm không cố định, như ở Cục Tình hình chung RG, thời gian có thể tối thiểu là sáu ngày và tối đa là 230 ngày. Đến năm 1982, thủ tướng Mauroy hạn chế tối đa là sáu tháng, trừ ngoại lệ. Tổng cộng riêng năm 1981 là năm đầu tiên trong nhiệm kỳ Tổng thống đầu tiên của Mitterrand, có 2500 đường điện thoại bị nghe trộm. Ai bị nghe trộm? Chính thức mà nói chẳng có câu trả lời; nhưng các viên chức DST, DGSE hoặc RG được chúng tôi phỏng vấn đều trả lời như nhau rằng họ chỉ làm việc trong khuôn khổ của luật lệ mà thôi.

Một câu trả lời ngược mới đáng ngạc nhiên... DST nghe các điện thoại trong khung chống gián điệp, chống khủng bố, còn DGSE tiến hành công tác tình báo khoa học, kinh tế, hoặc ngoại giao, cũng như bộ phận an ninh nội bộ của nó có thể tự ý giám sát những quan hệ của những người "có thể làm hại đến an ninh của đơn vị". Khái niệm này hầu như cho phép họ muốn làm gì thì làm...

Ý muốn của Mauroy tiến hành điều tra về nghe trộm điện thoại chắc xuất phát từ những dư luận và thông tin về chuyện đó của phái "hữu" và trong tất cả các năm sau chiến tranh, những điện thoại riêng hoặc điện thoại nghề nghiệp của những nhà chính trị phái tả. Về mặt này chúng ta chú ý điều mà trong bản báo cáo Schmelck viết: "Căn cứ vào những thông tin đến tay mình, ủy ban đi đến khẳng định rằng không có tình trạng nghe trộm điện thoại về hành chính với mục đích phe phái". Ngày 16-12-1981,

thủ trưởng Nhóm Kiểm soát Liên bộ đã đến báo cáo với ủy ban rằng suốt 11 năm ông phụ trách Nhóm này, "chưa hề có chủ trương kiểm soát điện thoại của nghị sĩ, nhà báo hoặc phụ trách công đoàn". Còn ông tổng giám đốc Viễn thông Jacques Dondoux tuyên bố rằng "việc nghe điện thoại của một nhân vật chính trị hoặc công đoàn bao giờ cũng làm cho các viên chức viễn thông dút khoát giữ gìn ý tứ."

Trong cuốn "Chính quyền và Đời sống", Giscard d'Estaing đã giải thích rằng ông muốn cấm hẳn việc nghe trộm hành chính, trừ trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia và tình báo. Ông khẳng định Bộ tham mưu riêng của ông đã bắt chọt kiểm tra trụ sở Nhóm Kiểm soát Liên bộ ở phố Latour-Maubourg và đi đến giảm bớt những phương tiện quá đáng của đơn vị và về biên chế cũng chỉ để lại mức tối thiểu cần thiết thôi". Dù sao ông cũng sáng suốt báo trước cho bạn đọc rằng : Tôi lo ngại về thái độ của những con người cứ nói rằng họ hành động vì lợi ích của bạn, không cho bạn biết, và họ cứ làm cái điều mà bạn vừa cấm với lập luận rằng: "Anh không thể làm gì khác là cấm đoán, nhưng vì trách nhiệm nên họ mặc kệ lệnh cấm của bạn và cứ làm như vậy mới phục vụ được lợi ích đích thực của bạn".

Tất cả những nguyên tắc, quy tắc và thói quen đó chẳng có luật lệ nào chi phối chúng. Biện pháp nghe trộm hành chính chỉ do chính phủ kiểm soát, còn tòa án và Quốc hội không có quyền nhòm ngó tới. Còn quyền của người công dân... Làm sao họ có thể "phòng chống lại những điều quy định không có văn bản vì văn bản duy

nhất của nó được chế độ bảo mật xếp vào loại "bí mật quốc phòng" được bảo quản trong hầm của cái bộ nào mà không công dân nào biết đích xác? Điều đáng lạ nhất về chuyện này, là các quy tắc quy định về việc nghe trộm hành chính xâm phạm một cách ghê gớm đến luật của Pháp và của châu Âu.

Xin bắt đầu bằng văn bản mà Hiến pháp nước chúng ta tham khảo: bản Tuyên ngôn nhân quyền và của công dân ngày 26-8-1789. Bản này thật là rõ ràng: "Việc tự do truyền bá tư tưởng và quan điểm là một trong những quyền quý giá nhất của con người; do đó mọi công dân đều có thể nói, viết, in một cách tự do, trừ khi lạm dụng quyền tự do đó trong các trường hợp do luật định. "Điều hiển nhiên thứ nhì: Hiến pháp năm 1958 đã ủy cho nhà lập pháp trách nhiệm quy định "những đảm bảo cơ bản giành cho công dân để thực thi các quyền tự do công cộng". Mà các việc nghe trộm hành chính được quy định bởi những luật lệ không công bố, và việc thực hiện chi phụ thuộc vào thiện chí của quyền lực hành pháp, không chịu chút nào quyền kiểm soát của tư pháp... Khi những nguyên tắc chủ yếu để các quyền tự do công cộng bị nhạo báng trong sự bàng quan chung, có nên nhắc lại rằng các việc nghe trộm hành chính cũng bị cấm-bởi điều L.41 của luật Bưu điện và Điện thoại, luật này đảm bảo cho công dân quyền "bí mật giao dịch qua cơ quan viễn thông"? Ta cũng có thể nhắc lại những cam kết quốc tế mà nước Pháp tham gia như Công ước châu Âu về bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản... Công ước này xác định rõ ràng rằng "việc nhà cầm quyền" can thiệp vào đời

sống của một công dân chỉ được tiến hành trong khung của luật quy định. Ở Pháp, không pháp luật nào gọi lại vấn đề này.

Những đề xuất không có hiệu quả

Sự ủy nhiệm của Pierre Mauroy dự kiến rõ ràng hoàn toàn việc thảo ra những đề xuất cụ thể nhằm tổ chức việc thực sự kiểm tra không phải chỉ về phía chính phủ về việc nghe trộm. Về những việc nghe trộm "dã man" do các cơ quan nhà nước tiến hành, các ủy viên của ủy ban đã nhận định không cần phải cấm những hành vi đã làm, chỉ thêm một đoạn văn vào Luật hình sự để phạt thật nặng viên chức nào liên lụy. Họ còn đề xuất cơ quan bưu điện sau khi đã kiểm tra cẩn thận lời khiếu nại của một người dùng điện thoại bắt buộc phải đưa ra cơ quan kiểm tra thường trực xử lí đơn khiếu nại đó. Còn về những việc nghe trộm tu pháp, tuy hợp pháp nhưng có thể gây ra sơ suất (xem trong khung), ủy ban đề xuất nghiêm khắc hạn chế và chỉ được dùng để điều tra những vụ vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, "tức là cho những tội ác và vi phạm có thể bị tù ba năm trở lên". Điều kiện cần thiết đó chưa đủ lại kèm thêm ba điều khoản quan trọng: để tòa án có thể ra lệnh nghe trộm" khi cần cho việc tìm ra sự thật và những dấu hiệu khách quan của sự nghi ngờ". Điều khoản ngoại trừ thứ nhì là "Chỉ khi các phương tiện cổ điển để điều tra không có hiệu lực hoặc không đầy đủ". Và cuối cùng là việc nghe trộm" không

trở thành một thủ đoạn bất lương, cũng không phải là sự xâm phạm các quyền bào chữa".

VIỆC NGHE TRỘM TƯ PHÁP.

Ngược đời thay, chính những việc nghe trộm tư pháp lại bị lạm dụng quá tang nhất vì kiểm soát rất kém, điều kiện kĩ thuật không bảo đảm, do dự thắm ra lệnh và trao cho cơ quan cảnh sát hoặc hiến binh không đủ phương tiện cần thiết. Ở Pháp chẳng ai có thể thống kê nổi loại này, hơn nữa thường những việc này lại do các cơ quan chuyên môn tư nhân tiến hành, thông thường do những cựu viên chức quen quan hệ với ngành tòa án; đó là trường hợp hãng SPII do viên cầm Pellegrini lập ra.

Tình hình hiện nay thật là lạ lùng: những cuộc nghe trộm tư pháp hợp pháp lại diễn ra trong những điều kiện đáng ngờ, bị bản báo cáo Schmelck tố cáo rất mạnh mẽ, trong khi đó việc nghe trộm hành chính lại bị quy định rất nghiêm khắc, và bị chính phủ kiểm soát trong điều kiện tôn trọng các quy tắc dân chủ rõ ràng là nghiêm túc hơn những cuộc nghe trộm do ngành tư pháp ra lệnh.

Những biện pháp chặt chẽ mà ủy ban Schmelck đề xuất về nghe trộm hành chính-được đặt tên lại là "ngăn chặn an ninh" - nhưng để kết thúc tình trạng lờ mờ, không

rõ ràng và độc đoán, đa số ủy viên quyết định chỉ giữ lại có năm trường hợp được phép nghe trộm: 1) "thu thập tình hình liên quan đến an ninh của Pháp"; 2) "phòng ngừa những hành động vi phạm đến an ninh quốc gia"; 3) "phòng ngừa những hành vi vi phạm đến an ninh công cộng"; 4) "phòng ngừa nạn trọng tội và tội ác có tổ chức"; 5) "đề phòng vi phạm làm mất uy tín của Nhà nước". Những giải thích này rõ ràng là mớ hồ để dễ bề lạm dụng, nhưng lại kèm theo sự chính xác về căn cước người bị nghe trộm: trừ những "khách hàng" của DGSE sẽ có những quy định đặc biệt riêng, "người bị tình nghi hoặc, những người coi như có nhận hoặc chuyển những thông tin đến người này hoặc xuất phát từ người này, hoặc người này được coi như là có dùng điện thoại".

Sau khi đề ra những điều chuẩn xác như vậy, chỉ còn việc hợp pháp hóa biện pháp "thu chặn vì an ninh" bằng cách đưa ra dự luật để Quốc hội bàn bạc và quyết định. Tình huống đáng ghét đó đã bị ủy ban phản đối kịch liệt, như các thủ trưởng những cơ quan bí mật là những vị đã quá quen với tình hình hiện nay và rất sợ đưa chuyện nghe trộm ra tranh luận công khai. Theo cách nói của ngành hành chính tình hình như sau: "Không phù nhận tính thích đáng của những cân nhắc đó, nhiều thành viên của ủy ban đã nhấn mạnh sẽ khó khăn nếu đưa ra tranh luận công khai thủ tục "nghe trộm" là việc cho đến nay vẫn được che chở bởi "bí mật Quốc phòng". Ngoài ra, việc thừa nhận tính hợp pháp của việc nghe trộm điện thoại, dù để phục vụ cho an ninh và được phép theo ngoại

lệ, có thể khiến cho một bộ phận nhân dân phản đối ngay cả về nguyên tắc nữa. "Thế là quá rõ...

Cuối cùng, ủy ban đề xuất lập ra một cấp cao tên là "Ủy ban Quốc gia Kiểm soát việc ngăn chặn vì an ninh" có quyền kiểm soát việc nghe trộm. Pierre Marion đề nghị cơ chế này gồm toàn các quan tòa với số lượng là năm người. Đề nghị này của Tổng cục trưởng DGSE và sau này Charles Pasqua nhắc lại vào năm 1986 không được ủy ban tán thành. Ủy ban đề xuất có thêm các nghị sĩ trợ lực cho các quan tòa, và thêm những chuyên viên do chính phủ bổ nhiệm.

Tất cả những đề xuất đó, một số có tầm quan trọng đáng chú ý về mặt tôn trọng quyền tự do công dân, tuy nhiên đều trở thành không hiện thực từ khi bản báo cáo trình lên Paul Mauroy: Đảng xã hội chẳng thay đổi gì lệ cũ. Mauroy cho đến người kế vị là Fabius chẳng hành động gì theo đổi mới: Từ 1981 ý chí chính trị về cải cách việc nghe trộm điện thoại không sống sót nổi với các xung năng đổi mới của tình trạng khoan dung. Bệnh vô si là quy tắc cho nên Đảng xã hội kết cục thấy hệ thống cũ hoàn toàn phù hợp với sở thích của họ. Cũng thế, những hứa hẹn của Giscard d'Estaing năm 1974, hoặc của Chirac năm 1986 cũng là vô bổ. Mọi điều cho thấy rằng giai cấp chính trị thấy lối nghe trộm như thế có quá nhiều lợi ích cho nên chẳng cần gì phải sửa đổi nó. Vậy ai sẽ là người chữa nổi cái bệnh ung thư nghe trộm điện thoại cho nước Pháp?

CON RẮN BIỂN CỦA SỰ KIỂM SOÁT CỦA NGHỊ VIỆN

Ngày hôm đó tình hình đối với thủ tướng Fabius thật là xấu: vụ bê bối Hòa bình Xanh ngày càng phát triển rộng, tất cả những ý đồ che đậy đều thất bại, và thủ tướng thấy rằng bản báo cáo mà ông đặt cho viên cố vấn quốc gia Bernard Tricot thảo ra đã bị xuyên tạc nghiêm trọng vì những lời nói dối của những người chỉ huy DGSE. Ông rõ ràng lo lắng và ông đã bày tỏ sự lo lắng đó trên đài truyền hình ngày 27-08-1985 với người Pháp. Về điểm này, ông muốn giành lấy chủ động bằng cách công bố một quyết định bất ngờ: "Vấn đề đặt ra là kiểm soát các cơ quan tình báo trong một xã hội dân chủ. Mọi nước lớn đều cần có cơ quan tình báo. Đồng thời cũng cần kiểm soát các cơ quan tình báo. Tình hình về mặt này tôi chưa hài lòng. Tôi chỉ thị cho Bộ trưởng Quốc phòng và Bộ

trường Nội vụ trình lên chủ tịch ủy ban Quốc phòng của hai viện trong Quốc hội báo cáo hàng năm chi tiết về hoạt động của các cơ quan tình báo dưới quyền của các ông".

Hòa bình Xanh, hoặc sự minh họa bằng phản chứng

Ngày hôm đó liệu nước Pháp có tham gia vào câu lạc bộ những nước dân chủ lớn có các cơ quan bí mật bị thực sự kiểm soát, hoặc dù thế nào đi nữa bị quan sát bởi các cấp của nghị viện và không chỉ bởi có ngành hành pháp mà thôi? Chưa ! Chi thị này chẳng bao giờ được tuân thủ, ngay chính phủ Laurent Fabius cũng không hơn, còn chính phủ Jacques Chirac tất nhiên không bị ràng buộc bởi lời hứa của chính phủ trước. Ba năm sau, đất nước chúng ta tiếp tục như cũ nghĩa là các cơ quan bí mật của Pháp chỉ thuộc quyền kiểm soát của ngành hành pháp mà thôi. Việc nghe trộm điện thoại đã được quy định như thế. Có phải chờ bê bối tiếp theo để tình thế thay đổi không? Khi xảy ra vụ Hòa bình Xanh, Thượng nghị viện đã chớm có ý định phải kiểm soát hành động của các cơ quan bí mật.

Chính Jean Lacanuet, chủ nhiệm ủy ban quốc phòng-ngoại giao của thượng viện và cựu bộ trưởng tư pháp, là người bộc lộ mạnh nhất ý định bằng cách yêu

cầu thủ tướng phải ra trước ủy ban của ông để trình bày. Khi thủ tướng từ chối, rồi trên đài truyền hình ông đề nghị sẽ gửi báo cáo năm về vấn đề này thì Lecanuet lại không đồng ý. Lecanuet phát biểu: "Trình báo cáo về một cơ quan hoạt động bí mật là một điều phi lí. Hoặc là bản báo cáo đó sẽ trống rỗng và chẳng có ích lợi gì, hoặc là nó có nội dung, thế thì mâu thuẫn vì gửi cho nghị viện tức là đưa ra công chúng, cho người Pháp, nhưng cũng là cho các nước đang chống lại nước Pháp." Hai hôm sau, ông lại phát biểu không thêm nghe cái ý kiến kì cục của thủ tướng: Nghị viện không nên thờ mũi khắp nơi (...) Bí mật, dù bị kiểm soát hậu nghiệm sẽ không còn là bí mật nữa. Sự kiểm soát của nghị viện sẽ là nguy hiểm. "...

Cũng từ thượng nghị viện có một ý kiến duy nhất đòi điều tra về vụ Hòa bình Xanh. Đó là ý kiến của báo cáo viên của ủy ban tài chính, thượng nghị sĩ André Fosset, ông đòi phải báo cáo thêm về chi tiêu của kế hoạch đó. Nếu điều tra ra, ông sẽ biết được ai đã ra lệnh chuyển hai triệu quan để tổ chức vụ phá hoại tại Niu Dilân. Nhưng thượng nghị sĩ bị phủ thủ tướng dùng chế độ "bí mật quốc phòng" không cho điều tra. Vào tháng 11 năm 1981, ông nghị RPR của Paris là Toubon đã định yêu cầu chính phủ mới của Đảng Xã hội báo cáo về việc bỏ phiếu thông qua ngân sách bí mật của SDECE. Quốc vụ khanh về người hồi hương thường xuyên có mặt ở Quốc hội đã trả lời rằng: Các món chi đó được quy định theo quy tắc đặc biệt về kiểm soát. Quy tắc này đã được quy định từ hai chục năm rồi." "Câu trả lời này ngắn, nhưng hoàn toàn chính xác.

Một sự kiểm soát chưa bao giờ tồn tại

Quốc hội kiểm soát các cơ quan bí mật chỉ hời hợt trên những nét lớn về ngân sách hàng năm và những yêu cầu đưa ra trong dịp đó. Thật là không tưởng tượng được. DST được gộp vào ngân sách của Cảnh sát quốc gia cho nên ngân sách chi tiết của nó được giấu kín; còn DGSE, Cục Bảo vệ và An ninh Quốc phòng cũng như Tổng Văn phòng Quốc phòng bố trí báo cáo viên đến trình bày với ủy ban quốc phòng xin thông qua. TVPQP phải trình một bản báo cáo đặc biệt với ủy ban quốc phòng và ủy ban tài chính, còn DGSE và Cục BVANQP từ vài năm nay được xử lý vào mục "tổng hỗ trợ các lực lượng" giữa SIRPA và cơ quan quân y, còn trước kia nó nằm trong mục "Xăng dầu"... Dù nhan đề là gì, công việc của các báo cáo viên cũng ít có tính thuyết phục.

Trừ các ngoại lệ, các báo cáo viên thường lướt qua những câu hỏi của các viên chức Quốc hội đặt ra với các cơ quan mật, và kí vào văn bản do các viên chức đó thảo xuất phát từ những câu trả lời đã được cung cấp với nghệ thuật cắt xén hoàn hảo. Trong điều kiện như thế các báo cáo của nghị viện thật là nghèo nàn, chỉ có những ý kiến cô đọng của những tóm tắt rất ngắn gọn đến mức chúng trở thành vô ích. Văn bản do ông nghị Jacques Peyrat viết ngày 8-10-1987 về ngân sách giành cho DGSE như sau: "Năm 1988, những yêu cầu chính gồm có: Xây dựng một tòa nhà mới liên quan đến việc phát triển nghe trộm, xây dựng một trung tâm ở chính quốc và một tại nước

ngoài, mở rộng một trung tâm ở ngoài chính quốc, những việc về an ninh ở các trung tâm và trạm ngoài nước. Ngoài ra tiếp tục hiện đại hóa phương tiện về tin học, tự động hóa việc thu thập tin tức có nguồn gốc kĩ thuật, hiện đại hóa phương tiện truyền tin và việc bảo vệ các cơ sở hạ tầng."

Phản báo cáo về Cục BVANQP cũng như vậy. Thật là ít. Cần chú ý rằng DGSE cũng dùng kênh này để trình các yêu cầu hàng năm để xin phương tiện mới, tuyển thêm điệp viên phụ và để đuổi kịp các cơ quan bí mật nước ngoài, nhất là Intelligence Service của Anh, BND của Đức.

Trừ thời Charles Hernu làm bộ trưởng Quốc phòng, tất cả những cộng sự cao cấp của Bộ trưởng Quốc phòng như tổng tham mưu trưởng, các tham mưu trưởng hải, lục, không quân, tư lệnh hiến binh, tổng đại diện vũ khí, đều có quyền trả lời những câu hỏi hợp pháp của các nghị sĩ. Tất cả, trừ thủ trưởng cơ quan tình báo. Có phải vị này bị cấm cửa ở Quốc hội không? Chắc chắn là không, cũng không chắc là các bộ trưởng quốc phòng đã cấm như thế. Vấn đề là chẳng có ai triệu tập vị đó, ông Lecannet đã bực mình vì năm 1985 ông đã được A-de Marenches tiếp đón ông tại trụ sở SDECE. Nhưng sau vụ Hòa bình Xanh, thời ăn chơi thượng lưu không còn nữa. Vị chủ nhiệm ủy ban quốc phòng của Quốc hội trong hai năm 1986-1988, ông nghị RP Francois Fillon, không còn đặt chân đến trụ sở DGSE, mà chỉ yêu cầu tướng Imbot đến thăm các ông nghị thôi. Ông nói với chúng tôi rằng: "Khi chúng tôi vào Quốc hội năm 1986, tôi nghĩ rằng tôi còn nhiều việc gấp hơn cần phải làm, và sau đó lại gần đến cuộc bầu cử tổng thống và lúc đó đã quá muộn..."

DE MARENCHES-MARION: TRẬN ĐẤU CỦA CÁC THỦ TRƯỞNG

Đây là trận đấu kỳ lạ nhất sau vụ hè năm 1986! Vào tháng chín năm 1986. Alexandre de Marenches –thủ trưởng SDECE từ 1970 đến 1981 – đã xuất bản cuốn "Trong bí mật các ông hoàng" có những ý kiến rất ít cảm tình với người kế vị mình là ông Pierre Marion: "Người được chọn thay tôi trong mười bảy tháng và tỏ ra chỉ là một người tạm quyền, không tỏ ý muốn gặp tôi cũng chẳng muốn nghe tôi kể lại cơ quan đã vận động thế nào. Một số sĩ quan hoặc viên chức của cái cơ quan to lớn mà tôi đã gây dựng lên đã buộc phải thôi việc một cách bất ngờ". Pierre Marion không chịu để ai xem thường mình nên bức lắm. Trong nhiều cuộc trả lời phỏng vấn báo chí nhất là cuộc phỏng vấn của đài Châu Âu 1 ngày 12 tháng chín, ông tố cáo người tiền nhiệm của mình là "đồ súc sinh thóc mách" đã viết trong sách làm hại đến một số kế hoạch đang tiến hành".

Hơn nữa, ông còn chê trách De Marenches đã có thái độ lộ ra là cơ hội và chống chủ nghĩa xã hội vào năm 1981. Ông tả lại cảnh bàn giao công tác như sau: "Tôi thấy một toán 90 sĩ quan và cán bộ cao cấp với ông de Maranches ngồi chễm chệ ở giữa, rồi phát biểu: "Tôi ái ngại cho các ông sẽ rơi vào những bàn tay như vậy dưới

quyền một chính phủ như vậy!!! Vẫn chưa hết ...Marion giải thích thêm rằng khi ông đến nhận việc tại SDECE, cơ quan này hoàn toàn không có cơ sở nào ở Đông Âu, một đơn vị bảo vệ an ninh nội bộ bị lãng quên cho nên ông phải tăng cường biên chế cho nó từ 220 lên 330 viên chức, hoàn toàn không có đơn vị chống khủng bố, thế mà ông de Marenches "dám nói rằng ông cảnh cáo chính phủ Pháp từ 15 năm trước về nạn khủng bố". Ngoài ra ông còn tố cáo những thủ đoạn làm mất ổn định chống lại ông và cơ quan tình báo Pháp, trong đó có việc "định đưa bốn trưởng văn phòng cộng sản" vào làm trong bộ tư lệnh SDECE... Vụ này thời đó có gây ra một số dư luận, khiến cho bộ trưởng Quốc phòng phải có văn bản nhắc nhở hai vị hưu trí chấm dứt tranh luận. Còn bí thư thứ nhất Đảng Xã hội Lionel Jospin đánh giá những lời lẽ đó là "thô bạo, kỳ cục và vô trách nhiệm".

Trong một phiên họp của ủy ban vào tháng 10 năm 1986, ông nghị xã hội tỉnh Rennes là Jean-Michel Boucheron đã phản nộ trước tình hình de Marenches và Marion đánh nhau công khai bằng cách hàng ngày tiết lộ những bí mật mới của Nhà nước. Ông tuyên bố: "Tôi xin đề nghị tổng cục trưởng DGSE xuất hiện trước ủy ban Quốc phòng không phải để tiết lộ bí mật nhưng để cho ủy ban biết điều gì suôn sẻ, điều gì va vấp trong cơ quan và sự hoạt

động của đơn vị (...) Tính ưa thích bí mật đã làm cho các cơ quan bí mật của Pháp không bị kiểm soát chút nào về sự vận hành của chúng. Cần thay đổi tình trạng đó. "Vào tháng 6 năm 1988, Boucheron được bầu làm chủ nhiệm ủy ban quốc phòng và ông tỏ lộ ý muốn đòi thực hiện thủ tục mà ông đã mong muốn khi còn đứng trong hàng ngũ phe đối lập.

Tấm gương Hoa Kỳ

Khi vụ bán bất hợp pháp vũ khí cho Iran và Contra nổ ra ở Hoa Kỳ vào tháng 11 năm 1986, chưa đầy một tháng sau khi trừng phạt bằng việc do đốc John Pointdexter và người phụ tá Olivier North từ chức, thì Quốc hội Mỹ thành lập một ủy ban điều tra đặc biệt. Ủy ban này có 11 thượng nghị sĩ và 15 hạ nghị sĩ (15 thuộc Đảng Dân chủ và 11 Cộng hòa), ủy ban này từ 5-5- 1987 bắt đầu nghe các báo cáo công khai và truyền hình gây ra sự quan tâm say mê của dự luận công chúng Hoa Kỳ cho đến khi kết thúc vào ngày 3-8-1987. Tướng lĩnh, bộ trưởng, quan chức, thủ trưởng các cơ quan an ninh tất cả đều phải đến trình bày trước các nghị sĩ- đôi khi họp kín, khi an ninh đòi hỏi - về những gì họ biết về vụ án. Bí mật bị vây đồn và đối trá bị bật, kể cả sự giúp đỡ của các luật sư hỗ trợ cho những điều tra viên. Những người chủ chốt được hỏi phục lại, như đại tá North đã lật ngược được dự luận có lợi cho mình.

Cuối cùng các nghị sĩ cáo giác trách nhiệm một phần của Ronald Reagan trong vụ này, nhưng không đề xuất áp dụng tố tụng impeachment là tố tụng đã khiến cho Richard Nixon phải ra đi vào tháng tám năm 1974. Thật là đơn giản nếu đòi chuyển vị những phong tục nghị viện của Hoa Kỳ sang Pháp là nơi ngành hành pháp không bị kiểm soát chặt chẽ bằng Hoa Kỳ. Chỉ nêu ra ví dụ cục trưởng CIA là người có uy quyền đối với toàn bộ các cơ quan tình báo Hoa Kỳ, là một người hay ra báo cáo trước Quốc hội. Được thành lập năm 1974 dưới chính quyền tổng thống Gerald Ford, trong cơn bão táp tiếp sau vụ Oatoghêt, sáu ủy ban kiểm tra tất cả hoặc một số hoạt động của các cơ quan tình báo, trong đó có hai ủy ban chủ yếu. Ủy ban Chọn lọc Tình báo của thượng viện có quyền lập pháp và duyệt ngân sách cho các hoạt động quan trọng nhất của các cơ quan tình báo Hoa Kỳ, nó có thành phần của phe đa số dân chủ và của phe đối lập cộng hòa. Tại hạ viện, Ủy ban thường trực Chọn lọc Tình báo cũng tập hợp các nghị sĩ dân chủ và cộng hòa. Từ năm 1974, căn cứ vào luật bổ sung Huges- Ryan vào Đạo Luật Viện trợ Nước ngoài, ngành hành pháp Hoa Kỳ cần xác định tại Quốc hội "bản chất và loại của từng kế hoạch hoạt động bí mật và bảo đảm rằng kế hoạch đó là quan trọng đối với an ninh của Hoa Kỳ. Trong khi mở rộng sự kiểm tra của Quốc hội về hoạt động bí mật và trong khi hợp pháp hóa hoạt động, luật bổ sung kể trên cố ý bãi bỏ việc "cải chính có thể chấp nhận được" nhờ đó các tổng thống có thể biện minh về việc tổng thống không biết những kế hoạch bí mật đã bị khám phá".

Bình luận tích cực của cựu nhân viên CIA Philip Agee cho biết rằng những biện pháp đó đã bị phản đối kịch liệt trong cộng đồng tình báo Hoa Kỳ vì họ phản đối mỗi kế hoạch bí mật đều phải đưa cho những ủy ban đồng tới 160 người để xem xét và duyệt, như thế mọi dự án "kín đáo" sẽ bị lộ liễu và phá hoại". Mười bốn năm sau, cục trưởng CIA Webster có vẻ nghĩ rằng chẳng còn lí do gì để lo sợ nghị viện kiểm soát, chỉ cần thỉnh thoảng sắp xếp lại và dùng nói hết sự thật ở mọi hoàn cảnh: "Tôi chưa bao giờ gặp phải điều gì mà tôi có thể nghĩ rằng điều đó là nhạy cảm và quá đe dọa tính mạng của con người mà tôi không thể chia sẻ với các ủy ban. Nhưng đôi khi có câu hỏi về nguồn tin và phương pháp mà tôi thấy cần phải bảo vệ".

Nhục thay những người cộng sản

Những trở lực thực thụ ở Pháp chống lại việc Nghị viện kiểm soát chính trị các cơ quan bí mật xuất phát từ quan niệm về Nhà nước đang hiện hành ở nước chúng ta. Trong cái "vương quốc hạt nhân" này như Samy Cohen nhắc đến, chính là quyền lực hành pháp nắm quyền lãnh đạo quốc gia. Trong thời kỳ căng thẳng, người ta không dựa vào ngành lập pháp, nhưng vào ngành hành pháp: "Mọi tình thế khủng hoảng hoặc bấp bênh trong nội bộ chính quyền tăng cường quyền giải thích và sáng tạo của các cấp cao thừa hành". Tình thế này dẫu sao cũng không bao giờ được đưa ra khi người ta đề cập đến với những

"nhà kỹ thuật" hoặc các nghị sĩ đã suy nghĩ đến ngành lập pháp kiểm soát các cơ quan bí mật.

Đối với họ, còn một trở lực lớn hơn nữa: sự có mặt của các nghị sĩ cộng sản trong Quốc hội. Những nhà chuyên môn của tình báo và giai cấp chính trị Pháp cảm thấy cần đuổi cộng sản không cho họ tiếp cận với những thông tin bí mật. Quan điểm này tất nhiên không căn cứ vào luật pháp cũng như sự việc phạm tội cụ thể nào, mà chỉ căn cứ đơn giản vào thiên hướng gán cho cộng sản tội gửi thẳng cho Matxcova mọi tài liệu hoặc mọi lời nói mà họ nắm được. Năm 1981, việc bổ nhiệm bốn bộ trưởng cộng sản vào chính phủ liên hiệp cánh tả của thủ tướng Paul Mauroy đã làm cho Hoa Kỳ phản ứng về ngoại giao; phó tổng thống George Bush đã đến Paris phản đối. Về mặt chính thức Đảng Xã hội phẫn nộ về việc vi phạm chủ quyền quốc gia. Nhưng về mặt không chính thức, họ đã thi hành mọi biện pháp cần thiết để trấn an Tổng thống Hoa Kỳ và các cơ quan bí mật của Pháp.

Đối tượng chính bị nhằm là nhóm Charles Fiterman, bộ trưởng Vận tải: vài biện pháp hành chính và chuyển bớt thẩm quyền sang các bộ khác làm cho quyền hạn của ông bị rút bớt như quyền tổ chức vận tải trong thời chiến, và những cộng sự thân tín nhất của ông không được tham dự các hội nghị có thẩm quyền quyết định. Thủ tướng còn đề ra biện pháp kỹ thuật không tránh được: trong một công văn gửi tướng Roger Renther, thủ tướng Tổng Văn phòng Quốc phòng, ông ra lệnh áp dụng tại Pháp những quy tắc tiếp cận bí mật theo tiêu chuẩn của NATO. Lí do ra lệnh này là căn cứ vào tiêu chuẩn đó, cộng sản

không được tiếp cận bất cứ bí mật nào. "Nhu vậy mặc nhiên cộng sản không đủ tu cách giữ những vị trí rất quan trọng trong bộ máy nhà nước (chính Mauroy đã chính thức xác nhận điều này)".

Thành viên của ủy ban quốc phòng Quốc hội, báo cáo viên về ngân sách của TVPQP, đảng viên cộng sản Michel Peyret không thích tình thế đó và tố cáo việc ông và các đồng chí của ông bị tẩy chay như sau: "Ngày sáng hôm nay, ông nghị Jacques Peyat đã nói rằng nếu tướng Imbot không đến gặp ủy ban, đó là vì có mặt chúng tôi. Thật là nghiêm trọng và tôi kịch liệt phản đối những lời lẽ đó; đó là một tâm trạng có ý nghĩa và những người họ coi là gián điệp chưa chắc đã là gián điệp. Những lời tố cáo đó càng nghiêm trọng hơn khi nó đã động đến sự gắn bó của cộng sản đến quốc phòng, mà trong lịch sử chẳng cái gì có thể biện bạch cho những việc kiện về ý tứ đó".

"Đó không phải là những việc kiện về ý tứ", François Fillon đáp lại. Fillon lúc đó đang là chủ nhiệm ủy ban quốc phòng và tố cáo Michel Peyret đã ghi tặc ký những cuộc họp nội bộ rất bí mật và đã thông báo cho báo Nhân đạo. "Làm sao có thể trao quyền điều tra hoặc kiểm soát cho cộng sản là kẻ ngay hôm sau sẽ kể hết cho mọi người? Khi tôi từ Mururoa (căn cứ thử bom hạt nhân của Pháp ở nam Thái Bình Dương LND) trở về vào mùa xuân 1987, họ đã ghi lại những phát biểu của tôi để phát động phong trào chống chính phủ".

Kiểm soát gì?

Trong một đề xuất đưa ra tháng tám năm 1985, các nghị sĩ cộng sản đã đòi thành lập một phái đoàn nghị sĩ thường trực mà thành viên do quốc hội chỉ định theo tỉ lệ các nhóm và có tu cách tiếp cận bí mật quốc phòng. Quan điểm đó được DGSE và DST tiếp thu nếu KGB và GRU đồng ý trao đổi thông tin với họ. Nhưng chỉ có một số giới chú ý nghiên cứu đề xuất trên đây... Cụm chủ nhiệm ủy ban quốc phòng Fillon chẳng hạn đã -tán thành kiểm soát các cơ quan tình báo; tuy nhiên ông cho rằng Nghị viện nói chung và ủy ban quốc phòng nói riêng chưa sẵn sàng làm việc này: "Trong lý tưởng, có thể lập ra các ủy ban hẹp, thành viên do các nghị sĩ bầu ra. Nhưng ngay lúc này trao việc kiểm soát các hoạt động của những cơ quan bí mật cho Nghị viện sẽ biến thành tranh cãi và đầu cơ chính trị thì thật là điên rồ..."

Người kế vị Fillon là Jean-Michel Boucheron lại cho rằng trong điều kiện lúc này có thể lập một ủy ban đặc biệt theo dõi công tác tình báo: "Ủy ban này có thể bao gồm viên chức các bộ, cũng như vài nghị sĩ do các đại biểu phe đa số và phe đối lập chọn, các nghị sĩ này sẽ làm báo cáo năm cho các đồng sự và cũng không nên đi quá giới hạn đó, Hoạt động là thuộc phạm vi hành pháp. Chỉ ngành tình báo có thể để Nghị viện gặp". Những chuyên gia khác đề xuất một ủy ban kiểm soát bao gồm vài nghị sĩ dù tu cách tiếp cận bí mật quốc phòng và các

cổ vấn chọn trong các cựu thù tướng. Những chuyên gia khác cho rằng chỉ "cấp cao về chính quyền" với Hội đồng hiến pháp gồm các quan tòa mới có thể giữ vai trò này...

Tất cả những suy nghĩ đó rõ ràng chỉ là những cuộc thao luyện thuần túy về phong cách. Bởi vì nếu những nhà chính trị nghĩ đến những biện pháp công khai hóa cần thiết như thế, đó là lúc họ đang ở phía đối lập, nhưng khi họ vào hoặc quay lại chính quyền thì chẳng mấy chốc họ đã quên khuấy chuyện đó ngay thôi. Ngành hành pháp và các cơ quan bí mật cũng chẳng sẵn lòng nhả một mảnh nhỏ đặc quyền hoặc bí mật, Công ty Điện của nước Pháp hoặc một phần lớn cơ quan khoa học cũng không muốn bị nghị viện kiểm soát như vậy. Nghị sĩ đảng RPR Jean-Pierre Bechter không sợ gì mà không khẳng định rằng ở bề sâu của vấn đề là toàn thể Nghị viện đều chế giễu các cơ quan bí mật: "Tại sao các ông lại muốn nghị viện kiểm soát các cơ quan bí mật trong khi Quốc hội không hề kiểm soát gì đến món chi 1.500 tỉ quan của Bảo Hiểm xã hội, món chi này chỉ phải ghi chưa đầy ba giòng chữ trong ngân sách? Không phải một nghị sĩ kiểm soát các cơ quan bí mật hoặc việc buôn bán vũ khí mà ông ta nhất định sẽ được tái cử..."

KHÓ MÀ KIỂM SOÁT VỀ LUẬT PHÁP CÁC CƠ QUAN BÍ MẬT

Quan tòa bực mình. Ông có cảm giác khó chịu rằng DST đã lừa dối ông. Và ông có ý định ghi nhớ lấy khi kết luận trong quyết định đình cứu mà hôm nay trong tháng mười năm 1982 ông đang viết. Quan tòa suy nghĩ một lát về câu văn sao cho vừa thận trọng vừa đầy đủ mà ông sẽ phóng ra đối với cơ quan phản gián Pháp. Cái để phải viết thêm về một trong những vụ án gián điệp huyền hoặc nhất trong những năm gần đây: vụ Tanase.

Vụ bắt cóc Virgil Tanase kì lạ

Sáu tháng trước, ngày 25-5- 1982, Jean-Louis Debré được giao thụ lý vụ bắt giữ người trái phép. Vụ án này

ng nghiêm trọng nhưng vị quan tòa trẻ tuổi này cũng có tiếng là một chuyên gia về các vụ án hình sự và khủng bố. Ông thanh thản chấp nhận thụ lí vụ án về nhà văn 30 tuổi Virgil Tanase đã biến mất một cách bí hiểm cách đây vài tiếng đồng hồ. Tanase vốn gốc Rumani nhưng đã nhập quốc tịch Pháp từ năm 1979. Tuy là nhà văn ít tên tuổi, nhưng việc ông biến mất vẫn có tác động như một quả bom nổ trên báo chí.

Người tị nạn này là đối tượng của chế độ Cheo-chetxcu. Nhà văn này đã ký tên cách đây vài tuần vào một bài báo trên tạp chí Actuel dưới nhan đề "Hoàng đế Cheo-chetxcu thứ 1, vua cộng sản". Viên quan tòa tự hỏi bài báo đã kích này có liên quan gì đến việc Tanase biến mất không? Tanase: biết rõ mình không thể xem thường chế độ Rumani. Từ khi anh đến đất Pháp, anh cảnh giác giữ gìn từng cử chỉ trong cuộc sống hàng ngày, như Paul Goma, anh hiểu chỉ một thú tiêu khiển sơ sài cũng có thể phải trả giá đắt. Cái gì đã xảy ra vào sáng thứ năm dịp lễ Đức Bà lên trời khi đó Paris vắng teo, vậy Tanase biến mất thế nào? Debré tự hỏi. Có phải anh đã biến mất sau khi anh đến hẹn tại vườn hoa Luxembourg như lời vợ anh kể lại chẳng? Có phải anh đã bị đưa lên một chiếc ô tô lạ như lời khai của vài nhân chứng không? Anh còn ở Pháp không? Hay là anh đã bị đưa ra khỏi biên giới? Cơ quan mật của Rumani đã giết hoặc bắt cóc anh? Đó là những câu hỏi của báo chí Pháp đặt ra.

Thẩm phán Debré thạo nghề của mình. Ông không chờ báo chí đăng rầm lên rồi mới yêu cầu Đơn vị Hình sự ra tay. Qua từng giờ, ông nhận thấy vụ án này nghiêm

trọng vì hàng ngày, thậm chí nhiều lần trong một ngày, ông biện lý điện thoại hỏi tình hình điều tra đến đâu. Ông lại được biết hồ sơ vụ án này được Bộ Tư pháp quan tâm. Người ta rỉ tai ông rằng vụ án này không phải là vụ án hình sự đơn thuần, mà có tính chất chính trị và đối ngoại, có thể có những hậu quả rất khó dự kiến trước được. Đến khi Tổng thống họp báo mới biết thực tế vụ này đe dọa đến quan hệ Pháp -Rumani. Ngày 9-6-1982, Mitterrand không ngần ngại tuyên bố rằng: "Nếu Tanase không còn sống thì quan hệ Pháp -Rumani sẽ bị tổn hại nghiêm trọng"! Lời đe dọa rõ ràng, giọng điệu đúng đắn, nhưng ta phải phục ông là một diễn viên hài kịch vô song, bởi vì Tổng thống đã biết cách dây trên 15 ngày Tanase vẫn còn sống và chính cơ quan phản gián Pháp đã bắt cóc ông ta!

Gióng một người chồng bị vợ lừa trong một màn kịch vui, Debré chưa biết tí gì và cũng không đánh hơi được rằng mình đang bị mắc vào một trò chơi xảo quyệt. Ông cũng chẳng tin hoặc băn khoăn khi viên cảnh sát Mancini tỏ ý nghi ngờ về thái độ của bà Tanase, thái độ không bình thường của một người vợ của kẻ bị bắt cóc: "Hoặc bà ta có ngoại tình, hoặc bà ta có tham dự vào việc này!", viên cảnh sát khẳng định với thẩm phán và quan tòa Debré quyết định nghe trộm điện thoại của bà Tanase. Đơn vị Hình sự đã nhờ DST nghe trộm, nhưng khốn khổ cho Mancini cũng như cho Debré, máy nghe trộm hoạt động thua thốt, rất nhiều lỗi kỹ thuật khi nghe, một vài máy nghe lại không cắm vào đường giây... Ai làm như thế? vì sao? Không ai biết. Trong quyết định miễn tố, ông Debré

viết: " Hình như một số trục trặc kỹ thuật không phải ngẫu nhiên"...

Vì số đỏ và vì kiên trì, nên vị quan tòa và viên cảnh cuối cùng đã gặp may. Trong lúc vội vàng và quá tự tin, những kẻ phá hoại vụ nghe trộm đã quên xóa số điện thoại do bà Tanase lập ra. Những điều tra viên của Hình sự nhanh chóng tìm ra số điện thoại đó là của... một thanh tra DST!

Debré ngay lập tức yêu cầu DST giải thích. Ngày 8-7, tức là sau hai tháng xảy ra vụ "bắt cóc", Marcel Chalet mới thừa nhận trước quan tòa nhưng không ghi vào biên bản rằng chính DST đã bắt cóc Tanase và đó là một kế hoạch rất lớn để chống lại Rumani. Cục trưởng DST không chịu chuyển các báo cáo "mật- quốc phòng" cho quan tòa. Debré được biết rằng Bộ Nội vụ đã quyết định kiên quyết gạt Bộ Tư pháp ra! Quan tòa không có ý lùi bước trước những sức ép của cảnh sát hoặc trở thành một biểu tượng mới của quan tòa Vàng lời, nên ông gọi cảnh sát trưởng Grimaud và nói: "Tôi muốn gặp Tanase!... Và tôi muốn đọc những bản báo cáo "mật -quốc phòng". Debré được đáp ứng yêu cầu ngay. Thực tế, hình như từ mấy hôm vừa qua Grimaud và Chalet đã ít nhiều không còn làm chủ được cái kế hoạch không rõ ràng đang tiến hành. Người ta khẳng định với chúng tôi để giải thích rằng vụ bắt cóc giả này nhằm gây ra một ý chí kiên quyết với Rumani buộc nước này phạm phải lỗi lầm, nhưng lại quên không thấy trước rằng như thế cũng làm cho dư luận Pháp xôn xao... Vậy là DST vương phải chính cái bẫy của mình"

Trong bối cảnh đó, viên quan tòa đã được gặp Tanase rất lâu trong trụ sở của DST. Cuộc gặp vào buổi sáng chủ nhật, không có thư kí tòa án. Những điều kiện do cảnh sát "áp đặt". Sau một cuộc nói chuyện lâu, quan tòa yêu cầu nhà văn Rumani viết một bức thư dài cho ông trong thư anh thừa nhận mình tự nguyện thực hiện kế hoạch này. Marcel Chalet cũng cho viên quan tòa được đọc bản sao các báo cáo "Mật -quốc phòng" đã gửi lên Tổng thống và như vậy Tổng thống đã được biết tình hình tường tận của vụ án...

Vài tháng sau, Jean-Louis Debré kể lại trong quyết định miễn tố tất cả diễn biến của vụ này (Bộ Nội vụ cũng công bố vụ đó vào cuối tháng tám năm 1982). Ít lâu sau Tanase đã kể lại vụ này trên tờ Actuel và trong cuốn tự thuật của mình...

Tháng 10- 1982, hai tháng sau khi phát hiện ra vụ án, quan tòa Debré kết thúc quyết định miễn tố, trong đó ông buộc phải thừa nhận "Không có điều gì khẳng định DST không làm tròn nhiệm vụ", nhưng ông viết thêm: "Tuy thế cũng đáng tiếc rằng kể từ khi một thông tin tu pháp đã mở, những người phụ trách đã không thấy nhiệm vụ của mình là phải thông tin cho quan tòa dự thẩm về hoạt động của họ".

"99 % cảnh sát lựa chọn nghề nghiệp của họ..."

Viên tổng biện lí cạnh Tòa phá án sau làm bộ trưởng Tư pháp Pierre Arpaillange tất nhiên không nghĩ đến vụ

Tanase khi ông ném viên đá xuống ao vào tháng hai 1988 khi ông tuyên bố: "Ngày nay, cảnh sát đã đi trước công lí". Thế là ông đã trả lời rõ ràng bộ trưởng Nội vụ Charles Pasqua vì ông này vừa tuyên bố rằng "dân chủ dùng lại nơi quyền lợi của Nhà nước bắt đầu" và ám chỉ đến một loại vụ án mà tòa án chẳng có lợi. Vì thế mà Pierre Arpaillange mới khẳng định rằng "kể từ khi lí lẽ của Nhà nước hiện ra, thì công lý bị đe dọa: kết cục ta thấy công lý bị nhạo báng. Một điều phi lý làm nhor bản và mất uy tín đồng thời làm cho người ta không còn biết công lý nữa". Sự thật gần đây càng thêm lí lẽ cho ông tổng biên lí: Bộ Nội vụ bác đơn khiếu về vụ hộ chiếu "thật - giả" của Yves Chaliar: sự ra đi của "tên coi như là chỉ huy" khủng bố người Iran tại Pháp, Wahid Gordji, với sự đồng ý bắt buộc của quan tòa Gilles Boulouque; hoặc cả vụ Mécili, luật sư Pháp gốc Angiêri phản đối chế độ Chadli, bị ám sát tại Pari ngày 7-4-1987.

Trong vụ cuối cùng này, một tên bị nghi là kẻ ám sát theo lệnh của an ninh quân đội Angiêri đã được tha một cách lạ lùng và bị đuổi khỏi Pháp về Angiêri ba tháng sau vụ ám sát mà tòa án cũng không được hỏi cung. Đối với hai luật sư Henri-Leclerc và Yves Lachaud của Annie Mécili, có thể Bộ Nội vụ đã ép buộc và can thiệp với tòa án để cho tên hiêm nghi số một không bị buộc tội hoặc bị bắt giam. Kíp Pasqua-Pandraud sau đó xin được quyết định trục xuất bởi vì hai vị này đều là lãnh đạo của Bộ Nội vụ... Rõ ràng bà dự thẩm Françoise Canivet-Beuzit không thể buộc tội hoặc bắt giam Amellou, kẻ bị tình nghi ám sát Mécili, căn cứ vào kết quả giám sát của cảnh

sát. Yves Lachaud cho chúng tôi biết: "Tôi cho rằng quan tòa không kiên quyết vì bà ta tin tưởng cảnh sát - nhất là đơn vị hình sự có tiếng là giỏi. Hơn nữa bà ta cũng chưa thấy hết tầm vóc chính trị của vụ ám sát vào lúc đó".

Bị các luật sư, ủy ban ủng hộ và báo chí ép, bà quan tòa mới nhận ra được tính nghiêm trọng của vụ án và mở lại cuộc điều tra. Vào mùa xuân năm 1988, bà phát lệnh ủy thác xét xử quốc tế sang Angiêri là nơi bà dự định sẽ tới để hỏi cung Amellou. Nhưng mặc dù những tuyên bố của chính quyền Angiêri, các luật sư và ủy ban ủng hộ không ảo tưởng gì về việc Angiêri hợp tác.

Sự thật của quan hệ giữa quan tòa và cảnh sát lộ ra ở đây tất cả tính tế nhị của nó. Cảnh sát được trao trách nhiệm hỏi cung người bị tình nghi thì phải tuân theo lệnh và sự kiểm soát của một quan tòa, nhưng cũng những cảnh sát viên đó lại chịu ở dưới quyền Bộ Nội vụ. Trong những vụ án gọi là "tế nhị" hoặc "nhạy cảm", tức là chính trị, khi cảnh sát phải phân định giữa lệnh của Tư pháp để làm bật ra sự thật và những lệnh của Bộ Nội vụ tức là lệnh có tính chính trị, bao giờ họ cũng chọn lệnh của Bộ Nội vụ. Đó là nhận xét của nhiều nhà am hiểu. Chớ nên quên rằng nhân viên cảnh sát nhận được nhận xét về hành chính hoặc quyết định thăng thưởng là từ bộ trưởng Nội vụ chứ không phải từ một quan tòa - cho nên rõ ràng cảnh sát phải tuân theo lệnh của cấp trên trực tiếp. Một vị quan tòa hơi chua chát đã đảo ngược nhận xét kể trên bằng cách khẳng định rằng các vị quan tòa cũng do cấp trên trực tiếp nhận xét: dù đó là cấp trên thấp nhưng cuối

cùng cũng lên đến bộ trưởng Tu pháp, tức là cấp chỉ huy về chính trị của quan tòa...

Viên dự thẩm Jean-Louis Debré của vụ Tanase sau này chuyển sang hoạt động chính trị- nghị sĩ đảng RPR- nói với chúng tôi rằng "khi quyền lợi của chính quyền và của pháp luật phù hợp với nhau, cảnh sát sẽ giúp anh. Khi lợi ích đôi bên mâu thuẫn nhau, 99% cảnh sát chọn phía nghề nghiệp của họ và cung cấp thông tin cho anh một cách riêng tư chứ không theo cách chính thức!" Vị quan tòa này cho biết một vụ án nhạy cảm lúc đầu chưa thể, nhưng sẽ trở thành nhạy cảm:" Ví dụ năm 1983, tôi phải xử lý một vụ ma túy. Chính quyền bị liên quan vì cơ quan bí mật có nhúng vào. Cảnh sát thôi không tuân theo sự ủy quyền xét xử của tôi nữa!"

Sự phân đôi này chưa thể giải thích nổi sự bất lực tương đối của quan tòa muốn kiểm soát cảnh sát làm việc với mình. Vị quan tòa khác ở Paris phê phán các điều tra viên của DST thiếu chặt chẽ về trí thức, họ chỉ tìm kiếm những "niềm tin mà không cần đến tính chặt chẽ của phương pháp học là điều kiện bắt buộc của quan tòa, chúng tôi chỉ làm việc căn cứ vào những chứng cứ, còn họ thì không cần bởi vì họ chỉ quan tâm đến tính tổng thể mà thôi". Ông quan tòa này cũng thừa nhận công việc của DST có khó khăn vì họ phải đội "hai mũ" tức là vừa là điều tra viên vừa là nhân viên tình báo, tình trạng này có riêng ở Pháp mà thôi. Họ chỉ chịu sự kiểm soát trong hoạt động tình báo. Nhân viên DST khác với cảnh sát khác, đó là những con người quen với lối ngấp ngừng và quyền giữ vật thể nọ. Họ hoạt động trong một thế giới

thu nhỏ, họ không muốn quan hệ với bên ngoài. Đó là một tâm trạng mà nhiều quan tòa muốn phải thay đổi đi bằng cách mở rộng quan hệ và bằng sự uốn nắn trí tuệ mà quan tòa muốn áp đặt cho họ dù họ có tự ái".

Vị chuyên gia về những vụ khủng bố nghiêm trọng không ngần ngại khẳng định: "Cần phải giật giây! Chính quyền giống như cái nhà bếp, chỉ cần có vài món nấu ngon và sử dụng các món đó cẩn thận. Các thẩm phán và quan tòa có khả năng trở thành những nhân vật mạnh nhất nước Pháp với điều kiện là "biết chơi" tức là biết sử dụng các phương tiện sẵn có trong tay. Các cơ quan bí mật lợi dụng những quyết định của tổ chức. Chúng lấn sang mọi cấp và cuối cùng đi đến tự kiểm duyệt, đến trạng thái ù lì mà ta chỉ lay động được chúng bằng cách đe dọa sẽ làm nổi sóng gió lên. DST là cơ quan cảnh sát bị ngành hành chính cho vào bẫy, cái gì nó cũng sợ không dám nhận trách nhiệm. Chính đây là điểm chúng ta phải chơi và chúng ta có một thứ vũ khí đáng sợ để chơi: bộ luật hình sự!"

"Bí mật - quốc phòng" chống lại tư pháp

Tư pháp hay vấp phải "bí mật - quốc phòng", trong những vụ án gọi là "nhạy cảm", lí lẽ mà cảnh sát DST và đặc biệt bởi nhân viên DGSE hay dùng, ít khi bị các quan tòa bác bỏ. Trong thời kỳ điều tra, quan tòa phải tin vào lời nói. Đó là tình hình xảy ra trong vụ gián điệp "Ariane", hoặc trong vụ nhà khoa học Đức Rolf Dobbertin, chỉ cần

cứ vào thiện chí của các điều tra viên phản gián mà gọi hỏi rồi bắt giam. Lúc đầu DST không thể lộ ra nguồn tin hoặc tính chất của những lời buộc tội.

Trong vụ Nut, tên của viên trung tá DGSE chết trong vùng cao của tỉnh Nice tháng hai năm 1983, viên dự thẩm Lasfargue bực bội khi François Giacomo, cộng sự chính của trung tá và nhân chứng của sự buông trôi nghề nghiệp, dẫn trung tá đến tự sát, kiên quyết không trả lời những câu hỏi của quan tòa bằng một câu kiêu căng: "Quốc phòng!" Tuy thế anh ta cũng cung cấp nửa chính thức một số thông tin cho các điều tra viên của cảnh sát tư pháp Nice...

Ngược đời thay, một số thẩm phán cho rằng "bí mật-quốc phòng" chưa từng gây trở ngại lớn cho công việc của họ, đơn giản vì chưa ai mang cái đó ra để ngăn cản các ông thụ lý các vụ án. Nhưng lớn tiếng đe dọa rằng "việc không cho chúng nhận đủ tu cách tiếp xúc bí mật quốc phòng tức là không đủ điều kiện làm chức trách, sẽ là một nguy cơ cho những nhà chính trị nào ra lệnh không chúng nhận", đó là ý kiến của một thẩm phán của tòa án Paris. Cũng ít người được như Jean-Louis Debré dễ dàng được phép tiếp xúc bí mật quốc phòng -Debré lúc đó là thành viên của chính phủ Jacques Chirac, ở Bộ Nội vụ. Thẩm phán Jean-Pierre Michau, thụ lý vụ án Carrefour, không được may mắn như Debré, vì ông bị bộ trưởng Nội vụ dùng "bí mật quốc phòng" để không cho ông thụ lý vụ hộ chiếu "thật giả" mà DST trao cho Yves Chalier, cựu chánh văn phòng của bộ trưởng Hợp tác Christian Nucci.

Ba tháng sau, ngày 27-5-1987, phòng dự thẩm cho rằng việc từ chối kể trên là đúng đắn...

Mười bốn năm sau vụ nghe trộm ở tòa soạn báo Con Vịt bị trói, luật sư Daniel Soulez-Larivière cho rằng vụ hộ chiếu "thật giả" của Chaliier cho thấy rõ vai trò nhỏ bé của ngành tư pháp, như thế tư pháp không thể quyết định làm một việc khó nhọc và không thể dùng những phương tiện pháp chế để kiểm soát ngành hành pháp". Ông công nhận quyền lực của ngành tư pháp giành cho các quan tòa còn chật hẹp và những quyết định gọi là "dúng cảm" sẽ vừa khó giải bày nguyên do vì truyền thống hai mươi năm qua ở nước Pháp không quan toà nào gây khó khăn cho quyền lực chính trị và hiệu quả cũng sẽ chẳng ra gì, trừ chính trị.

Luật sư đó giải thích cho chúng tôi rằng bức thư của bộ trưởng Nội vụ đề ngày 19-01-1987 dùng "bí mật - quốc phòng" để chống thẩm phán JP Michau là một hành vi hành chính có tính tùy tiện nhưng vẫn không thoát khỏi sự kiểm soát tối thiểu của thẩm phán. Daniel Soulez-Larivière nói: "Từ năm 1961, Hội đồng nhà nước đã giải tòa khái niệm "sai lầm hiển nhiên của chính quyền", và lấy lại từ ngữ của Guy Braibant dùng với sinh viên và thầy thuốc. Mục tiêu của pháp chế này là "Dù ngành hành pháp có quyền làm cái gì nó muốn, nhưng không được phép làm bất cứ điều gì". Tòa án Paris đã cả gan coi việc che chắn bằng "bí mật - quốc phòng" cho việc đưa hộ chiếu "thật giả" cho một người chạy trốn là một sai lầm hiển nhiên, tức là "làm bất cứ điều gì" đấy. Và luật sư còn thừa nhận "thật là khó cho Jean Pascal, chủ nhiệm

phòng biện lí, Paul Pieri và Paul Andréani, hai hội thẩm của Pascal. Họ không đề cập đến vấn đề này và nguyên tắc đó, vì có thể xác lập thẩm quyền cho họ thi hành kỷ luật cả một bộ trưởng, như thế chắc chắn là nguy hiểm".

Ben Barka, Curiel, Goldman: quan tòa thất bại

Quyền lực chính trị không phải bao giờ cũng là con bạc thua hay câu. Cho nên thủ tướng Paul Mauroy vào tháng ba năm 1982 đã cho ba thẩm phán dự thẩm Paris là Guy Joly, Alain Verleene và Hubert Pinssenu, tiếp cận một số hồ sơ được xếp loại, "Mật- quốc phòng" để ở tầng thư DGSE, DST và RG. Người ta nghĩ rằng ba ông dự thẩm cuối cùng có thể đường hoàng tiếp tục điều tra những vụ án mạng cho đến nay vẫn không giải thích được nhưng vô cùng tiêu biểu đối với phe tả bởi vì các nạn nhân là: Pierre Goldman, Henri Curiel và Mehdi Ben Barka... (Barka là lãnh tụ phe đối lập Maroc, bị bắt cóc tại phố Thánh Germain, Paris, ngày 29-10-1965. Vai trò của đại tá Leroy- Finville, một số lãnh đạo SDECE, và của tướng Oufkir của Maroc, chưa bao giờ được xác định. Thi thể của Barka cũng mất tích).

Henri Curiel, chiến sĩ cách mạng gốc Ai Cập, bị ám sát ngày 4-5-1978 ở phố Rollin ở Paris. Tổ chức cực hữu "Biệt kích Đen-ta" nhận gây ra vụ giết người này. Nhiều nhà quan sát trong đó có nhà văn Gilles Perrault, rất chú ý đến thái độ kỳ quặc của các thanh tra DST và của cơ

quan phản gián đã giám sát người cách mạng này trong nhiều năm.

Pierre Goldmann, gốc Do Thái, cách mạng, du kích, tên cướp và nhà văn, bị giết ngày 20-9-1979 tại Paris. Theo các nhân chứng thì một trong những tên giết người nói tiếng Espana. Tổ chức "Vinh dự của cảnh sát" nhận giết và tố cáo chủ nghĩa khoan hòa của tòa án).

Mauroy yêu cầu quan tòa Louis Joinet đặt ra thủ tục tạo điều kiện giúp cho các quan tòa làm việc với các cơ quan bí mật một cách công khai.

Hai vị này quen biết nhau và mến mộ nhau, dù Joinet chưa hề tham gia Đảng Xã hội. Là chuyên gia trong ủy ban nhân quyền của Liên hiệp quốc, 50 tuổi, trước hết Joinet là một luật gia. Ông hiểu ngay rằng dự kiến của thủ tướng có thể trở thành một cuộc chinh phục của ngành tư pháp vào ngành chính trị.

Vị cố vấn của thủ tướng ra sức thuyết phục các thủ trưởng RG (Paul Roux), DST (Marcel Chalet) và DGSE (de Marenches). Hai ông Roux và Chalet chấp nhận ngay cuộc chơi. Riêng de Marenches thẳng thừng từ chối không hợp tác.

Theo thủ tục mà Joinet vạch ra, muốn tiếp xúc với các hồ sơ phải hội ý các dự thẩm nhiều lần và đặt quan hệ với các cơ quan liên quan. Khởi đầu, họ tiếp xúc với nhiều người trung gian ở hai bộ Quốc phòng và Nội vụ. Đó là những quan tòa đã trở thành cố vấn kỹ thuật trong các bộ như Roland Kessousse và Olivier Renard-Payen. Trải qua các bước này, ba vị quan tòa cuối cùng đã đến

được chỗ thâm nghiêm nhất: tầng thư của các cơ quan bí mật, nhưng có những hạn chế.

Tuy biết các tầng thư, nhưng viên thẩm phán không thể chiếm hữu một số tài liệu đã được xếp hạng để đưa vào hồ sơ điều tra của mình, hoặc ông phải tuân theo một thủ tục phức tạp buộc phải đi qua nhiều bộ. Nhiều tài liệu có thể bị giấu đi nếu tài liệu đó nói đến nguồn thông tin. Các thẩm phán phải đặt câu hỏi: không biết tài liệu họ đưa cho xem có là loại thật không, hay là không khéo bị cơ quan mật lái vào con đường giả dối theo ý đồ của họ?

Cuối cùng các vị quan tòa nhận định sáng kiến của chính phủ Mauroy cũng chỉ có hiệu lực tương đối. Thẩm phán Verleene đã phê phán Pierre Marion, tổng cục trưởng DGSE, không tôn trọng chi thị của thủ tướng. Ông lại khen người kế vị Marion là đô đốc Lacoste hợp tác tốt với đoàn. Thẩm phán khác phê phán cục trưởng DST Chalet đã giấu một số tài liệu về vụ Curiel. Hành vi kỳ cục, vì viên thẩm phán này lại tìm thấy những tài liệu đó tại DGSE và có ghi "nguồn tin từ DST"!

Vị quan tòa khác lại khen DST hợp tác tốt vì đã cho ông tiếp cận rất nhiều hồ sơ, nhiều đến hàng mấy mét khối tài liệu, nhưng... xếp không theo thứ tự thời gian khiến cho giá trị thông tin bị giảm rất nhiều...

Ngoài giá trị được biết DST và DGSE trong nhiều năm đã theo dõi rất sát Henri Curiel, việc tiếp cận các tầng thư của các cơ quan bí mật không giúp cho các thẩm phán tiến được về mặt điều tra các vụ án. Cả ba vị đều không thu thập được đầy đủ yếu tố xác thực giúp cho các

vị thúc đẩy một cách có ý nghĩa các hồ sơ đang thụ lý. Thẩm phán Verleene đành kết thúc vụ Pierre Goldman bằng quyết định miễn tố (năm 1987), còn hồ sơ vụ án sát Henri Curiel đến khi chúng tôi viết cuốn sách này vẫn chưa kết thúc nổi...

Qua những việc điều tra này, hình như việc khai thác hàng tấn tài liệu đã được xếp loại mật vẫn chưa giúp các quan tòa khẳng định được rằng các cơ quan bí mật của Pháp có liên quan đến vụ ám sát này hay không, dù chưa thể loại trừ nổi giả thuyết của những nhân viên "ngoài lề". Đúng là nhiều cơ quan bí mật nước ngoài cũng quan tâm đến Curiel. Một vị dự thẩm khiêm tốn và thực tế phát biểu: "Đối với tôi việc tiếp xúc với hồ sơ đã khiến tôi hiểu gã ta hơn". Công việc nhẩn nại của họ đôi khi giúp cho họ phát hiện ra những điều đáng ngạc nhiên như bản báo cáo nghe trộm điện thoại của nhiều bộ trưởng - việc hoàn toàn bất hợp do DGSE tiến hành - khi xảy ra vụ ám sát Curiel!...

Kết quả ít có sức thuyết phục, hay vấp phải ác ý, sự nghi ngờ hợp pháp của các quan tòa đối với những cơ quan quá khép kín: thực tế này đã khiến cho một số quan tòa đánh giá quyết định của chính phủ Mauroy là "một chủ trương lương thiện nhưng ngây thơ". Những vị khác hoài nghi về hiệu quả thực tiễn của kiểu cộng tác, như thế. Vì vậy vị thẩm phán này cho rằng sự hợp tác có hệ thống giữa các cơ quan tòa và các cơ quan tình báo có khi có thể trở nên nguy hiểm. Ông hỏi: "Sự hợp tác đó có ý nghĩa gì ở cấp cơ chế? Người ta có thể đi đến đâu trong sự cộng sinh giữa tư pháp và tình báo là cơ quan

hay mắc bệnh paranoia (bệnh quá tự tin đi đến tự cao và hoang tưởng). Liệu đó thể thiết lập những quy tắc liên lạc chuẩn xác được không?

Ngược lại, luật sư Soulez - Larivière nghĩ rằng thủ tục đề ra hồi tháng ba năm 1982 hầu như công minh, bởi nó dung hòa được yêu cầu của cả tư pháp lẫn tình báo. Các dự thẩm được quyền xem xét điều mình cần được thông tin, nhưng bộ trưởng đương sự dưới quyền trọng tài của Thủ tướng giữ quyền không thông báo những tài liệu quá nhạy cảm cho ngành Tư pháp. Sớm muộn phương hướng giải quyết sẽ là thể chế hóa một thủ tục khôn ngoan theo hướng này. Vụ hồ chiếu "thật - giả" của Chaliel sẽ là dịp tốt để bắt đầu..."

Việc kiểm tra những hộp thẻ tin học

"Còn vài ngày nữa sẽ là chục năm rồi!" Jacques Fauvet thở dài hơi mệt mỏi. Trong tháng chạp năm 1987 này, ông chủ nhiệm "Ủy ban quốc gia tin học và các quyền tự do" đang tổng kết về một đạo luật đã "chống cự được sự hao mòn của thời gian, thậm chí đã đi trước cả thời đại", như nhận xét của ông Georges Vedel, chủ nhiệm danh dự khoa học, trường đại học luật và kinh tế Paris.

Lí do lập ra ủy ban này là ý định của Tổng thống Giscard d'Estaing muốn bảo vệ công dân không bị nguy cơ của tin học và muốn buộc phải áp dụng tính chất công khai vào các hồ sơ vừa bí hiểm vừa hoang đường của các cơ quan cảnh sát cũng như tình báo.

Bộ máy pháp lý được thiết lập từ sau khi đạo luật ra đời ngày 6-1-1978. Luật này quy định rằng "tin học không được vi phạm đến lí lịch, quyền của con người, đến đời tư cũng như tự do cá nhân hoặc công cộng". Với 17 thành viên thuộc mọi xu hướng, Ủy ban quốc gia tin học và quyền tự do (CNIL) sẽ hạn chế sự thái quá và những sự đồi bại của tin học và của ai dùng nó. "Ủy ban phải luôn luôn khẳng định quyền lực của mình" ông chủ nhiệm ủy ban Jacques Fauvet phát biểu với chúng tôi như thế. Vì vậy ủy ban yêu cầu các cơ quan DST và RG phải cập nhật hóa các tủ hồ sơ rồi mới đưa vào bộ nhớ thông tin. Việc cập nhật hóa này được ông Fauvet coi là vấn đề số 1. Đây là một sự phòng ngừa có tác dụng bảo đảm tính chính xác của thông tin ghi trong hồ sơ, dù thông tin đó thuộc chính đảng này hoặc của chính đảng khác.

Ủy ban cũng quan tâm một cách cảnh giác đặc biệt những thông tin về tội phạm và sự kết án không thể ghi trong những hồ sơ không do các sĩ quan cảnh sát tư pháp bảo quản. Đặc biệt là trường hợp RG; vừa tránh được những sai lầm -RG không bắt buộc phải biết về việc ân xá hoặc phóng thích - và cũng là một cách cấm đoán lập ra những hồ sơ tư pháp song song.

Trong phần lớn trường hợp, CNIL can thiệp theo yêu cầu của tư nhân, "không nhiều" như cựu giám đốc tờ Le Monde nhận xét. Trong năm 1986 Ủy ban chỉ nhận có 131 yêu cầu, trong đó có 96 (tức là 73%) liên quan đến hồ sơ của Bộ Nội vụ (năm 1985, 67%) và 35 yêu cầu hồ sơ của Quốc phòng, tức là 27% (năm 1985 là 33%).

Việc công dân Pháp thiếu nhiệt tình có thể giải thích một phần bởi sự thế là họ không có quyền gián tiếp tiếp cận đến hồ sơ. Nói cách khác, nếu tư nhân khi yêu cầu có thể biết "liệu những thông tin chứa trong hồ sơ của họ có phù hợp với tinh thần luật pháp" hay không, nghĩa là thông tin đó không có hại đến đời tư và hoạt động nghề nghiệp của họ, và thông tin đó cũng vừa không lập lờ, vừa không lạc hậu; ngược lại tư nhân đó chẳng bao giờ biết nội dung hồ sơ đó!

Năm 1983, ủy ban quyết định rằng theo ngôn từ của việc điều tra hồ sơ của RG, ủy ban nếu có dịp sẽ thông báo cho đương sự biết tên đương sự không có trong hồ sơ; khi đương sự có tên trong hồ sơ thì ủy ban sẽ thông báo cho đương sự những thông tin không bí mật. Nhưng quyết định thích đáng này của CNIL sớm bị ban lãnh đạo RG phản đối bằng một quyết định Hội đồng nhà nước mang tên là "quyết định Bertin" ban hành ngay trong năm 1983 và cấm thủ tục này...

Mặc dù có những cái phanh, Jacques Fauvet công nhận rằng "quan hệ với các cơ quan cảnh sát nói chung là tốt". Tất nhiên, thành viên của ủy ban không thể biết tất cả: "Thật là ngây ngô chối bỏ việc dùng các phiếu trắng của DGSE hoặc các phiếu xanh mà DST thừa biết, ngay dù việc tin học hóa có làm cho việc rút trộm khó khăn hơn", đó là lời khẳng định của chủ nhiệm CNIL.

Dù thế nào đi nữa thành viên của ủy ban vẫn tiến hành việc kiểm tra có hệ thống và đúng thời gian. Tuy thế nhiều tư nhân vẫn khiếu với CNIL rằng vài tháng hoặc vài năm sau khi CNIL đã yêu cầu cảnh sát xóa bỏ

một số thông tin nhưng họ vẫn không xin được việc làm hoặc không xin được vào quốc tịch Pháp. Nghĩa là hồ sơ của họ vẫn chưa được tẩy sạch! J. Fauvet kể cho chúng tôi rằng: " Có một hôm, chúng tôi xin gặp tổng cục trưởng DGSE để đặt ra với ông vấn đề nghiêm trọng này vì đối với chúng tôi đó là một tội phạm. Tổng cục trưởng DGSE đồng ý là như vậy và thế là dần xếp xong".

Nếu vi phạm, CNIL có thể đưa việc đó ra tòa, việc này cũng rất ít khi xảy ra. Tuy nhiên rất khó kết tội, vì lý do đơn giản rằng tội phạm về tin học do luật tháng giêng năm 1978 quy định chưa được ghi vào Bộ Luật Hình sự. Mặt khác, thành viên ủy ban thích hòa giải trước khi phải đi đến giải pháp cực đoan như thế.

Tủ phiếu chống khủng bố: cái "phải, nhưng" của CNIL

Trong bản báo cáo mà chúng tôi đã nêu trong chương ba, thượng nghị sĩ Masson cho biết vì nạn khủng bố tăng lên ở Pháp nên chính quyền phải tìm các biện pháp chống lại vừa mới, vừa hiệu nghiệm hơn. Trong thực tế, chỉ cần tăng cường tủ phiếu đã có ở RG với cái tên "bạo lực" bao gồm khoảng hai nghìn hồ sơ đối tượng có khả năng khủng bố ở trong nước. Tủ hồ sơ "Bạo lực- mưu hại- khủng bố" lập vào tháng chín năm 1982 phản ánh sự cần thiết phải giữ được tỉ lệ thăng bằng giữa yêu cầu thu thập

tình hình với yêu cầu bảo vệ quyền tự do cá nhân: do bộ trưởng Nội vụ tác động mạnh vào tháng chín 1982, CNIL đã tán thành tuy còn đắn đo việc lập tủ hồ sơ chống khủng bố. CNIL không đắn đo về nguyên tắc lập bộ phận hồ sơ này, mà đắn đo về giới hạn của nó thôi. CNIL cho rằng bộ phận này không nên có những nét giống như tàng thư chống khủng bố Tây Đức của BKA (cơ quan chống tội phạm) có tới hai triệu thẻ và 2. 300 đầu ra có tác dụng không thể nghi ngờ được...

Lên thẻ đến quy mô to lớn như vậy sẽ mâu thuẫn với các nguyên tắc về dân chủ tự do. Việc tôn trọng nguyên tắc này khiến cho CNIL phải giới hạn các loại người có thể bị lập hồ sơ là loại "người có hoạt động khủng bố, hoặc loại người có quan hệ trực tiếp hoặc tình cờ với loại có hoạt động khủng bố". Những định nghĩa pháp lý này chắc chắn sẽ phải được tinh luyện trong thực hành. Ủy ban chịu trách nhiệm thường kì kiểm tra: ủy ban mong muốn rằng tàng thư này sẽ chủ yếu là tàng thư của cảnh sát phòng ngừa. Bản báo cáo Masson mô tả những đặc điểm gây ấn tượng của tàng thư Bạo lực - mưu hại - khủng bố:

" 1) Đây là tàng thư tập trung các thông tin trước kia phân tán trong các cơ quan có đóng góp vào cuộc chiến đấu chống khủng bố;

"2) Đây là tàng thư dấu hiệu nhận dạng, chủ yếu về thể chất con người...

"Dung lượng của tàng thư "tập hợp" đã từ 2.000 tăng lên gần 70.000 để có thể đáp ứng được việc tập hợp các thông tin từ các cơ quan khác về cảnh sát và về quốc phòng. Như vậy tàng thư mới không chỉ dựa vào thông tin của RG, mà còn dựa vào tàng thư thủ công của phòng 6 Cục cảnh sát tư pháp (40.000 thẻ), vào 1.000 thẻ của DST, vào 30.000 băng từ ghi âm chủ yếu của người nước ngoài sống ngoài nước Pháp.

"Cần chú ý rằng các cơ quan "cung cấp" hoàn toàn tự trị cho nên họ hoàn toàn tự do quyết định thông báo những dữ liệu mới. Việc tự nguyện hay không tự nguyện giữ tin tức lại là tất yếu trong điều quy định như thế". Đó là ý kiến của thượng nghị sĩ Masson.

Khái niệm tội ác tiềm tàng

Khó mà biết trong số những bộ máy pháp lý có khả năng kiểm soát hoạt động của các cơ quan bí mật tại Pháp, vai trò của các cấp tòa án đặc biệt mang những cái tên từ 1944 như Tòa án cấp cao, Tòa án quân sự cấp cao, Tòa án quân sự, rồi Tòa án an ninh Nhà nước. Sự đa dạng về các cấp tòa án đặc biệt chứng tỏ rằng bao giờ cũng tìm được các quan tòa để chấp nhận những công việc bẩn thỉu. Đó là ý kiến phẫn nộ của Daniel Soulez-Larivière khi ông đặt lại vấn đề độc lập của quan tòa đối với đòi hỏi của quyền lực chính trị.

Tòa án An ninh Nhà nước đến năm 1981 bị thay thế bởi Tòa đại hình Đặc biệt gồm có các quan tòa chuyên nghiệp có tuyên thệ, và có thẩm quyền xét xử gián điệp (và từ 1986 xử lí các vụ khủng bố). Nhưng khi đổi tên của nó, quyền lực chính trị chẳng thay đổi thẩm quyền của tòa đại hình. Với những tòa án đặc biệt này, cũng có sử dụng điều 30 khoản 3 nổi tiếng mà chúng tôi đã nói nhiều tới - tội "thông đồng với một nước ngoài có thể làm hại đến quyền lợi của nước Pháp - điều này lập ra khái niệm lạ lùng "tội ác tiềm tàng". Đối với tòa án, một bị can có thể bị kết án ngay khi chỉ mới quan hệ với các cơ quan tình báo nước ngoài, đã hoặc chưa chuyển giao "bí mật". Các quan tòa suy luận: "Có thể người chưa làm, nhưng người có thể làm nếu người có cơ hội!" Đối với một số luật sư luật đó là tai ác, nhưng DST thì lợi dụng đến cùng luật đó. Đối với hai luật sư của Dobbertin là Henri Leclerc và Yves Lachaud "Khái niệm tội ác tiềm tàng thật là chuống tai đối với các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Pháp là về mặt phạm tội chỉ trấn áp việc thực hiện hành vi hoặc mưu toan của nó. Và với điều kiện là có ý muốn phạm tội..."

Cũng không hiếm việc DST tìm mọi cách áp đặt lô-gich hiếu chiến của nó. Luật sư Yves Lachaud nhận xét: "Khi DST bắt một người, cơ quan này mong giành được tối đa để một ngày nào đó sẽ mang ra đánh đổi. Mặt khác, thường thường trong loại việc này, các quan tòa cảm thấy mắc tội đối với cảnh sát là người hàng ngày chiến đấu với "kẻ thù"! Ngoài ra DST có khuynh hướng coi việc

ra quyết định khoan dung, thậm chí xử trắng án là điều lãng nhệch đối với cơ quan của họ".

Quyền lực và công lý

"Thình thoảng xung quanh một vụ án chính trị, tên của một cộng sự của tổng thống nước cộng hòa xuất hiện rồi biến mất luôn. Được kêu gọi thận trọng, báo chí cũng không nhấn mạnh. Khả năng tìm tòi nghiên cứu của các thẩm phán, dự thẩm dừng lại ở công phủ tổng thống..." Tác giả của những dòng viết trên đây năm 1963 tên là François Mitterrand. Ngòi bút đập mạnh đó nhằm vào chế độ Đơ Gôn và một vụ án vang lừng có bàn tay của Jacques Foccard, tổng thu ký châu Phi, vụ một bị cáo tố giác đã nhận một món tiền lớn để cho hắn chạy sang Thụy Sĩ trốn tránh sự trừng phạt của tòa án và đành lòng viết cho quan tòa có thẩm quyền rằng hắn không có gì để nói và được miễn không phải khai thêm gì nữa", đó là sự giải thích của vị tổng thống tương lai.

Cách xử sự mà thời đó Mitterrand tố cáo chẳng khác gì thái độ của các bộ trưởng hoặc quan chức cao cấp trong một số vụ án mà chúng tôi đã nêu trước đây. Sự phân xét cũng thật là kỳ cục, buồn cười khi ta nhớ lại việc Tổng thống Mitterrand bênh vực viên siêu hiến binh Prouteau bị buộc tội trong vụ án những người Ailen ở Vincennes. trên đài truyền hình Tổng thống đã giải thích cho Christine Ockrent và bạn xem truyền hình về cuộc nói chuyện của ông với bộ trưởng Tu pháp Albin

Chalandon:" Ông ấy bảo "Tôi rất phiền lòng, từ mấy tháng nay dự thẩm cứ xin tôi cho phép bắt trung tá Prouteau về vụ Ailen ở Vincennes năm 1982 vì có một sĩ quan hiến binh tố cáo ông ta đã cho chủ trương... Tôi chẳng biết làm thế nào, cho nên mấy tháng nay tôi chưa trả lời, tôi chưa nói với biện lý gửi bản buộc tội đi...". "Tôi đã nói với bộ trưởng Tư pháp rằng: Thưa ông bộ trưởng, tôi hoàn toàn không hiểu ý của ông nói là thế nào! Nhiệm vụ của ông là hãy để cho dự thẩm làm điều gì ông ta muốn làm; quyền hành pháp không được ngăn trở dự thẩm, đó không phải là vai trò của hành pháp... nếu hành pháp vượt ra khỏi quyền hạn của mình, đó là một lỗi nặng. Tôi không nói rằng "Hãy buộc tội trung tá Prouteau đi". Tôi nói: "Hãy để cho dự thẩm làm theo ý dự thẩm: nếu ông này thấy phải buộc tội, lúc đó bộ trưởng phải yêu cầu biện lý làm văn bản buộc tội, và trung tá sẽ bị buộc tội"

Sự hiệu chỉnh của Tổng thống tất nhiên bị bộ trưởng tư pháp và các chính đảng phái hữu coi là sự can thiệp lạ lùng vào tiến trình công việc của tư pháp, dù có nhiều người thừa nhận nhà chính trị và cựu luật sư này bao giờ cũng có quan điểm đúng đắn về công lý...

Cảm tưởng cuối cùng mà có nhiều quan chức cao cấp đồng tình là chỉ còn mỗi một quyền lực đối lại đó là báo chí.

BÁO CHÍ VÀ CÁC CƠ QUAN BÍ MẬT: KHÔNG THỂ CÔNG KHAI ĐƯỢC

Giám đốc thông tin dài truyền hình TF 1 Alain Denvers hài lòng về việc thỏa thuận nguyên tắc với cục trưởng DST. Cái ngày vào tháng ba năm 1985 đó, hai vị gặp nhau dưới hình thức kín đáo và lịch sự. Khi còn là tỉnh trưởng, Yves Bonnet quen biết ông Albert Denvers, nghị sĩ Đảng Xã hội, cha của Alain Denvers nhà báo. Cục trưởng DST muốn sử dụng mối quan hệ ưu đãi này. Trong ý nghĩ của Yves Bonnet, tất cả những kết quả của việc trục xuất cả loạt nhà ngoại giao Liên Xô năm 1983 chỉ hai năm sau đã phôi pha mất rồi. Ông cảm thấy phải làm lại một điều gì đó mà ông chưa nghĩ ra được. Ông tự nhủ: "Lặp lại kế hoạch năm 1983 chăng? Khó đấy". Ngược lại ông hình dung một kế hoạch gian xảo để quật cho Liên Xô một đòn đau nữa!

Khi DST đánh lừa TF1 và báo be Monde

Yves Bonnet tâm sự với Alain Denvers về mối nguy Liên Xô xâm nhập vào nước Pháp ngày càng lớn quá mức. Ông nói thật với nhà báo dự kiến tung ra một đòn cảnh cáo cho Liên Xô "Cảnh cáo bằng hình thức gì?" nhà báo hỏi. "Ví dụ hai tờ báo đăng một số tài liệu do Farewell cung cấp", cục trưởng phản gián đề xuất và khẳng định cơ quan ông sẵn sàng tham gia trò chơi một cách trung thực, để cho nhà báo hoàn toàn tự do chọn lựa hình thức, phân tích và bình luận. Yves Bonnet hiểu rõ sự tinh tế của nhà báo về tính độc lập và tự do ngôn luận của họ.

Trở về phòng làm việc trên tầng bảy ở phố Cognacq-Jay, Alain Denvers kể lại chi tiết cuộc nói chuyện của mình cho Jean-Pierre Berthet, một trong những "phóng viên" của chuyên mục. Nhà viết thời luận tư pháp đồng ý viết loạt phóng sự và một tạp chí về công tác của phản gián Pháp, sau khi thủ trưởng của anh ta đảm bảo cho anh hoàn toàn tự do hành động và không quên nhắc anh cần cẩn thận đối với một cơ quan có tiếng hay chơi xiên xẹo chứ không phải là một cơ quan trung thực đâu...

Nhà báo của kênh một nhanh chóng tiếp xúc với bộ tham mưu của DST, phần lớn là loại ủy viên (cầm) cấp cao. Trước khi quay, Berthet phát hiện thế giới cảnh sát qua nửa tá cuộc thăm viếng làm việc tại phố Nélaton mà anh chưa từng quen biết. Anh mô tả những điều tra viên mà anh gặp là những "viên cảnh sát xuất sắc, thận trọng

và rất sành sỏi". Tuy nhiên anh cũng ngạc nhiên về đặc điểm của ngôn ngữ của họ: "Họ không gọi con mèo là mèo. Lúc đầu, tôi phải giải mã một số sự việc và ngôn ngữ của họ không giống như của ta". Ít thành thạo về kỹ thuật thông tin, các lãnh đạo phản gián dễ dàng chấp nhận các đòi hỏi về hành nghề của nhà báo. Berthet giải thích: "Tôi thừa biết không có họ, tôi không thể phát hình, cho nên tôi chấp nhận nguyên tắc để cho họ cung cấp nguyên liệu cho tôi. Đây là điểm mà người quan sát bên ngoài có thể đặt câu hỏi về thủ đoạn lừa dối, nhất là về hồ sơ nổi tiếng Smirnov mà DST trao cho tôi. Đối với tôi, cách duy nhất để đảm bảo hồ sơ này có thật cho công chúng biết là chỉ ra nơi xuất xứ của hồ sơ". Dù thái độ của Yves Bonnet là ngập ngừng, nhưng dưới sự giám sát của cục phó DST Raymond Nart, phóng viên TF 1 được phép quay phim bên trong trụ sở cơ quan này: nhất hạng!

Một trong những lớp hấp dẫn nhất của buổi phát là cảnh một viên cầm đang rút từ chiếc két sắt tập hồ sơ Smirnov, con chủ bài của những tài liệu mà Farewell trao cho DST. Cảnh két sắt đặc biệt gây ấn tượng mạnh lại được tô đậm bằng lời bình của một cảnh sát đứng trong bóng tối... Người này giải thích rằng hồ sơ đó xuất phát từ cơ quan bí mật của Liên Xô đó là một nghị quyết thảo vào năm 1983 tại Matxcova bởi các thành viên của đoàn chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô về vấn đề công nghiệp quân sự. Bản báo cáo này thực ra là tổng kết công việc ăn cướp có hệ thống bởi người Xô Viết các công nghệ Tây Âu hoặc từ "việc sử dụng các tư liệu thông

tin đặc biệt vào năm 1982" mà người thảo báo cáo này tên là Smirnov. Tác giả báo cáo tổng kết rằng trong số các kết quả thiết thực thu được có bộ công nghiệp Hàng không sau khi dùng số tài liệu kỹ thuật một mặt cải tiến được việc bảo dưỡng máy bay khu trục hiện đại, mặt khác giúp cho việc nghiên cứu giảm bớt tiêu thụ xăng động cơ tuabin phản lực của các máy bay khu trục MiG-29, SU-29, cũng như việc hiệu chỉnh động cơ tuabin phản lực NK-25 và NK-32..."

Sau khi đọc xong các tài liệu chưa từng xuất bản, Berthet nhanh chóng nhận thức rõ tầm quan trọng của công trình phóng sự của mình, nó sẽ trình bày cụ thể có chứng cứ kèm theo về mục tiêu tình báo Xô-viết nhằm vào. Đối với phóng viên truyền hình, mọi việc hình như diễn ra bình thường. Anh làm việc trong không khí tin cậy lẫn nhau và với tự do hoàn toàn về hành vi cùng với cảnh sát DST. Anh không tưởng tượng được rằng danh tiếng của anh có thể bị lợi dụng vào mục đích khác cái mà DST đã bàn với anh. Sau một số thận trọng có tính nghề nghiệp anh kết luận rằng tài liệu DST đưa cho anh là xác thực và không thể giả mạo được. Khi đài TF1 chiếu phóng sự đầu của anh, vào hôm thứ sáu 29-3-1985, Berthet chờ xem phản ứng theo quy luật của sứ quán Liên Xô ở Paris. Nhưng anh ngạc nhiên khi được nghe trước phản ứng của sứ quán Xô viết đã có những ý kiến đặc biệt mạnh mẽ của Edith Cresson, bộ trưởng Thương mại, đối với DST. Bà bộ trưởng cho rằng việc chiếu phim phóng sự này với việc công bố rộng rãi trên báo Le Monde dưới bút danh Edwy Plenel và Christian Batifoulier, những tài

liệu Smirnov làm hại Ủy ban chính phủ hợp tác Pháp - Xô sắp họp tại Paris từ ngày 1 đến 4-04-1985, tức là chỉ còn 48 giờ nữa thôi!

Con giận điên người của bà Cresson cũng ngang bằng với con giận của bộ trưởng Nội vụ Pierre Joxe đang đi vắng khi DST ra đòn trên phương tiện thông tin đại chúng. Khi vừa về đến Paris trong đêm bộ trưởng gọi ngay cục trưởng DST lên để la mắng vì không báo cáo cho ông biết chủ trương về thông tin... Yves Bonnet cãi lại rằng ông đã báo cáo với cộng sự chính của bộ trưởng và vị này đã hoàn toàn nhất trí. Ông cũng không thừa nhận đã gây ra thiệt hại về ngoại giao do việc đưa lên báo đài... Mặc dù vì nó mà ít lâu sau Bonnet phải "từ chức".

Lại thêm một lần nữa cho chúng ta thấy với DST chẳng có cái gì là đơn giản, dù rằng DST có vẻ đã tự làm hại mình như trong trường hợp kể trên. Nó chưa nói lời cuối cùng, bởi vì một kế hoạch như trên không bao giờ chỉ có một mục tiêu. Trong kế hoạch trên, ta thấy mục tiêu đầu tiên là cảnh báo nhân dân và nhất là các nhà nghiên cứu và các nhà bác học Pháp về nguy cơ của tình báo kỹ thuật và tình báo công nghệ.

Mục tiêu thứ nhì là muốn nói cho Liên Xô biết rằng phản gián Pháp có những chi điểm đi sâu leo cao trong các cơ quan của Liên Xô! Một trong những người chỉ huy kế hoạch trên cho chúng tôi biết rằng Farewell đã bị bắn vào năm 1981. Nhưng Liên Xô không hay rằng chúng tôi đã biết... Chúng tôi đã sử dụng các nhà báo bằng cách cho họ những tài liệu mang những ngày tháng giả!... Chúng tôi đã dựa vào bệnh quan liêu của người Xô

viết năm nào cũng chỉ dùng một loại ấn phẩm, khi trao cho nhà báo bản photôcopi, chúng tôi đã đánh máy "1983", tức là hai năm sau khi Farewell chết!"

Thủ đoạn này của phản gián Pháp cho thấy mặc dù đã dùng hết cách kiểm tra, các nhà báo già đời cũng có thể bị mắc lừa. Nếu mục tiêu của cơ quan phản gián Pháp đã đạt, nhưng tính trong suốt và lòng tôn trọng thông tin thì ngược lại đã bị vi phạm ghê gớm.

Đầu độc và phản thông tin

Một quan chức cao cấp vốn là nhà báo phát biểu với chúng tôi: "DST có sức quyến rũ các nhà báo. Nó giúp cho một vài nhà báo viết bài nổi tiếng. Đối với một nhà báo chỉ điểm cho Cảnh sát tư pháp tuy cũng đã tốt nhưng một ngày nào đó anh sẽ di chỗ khác. Còn với chỉ điểm của DST thì khác với những loại côm khác: mật thám DST cần phải tìm ra điều gì có thể thỏa thuận được với nhà báo. Họ kể ra những chuyện họ rất muốn và vào thời điểm đã chọn ..."

Quả nhiên... Chúng tôi đã nhấn mạnh sự trùng hợp kỳ lạ giữa việc tung ra vụ Ariane và chuyến đi Liên Xô của thủ tướng Jacques Chirac. Cũng là ngẫu thơ mà tin rằng thật là ngẫu nhiên mà DST phá vụ án vào đầu năm 1986 về một tổ chức xuất khẩu lậu vật liệu, dụng cụ công nghệ sang các nước phương Đông, kèm theo là việc bắt giữ nhiều nhà công nghiệp Pháp về tội "thông đồng với gián điệp của một cường quốc nước ngoài" tức là Liên

Xô, ngay trước ngày có cuộc họp quan trọng của Ủy ban phối hợp kiểm soát đa phương (COCOM)... Báo và đài đã đăng âm tin này lên và nêu ra mối liên hệ giữa cuộc họp của COCOM dự kiến vào ngày 27 và 28 tháng giêng năm 1988 với tin phát hiện ra vụ buôn lậu quan trọng đó vào ngày 25 cùng tháng, tức là ngày trước cuộc họp của COCOM về việc xuất khẩu sang các nước phương Đông...

Những kế hoạch lợi dụng báo chí của DST chẳng phải lúc nào cũng thành công. Ví dụ như vụ Andrây Pappê, nhà ngoại giao kiêm tình báo của Liên Xô đóng tại Paris, bị DST gọi hỏi năm 1983 tại Nanterre khi anh ta đưa tiền cho một nhà công nghiệp Pháp đánh đổi lấy một mẫu vật điện tử (xem chương 5). Bị bắt ngay, nhà ngoại giao bị dẫn về trụ sở phản gián. Trái với lệ thường, DST lần này đưa Pappê về trụ sở Cảnh sát Nanterre. Có phải vì DST biết rằng họ buộc phải thả Pappê ngay tối hôm đó do Pappê có danh nghĩa là nhà ngoại giao chăng? Chưa chắc... Thực ra thủ đoạn của DST là đưa nhà ngoại giao này vào trụ sở cảnh sát là nơi nhiều người biết sau khi đã dùng xe có còi hú âm đường phố như vụ bắt giữ "toán gián điệp" trong vụ Ariane ở Rouen vậy. Vị quan chức này nói với chúng tôi với vẻ mặt ngạc nhiên và buồn rầu về việc báo chí không được thông báo gì: "Chúng tôi rất mong báo chí tóm ngay vụ này. Chúng tôi dự kiến cảnh sát sẽ thông báo cho giới báo chí biết. Có được như vậy thì trong các tuần lễ sau chúng tôi mới chứng minh được rằng việc trục xuất không phải là quyết định vô căn cứ..."

Những ví dụ này minh họa hoàn toàn tầm quan trọng của thông tin đại chúng mà các cơ quan tình báo

và phản gián- đặc biệt là DST- nhằm vào. Chúng cũng chứng minh rằng báo chí đăng lên những tin mà cảnh sát hoặc tình báo thấy có lợi cho họ. Vậy là chúng ta rơi vào tròng của các thủ đoạn đầu độc, phản thông tin, nói ngắn gọn là thủ đoạn nói dối...

Phản thông tin tìm cách đánh lừa, thao túng một dân tộc, hoặc một bộ phận dư luận, một tổ chức hoặc một chính phủ để vô hiệu hóa chúng... Có người khẳng định rằng chỉ Liên Xô mới dùng thủ đoạn đó, còn phương tây nhất là nước Pháp không có phản thông tin. Một bản nghiên cứu mà tướng Alain de Molles tán thành đã làm dịu bớt ảnh hưởng của phản thông tin như sau: "Liên Xô đã dùng phản thông tin một cách thành công trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Angiêri hoặc ở Nam Phi. Ngược lại Liên Xô đã thất bại với chủ nghĩa hòa bình và cuộc chiến tranh của họ ở Ápganixtan. Kỹ thuật phản thông tin của Xô viết là giỏi, nhưng sở dĩ họ thất bại vì quan điểm xuất phát của nó là sai lầm. Chúng ta cũng thất bại như vậy trong nước chúng ta ở Angiêri". Vị cựu thủ trưởng de Marolle của cơ quan SDECE nói thêm: "Với tướng Đơ Gôn, chiến tranh tâm lí đã biến mất khi ông quyết định giải thể phòng 5, trong khi đang có chiến tranh ở Angiêri. Thời đó, tất cả những chương nói về chiến lược tuyên truyền đều bị xóa bỏ khỏi các giáo trình dạy điệp viên". Vị cựu cục trưởng cục Hành động này còn khẳng định rằng vẫn tồn tại thủ đoạn đầu độc và phản thông tin, nhưng có tính nhất thời và thường không đạt được

mục đích. Chính vì thế một số thủ trưởng và cộng tác viên của các cơ quan bí mật phát biểu quan điểm của họ một cách cổ điển hơn bằng cách phát biểu trên những tạp chí chuyên ngành, như tạp chí Quốc phòng. Ví như Raymond Nart, cục phó DST, dùng bút danh là Henry Régnard trong những bài viết ở tạp chí đó. Hoặc như Philippe Rondot, chuyên gia giỏi về đạo Hồi và về thế giới Hồi giáo, được DGSE và sau này là DST coi trọng về trí thức và quan hệ về mặt chống khủng bố. Mặc dù những tạp chí này có tính cởi mở nhưng số lượng người đọc ít, không thể có nhiều ảnh hưởng như các phương tiện thông tin đại chúng Pháp khác.

"Nhà báo" của DGSE

Để tránh sai lầm hoặc tránh bị lừa, nhà báo thường thận trọng bằng nhiều cách mà chủ yếu là có nhiều nguồn, nói cách khác là phải đối chiếu. Những sai lầm hoặc lừa lọc không chỉ xuất phát từ cảnh sát, vì những nhà chính trị, những thành viên các bộ, ngay cả các bộ trưởng thường là những kẻ đầu tiên "tung" ra những tin tức hoặc tiết lộ cho "bạn bè" trong giới báo chí. Một quan chức cao cấp đảng xã hội kể cho chúng tôi rằng "Tôi có lần đã thấy trên báo Le Monde một báo cáo mà hôm trước đích thân tôi trình lên Gaston Defferre!"

Đã đành rằng việc rò rỉ không bao giờ là vô tội hoặc cho không: nó nhằm giải quyết một việc ít hoặc nhiều cao thượng, với một số nhà chính trị tinh tế, đó là cách thăm dò đối phương hoặc công luận. Với người khác, đó là một thứ "vò chuối" ném xuống chân kẻ thù hoặc "người bạn". Với những người khác nữa, đó là cách tự đề cao: lòng tham và tính thích khoe khoang đôi khi cũng cần báo chí thông cảm mà im lặng, trong số này có người có thể trở thành chi điểm cho họ. Một nhà báo của tờ tuần báo hài hước Con Vịt bị trối nói rằng: "Nhiều nhân vật sẵn sàng hỏi mọi chuyện có thể để tránh bị tờ Con Vịt làm cho khó chịu!"

Có những vị phản ứng cách khác như vị quan chức cao cấp này cho rằng tất cả những vụ án không nhất thiết vụ nào cũng bí mật. Ông cho rằng sự trong suốt có những tính tốt, ông hiểu những nhà báo làm việc với ông, biết rằng nếu nhà báo tôn trọng tính kín đáo của cuộc nói chuyện và ông sẽ hoàn toàn trung thực nhưng cũng đón trước: "Ông bộ trưởng X nói chung rất kính sợ khi thấy nhắc cái người ta gọi là "người thân cận" hoặc "người cộng sự". Ai hiểu được thì ắm vào thân..."

Cuối cùng ta giải thích rằng các chuyên gia "có đi có lại", những thông tin viên thực tế cho rằng một nhà báo "quán xuyến" những điểm nóng trên quả đất, như Trung Đông chẳng hạn, bao giờ cũng nắm được những thông tin có ích cho chính phủ hoặc cho cơ quan tình báo...

Như nhà báo hoạt động lâu năm trong nước Maroc công nhận rằng anh đã "trao đổi nhiều nguồn tin: vào năm 1979 với trưởng lưới SDECE ở nước này, là người vô cùng quan tâm đến tình hình quân đội Maroc trong cuộc chiến tranh ở Tây Xahara. Nhà báo này sau khi theo dõi mặt trận trong hai tháng, đã kể lại cho viên sĩ quan Pháp nguyên nhân gì khiến cho quân đội Maroc thua hết trận này đến trận khác. Ông kể rằng ông đã chụp ảnh nhiều xe tăng, thép dã rì hoặc đã trông thấy nhiều xe Toyota trên có súng phóng tên lửa BM 16, kiêu hãnh chung nguồn gốc "Benghezi" của mình bằng chữ Ả-rập và chữ tây. Nhà báo này nói tiếp: "Đó là những thông tin thuần túy nghiệp vụ báo chí", ông cho rằng nhà báo cần phải giữ gìn chó đi quá đà mà làm mất uy tín.

Cũng có nhà báo nhất là số đặc phái viên ở châu Phi lại có cách hành nghề đáng ngờ. Như nhà báo nọ sang Sét để viết cho một đài trong vùng đã nhận ký một bài phỏng vấn Hissène Habré, lúc đó theo Habré nói đang sống ở khu du kích, nhưng thực tế bài phỏng vấn này do một sĩ quan DGSE tiến hành: Hơn nữa, viên sĩ quan với bí danh là Coulas- thực ra là đại tá Philippe S. đã ghi âm bài phỏng vấn đó trong một ngôi nhà dù tiện nghi tại thủ đô Dacar của nước Xê-nê-gan...!

Cũng nhà báo đó sau này đã đích thân phỏng vấn vị Tổng thống tương lai của Sét tại thủ đô Kháctum của nước Xudăng chứ không phải ở chiến khu như ông đã viết trước đây...

Lịch sử nho nhỏ của báo chí không thiếu gì những giai thoại như thế. Cảnh bài trí thường là một nước xa xôi hoặc đang có chiến tranh khó mà thăm tra được. Vì thế viên giám đốc thông tin của đài TF1 sau khi phát hình một phóng sự độc quyền cũng về chiến tranh ở Sát, quay ở biên giới Xudăng, vài tháng sau mới được biết rằng cuốn phóng sự đó thực ra đã quay ở một khu vực yên tĩnh ở giữa nước Sát với sự đồng lõa của một đơn vị đóng ở đó thậm chí họ bắn vài phát súng cho ra vẻ chiến tranh thật sự...

Các nhà báo đối với nhau cũng chẳng dịu dàng đâu. Họ bị trói chặt vào quy luật cạnh tranh đôi khi tàn nhẫn nhất là không được để đối thủ vượt mình - họ dễ sa vào bệnh dèm pha có hệ thống và bất công, và ít khi tha thứ sai lầm hoặc chỗ yếu của đồng nghiệp. Nhà báo truyền hình Hervé Brusini không giấu sự chua chát của anh khi bị các đồng nghiệp chê bai gay gắt.

"Tin riêng đặc biệt" hay là bị giết giây?

Brusuni đã chuẩn bị kỹ "cú" của mình. Giám đốc thông tin của đài Antenne 2 đã cho lệnh: nhà báo có thể đi một mình với chiếc camera Bêtacam sang một hòn đảo ở Ấn Độ dương, đảo Réunion, nhưng không để một ai biết, kể cả phòng công vụ là nơi phát tiền đi lại. Tuyệt đối bí mật và nhất là không được để lại dấu vết... Một

chuyến đi xa chỉ để phòng vấn "khô" như tiếng nhà nghề gọi, nhưng Brusini không thể làm gì khác; anh đã hứa chỉ quay một cái bóng thôi! Hai vạn cây số để ghi trong vài phút một lời tuyên bố không hình ảnh hoàn cảnh cũng như tranh ảnh minh họa. Không cần! Anh nắm "tin riêng đặc biệt", độc quyền của anh. Con người mà anh quay phim sắp bóng ở cách xa chính quốc hàng vạn kilômet không phải ai khác là một cựu điệp viên của DGSE có mặt tại Auckland, ngày 10-07-1985, trong khi xảy ra vụ đánh đắm chiếc tàu Chiến sĩ Cầu vồng (1)! vị giám đốc thông tin của Antenne 2, Elie Vannier, đã cho rằng người đối thoại này đáng cho phóng viên của mình đi xa để gặp...

Quay về Paris, hai người quyết định cho phát phim tài liệu, sau khi đã mau chóng lắp ráp, trên nhiều tờ báo vào hôm thứ năm 10-09-1987. Các nhà báo đã thành công. Kênh 2 như vậy đã có quảng cáo chắc chắn. Họ không nhầm, nhưng không phải theo hướng họ tin cậy.

Phóng sự này thực tế gây ra hiệu quả như một trái bom, vì những lời nói của con người giấu mặt và vì giọng nói tuy đã sửa di nhưng người ta vẫn nhận ra đó là thượng sĩ Gérald Andriès, một trong ba đội viên của chiếc thuyền

(1) Auckland là thành phố cảng của Niu Dilân, nơi xuất phát của toán biệt kích DGSE đến đánh đắm chiếc tàu Chiến sĩ Cầu Vồng, của tổ chức Hòa bình Xanh (LND)

buồm Ouvéa, anh này đã khẳng định với Burusini rằng "cục Hành động của DGSE đã bị chấn thương tâm thần bởi vụ Hòa bình Xanh. Những nhân viên quèn thì bị trừng phạt, còn những người chỉ huy thực sự thì chẳng bao giờ phải trình bày. Họ đánh chúng tôi, thật là vô trách nhiệm".

Vài giờ sau khi bài phỏng vấn được phát di, Bộ Quốc phòng mở cuộc điều tra, còn trong hàng ngũ đảng viên xã hội thì tiếng la ó phản đối nổi lên. Nhiều vị bộ trưởng tố cáo đây là một âm mưu của bọn đầu cơ chính trị. Charles Hernu và Paul Quilès cho là vi phạm "bí mật quốc phòng". Roland Dumas, cựu ngoại trưởng, thì cho đó là một trò giật giây của Jacques Chirac.

Nhà báo Antenne 2 không ngờ đến những hậu quả như vậy. Mấy tháng sau, anh cho rằng mình thiếu chặt chẽ khi xử lý việc này, theo anh nên đưa nó vào một mục tiêu chung hơn như khi chuyển căn cứ huấn luyện biệt kích biển từ Aspretto lên căn cứ đảo Dài chẳng hạn! Tôi cho rằng đây là lỗi không chặt chẽ về nghiệp vụ báo chí đã bị giải thích và khai thác thành một thủ đoạn chính trị, nhất là Chirac đã từng lớn tiếng đe phe xã hội là sẽ có ý kiến về vụ Hòa bình Xanh, ý là để trả lại đòn bị phe xã hội công kích ông trong vụ Iran và vụ bắt cóc các con tin. Họ gắn tôi thành kẻ tiếp tay cho chính phủ! Hoàn toàn ghê tởm!" Brusini bị xúc phạm sâu sắc vì đã bị cáo giác chỉ vì tính trung thực nghề nghiệp mà thôi. Anh cũng ngạc nhiên khi thấy những lời công kích cay độc nhất lại là của những đồng nghiệp không sao gặp được những điệp

viên của DGSE tham dự vụ Chiến sĩ Cầu Vòng mặc dù họ cũng nhờ đầu mối trung gian như anh là Patrick du Morne Vert, tác giả cuốn sách bán rất chạy nói về vụ Hòa bình Xanh.

Brusini khẳng định với chúng tôi rằng anh ta bớt mất nhiều ảo vọng về tình nghĩa phường hội: "Tôi có nhược điểm là đã tưởng rằng chúng ta không còn sống trong xã hội của Bandắc là xã hội khi thấy một nhà báo ngã thì người ta nói: 'Hắn ngã rồi, hắn sẽ không làm sao đứng dậy nổi nữa!'... Người ta kể lại với tôi rằng có du luận sau vụ đó, tôi đã chết!"

Phản ứng của Bộ Quốc phòng cũng chẳng hay ho gì khi biết Brusini đã gặp nhiều bạn hữu là quân nhân của thượng sĩ Andriès. Ông nói: "Tôi biết rằng nhiều người chỉ huy của DGSE đã đến doanh trại để gặp những quân nhân đó; họ đã bị thẩm vấn lâu và được thông báo rằng tôi không phải là một người đầy tớ trung thành của tổ quốc, rằng tôi theo đuổi những ý đồ đen tối và bị một cơ quan nào đó giết đây!"

Đảo chính giả tại Sát

Gilbert Picard còn bị nghi ngờ nặng hơn ngay khi xảy ra vụ Hòa bình Xanh. Là tác giả của bảy chục tác phẩm, trong đó có một số tiểu thuyết tình báo, nhà báo này khẳng định trên làn sóng của đài France-Inter vào

c cuối hè năm 1985 rằng ông đã đọc một công lệnh của các sĩ quan Pháp được phái sang Niu Dilân chỉ có một nhiệm vụ là quan sát, do đó phải tìm xem đằng sau vụ Chiến sĩ Cầu Vòng có bàn tay của cơ quan tình báo Anh nham hiểm hay không?!

Tin này gây ra bối rối trong dư luận và vài tờ nhật báo đã bác lại với những phát hiện đáng tin hơn. Ba năm sau, Picard thừa nhận: thông tin của anh "không đúng hoàn toàn bởi vì sau đó phát hiện ra không có bàn tay người Anh dàn dựng vụ đó; nguồn tin tôi đưa ra là do một đại tá Bộ Quốc phòng cung cấp, mà quan hệ giữa hai người chẳng có gì là thẩm thiết".

Được tổng biên tập đài che chở, Picard tự nhận đáng ra phải thận trọng hơn: "Lặng lẽ nhận xét một con người thì dễ. Còn nhà báo truyền thanh chủ yếu làm tại trận, trực tiếp... Tôi nói, cái gì tôi biết khi được thấy. Bị giết giây à? Lịch sử sẽ trả lời..."

Những đảng viên Đảng Xã hội khi lên nắm chính quyền vào năm 1981, đã bị báo chí nói chung và đặc biệt báo chí đối lập công kích. Đối với họ, số kẻ thù dày dạn kinh nghiệm về các thủ đoạn hèn mạt không do dự gì mà không thò ra hết vụ này đến vụ kia- Hòa bình Xanh, Carrefour v.v...- với mục đích làm mất ổn định.

Để minh họa cuộc tấn công đó, theo họ: ngày 28-10-1981, các kênh truyền hình bắt buộc phải mở mục "20 giờ" bằng thông tin vừa mới in trên téléch. Mục này quan trọng và nói một lần nữa đến châu Phi và cụ thể

hon là Sát, một trong những đầu cầu của Pháp trên lục địa này. Đài thông báo với một giọng bí hiểm cần thiết về một âm mưu đảo chính ở thủ đô Sát, do tên phiến loạn Acyl Ahmat có thể đã dẫn đầu một đoàn xe tăng Libi; tổng thống Goudouni Oueddei có lẽ đã biến mất; đài cho biết nguồn tin: hãng AFP, đó là hãng thông tấn duy nhất đưa ra tin đó.

Phản ứng của các nhà báo tất nhiên là thận trọng với một nguồn tin chưa được đối chiếu; họ cũng biết khả năng vận hành của AFP hầu như hoàn hảo. Thế mà vài giờ sau các nhà báo kinh ngạc khi được biết rằng chẳng có đảo chính, thậm chí âm mưu cũng không có.

Trong khi đó, phủ tổng thống cũng như phủ thủ tướng Pháp sôi động lên, họ yêu cầu DGSE báo cáo tình hình. Pierre Marion vừa mới nắm DGSE nên không thể báo cáo gì, vì một trong những điệp viên của ông ở Sát đang nghỉ hè còn điệp viên thứ nhì không có mặt tại thủ đô Ndjeména!

Sau khi cải chính, tin vụ đảo chính giả ở Sát đã gây ra những phản ứng mà trước hết là phái xã hội lên án mạnh mẽ. Trong một bữa ăn sáng với các nhà báo, quốc vụ khanh Jean Pierre Cot đã nổi cơn giận và vạch tên phóng viên AFP đã ngồi ở Paris mà đưa cái tin vệt đó. Trong báo giới Paris ai cũng biết phóng viên đó "trung thực ngả theo phái hữu" có người biết anh từ lâu là sĩ quan của trung đoàn REP số 1 là đơn vị đã bị giải thể sau vụ đảo chính ở Angiê năm 1961 sau đó làm trưởng

phòng nhân sự hãng Citroën... Một số người cho đó rõ là vụ giật giây. Cần phải thấy có bàn tay tội lỗi của vài tên mật thám cũ và của một nhóm sĩ quan bí mật đặc biệt chống lại đảng Xã hội. Người ta nói rằng một số quân nhân trong DGSE và TVPQP công khai ủng hộ Hissène Habré là người của Giscard d'Estaing. Người ta cũng nhắc đến tên của Michel L., vừa là nhà báo, doanh nhân và người đối thoại ưu đãi của những kỳ mục châu Phi, nhân vật đáng ngờ đã nhiều lần bị cáo giác trong những tác phẩm của Pierre Péan, Roger Falligot và Pascal Krop.

Với những người khác, thì cần uốn nắn lại, trước hết cần nhận thức rằng hoạt động của AFP cần phải thận trọng hơn, một bản tin phải có nhiều người tham gia, đọc, sửa bởi các trưởng cơ quan và những người phụ trách khác của "tòa soạn". Tin quan trọng như tin về Sát phải được xử lý theo trình tự như thế.

Cũng cần nói thêm rằng hoàn cảnh chính trị nước Sát lúc đó và nhất là những lời dă kích mãnh liệt của Libi làm cho tin báo dễ được người ta tin. Hai thầy thuốc vừa mới từ Sát trở về cũng chứng nhận là "người ta" thông báo sắp có đoàn thiết giáp Libi đột nhập vào Sát...

Thực tâm của họ và của các phóng viên AFP đã bị đánh lừa chăng? Theo Christian Millet, chuyên gia châu Phi và cựu phóng viên AFP tại Sát, thì có thể bị đánh lừa: "Nhiều lần tôi nhận được một tin đã được tra bởi nhiều nguồn và có vẻ đúng vì có đến mười mười lăm nhân chứng không quen biết nhau xác nhận. Thế mà tin

báo lại sai! Đi sâu vào tôi mới hay rằng tất cả những con người đó đều xuất phát từ Maroua hoặc từ Douala... trên cùng một chuyến bay!"

Dù những lỗi lầm hoặc nhược điểm của các nhà báo như thế nào, chính quyền của phái tả hoặc của phái hữu đều khó tiếp thu phê bình. Mọi chính phủ đều muốn giải thích thất bại này hay thất bại kia của chính sách đều do thông tin sai hoặc do sự dèm pha ác ý. Họ phần nộ cực điểm khi thấy họ bị phá hoại từ bên trong chính quyền. Thế là bắt đầu cuộc săn đuổi nạn rò rỉ...

Đấu tranh chống "rò rỉ"

"Jacques Genthial, kẻ thù số một của chánh sở cảnh sát, có đủ tội để đáng bêu trước công chúng. Cựu đội trưởng Đội chống tội phạm, bị dả kích, là một côm đúng đắn. Lịch sự nhưng không ba hoa, ân cần nhưng không hay chiều ý, viên cảnh này được các nhà báo kính trọng".

Đó là lời khen của báo Libération để chào việc chuyển chuyển - trừng phạt vào tháng ba năm 1984 đối với ông đội trưởng chống tội phạm hình như bị phạt về tội không kín miệng. Chính phủ chưa bao giờ giải thích việc kỷ luật viên cảnh sát cao cấp "được đồng nghiệp yêu mến và được cả các quan tòa đánh giá cao - một điều hiếm có - và được các vị này làm đơn bênh vực, một hành

động đầu tiên để cho chính phủ biết rằng quyết định về Genthial" ít nhất cũng là không chín chắn".

Nguồn gốc của sự "không chín chắn" này là viên giám đốc mới của cảnh sát, Guy Fougier, do bộ trưởng Nội vụ Gaston Defferre bổ nhiệm. Chẳng chờ dư luận êm êm đi, tân giám đốc gây tiếp tranh cãi bằng lệnh đẩy các nhà báo ra khỏi trụ sở cảnh sát Paris sau khi thông báo cho họ rằng ông đóng cửa Phòng báo chí của Cảnh sát tư pháp! Lý do: có nhiều nguồn rò rỉ liên tiếp về "những vụ án quan trọng" Không nói chi tiết gì thêm. Thực ra ông ta nhằm vào hai bản cáo mật do cựu giám đốc Cousseran và do chính Guy Fougier viết mà hai tờ báo Minute và Le Point đã đăng lên.

Các công đoàn nhà báo kiên quyết phản đối lệnh đóng cửa Phòng báo chí của cảnh sát hình sự. Công đoàn CFDT phản đối "các biện pháp có hại cho quyền tự do báo chí và chỉ nuôi dưỡng những thói xấu về nghề nghiệp". Công đoàn Lực lượng Thợ thuyền vạch rằng "phòng báo chí đó là nguồn của hàng trăm thông tin cho mục việc vặt", mục này đã trở thành truyền thống lâu đời của báo chí, nó là linh hồn của tự do báo chí vì nó phản ánh tình hình xã hội của chúng ta. Đóng cửa phòng báo chí cảnh sát tư pháp chính là ám sát quyền tự do thông tin".

Chính phủ cánh tả chưa quen với phản ứng của dư luận về những chủ trương thô bạo như thế cho nên lúng túng. Thủ tướng Paul Mauroy giải thích trên đài Châu Âu 1 rằng "không nên lẫn lộn giữa thông tin và làm lộ tin

tức một cách cố ý". Ông giải thích cho Jean -Pierre Elkabach: "Một khi tài liệu của Nhà nước đăng trên báo một cách có hệ thống, tôi cho rằng đó là nhà báo hành nghề và tôi không phê phán họ, nhưng tôi phê phán các viên chức đã cung cấp những tài liệu đó cho báo chí. Viên chức phụ thuộc vào quyền lực của chính phủ và vào những người đang giữ những vị trí phụ trách".

Thủ tướng chẳng thuyết phục. Sự phẫn nộ tràn lan. Phần lớn những nhà bình luận như Eluy trên tờ L'Est-Éclair, cho rằng "tổ chức ra kiểu dưới thông tin (sous information) hoặc phản - thông tin, chính quyền tỏ ra vừa thiếu dũng khí vừa bất lực". Ngay trong phe tả cũng phản đối. Claude Estier, giám đốc tuần báo của Đảng Xã hội, tờ Thống nhất, cũng viết rằng việc đóng cửa Phòng báo chí cảnh sát như thế là "một sai lầm nghiêm trọng".

Sai lầm hay không, chính phủ quyết tâm trừng trị nghiêm khắc những tác giả thật hoặc giả định gây rò rỉ. Sau Genthial đến lượt giám đốc cảnh sát đô thị Haut-de-Seine Robert Schwab, bị cho về hưu vì tội thông báo cho báo chí một bản báo cáo mật về tình hình thiếu biên chế của cảnh sát Paris. Vài tháng sau, một trong những "tin riêng đặc biệt" của chúng tôi về việc bán tàu tuần tiểu Achantina cho Libi là Bernard Aufan, trưởng phòng DST tại Nice, cũng bị cách chức! Những phóng sự của chúng tôi dựa trên loạt tài liệu "kín -quốc phòng" và được đăng trước vụ Aufan, đã khiến cho hàng tá đối tượng bị bộ trưởng Nội vụ Pierre Joxe gọi lên để xát xà phòng rất kĩ.

**Mặt trận giải phóng dân tộc Corse
(MTDTGPC) khuyên "loại trừ người Pháp
về thể xác"**

Vị quan chức cao cấp chuyên gia về an ninh khẳng định với chúng tôi rằng tương đối dễ tìm ra nguồn gốc của việc rò rỉ: "Bản thân tôi không bao giờ tôi tố cáo những người làm... rò rỉ tin. Về mặt đạo đức, tôi không thể làm việc đó. Và sau đó vì tôi cho rằng phần lớn lại là rò rỉ tốt!..." Vị đó xác nhận rằng phần lớn những tin gọi là "kín" đều xuất phát từ các bộ, và chính quyền thừa sức để bịt thông tin. Trước khả năng nhanh nhẹn của thông tin đại chúng, chỉ cần có kinh nghiệm và kỹ thuật thành thạo là bịt được thôi:

"Một nhà báo trung bình gọi điện cho anh hoặc để xin tin hoặc để thẩm tra tin. Anh ta thường vờ nói sai để anh phun ra cái thật. Với một tin quan trọng, không bao giờ anh ta hỏi một nơi. Ví dụ một nhà báo gọi tôi về một sự kiện nào đó, tôi đoán ngay ra anh này sẽ gọi hỏi cơ quan nào nữa, thậm chí tôi đoán ra ngay người mà anh sẽ hỏi... Tôi liền liên hệ ngay với các vị đó ở các cơ quan để trao đổi thống nhất cách trả lời cho nhà báo đi dò tôi..."

Trò mèo vờn chuột như thế chung quy lại cũng là phương pháp chính đáng mà thắng lợi. Không gì có thể so sánh được với một sự cố ý đánh lừa nhà báo, tức là đánh lừa dư luận. Vụ Stella là đặc biệt có ý nghĩa.

Hôm đó là ngày mừng 1 tháng mười năm 1987, Yves Stella, 45 tuổi, giám đốc tạp chí U Ribombu, không ngạc nhiên khi bị hiến binh gọi hỏi tại nhà riêng ở Bastia. Là người đảo Corse có tu tưởng dân tộc, bao giờ cũng từ chối lên án Mặt trận giải phóng dân tộc Corse, dù ông không tán thành một vài điểm về hành động của họ. Khi khám trụ sở tòa báo này hiến binh đã phát hiện ra một tài liệu về mặt trận đó đánh máy và chữ giống như chữ của chiếc máy của tạp chí U Ribombu. Đối với hiến binh, vụ này là việc đã quyết định rồi.

Stella bị đưa về Paris. Thẩm phán Legrand căn cứ vào luật 30-09- 1986 để buộc Stella vào tội "tụ tập những kẻ gian liên lạc với một tổ chức tư nhân hoặc tập thể có mục đích gây rối trật tự công cộng" và "nhằm lập lại một tổ chức đã bị giải tán". Thứ hai 5-10, báo của Antenne 2 đưa ra tài liệu kinh khủng của MTDGTPC tịch thu ở nhà Stella trong đó có vấn đề chiến lược quân sự mới của Mặt trận đó. Camera và bình luận của Brusini có trích nhiều đoạn của tài liệu này. Tờ "Nước Pháp buổi chiều" trích đoạn ghê gớm nhất của tài liệu: " Chúng ta cần bước lên giai đoạn cao của cuộc chiến đấu và phải tiêu diệt về thể xác trên quy mô lớn những người Pháp đang sống ở Corse!..." Tin này làm xôn xao dư luận trên hòn đảo và báo chí địa phương muốn có giải thích. Được sự đồng ý của thẩm phán Legrand, cuộc họp báo được tổ chức tại đội điều tra của hiến binh thuộc căn cứ Aspretto vào sáng hôm sau... Quan ba Brown bước vào căn phòng có hơn một chục nhà báo của Paris và mào đầu rằng đây chỉ là cuộc họp báo nửa chính thức. Khi trả lời các câu hỏi của

nhà báo, quan ba khẳng định tính chuẩn xác của tài liệu dày 25 trang này. Ông nhấn mạnh đến những đoạn mạnh nhất nhưng không chịu cho nhà báo bản sao và thậm chí cũng không đọc cả tài liệu cho họ nghe...

Dư luận xôn xao sau lời kêu gọi giết chóc của những người Corse theo chủ nghĩa dân tộc mà báo chí hầu như đều lên án. Tờ Le Monde ngày 7-10-1987, đưa trên trang nhất dưới đầu đề "chiến lược của MTDTGPC cũ. Một tài liệu của tổ chức cũ này khuyên nên loại trừ về thể xác trên quy mô lớn những người Pháp cư trú tại Corse". Một số nhà báo như Daniel Groussard biết rất rõ bối cảnh đảo Corse. Họ đều băn khoăn vì thái độ đắc thắng vô duyên của hiến binh, và nhất là bởi văn bản quá khích của MTDTGPC. Qua nguồn riêng, phóng viên báo Giải phóng đã lấy được bản sao tài liệu nói trên sau cuộc họp báo vài tiếng. Anh hiểu ngay nguồn gốc thái độ kỳ lạ của quan ba Brown. Đoạn "gay cấn" nhất đưa ra cho camera quay và đọc cho các nhà báo nghe bởi đại úy Brown, sau khi đặt lại trong văn bản, buộc người đọc phải hiểu hoàn toàn khác với giải thích của hiến binh!...

Đoạn này đã được báo Giải phóng phát hành hôm 7-10-1987 đăng lại khởi đầu bằng câu hỏi như sau: "Liệu chúng ta có nên ngăn chặn chính sách định dân theo lối thực dân bằng phương pháp mưu sát hay không? Nếu câu trả lời là nên thì chúng ta phải bước lên một giai đoạn cao hơn và phải tiến hành trừ khử về thể xác trên quy mô lớn những người Pháp cư trú trên đảo Corse. Làm như thế có tác dụng nêu gương. Những đối tượng khởi đầu sẽ đông. Nhưng liệu chúng ta có ý định nghiêm chỉnh

theo chủ trương như thế hay không? Chúng tôi nghĩ rằng chúng ta không chủ trương như vậy. Ngược lại, nếu câu trả lời là không, thì chúng ta phải nhận thấy giải pháp của vấn đề này nằm trong khung cảnh thương lượng toàn diện với Nhà nước Pháp và như vậy chúng ta phải tập trung sức lực vào giải pháp này để buộc Nhà nước Pháp phải thương lượng".

Đoạn văn gay gắt nhất chính vì nó đã bị ngắt ra khỏi văn cảnh, khiến cho nó trở thành một ý nghĩa hoàn toàn trái với nguyên nghĩa của nó. Daniel Groussard phê phán tính nghiêm túc của những nhà điều tra, thậm chí cả của những nhà báo. Xin nói thêm rằng trong những tháng sau, kết quả giám định cũng không chấp nhận lời tố cáo rằng máy chữ của tạp chí U Rihombu đã được dùng để đánh tài liệu nói trên, hoặc lời tố cáo rằng tài liệu này là của MTDTGPC cũ. Rồi đến ngày 22-07-1988, phòng dự thẩm tòa thượng thẩm Paris cũng tha Yves Stella: đúng ngày hôm đó, tân bộ trưởng Nội vụ Pierre Joxe đến Corse "nhằm nối lại quan hệ sau khi các phần tử độc lập ngừng bắn kể từ 1 tháng 6".

Xin nói ngoài lề điển hình về phản thông tin: các cơ quan tình báo và cảnh sát biết lợi dụng tính nhanh nhẹn hoặc tính hấp dẫn tự nhiên của nhà báo. Theo vị quan chức cao cấp này thì "Việc sơ xuất thường chỉ xảy ra trong mười phút và thật là khó mà sửa nổi một thông tin sai lầm. "Đó cũng là quan điểm của viên cảnh Genthial, người nhiều lần tố cáo những lời khẳng định vô cớ và những sai lầm của nhà báo vì thiếu trong trắng. Ví dụ như trường hợp Frédéric Oriach, người bị kết án tù 5 năm

vì "tụ hợp với kẻ gian", người đã khẳng định trên báo Giải phóng ngày 27-03-1987 rằng mình không tham gia tổ chức Hành động Trục tiếp. Chính báo chí đã tạo ra mớ lộn xộn, viết lung tung.

Những nhà báo "chống lại nước Pháp"

Viên sĩ quan tình báo này đã phê phán chính phủ thường dùng các cơ quan tình báo như là dùng các nhà báo: "Chúng ta không thể chống lại báo chí, trước hết vì đâu cũng có nhà báo, sau là nhà báo tự mình chịu trách nhiệm về điều mình viết. Cách nhìn hai giới này sai lệch nên nhiều khi nhà báo phải chịu những sức ép như ví dụ về đảo Corse.

Khi Hội đồng Bộ trưởng ra lệnh giải tán MTGPDT Corse ngày 5-1-1983 và quyết định bổ nhiệm viên cảnh sát nổi tiếng Robert Broussard làm ủy viên nước cộng hòa phụ trách cảnh sát đảo Corse, thì trạm FR3 của địa phương đã có một tuổi. Nhân viên của trạm dưới quyền của Saniero Sanguinetti muốn kết thúc chế độ "đài truyền hình của tình trường" nơi các nhà báo bị coi như những người phát ngôn của các kì hào. Ý đồ của nó là đặt ra nền thông tin đa nguyên bằng cách sử dụng truyền hình như phương tiện giao lưu của quần chúng và mất tính thiêng liêng. Sự thách thức này phát sinh trong một xã hội bộ tộc trong đó những đòi hỏi về dân tộc là một thực tế mà các nhà báo không thể làm ngơ được. Những nhân vật chính trị địa phương, nhanh chóng bị các lãnh tụ dân tộc trong

mọi khuynh hướng hỗn hợp, đều cho rằng sự có mặt của loại phương tiện thông tin đại chúng sẽ giúp nhiều cho bọn khủng bố của MTGPĐTC. "Không có diễn đàn của phương tiện thông tin đại chúng, sẽ không có nạn khủng bố", đó là một lập luận phổ biến. Các nhà báo FR 3 đáp lại rằng bạo lực chính trị không bao giờ cần đến phương tiện đại chúng để bày tỏ ý kiến. Samiero Sanguinetti nói với chúng tôi: "Các cuộc mưu sát đã bắt đầu gần 13 năm trước khi mở ra tờ báo truyền hình và không bao giờ ngừng phát triển trong khi đó thông tin lại bị kiểm soát nghiêm ngặt nhất".

Những toán của Broussard và Bộ Nội vụ suy nghĩ trái lại. Họ đòi các nhà báo làm việc tại Corse không được nói đến MTGPĐTC nữa, vì mặt trận đó đã bị giải tán rồi! Các người chuyên nghiệp đi quá đà. Sự quy tội bắt đầu ngày 12-09 -1983, giám đốc Đài phát thanh Corse là Frequenza Môra bị quy vào tội "phổ biến những tin tức giả". Tám tháng sau anh được miễn tố, nhưng anh bị ép về chính trị và cảnh sát nên phải rời khỏi đảo. Trước hôm anh ra đi, chi nhánh AFP tại đảo bị đóng cửa. Trưởng chi nhánh này bị công kích mạnh vì đã dựa vào một cuộc họp báo bí mật của MTGPĐTC cũ sau đó anh đã viết bài. Trước khi rời đảo, Jean Virebeyre tuyên bố: "Trong lĩnh vực thông tin, đảo Corse có thể so sánh với một nước châu Phi!"

Va chạm tiếp tục giữa cơ quan tu pháp và đài FR3 vì đài này không chịu phát hình kêu gọi nhân chúng bằng một băng từ ghi tiếng nói của những người bị tình nghi đã ám sát một anh thợ cạo ở Ajaccio vào tháng hai năm

1983. Tiếp theo là vụ tịch thu bởi êkip Broussand các hình ảnh đám ma của Stéfanu Cardi tại làng Secriera, trước khi hình ảnh này được chiếu. Nhiều nhà báo đã thốt lên: "Thật là một hành vi chưa từng có kể từ cuộc chiến tranh Angiêri đến nay".

Sức ép của cảnh sát và sự hùng hổ của các nhà chính trị không dùng lại đó. Sự cảnh tả gần cho tội thanh trừng bữa bãi, sau khi cánh hữu lên nắm quyền vào năm 1986. Qua phát ngôn của Bộ trưởng Giao thông và Văn hóa Léotard với một tuần đăng báo họ đã xóa dịu trí thức, nhưng loại trừ nhân viên các đài phát thanh nước Pháp hải ngoại, nước Pháp Quốc tế hoặc FR3 Corse, vì các nhà báo ở Tân Caledoni, ở Antilles và ở Corse đã chống lại nước Pháp bằng sự thông đồng với nước ngoài. Đối với vị bộ trưởng có bà mẹ người Corse, Libi là một nước ngoài. Đối với thủ trưởng thông tin địa phương, sự lên án đó là nghiêm trọng và hoang tưởng. Vài tháng sau, công lí đã bênh vực các nhà báo vì họ đã kiện Leotar. Lòng ngờ vực đó cộng với sự phẫn nộ của bộ trưởng Nội vụ Defferre hoặc Pasqua là những vị không cho phép tự do ngôn luận và sự từ chối cộng tác của các nhà báo trong việc chống khủng bố đã thuyết phục được Sampiero Sanguinetti, tay nhà nghề trong sạch sau bị chuyển về Marseille và một nhà báo của đài Radio-France hải ngoại đến thay, nhưng vài tháng sau nhà báo này sang bộ Quốc phòng phụ trách quan hệ với báo chí.

Thượng nghị sĩ Paul Masson, sau khi nhận xét chủ trương đóng cửa Phòng báo chí Sở Cảnh sát Paris là "Thô bạo và giản đơn" đã viết trong bản báo cáo mà chúng tôi

đã trích nói rằng "bọn khủng bố tìm cách quảng cáo nhưng sợ thông tin". Nghĩa là các nhà báo phải tự mình được thông tin một cách nghiêm chỉnh và nhất quán sự tồn tại, hoạt động và thành phần của các toán hoặc cá nhân bọn khủng bố. Cần nhắc rằng: nạn khủng bố dựa vào những biểu tượng và sự dốt nát của nhà báo có thể dẫn đến việc tăng thêm nạn khủng bố khi phao lên tính thần bí của bọn giết dây". Ủy ban Masson tiếc rằng không có cơ quan phụ trách việc thông tin cho báo chí một cách chính xác và thường xuyên, theo cách của Scotland Yard hoặc BKA của Đức, và "ngại rằng sự im lặng của những nhà chức trách khiến cho các phương tiện thông tin đại chúng phải gánh trách nhiệm của sự bất lực về thông tin".

Thiếu thông tin sinh ra phản thông tin

Lí lẽ của sự giật giây hoặc của việc phản thông tin được các nhà chính trị hoặc các thủ trưởng cơ quan tình báo dùng đến khi họ phải đương đầu với tình huống gây khó khăn cho hành động, dự định hoặc tư tưởng của họ. Chẳng phải đã nhiều lần người ta nói rằng quân đội Hoa Kỳ thua ở Việt Nam vì nguyên nhân do các nhà báo và cụ thể hơn là do các phóng sự truyền hình gây nên? Từ đó họ nêu ra trong những chiến tranh sau này như cuộc xâm lược của Mỹ ở Grénada cần phong toả hoàn toàn về thông tin. Nhưng nền dân chủ khác cũng chẳng kém: Anh đưa hạm đội đến chiếm lại quần đảo Manvinát, quân đội Ixraen lập lại trật tự trong những vùng Palextin, việc kiểm

duyet và sự im lặng hình như là quy tắc ngày càng áp đặt lên phương tiện thông tin đại chúng.

Cựu tổng cục trưởng SDECE A.de Marenches cho rằng các cơ quan bí mật phải giữ bí mật. Ông nêu ra ví dụ Vụ Oatoghê Hoa Kỳ, nào là bắt kiểm tra, báo chí rò rỉ đi rò rỉ lại, thế là CIA không còn làm được việc nữa:" Hoa Kỳ, hay nói đúng hơn, chính quyền Carter đã phá hoại CIA. Hoa Kỳ chỉ trong có mấy năm thôi đã phá CIA đến mức KGB không thể làm nổi dù có trong mơ cũng chẳng đến mức như thế". Đó là bài nghiên cứu không được mọi người đồng tình, ví dụ như nhà kinh tế học Jacques Sapir; ông này viết: "Nguyên cơ lớn nhất là đặt thông tin dưới sự kiểm soát với danh nghĩa là chống phản thông tin. Nên nhắc lại hàng trăm lần rằng: thiếu thông tin dè ra phản thông tin; bí mật coi như là cha của phản thông tin. Không cái gì làm lợi cho Liên Xô bằng việc áp dụng những chủ trương cưỡng bức đang thống trị về lĩnh vực này ở Liên Xô. "Chuyên gia về Liên Xô đó cho rằng thông tin là phương pháp duy nhất giúp ta chống lại được những sự giật giây: "Lưu thông thông tin và để tự do bàn luận thông tin là hai thứ thuốc giải độc duy nhất nên dùng, nhưng chớ coi đó là thứ thuốc bách bệnh". Chúng tôi hi vọng rằng những giai thoại và nghiên cứu do chúng tôi nêu trong cuốn sách này có thể đóng góp vào nền y học đó...

TƯƠNG LAI CỦA CÁC CƠ QUAN BÍ MẬT THẾ NÀO?

Sự bất đồng về Ănggôla

Gần như là một thói quen: khi các tổng cục trưởng DGSE mấy năm gần đây mỗi lần vào vùng du kích gặp Jonas Savimbi, thủ lĩnh UNITA ở Ănggôla, bao giờ họ cũng hỏi Tổng thống Mitterrand xem có gửi thư cho Savimbi để họ chuyển tay hay không. Sự sốt ruột khi họ đưa ra thỉnh cầu đó có lẽ làm cho họ nhớ đời. Nhưng không! Sự vật này, ý muốn tăng cường quan hệ giữa Pháp và Unita là một hằng lượng của DGSE vì gương mặt của viên lãnh tụ châu Phi này quyến rũ nó. Chính sách này không phải xuất phát từ khi Mitterrand lên làm Tổng thống. Trong cuốn hồi ký của mình, de Marenches đã

nhều lần nói đến vai trò của Savimbi như là "một con người phi thường, có phép màu, vô cùng dũng cảm" con người chủ yếu của châu Phi, đồng thời ông kể lại việc ông đã thu xếp như thế nào để đến thăm ông ta ở khu du kích vào cuối thập kỷ 70 mà không báo cáo với tổng thống Giscard d'Estaing.

Ông còn phản đối rất mạnh việc chính phủ Pháp bỏ viện trợ quân sự nửa chính thức cho Savimbi thông qua SDECE: "Bác sĩ Savimbi đã nhiều lần viết thư bằng tiếng Pháp rất hay để báo cho tôi biết rằng không có viện trợ của chúng ta cho phong trào kháng chiến lớn chống cộng sản, Unita sẽ bị tiêu diệt. Vì lí do chính trị, tổng thống Giscard đã chọn cách khác cách chúng tôi đã đề xuất về Savimbi. Họ chẳng muốn làm mất lòng Liên Xô hơn nữa. Trên cấp cao nhất đã gợi ý tôi ngừng viện trợ cho Savimbi". Theo tạp chí Raids lấy tin ở nhiều nhân viên cũ của SDECE thì viện trợ này khá lớn. Trong một bài viết về viện trợ của cơ quan tình báo Pháp cho Unita, tạp chí hàng tháng này của "những con người của địa bàn" dựa vào nguồn tin là tờ báo Soldiers of Fortune của lính đánh thuê Hoa Kỳ, viết rằng các chuyên viên của cục Hành động DGSE ở căn cứ Cercottes (Loiret) đã huấn luyện tại Pháp nhiều nhân viên của Unita và số này đã dùng bom đựng trong một chiếc hòm làm nổ tung ở Luanda giết chết nhiều nhà lãnh đạo quân sự của Angola và Cuba khi đang họp. Để thấy rõ tầm quan trọng mà de Marenches coi trọng Unita, chúng ta nhớ lại vào tháng 11

năm 1981, sau khi ông này thôi chức tổng cục trưởng SDECE, ông ta đã sang Hòa Kỳ để gặp Ronald Reagan vừa mới trúng cử nhưng chưa nhận chức Tổng thống Hoa Kỳ. Họ nói gì? Giữa vị bá tước và ông ta chắc chắn nói về Savimbi...De Marenches đã giải thích cho Reagan về tính quyến rũ của nhân vật da đen này bằng công thức: "Để biết được thế nào là địa ngục, ta phải gặp người đã từng biết địa ngục".

Sau cuộc tuyển cử Quốc hội năm 1986 và Jacques Chirac lên làm Thủ tướng, chính phủ này đã vùi lại người đã từng thao túng châu Phi là Jacques Foccart, đồng thời cũng tỏ tình cảm hữu nghị đối với Savimbi. Paris đã đón Savimbi sang thăm ngày 22-10-1986 sau đó đưa ông ta đến thăm Quốc hội châu Âu ở Strasbourg. Liệu ông này có thương lượng xin viện trợ lại của Pháp không? Hình như DGSE đã tiếp tục từ đó sự ủng hộ cho Unita, không cần xin Tổng thống cho phép... Trong số tháng hai năm 1988, một tạp chí quốc phòng rất nghiêm túc xuất bản ở Genève đã đăng một bức ảnh "rõ ràng chụp ở Ănggôla" như lời thuyết minh chỉ rõ, đưa bức ảnh một người lính châu Phi đặt trên vai khẩu súng phóng tên lửa Apilas là loại vũ khí tối tân của hãng Matra-Manhurin sản xuất. Đó có phải là dấu hiệu của sự dính líu bí mật của Pháp trong cuộc chiến tranh cùng trong hàng ngũ với Nam Phi và Hoa Kỳ, là hai nước công khai cung cấp nhiều cố vấn, kỹ thuật viên và tên lửa phòng không cho Savimbi, người được coi là bức thành duy nhất của phương Tây chống lại bước tiến của Liên Xô và Cuba trên khu vực này của quả đất?

Tổng thống trên tiền tuyến

Con người rất quyền lực như Tổng thống nước Pháp cũng có thể bị các cơ quan bí mật và thù trường các cơ quan đó lái theo quan điểm của họ. Đúng, về nguyên tắc chính Tổng thống là người có quyền quyết định, nhưng phạm vi hoạt động của ông thường bị hạn chế: chính sách việc đã rồi không thiếu kẻ trong chính quyền lạm dụng, và các cơ quan bí mật là kẻ biết lợi dụng chính sách đó... Chính vì thế cho nên Tổng thống rất quan tâm lựa chọn thù trường các cơ quan bí mật là người về tiêu chuẩn lí tưởng phải tỏ ra có những đức tính về con người và về chính trị ít người có: vị này vừa phải trung thành với chính quyền và trong suốt trong hành động, đồng thời phải có tài năng thực sự đầy sáng kiến nhưng không bao giờ quên lợi ích quốc gia.

Việc lựa chọn và bổ nhiệm những thù trường lớn của cảnh sát như cục trưởng DST hoặc RG- sau đó còn phải qua sự kiểm soát kỹ lưỡng của lãnh đạo cảnh sát và của Bộ trưởng Nội Vụ- cũng không xếp ngang tiêu chuẩn của tổng cục trưởng DGSE. Với thù trường cảnh sát, các quan chức hành chính của Bộ Nội vụ cùng với văn phòng của bộ trưởng chọn trong số ứng viên con người nào có tiêu chuẩn phù hợp với mục tiêu của chính phủ trong lúc đó, rồi tiếp tục hàng ngày theo dõi hoạt động của con người đó. Phù tổng thống chỉ can thiệp khi có vấn đề nào thật quan trọng mà thôi. Đối với DGSE hoàn toàn khác

hắn. Từ năm 1965 SDECE bị tách ra khỏi phủ thủ tướng và đưa về cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo, sau khi xảy ra vụ bắt cóc lãnh tụ phe đối lập của Maroc và ông Ben Barka ngay giữa Paris. Chủ trương đó chỉ có tính chất hành chính và về ngân sách mà không có ý nghĩa về chính trị. Từ trên hai chục năm qua, rõ ràng Tổng thống chỉ đạo thủ trưởng DGSE bằng các mệnh lệnh chính trị liên quan đến các hướng hoạt động của cơ quan tình báo và những kế hoạch hoạt động của nó. Làm sao ta tưởng tượng nổi rằng de Marenches lại đi thỉnh thị bộ trưởng quốc phòng? Chắc chắn không có chuyện đó... Ông de Marenches chỉ báo cáo với Tổng thống Pomoidou hoặc Giscard d'Estaing...

Chọn thủ trưởng

Chuyện gì kì lạ bằng việc chọn một thủ trưởng? Vào tháng 6 năm 1987, khi cần chọn người kế vị tổng thư kí Bộ Quốc phòng Jacques de Barry đến tuổi về hưu, nước Pháp có vị tổng thống thuộc phe tả và chính phủ thuộc phe hữu... Chirac là vị thủ tướng đầu tiên rất quan tâm đến việc trên, nên đã cử giám sát viên để tổ chức lại TVPQP. Ông có tham vọng cử một người thân tín của ông nắm cơ quan quan trọng này, cụ thể ông chọn Jean Picq, thành viên tổ chính trị trong văn phòng thủ tướng kiêm cố vấn quốc phòng và giải trừ quân bị. Các quân nhân trong TVPQP kiên quyết chống dân sự cầm đầu TVPQP nên đã trình lên phủ tổng thống.

Người ta nói rằng Tổng thống đắn đo về việc bác lời đề cử Jean Picq; hình như sự năn nỉ của Thủ tướng xin Tổng thống chấp nhận đề nghị bổ nhiệm, việc này làm cho Tổng thống bồn chồn lo lắng, và việc Thủ tướng trình bày cho Tổng thống thấy tình hình tổ chức lại sẽ tăng cường cho TVPQP một hiệu năng chưa từng có. Đưa một tay chân lạnh lợi của Chirac mới có 42 tuổi vào vị trí đó trong khi chỉ còn non một năm nữa sẽ bầu lại Tổng thống? Không thể được... Tổng thống thận trọng nên cử tham mưu trưởng phủ tổng thống là tướng Gilbert Forray, một người biết vâng lời và giữ mồm giữ miệng, làm thủ trưởng TVPQP. Cuối năm đó, vị tướng này được cất nhắc lên vị trí mà ông hằng mong ước: tư lệnh lục quân. Chọn ai thay Forray? 585 viên chức của TVPQP phải đợi đến ngày 8-5-1988 mới có người thủ trưởng. Tổng thống đã quyết định chọn một quan chức dân sự, nhưng còn lưỡng lự một thời gian. Viên cố vấn ngoại giao của Tổng thống là Védrine Hubert được thăm dò để sang nắm TVPQP kiêm giữ chức cũ là cố vấn Tổng thống. Rồi giải pháp này không thành vì hoàn cảnh. Cuối cùng người được chọn là giám đốc cảnh sát thủ đô Guy Fougier, người được Tổng thống tin cậy. Ở phủ tổng thống, người ta cho như vậy là "bình thường vì chính Tổng thống mới là người chỉ huy"....

• Đi tìm thủ trưởng cho TVPQP đáng kính và buồn ngủ mà phức tạp và mất thời giờ như thế, vậy tìm chọn thủ trưởng cho cơ quan DGSE để bị kích động thì như thế nào? Ai nấy đều có quan điểm của mình về chuyện này và đều cho rằng mình thông hiểu ý đồ của Tổng thống. Pierre Mation khẳng định rằng khi Tổng thống

Mitterrand định chọn ông phụ trách SDECE, ông đã trình bày với Tổng thống về sự dẫn do của ông về thân phận dân sự của mình, thì Mitterrand trả lời rằng: "Chọn dân sự tốt hơn, không bao giờ tôi bổ nhiệm quân nhân phụ trách SDECE bởi vì quân nhân có hai lòng trung thành: một là phải trung thành với nước, hai là phải trung với quân đội". Một quân nhân từng phụ trách một cơ quan bí mật lại có ý kiến khác: "Để có thể phụ trách những vị trí cao trong Nhà nước, trước hết phải nghiêm khắc và lương thiện, chính vì lí do đó mà Mitterrand muốn chọn quân nhân nắm DGSE. Ông tin quân nhân hơn dân sự. Bốn chục năm làm nghị sĩ, ông đã hiểu ra rằng cần phải dè chừng những viên tỉnh trưởng, quan tòa và những cảnh sát".

Pierre Marion có phần đúng hơn... Vì tuy những người kế vị ông đều là quân nhân, nhưng đó là vì tình thế bắt Tổng thống Mitterrand phải chọn như vậy: chọn đô đốc Pierre Lacoste vào tháng 11 năm 1982 khi Tổng thống cần ổn định DGSE; chọn tướng René Imbot vì tình thế đòi hỏi phải ghìm cương và quát mạnh vào DGSE sau vụ tai tiếng Hòa bình Xanh; chọn tướng François Mermet ba chục tháng sau khi Tổng thống thấy cần phải thúc cổ máy này tăng tốc lên. Việc bổ nhiệm Mermet vào ngày 2-12-1987 xảy ra sau biết bao nhiêu bàn cãi mặc cả giữa phủ Tổng thống với phủ thủ tướng. Michel Rochel Roussin, cố vấn an ninh của Thủ tướng Chirac, và chánh văn phòng phủ thủ tướng Maurice Ulrich, với hai cố vấn ở phủ tổng thống là Gilles Ménage và Jean- Louis Bianco

đều nhất trí chọn một quan chức dân sự để thay tướng Imbot. Nhưng chọn ai?

Dưa ra nhiều nhân vật: cố vấn đặc biệt về ngoại giao cựu đại sứ Fernand Wibaux ở phủ thủ tướng, tỉnh trưởng Hubert Blanc- cựu cao ủy ở TânCalêdôni đương kim chánh văn phòng Bộ Quốc phòng, và cuối cùng là ứng viên nhiều triển vọng nhất: Michel Dupuch, cựu chánh văn phòng Bộ Quốc phòng kiêm đại sứ Pháp ở Bồ biển Ngà từ năm 1979. Việc này không thành vì Tổng thống Bồ biển Ngà Houphouet-Boigny phản đối không muốn mất cầu nối giữa Pháp với ông, cái cầu nối rất hiệu nghiệm từ bao nhiêu năm trời. Trong suốt thời gian đó, cánh quân sự tranh đấu xin một viên tướng khác sang phụ trách DGSE.

Cánh quân nhân đã thắng lợi sau biết bao nhiêu trận đấu bằng quyền và lực đánh bại cả ý kiến của các cố vấn ở phủ thủ tướng cũng như cố vấn ở phủ tổng thống có sự ủng hộ của một số chuyên gia tình báo đã từng lui tới văn phòng các bộ trưởng quốc phòng Hernu và Quilès. Đối với những nhà tư tưởng kiêm thực hành này, chính quyền chính trị đã phạm sai lầm to lớn khi lại trao DGSE cho một quân nhân lãnh đạo sau vụ Hòa bình Xanh. Theo họ vụ tai tiếng đó là lỗi của phái quân nhân đã biến DGSE thành một thứ chủ nghĩa gia đình, không thể chấp nhận dân sự lãnh đạo cơ quan vì họ cho làm như thế là âm mưu làm mất ổn định và xâm hại đến danh dự của quân đội. Một đảng viên xã hội rất thạo các vấn đề này đã phát biểu "ngay những quân nhân nhận thức DGSE có nhiều khó khăn nhưng cũng không thể chấp

nhận một người dân sự đến lãnh đạo cơ quan tình báo này. Nói gì không vừa ý họ là họ cà khịa hăng hơn cả những anh thợ luyện kim ở Longwy. Nhưng họ lại có nhiều phương tiện và quyền hành, họ chẳng ngần ngại gì mà không dám ép công luận và báo chí: vì báo chí mê những chuyện bí mật này".

Đến tháng 11 năm 1987, Mitterrand quyết định giải pháp êm dịu; cuối cùng tướng François Mermet được cả phủ tổng thống lẫn phủ thủ tướng chọn (ở phủ tổng thống viên tướng này có một đồng nghiệp thân thiết là tướng không quân Jean Fleury, tham mưu trưởng riêng của tổng thống). Tướng Mermet vốn là phi công lái máy bay khu trục, chuyên gia về vũ khí hạt nhân, có kinh nghiệm quản lý vì đã từng làm giám đốc Cục các trung tâm thử hạt nhân (DIRCEN). Từ khi chỉ huy DGSE, ông đã tăng cường được hiệu lực của cơ quan tình báo và đã làm cho cơ quan có khí lực và thanh thản hơn, đó là những điều DGSE cần hơn bao giờ hết. Vài tuần sau khi Mitterrand được bầu lại làm tổng thống (5-1988) có tin đồn ông có thể bị bãi chức. Nhưng rồi những tin đồn đó đều không thấy trở thành hiện thực, viên tổng cục trưởng cơ quan tình báo vẫn chăm lo làm sao nâng được uy tín cơ quan này lên...

Sự hình thành khó khăn của việc phối hợp

Giới lãnh đạo nước Pháp đã suy nghĩ nhiều về các vấn đề kiểm soát các cơ quan bí mật bằng quyền lực hành

pháp, quản lý trước mắt cũng như lâu dài hoạt động và phối hợp công tác của chúng. Nhưng chưa bao giờ họ đạt được giải pháp lâu dài và bền vững. Trong thập kỉ 60, đã lập Ủy ban thường trực Phản gián và Ủy ban thường trực Tình báo (vai trò của UBTT tình báo làm nhiệm vụ chính là chuẩn bị "chương trình tình báo của chính phủ" coi như thống kê các nhu cầu của quốc gia về mặt thu thập thông tin), sang thập kỉ 80 chuyển sang hình thức nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn vô tích sự. Pháp lệnh năm 1959 về tổ chức quốc phòng tổng quát có chủ trương thành lập Hội đồng Tình báo Liên bộ (1). Than ôi! Tuy ra đời, Hội đồng này chỉ họp có ba lần tính từ 1959 đến năm 1979, và từ đó trở đi không bao giờ họp lại nữa.

Đến cuối năm 1976, Daniel Doustin, chánh văn phòng của thủ tướng Raymond Barre, lập ra một cấp để giải quyết các vụ tình báo. Với kinh nghiệm làm cục trưởng DST từ 1961 đến 1964, Doustin thấy rất rõ sự cần thiết phải phối hợp các cơ quan bí mật. Cái Hội đồng tình báo Liên bộ cũ được hồi sinh một cách không chính thức này mỗi tháng họp một lần ở phủ thủ tướng gồm có thủ trưởng các cơ quan bí mật và đại diện các bộ trưởng; đích thân Daniel Doustin, chánh văn phòng phủ thủ tướng, tướng Roger Renther (TVPQP), Marcel Chalet (DST), de Marenches (SDECE), Michel Dupuch (chánh văn phòng

(1) Điều 13 Pháp lệnh số 59-147 ngày 7-1-1959 quy định: "Hội đồng Tình báo Liên bộ trực thuộc Thủ tướng có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp các cơ quan tập trung tài liệu và tình báo".

Bộ Quốc phòng) hoặc cấp phó của ông này là Jacques Boyon, tướng Vanbremeersch, tham mưu trưởng đặc biệt của tổng thống, Jean Orosco, tham mưu trưởng đặc biệt phủ thủ tướng, và viên cầm Philippe Massoni, quan chức văn phòng. Thường thường có chánh văn phòng Bộ Ngoại Giao và Bộ Nội Vụ cũng đến dự. Trong bữa cơm trưa ở nhà ăn của phủ thủ tướng, các nhà sản xuất và tiêu thụ tình báo này trực tiếp gặp nhau, có thêm chánh văn phòng phủ tổng thống là Jean- François-Poncet cùng dự.

Đến khi phe tả nắm chính quyền, hình thức phối hợp này cũng giải tán luôn; theo tin đồn thì nguyên nhân là giữa phủ tổng thống và phủ thủ tướng không nhất trí chọn được người đứng đầu hình thức tổ chức đó. Chính bộ trưởng Nội Vụ Gaston Defferre lên nắm cờ, và chánh văn phòng Grimaud của bộ chủ trì các phiên họp vào 6 giờ chiều các ngày thứ tư, thành phần gồm thủ trưởng các cơ quan cảnh sát, DGSE, Bảo vệ an ninh quốc phòng và Hiến binh, thêm chánh văn phòng của phủ thủ tướng, bộ Tư pháp và Ngoại giao. Như ta đã biết (xem chương 11 về tranh giành giữa các cơ quan bí mật) những cuộc gặp gỡ trên đây chẳng có chất lượng gì, nguyên nhân là giữa các cơ quan bí mật của Bộ Nội Vụ với các cơ quan bí mật của Bộ Quốc phòng chẳng hứng thú gì về việc trao đổi tin tức cho nhau.

Ý đồ tập trung mọi cố gắng vào đơn vị hiến binh phủ tổng thống bị thất bại âm ỉ năm 1982, và ý đồ của quốc vụ khanh Joseph Franceschi tập trung vào Phòng liên lạc chống khủng bố (BLAT) cũng chẳng thành công hơn. Sự phối hợp thành công đầu tiên là việc Pierre Joxe,

bộ trưởng Nội Vụ trong chính phủ Fabius, bắt đầu ngày 19-07-1984. Pierre Joxe lập ra một tổ chức mới, Đơn vị phối hợp đấu tranh chống khủng bố (UCLAT) mà thủ trưởng đầu tiên là tổng thanh tra François Le Mouel, tiếp theo là viên cầm Jacques Fanquet. Tổ chức của các nhà kỹ thuật này gồm các quan chức nhiều cơ quan dưới quyền chỉ huy của bộ trưởng Nội Vụ và tồn tại được đến tháng ba năm 1986. Song song với tổ chức trên, Ủy ban liên lạc liên bộ chống khủng bố tập hợp về trí tuệ và chỉ đạo chính trị các chánh văn phòng các bộ liên quan về an ninh, ngoài phủ tổng thống.

Sau khi lên làm thủ tướng năm 1986, Jacques Chirac tuy không chính thức giải tán Ủy ban liên bộ chống khủng bố, nhưng đã bỏ xó nó và lập ra Hội đồng an ninh đối nội (CSI), một cấp quyết định chuyên về chính trị. Phương tiện thông tin đại chúng được huy động mỗi khi xảy ra sự kiện có tầm cỡ quốc gia (muu hại, bắt cóc.v.v...) để bi kịch hóa sự kiện bằng cách chiếu trên truyền hình hình ảnh những thành viên của Hội đồng đến phủ thủ tướng. Có phải đó là dấu ấn thời đại không? Sau khi F. Mitterrand được bầu lại làm Tổng thống, và Michel Rocard lên làm Thủ tướng, Hội đồng An ninh Đối nội thịnh vượng vẫn hợp các thành phần chính thức gồm có Thủ tướng, các bộ trưởng Nội vụ, Tài chính, Ngoại giao, Quốc phòng, Tư pháp. Vậy trong lĩnh vực an ninh, tổ chức có tính toàn quốc vẫn hoạt động...

Việc kiểm soát Tổng cục an ninh đối ngoại DGSE

Tổ chức của các cơ quan tình báo tại Pháp trong tương lai sẽ ra sao? Liệu nó có thay đổi không? Nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống bắt đầu từ năm 1988 với một công cụ mới, Tổng Văn phòng Quốc phòng, vừa mới được tổ chức lại và cần chứng minh tính hiệu lực của nó. Vào mùa hè năm đó, hình như ít khả năng tổ chức lại DST và RG thuộc Bộ Nội vụ. Hiến binh và Cục bảo vệ An ninh quốc phòng cũng chưa có dự kiến thay đổi gì. Còn lại DGSE là cơ quan mà một vài cộng sự của tổng thống hình như cho rằng cần phải cải tổ sâu sắc chứ không chỉ tô điểm lại như mấy năm vừa qua.

Đây là một công cụ rất gần với Tổng thống là người ra lệnh trực tiếp cho tổng cục trưởng của nó, còn việc dùng nó đặc biệt là khó khăn và những sơ xuất của nó hay vang âm, hiệu năng của nó đôi khi rất quan trọng. Chỉ nêu một ví dụ như Tổng thống biết rõ một viên đại tá của DGSE- đội trưởng cảnh vệ Jean-Claude Mantion của Tổng thống- được tổng thống nước Trung Phi ủy quyền chỉ huy các cơ quan cảnh sát và an ninh của nước da đen này, trong tình hình thủ đô Bangui của Trung Phi luôn luôn có thể nổ ra biến động về xã hội. Trong những năm vừa qua, chính đại tá tình báo này đã dùng quyền lực và tài khéo léo của mình mà không để nổ ra những cuộc bạo loạn chống Pháp. Sự ổn định của Trung Phi,

căn cứ hậu phương của những hoạt động quân sự của Pháp ở Sét, là tuyệt đối cần thiết cho việc bảo vệ sự có mặt của Pháp ở khu vực này của châu Phi...

Còn lại một chuyện là cái cơ quan rất tập trung và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng thống có thể làm hại nguyên thủ quốc gia khi các vấn đề đặt ra quá thúc bách. Nhu vụ Hòa bình Xanh đã chứng minh cho Tổng thống thấy cuộc khủng hoảng đã ảnh hưởng ngay tức khắc đến đầu não quốc gia; về vật chất, một cơ cấu nhẹ như phủ tổng thống không thể kiểm soát chặt chẽ nổi hoạt động của DGSE, kể cả kiểm soát hàng ngày sự thực hiện những nhiệm vụ trước mắt.

Đầu năm 1986, nhà nghiên cứu khoa học chính trị Samy Cohen có nhận xét về sự vận hành của phủ tổng thống Pháp về chính sách đối ngoại và quốc phòng. Những nhận xét của ông cũng có giá trị đối với DGSE, ngã tư địa lý của lĩnh vực riêng của Tổng thống. "Phủ tổng thống bị ú việc nên Tổng thống và các cố vấn buộc phải sàng lọc để chỉ xem xét những việc được coi là ưu tiên, cấp bách và khó khăn. Còn lại, Tổng thống chỉ còn mỗi một cách là dựa vào ý kiến của một chuyên viên, một quan chức cao cấp mà quyết thôi. Tình huống này nguy hại về nhiều mặt. Tổng thống đóng dấu kí tên vào những bản quyết định mà ông không có thì giờ nghiên cứu..." Lĩnh vực giành riêng" trở thành một điều tưởng tượng và "chính sách của Tổng thống" một ảo tưởng. Về hình thức đúng là của Tổng thống, nhưng các quyết định đích thực lại là của các chuyên viên. Mặt yếu kém này lại được tăng thêm lên do thái độ ghê sợ của các nhà chính trị đối với những

vấn đề mà họ thấy là quá kĩ thuật, quá phức tạp, không có cái được thua về chính trị".

François Mitterrand rất ngạc nhiên sau khi bàn bạc với các thủ trưởng cơ quan tình báo - ông biết năm vị, trong đó bốn vị do ông bổ nhiệm - khi thấy các vị này hiểu biết không chắc về nội bộ cơ quan của mình phụ trách, năng lực về ngoại giao và sự tế nhị không đầy đủ để gây ra những chấn thương tâm lí nghiêm trọng. Hậu quả của tình trạng đó khá nặng nề: tính chất phong kiến bồi đắp dần với thời gian trở nên nặng nề, nhiều khu vực - như phản gián của DGSE - hầu như không ai kiểm tra, sự xa lánh xã hội dân sự tăng trưởng và rút cục chính quyền Pháp không có được một cơ quan đủ khả năng cho biết tình hình một cách hữu hiệu như điều mình mong muốn.

Những nhà am hiểu tình hình đã đưa ra những giải pháp tương tự các giải pháp mà Chirac đưa ra năm 1986 về TVPQP là đưa giám sát viên giúp Chính phủ nắm được tình hình nơi yếu kém, sau đó mới tiến hành cải tổ về tổ chức và nhất là đưa tổ chức đó gắn chặt vào xã hội Pháp ít nhất là các hoạt động của nó không trực tiếp gắn với những kế hoạch hành động. Trong phủ tổng thống có một số quan chức tin rằng phương thuốc duy nhất để giải quyết các khó khăn của DGSE là dùng xe ủi đất, một số khác lại nghĩ rằng nên cho cơ quan đó những lời khuyên về đánh giá của các giới bên ngoài cơ quan tình báo, kết hợp các nhân vật khoa học, hoặc thế giới đại học. Nghĩa là làm cuộc cách mạng! Nếu làm được như vậy và nếu tỉ lệ quân nhân trong DGSE giảm mạnh như một số người

mong muốn, phản ứng của DGSE chắc sẽ khá mạnh, vì hai chục năm qua nó đã sống dằng dụa thành dù tiện nghi của "bí mật quốc phòng" và đúng là không quen với chủ trương mở cửa! Liệu nó có chấp nhận việc không còn bị thoát khỏi sự kiểm tra và nhòm ngó của báo chí và công luận không?

Quay lại trực thuộc phủ thủ tướng chẳng?

Sau vụ Hòa bình Xanh, khi René Imbot vừa mới nhận chức ở DGSE, Laurent Fábius, F. Mitterrand và tân bộ trưởng Quốc phòng Paul Quilès đã định nhân cơ hội này đưa DGSE trở lại trực thuộc phủ thủ tướng như hai chục năm trước. Biện pháp đó sẽ làm cho Tổng thống khỏi phải trực tiếp lãnh đạo, nhưng sẽ xáo trộn toàn bộ cơ quan lúc đó chưa cần đến thế, cho nên ba vị nói trên không dám quyết định. Ba năm sau liệu đã chín hơn chưa? Chẳng có gì kém chắc chắn hơn.

Trong một hệ thống chính trị như hiện nay ở Pháp, chỉ một mình ngành hành pháp kiểm soát cơ quan tình báo, bởi vì nghị viện không có quyền và ngành tư pháp chỉ được có ý kiến vuốt đuôi thôi. Dây chuỗi chính phủ và nhà nước dẫn đến việc dùng loại cơ quan như thế là đặc biệt ngắn, và do đó sự chỉ đạo là mạo hiểm. Tổng thống đã lượng định hậu quả của tình huống đó sau vụ Hòa bình Xanh cũng như vụ Luchaire cho nên biết rõ vấn đề này. Ta có thể nghĩ rằng Tổng thống cho rằng những bất tiện đó có thể hoàn toàn khắc phục được nhờ

khả năng can thiệp kín đáo của bộ máy như vậy trên biên cảnh của thế giới, và vì lí do đó ông hết sức tránh bỏ nó.

Đối với các bộ trưởng phụ trách việc quản lí các cơ quan bí mật hàng ngày tình trạng này không đáng hài lòng với các vị đó: làm thế nào ra chỉ thị cho cấp dưới là người quan hệ trực tiếp với nguyên thủ quốc gia? Ông cựu bộ trưởng Quốc phòng này thừa nhận với chúng tôi rằng tình thế không dễ dàng gì đối với ông, cho nên ông chỉ còn cách kiểm soát DGSE từ xa và giải quyết ngân quỹ mà thôi. Còn về hoạt động của DGSE, ông ta thừa nhận "Tôi không ngó ngang tới vì đó là việc của tổng thống". Liệu có thể thay đổi nguyên tắc này được không?

Có nên lập Hội đồng An ninh Quốc gia không?

Phần lớn các thủ trưởng cơ quan tình báo cũng có ý kiến rằng tổ chức lí tưởng trong lĩnh vực của các vị đó là: lập một tổ chức giống như Hội đồng An ninh Quốc gia của Hoa Kỳ... Trên các nguyên tắc lớn, quan điểm đó như sau: một quan chức rất cao cấp giữ chức thư ký thường trực, một loại tham mưu liên quan tình báo, giống như Hội đồng An ninh đối nội bao gồm các nhà chính trị; hội đồng An ninh quốc gia có chức năng phối hợp các mục tiêu và hoạt động của tất cả các cơ quan tình báo Pháp, và sẽ phụ trách hàng ngày mối quan hệ với nhà cầm quyền giám hộ. Nhà cầm quyền này ngày nay đối với DGSE là Tổng thống hoặc Thủ tướng chính phủ.

Liệu có cần nói rõ rằng quan điểm này có được các cơ quan chấp nhận không ? Ví dụ như DGSE hoặc TVPQP đều cho rằng mình hoàn toàn có khả năng cung cấp bộ khung cho tổ chức đó. Còn ở DST người ta ngần ngại nhưng cho rằng có thể cùng lắm thì dành tham gia với hai điều kiện: không cùng hai cơ quan kể trên quyết định việc gì, và cũng càng không để lộ ra những kế hoạch đang tiến hành... Tóm lại không phải đơn giản đâu. Đại tá Philippe Rondot, chuyên gia lâu năm của DGSE, sau đó chuyển về DST, thuộc kĩ vấn đề Arập và trào lưu chính thống đạo Hồi, là nhà trí thức và thích ra trận, cho rằng việc lập kiểu Hội đồng An ninh như thế không đơn giản: "Việc này đòi hỏi phải thay đổi sâu sắc cơ cấu chung của ngành tình báo chứ không chỉ riêng một cơ quan thành viên. Hình như thời cơ đã đến để xem xét sâu sắc các nhu cầu của chúng ta về mặt này để tìm ra một công thức hành động chặt chẽ mà các cơ quan đều đang chờ đợi và chúc năng không gì khác là phục vụ lợi ích quốc gia".

Thật sự có cần lập ra một cơ quan mới để làm nặng nề thêm nữa bộ máy của chúng ta hay không? Trước khi có cái tổ to tát hơn, liệu sự cần thiết phải phối hợp giữa các cơ quan có cần phải thông qua việc xác định rõ ràng hơn chức năng của từng cơ quan không? Qua những cuộc trao đổi của chúng tôi với các người phụ trách các cơ quan bí mật dù là dương chức hay đã về nghỉ đều tỏ ra không hài lòng về mối quan hệ với quyền lực chính trị. Một vị đã từng lãnh đạo DST khẳng định: "Chưa bao giờ tôi thấy có một ông bộ trưởng Nội Vụ thoát ra khỏi

tình trạng hiểu biết chung chung về những công việc bí mật, và chẳng có Chính phủ nào có tầm nhìn rất xa. Các cấp đó chỉ yêu cầu báo cáo tình hình vừa xảy ra, chỉ làm việc tập trung vào hiện tại và chẳng quản lý gì về thời hạn dài cũng như vừa".

Còn ở DGSE tuy được đào tạo kỷ luật quân sự, nhân viên tình báo phần nào không được chỉ đạo cụ thể: "Cấp trên yêu cầu cơ quan chúng tôi làm công việc của hãng thông tấn AFP cực nhanh, người ta chẳng hiểu chính phủ đòi hỏi chúng tôi cái gì, vì chính phủ chẳng chỉ thị gì cho chúng tôi làm việc. Các nhà chính trị cũng không hiểu có thể ra lệnh gì cho chúng tôi, thật là một thiếu sót về trình độ, một vấn đề uy tín về tín nhiệm. Nước Pháp có một công cụ không dùng đến, nên chẳng ai hài lòng được. "Chính đó là căn cứ để người ta đòi phải lập Hội đồng An ninh Quốc gia: hai năm chung sống giữa Tổng thống theo đảng xã hội và chính phủ tư bản chủ nghĩa ở Pháp trùng vào thời kỳ chính phủ phải ra sức giải phóng các con tin ở Libăng khiến cho tình hình thật là nặng nề.

Tướng René Imbot chẳng thích thú gì khi ông được phái sang Xiri và các nước Trung Đông để thương lượng về con tin khi các phái viên của phủ thủ tướng hoặc của phủ Tổng thống Pháp vừa mới rời khỏi các nước này. DGSE cho rằng thành lập một cơ quan phối hợp là một yêu cầu cấp thiết để loại trừ một phần tình huống diễn đi diễn lại các cảnh nhục nhã như thế. Ban chỉ huy cơ quan tình báo vốn có trong tay một cục hành động đặc biệt khó quản lý thường cho rằng khi ra lệnh nên có thêm

tính tập thể - dù thêm chút ít thôi- cũng hay hơn. Công luận cũng như Đảng Xã hội- đặc biệt những người đang ở trong chính phủ- ngày nay cũng như trước kia có cảm tưởng rằng "mọi hành động đặc biệt do một nước dân chủ phương tây phát động đều là bất hợp pháp, phản hiến pháp, thất đức và bất lịch sự". Hội đồng An ninh quốc gia tất nhiên chưa giải quyết được tất cả những khó khăn vốn có trong việc sử dụng những cơ quan như thế. Tuy nhiên tình hình hiện nay phải thay đổi mau chóng nếu không thì những tai biến trước kia sẽ lại diễn ra chẳng chóng thì chày...

MỤC LỤC

Lời tựa của các tác giả	5
I. CÁC VỤ ÁN	13
1. Vụ "gián điệp" tên lửa Ariane	15
- Những nhân vật không đạo đức	17
- Chuyến đi thăm Liên Xô của thủ tướng Chirac bị đe dọa.	19
- Cái bẫy vây Verdier	23
- Sự hỗn trợ và phòng chừng	26
- Những vị thanh tra kì cục của DST	29
- Họ làm hầu như bất cứ điều gì	34
- Sự trùng hợp.	37
2. Tổng thống với các cơ quan bí mật Pháp	38
- Tổng thống Pháp bị "thông tin sai"	39
- Thông tin của nguyên thủ quốc gia	43
- Chết người với mưu tính trước	46
- Gợi ý không phải là giết chết	48
- Một danh ngôn: tính đa nghi	52
- Ở giữa lĩnh vực giành riêng	60

II. CÁC DIỄN VIÊN	67
3. Những đôi tai to của chính quyền: RG	70
- Nếp cũ của viên thanh tra RG	72
- Một thứ bậc "phụ thuộc vào đảng Tập hợp Dân chúng"	74
- RG: cảnh sát chính trị chăng?	76
- Sự nghèo khổ của những người hàng tỉnh	81
- Thu thập tình báo	82
- Thăm dò và giật dây	84
- Nghe trộm và điều tra	88
- Những điểm yếu của những bộ phiếu	91
- Cộng đồng Do Thái bị theo dõi	94
4. Quân nhân dân sự nhất: Hiến binh quốc gia	96
- Viên hiến binh siêu hạng tại phủ Tổng thống	97
- Sự ra đời của Tổ hiến binh phủ Tổng thống	103
- Barril bão táp	106
- Người Pháp sẽ học yêu mến và tôn trọng đại tá Prouteau"	110
- An ninh của Tổng thống	113
- 3.652 đội hiến binh	115
- Sự căm dỗ	119
	433

5. Những con chó giữ nhà: Cục Kiểm soát Lính thổ (DST)	123
- "Thông đồng với các nước xã hội chủ nghĩa"	124
- Nữ ca sĩ Bungari ở quán Schéhérazade	126
- Một vụ khám soát trái phép	128
- Những viên chức vượt trên mọi nghi vấn	130
- Một Nhà nước trong Nhà nước	133
- Những công việc chính trị hèn hạ	135
- Hồ sơ Farewell	138
- Một cơ quan dưới uy thế	141
6. Những viên giám thị khắc nghiệt của cái lều săn lớn: Cục Bảo vệ An ninh Quốc phòng (DPSD)	146
- Tấn công vào kẻ thù "bên trong"	148
- Khi Hernu "tĩa bớt" An ninh Quân sự	152
- Hàng triệu thẻ	158
- Cuộc chiến mờ ám	160
7. Những quan chức của bí mật quốc gia: Tổng Văn phòng Quốc phòng (SGDN)	163
- Một tiết lộ không phải lúc	165
- Tầm thường, có thể làm tốt hơn	168
- Một biên chế "quân sự quá đáng"	173
- Cuộc cải tổ năm 1987	175

- Việc kiểm soát các vật liệu quan trọng	177
- Người phá khóa mật mã	181
- Các thẻ con rệp, vũ khí chiến tranh!	183

B. ở trung tâm "bí mật quốc phòng" :

Tổng Cục An ninh Đối ngoại (DGSE) 187

- Xu đặng 1981, những cái chết bí mật	188
- Sát 1986, thắng lợi kín đáo	189
- Pierre Marion: từ SDECE đến DGSE	192
- Pierre Lacoste: quay trở về truyền thống	197
- Đòn chấn thương Hòa Bình Xanh	199
- René Imbot: cuộc thanh trừng lớn mùa thu	201
- Bọn Đò có mặt ở khắp mọi nơi	205
- Bâyrut rủi ro	211
- Chết tại Bâyrut	215

9. Lực lượng đặc biệt và Trung tâm khai thác tình báo quân sự: những công cụ bí mật của quốc phòng 218

- Cái vịnh của mọi nguy cơ	219
- Trung tâm Khai thác Tình báo Quân sự tuy rất nhỏ nhưng rất lí thú	220
- Lực lượng đặc biệt	227
- Khó dùng những toán xung kích	230
- Lực lượng đặc biệt: tương lai của chiến tranh chăng?	233

10. Từ mật thám đến phái viên mật: những tổ chức song hành	237
- Vị quân sư của ông tướng	238
- Từ các lưới của Foccart đến các lưới của Grossouver	241
- Các quan hệ của ông giám đốc M.	246
- Trung gian đáng ngờ	249
- Những phái viên nửa chính thức	251
- Người ta là dũng cảm, người ta là tên gốc.	253
III. NHỮNG ĐIỀU KHÓ CHỊU	257
11 - Sự tranh giành giữa các cơ quan tỉnh báo	259
- DST chống DGSE	260
- Những tên khủng bố gốc nghèo	262
- Việc giết giây tổ chức "Lời chúa Giêxu gọi"	264
- Tính bổ sung rõ ràng, sự kinh dịch lịch sử	266
- Vụ phá hoại ngầm ở vùng Basque	269
- Bày cơ quan cho cuộc đấu tranh chống khủng bố	271
- Sự hợp tác không thể có	273
- Cảnh sát và hiến binh, hay là ông nói gà bà nói vịt.	276

12 - Chính sách về bí mật	281
- Năm mươi tư điệp viên ít bí mật	281
- Vận rủi ro của CIA	286
- Những bí mật và các bức thành của chúng	288
- Cuộc chiến đấu của bí mật công nghệ	292
- Chuyển giao công nghệ và gián điệp	297
- Bí mật của những chiến dịch quân sự	301
13 - Những điệp viên bị chết	304
- Mô hình Anh	305
- Những điểm yếu trong việc tuyển dụng điệp viên của Pháp	308
- Những "cộng tác viên danh dự"	311
- Chính sách viễn thông nghèo nàn	315
- Tình báo, thế giới tàn nhẫn của Anh	317
14 - Nghe trộm điện thoại: cái tật không thể sửa được	321
- Những thợ điện ít kín đáo	322
- Phủ tổng thống nghe trộm theo hạn mức của DGSE	324
• - Ước nguyện thánh thiệu	326
- Bản báo cáo Schmelck: giấy chứng nhận tình trạng nơi ở đầu tiên	333
- Một cách làm được kiểm soát kĩ nhưng hoàn toàn không hợp pháp.	336
	437

- Những đề xuất không có hiệu quả	340
15 - Con rắn biển của sự kiểm soát nghị viên	344
- Hòa bình Xanh, hoặc sự minh họa bằng phản chứng	345
- Một sự kiểm soát chưa bao giờ tồn tại	347
- Tấm gương Hoa Kỳ	351
- Nhục thay những người cộng sản	353
- Kiểm soát gì?	356
16 - Khó mà kiểm soát về luật pháp các cơ quan bí mật	358
- Vụ bắt cóc Virgil Tanase kì lạ	358
- 99% cảnh sát lựa chọn nghề nghiệp của họ...	362
- "Bí mật quốc phòng" chống lại tư pháp	366
- Ben Barka, Curiel, Goldman: quan tòa thất bại	369
- Việc kiểm soát những hộp thẻ tin học	373
- Tù phiếu chống khủng bố: cái "phải, nhưng" của CNIL	376
- Khái niệm tội ác tiềm tàng	378
- Quyền lực và công lí	380
17 - Báo chí và các cơ quan bí mật: không thể công khai được	382
- Khi DST đánh lừa TF 1 và báo Le Monde	383

- Đầu độc và phản thông tin	387
- "Nhà báo" của DGSE	390
- "Tin riêng đặc biệt" hay là bị giật giây?	393
- Đào chính giả tại Sát	396
- Đấu tranh chống "rò rỉ"	400
- Mặt trận giải phóng dân tộc Corse khuyên "loại trừ người Pháp" về thể xác	403
- Những nhà báo "chống lại nước Pháp"	407
- Thiếu thông tin sinh ra phản thông tin	410
18 - Tương lai của các cơ quan bí mật thế nào?	412
- Sự bất đồng về Angola	412
- Tổng thống trên tiền tuyến	415
- Chọn thủ trưởng	416
- Sự hình thành khó khăn của việc phối hợp	420
- Việc kiểm soát Tổng Cục An ninh Đối ngoại DGSE	424
- Quay lại trực thuộc phủ Thủ tướng chẳng?	427
- Có nên lập Hội đồng An ninh Quốc gia, không?	428